THÍCH THANH TỪ

# KINH ĐẠI BÁT NHÃ

## Trích giảng



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Mục Lục:

ĐẠI CƯƠNG ..... 1
PHẨM DIỆU HẠNH ..... 33
PHẨM THANH TỊNH ..... 234
PHẨM HIỆN THẾ GIAN ..... 314
PHẨM KHÔNG TƯỚNG ..... 417
PHẨM KIÊN CỐ ..... 475

# ĐẠI CƯƠNG

Đại cương Bát-nhã chia làm 5 mục:

- Thời điểm xuất hiện
- Chỗ y cứ
- Bát-nhã là gì?
- Ứng dụng hay tu hành Bát-nhã
- Những thí dụ về Bát-nhã

## I- THỜI ĐIỂM XUẤT HIỆN

Trước khi giảng về kinh Bát-nhã, tôi nói sơ lược về vị trí của Bát-nhã trong hệ thống kinh điển Phật giáo.

Tất cả pháp Phật nói trong thời ngài còn tại thế, đều gom lại kết tập thành bốn bộ A-hàm.

Kinh Bát-nhã là một bộ kinh rất lớn gồm 600 quyển. Tại sao thời đó đã gom hết những bài pháp Phật nói, nhưng không

thấy kinh Bát-nhã? Như vậy Bát-nhã bị bỏ sót ở chỗ nào? Chúng ta cần hiểu rõ lẽ thật, khi hiểu rõ ưu điểm khuyết điểm của sự hình thành kinh điển, trong tâm sẽ hết nghi.

Về sự xuất hiện của kinh Bát-nhã, có hai điểm đáng lưu ý:

**1. Sự phân hóa tột độ của giáo đoàn**

Sau Phật Niết-bàn một trăm năm, tăng đoàn phân hóa từ từ rồi phân hóa đến tột độ. Ban đầu giáo đoàn chia ra làm hai là Thượng tọa bộ (phái bảo thủ) và Đại chúng bộ (phái cấp tiến). Dần dần trong hai phái đó chia ra làm 20 phái. Thượng tọa bộ chia 9 bộ phái, Đại chúng bộ chia thành 11 bộ phái, tổng cộng sau Phật Niết-bàn khoảng hai trăm năm, giáo đoàn chia ra đến 20 bộ phái. Cùng là đệ tử Phật mà chia chẻ nhiều như thế vì các bộ phái

bất đồng ý kiến về tinh thần giới luật hoặc giáo lý.

Do sự phân hóa đáo để này, những bậc A-la-hán, Bồ-tát thấy tình trạng suy thoái của Phật giáo bèn tìm cách củng cố lại. Các ngài y theo kinh điển Nguyên thủy buổi đầu do Phật nói để giải thích thành hệ thống Bát-nhã. Khi hệ thống Bát-nhã ra đời thì sự phân hóa ngang đó dừng. Tại sao? Bởi vì hàng đệ tử Phật theo kiến giải riêng, nên thành lập từng bộ phái. Khi hệ Bát-nhã ra đời phá hết những kiến chấp đó thì tự nhiên sự chia rẽ dần dần chấm dứt. Sau này, con đường truyền bá Phật pháp chỉ còn hai hệ: Nam truyền Phật giáo hay Phật giáo Nguyên thủy và Bắc truyền Phật giáo là Phật giáo Đại thừa hay Phật giáo Phát triển.

Tinh thần Bát-nhã đã giúp tăng đoàn phá những cái chấp riêng tư để thống

nhất một cách tự nhiên chứ không phải bắt buộc. Tinh thần đó phát xuất từ thời nào? Theo sự khảo sát, khi Phật giáo phân hóa tới mức trầm trọng là khoảng hai trăm năm sau Phật Niết-bàn, tức vào thời đại của vua A-dục (Ajoka). Do thấy sự phân hóa trong giáo đoàn, nhà vua cho tổ chức kết tập kinh điển lần thứ ba. Kế đó, sau vua A-dục khoảng ba trăm năm, đến thời vua Ca-nị-sắc-ca (Kanishka). Nhà vua này cũng thấy được cái hay, cái cao siêu của Phật giáo nên cho tổ chức kết tập kinh điển lần thứ tư. Mục đích những cuộc kết tập là để minh định lại giáo lý của đức Phật và để cho tất cả bộ phái gặp gỡ thông cảm nhau. Hệ thống Bát-nhã đã manh nha hình thành sau hai lần kết tập này, từ sau Phật Niết-bàn khoảng hai trăm năm đến năm trăm năm thì đầy đủ. Gần bảy trăm năm sau Phật diệt độ, ngài Long Thọ ra đời, biên soạn bộ Đại Trí Độ Luận

để giải thích phần Đại Phẩm Bát-nhã đã có sẵn. Như vậy, lý do Bát-nhã xuất hiện là từ sự phân hóa của giáo đoàn.

**2. Bát-nhã xuất hiện sớm nhất trong các kinh điển Đại thừa**

Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ (HT. Thích Thanh Kiểm) nói: "Trong các kinh Đại thừa, kinh Bát-nhã được hình thành sớm nhất." Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (HT. Thích Quảng Độ dịch) cũng nói về Bát-nhã: "Bát-nhã là bộ kinh tối cổ và căn bản nhất trong các kinh Đại thừa." Chính hệ Bát-nhã là nền tảng để gầy dựng nên các kinh điển Đại thừa, là gốc của Đại thừa. Muốn hiểu Phật giáo Đại thừa mà không hiểu về Bát-nhã thì thiếu căn bản vững vàng.

## II- CHỖ Y CỨ

Bát-nhã y cứ vào điểm then chốt nào trong giáo lý để nói lên sự đặc trưng mà nhất quán của lời Phật dạy? Phần này tôi chia làm hai mục.

### 1. Y cứ lý nhân duyên

Đức Phật sau khi thành đạo dạy các đệ tử về tứ đế, nhân quả, nghiệp báo, luân hồi... đến lý nhân duyên. Nhân quả, nghiệp báo... trong các kinh điển Vệ-đà thời trước đức Phật đã có nói, ngài không phải là người sáng lập mà chỉ bổ túc cho đầy đủ. Lý nhân duyên mới là chủ yếu do Phật giác ngộ và tuyên bố. Lý nhân duyên là căn bản của Phật giáo nên trong kinh Trung A-hàm có nói: *thấy nhân duyên là thấy pháp*, chỗ khác nói: *thấy nhân duyên là thấy đạo*. Như vậy lý nhân duyên là lý hệ trọng nhất, là sự sáng tạo của đức Phật,

chứ không phải y theo người xưa thay đổi thành của mình.

Lý nhân duyên có công hiệu gì để tiến thành hệ thống Bát-nhã? Lý nhân duyên là lẽ thật của các pháp. Tất cả pháp trên thế gian không một pháp nào đứng ngoài nhân duyên. Thấy được lẽ thật đó là trí tuệ Bát-nhã. Có trí tuệ Bát-nhã, thấy rõ lý nhân duyên, phá được hai cái chấp lớn, một là chấp của ngoại đạo, hai là chấp của Tiểu thừa.

Về kiến chấp của ngoại đạo, như chấp có một đấng Phạm thiên sinh hóa tất cả chúng sanh, là chủ tất cả muôn vật, nắm quyền thưởng phạt. Cũng như ở Việt Nam, quan niệm xưa cho rằng có đấng tạo hóa tạo ra con người và vũ trụ, vì thế chúng ta lệ thuộc vào đấng tạo hóa. Như vậy cho rằng có Phạm thiên, có Tạo hóa, có Thượng đế... đều là nói về cái mốc, cái

nhân ban đầu, gọi là nhất nhân tạo ra muôn hình vạn trạng.

Đạo Phật không chấp nhận lý đó, vì nói đến nhân duyên là nói đến nhiều sự kiện hợp lại, nhiều nhân chứ không có một nhân. Nếu nói một nhân thì không nói đến nhân duyên, lối nói đó không đúng lẽ thật. Như nói tất cả vạn vật đều do từ một tạo hóa, vậy hỏi cái gì tạo ra tạo hóa? Nếu tạo hóa tạo ra được mọi vật thì cũng phải có cái tạo được tạo hóa. Đó là lối lập luận này không thể dừng, không kết thúc được. Đây là lỗi thứ nhất không thể chấp nhận được. Nếu nói tạo hóa tạo ra con người và vũ trụ, không biết lúc đó tạo hóa ở chỗ nào? Chưa có vũ trụ vậy ở đâu để tạo? Đây là lỗi thứ hai không chấp nhận được.

Thí dụ một người dẫn đứa bé đi chơi, ngang qua sông Đồng Nai, nó hỏi: Tại sao có sông Đồng Nai? Muốn trả lời cho êm

xuôi thì nói con sông này trời sanh. Nếu nó hỏi: Trời là cái gì? Trả lời: Hỏi có tội đó! Rồi đi chơi êm ru. Gặp núi, nó hỏi: Tại sao có núi? Trả lời sao? Cũng trời sanh luôn! Như vậy thì trả lời cũng như không. Hỏi câu thứ nhất nói trời sanh, câu thứ hai thì nói có tội, như thế là huề, khỏe ru, không cần suy nghĩ, không khó khăn gì hết.

Nếu hỏi tại sao con sông này có? Nói rằng do nhân duyên mà có thì nó thắc mắc cái gì là nhân, cái gì là duyên? Ngồi đó mà giải thích mất hết bao nhiêu thời gian. Do thói quen lười biếng nên người ta không chịu phân tích, không chịu tìm kiếm, cái gì cũng đổ thừa ông trời là xong. Đó là lối nói để khỏi thắc mắc. Phật giáo không chấp nhận lối nói cho qua, nên phải lấy lý nhân duyên giải cho thật rõ. Đó là nói về phá cái chấp thứ nhất của ngoại đạo.

Đến cái chấp thứ hai của ngoại đạo là vô nhân, cho rằng mọi vật bỗng nhiên mà có không biết tại sao. Chấp ngẫu nhiên mà có là cái chấp sai, không đúng. Lý nhân duyên đả phá hai cái chấp lớn của ngoại đạo, chấp nhất nhân và chấp vô nhân.

Lý nhân duyên này sau trở thành hệ thống Bát-nhã, phá thêm chấp của Tiểu thừa. Các bộ phái Tiểu thừa thường chấp một bên, một góc cạnh rồi cho đó là đúng, chống với những lối chấp của các bộ phái khác. Tinh thần Bát-nhã phù hợp với kinh Phạm Động trong Trường A-hàm. Ở kinh Phạm Động, Phật luôn luôn kết thúc mỗi đoạn bằng câu *Phật biết tất cả mà không chấp,* đó là giáo lý thậm thâm vi diệu. Phật đã lặp đi lặp lại nhiều lần ý chỉ *Biết tất cả mà không chấp*, đó là tinh thần tối thượng không giáo phái nào sánh được.

Về sau chúng tăng lại quên đi, theo ý kiến riêng của mình chấp một cạnh, một góc để thành bộ phái; đó là điều sai lầm, trái với tinh thần Phật giáo Nguyên thủy. Vì vậy hệ Bát-nhã ra đời, y cứ lý nhân duyên, đả phá tất cả thiên chấp của các bộ phái, chỉnh đốn sự chia rẽ chống đối trong giáo đoàn.

Các pháp trên thế gian này không có tự tánh, không có tánh cố định, không có chủ thể. Như cuốn sách này, cái gì làm ra nó? Đây là bìa, đây là từng tờ giấy, từng tờ giấy ráp lại thành một cuốn sách, cuốn sách không có gì là chủ thể, chỉ do từng phần kết hợp lại tạm gọi là cuốn sách. Vì không chủ thể nên gọi là tánh không. Lý nhân duyên của Phật chưa nói đến tánh không này, chỉ nói cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh, cái này diệt nên cái kia diệt; chưa nói không có tự

tánh. Đến Bát-nhã thì triển khai triệt để lý nhân duyên, nói các pháp không có tự tánh, nghĩa là không có chủ thể, không có tánh cố định. Không có tự tánh nên tên của nó chỉ là giả danh không thật. Như cuộc sống chúng ta hiện tại đây là thật hay tạm? Nếu là thật thì không biến chuyển, đổi thay, hư mất. Nhưng nó luôn luôn là một dòng biến chuyển đổi thay nên nó không phải thật, theo duyên mà tăng giảm. Nếu duyên đầy đủ sung túc thì tăng, duyên thiếu sót thì giảm, thiếu duyên thì hoại, không có cái gì cố định.

Căn cứ trên lý nhân duyên mà lập ra hệ Bát-nhã, nhận biết tất cả các pháp biến chuyển tùy thời và tùy duyên. Tùy theo thời gian mọi vật luôn luôn đổi thay, cũng như con người lúc mười tuổi và lúc hai mươi tuổi khác nhau, lúc năm mươi tuổi không giống lúc ba mươi hoặc hai

mươi tuổi; đó là tùy thời. Còn tùy duyên là nếu trong thời gian đó đủ dinh dưỡng thì thân thể khỏe mạnh sung túc, nếu lúc đó thiếu duyên dinh dưỡng thì sanh bệnh hoạn. Như vậy thân này có thể bị hoại hoặc có thể khỏe hơn, sống lâu hơn tùy theo duyên xấu hay tốt.

Muôn vật trên thế gian đều tùy thời, tùy duyên, không cố định, mà chúng ta luôn luôn nhìn sự vật theo chiều cố định. Cái gì cũng là thật, cũng bền bỉ, lâu dài. Chấp mọi sự vật cố định, thật có, lâu dài, nguyên vẹn, từ thủy chí chung, gọi là kiến chấp ngu si, là vô minh. Muôn vật là một dòng chuyển biến, không đứng yên một chỗ, cứ bám chặt vào đó thì có đúng không? Thí dụ một cục nước đá, có người thấy nó cứng, giữ cục nước đá này ba tiếng đồng hồ không cho tan. Dù giữ tới đâu nó vẫn tan, vì bản chất nó là tan mau, là biến

hoại. Cái tan mau biến hoại mà cứ nắm giữ bảo đừng biến hoại thì không thể được. Nhưng người ta cũng có thể giữ cho nó không tan bằng cách tạo duyên khác, là để trong độ lạnh bằng hoặc hơn độ lạnh của nó. Như vậy mọi vật đều tùy duyên, không biết mà cứ chấp giữ khư khư một mặt là sai.

Biết bản chất của sự vật là biến chuyển theo duyên, nhân duyên là điểm then chốt hệ trọng, khéo tạo duyên thì có thể được như ý, không khéo tạo duyên thì không thể như ý. Người tu thấu được lý nhân duyên này, trên đường tu tạo những điều kiện để đạt đến mãn nguyện, không khéo thì phải vấp ngã. Tại sao? Vì những yếu tố giúp cho chúng ta tu tiến mà không gìn giữ, lại phá hoại thì thiếu duyên, thiếu duyên thì mất cơ hội tu tiến.

Thấy được lý nhân duyên là thấy các pháp không có chủ tể, không có tự tánh, tánh của nó là Không. Căn cứ vào lý nhân duyên nên hệ Bát-nhã ra đời phá tất cả chấp. Nói đến Bát-nhã là nói đến phá chấp. Chúng ta thấy cái gì cũng thật, nếu theo lý nhân duyên thì có cái gì thật không? Đợi đủ duyên mới có thì không phải thật. Như thiền viện Thường Chiếu có thật không? Đợi đủ duyên có đất, có nơi sinh hoạt, các huynh đệ hợp lại... mới gọi là thiền viện. Nếu thiếu duyên, mỗi người đi mỗi nơi thì không thành thiền viện. Sự vật ở cõi này đều không có thật thể, tùy duyên mà có tên, có cảnh khác nhau, không có gì cố định. Hiểu như vậy chúng ta không chấp chặt.

Tất cả đau khổ trói buộc đều từ chấp mà ra. Thí dụ có người tên A đang tỉnh táo bình thường, bất thần ra đường bị người

kêu tên chửi om sòm, lúc đó còn bình thường nữa không? Nổi cơn lôi đình lên, la lối rồi tức tối. Sự thật tiếng chửi của người ngoài kia nếu mình làm thinh thì có khổ sở gì cho mình không? Tại sao họ kêu tên A chửi, nó không có đâm có nhói gì, không sứt da sứt thịt gì mình mà không chịu? Có phải vì mình chấp cái tên nên khi động tới thì đau đớn khó chịu! Đau đớn khó chịu là cái chấp. Khi bị người kêu tên chửi, thấy không phải là mình, chửi gì thì chửi, mình cũng bình thường, tới lui gì cũng bình thường. Như vậy, khổ hay không khổ là do chấp mà ra.

Ngay nơi bản thân mình, nếu thấy nó là thật, lâu lâu thấy năm nay yếu hơn năm trước, răng muốn rụng hết... nghĩ chắc mình sống không bao lâu nữa, cảm thấy buồn. Vì cho mình là thật, là bền, mà nó đổi thay, già chết sắp đến nên buồn.

Buồn là tại chấp thật, chấp bền lâu; nếu không chấp, thấy nó già là phải, là hợp lý, cái gì xài lâu phải hư, rã tan, có gì đâu mà buồn khổ? Thấy được lý Bát-nhã thì tất cả chấp trước dính mắc đều rớt hết, tự nhiên an ổn vô cùng. Chúng ta học Bát-nhã đến nơi đến chốn, ứng dụng đầy đủ Bát-nhã có giải thoát không? Thong dong tự tại là giải thoát. Bát-nhã là trí tuệ đầy đủ không kẹt không dính mắc, là nền móng, là gốc của sự giải thoát. Có trí tuệ thấy đúng như thật, đưa mình đến chỗ an lành, giải thoát không nghi ngờ.

Y cứ lý nhân duyên của Phật dạy, thấy các pháp đúng như thật là duyên sanh, không pháp nào thật có. Hệ Bát-nhã phát triển trở thành trí tuệ phá chấp, tháo tung mọi vướng mắc để chúng ta đạt đến giải thoát. Đó là điểm y cứ thứ nhất.

### 2. Y cứ kinh A-hàm

Điểm y cứ thứ hai là kinh Bát-nhã có nguồn gốc từ các kinh điển hệ A-hàm. Như các kinh Tiểu Không, kinh Đại Không trong Trung A-hàm, kinh Đệ Nhất Tối Không hoặc kinh Thập Bát Không, Kinh Thập Nhị Không... trong Tăng Nhất A-hàm v.v... Các kinh điển hệ Bát-nhã không phải xuất phát bên ngoài hệ thống giáo lý Nguyên thủy. Từ đó chúng ta có niềm tin vững chắc, tin sâu vào ý nghĩa thậm thâm vi diệu của lời Phật dạy.

## III- BÁT-NHÃ LÀ GÌ?

Bát-nhã, nói đầy đủ là Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã là trí tuệ, ba-la-mật là cứu cánh, tột cùng đến bờ kia. Trí Độ Luận quyển 43 giải thích Bát-nhã là phiên âm từ tiếng Phạn (prajna), Trung Hoa dịch là trí tuệ. Trong tất cả trí tuệ, Bát-nhã là trí tuệ bậc nhất, vô thượng, vô tỷ, vô đẳng và

vô thắng. Nghĩa là trí tuệ này không có gì hơn nó, không có gì sánh với nó, không có gì bằng nó và không có gì hơn được nó. Trí tuệ Bát-nhã là trí tuệ thấy đúng như thật, không có trí tuệ nào hơn được, vì không có lẽ nào hơn lẽ thật.

## IV- ỨNG DỤNG HAY TU HÀNH BÁT-NHÃ

Đây là điểm then chốt quan trọng. Ứng dụng tu hành Bát-nhã chia ra ba phần là văn tự Bát-nhã, quán chiếu Bát-nhã và thật tướng Bát-nhã.

### 1. Văn tự Bát-nhã

Văn tự ở đây không chỉ là chữ nghĩa suông, mà còn có nghĩa là y cứ theo lời dạy ở trong các kinh Bát-nhã để học hiểu. Học hiểu được Bát-nhã là trí tuệ của chúng ta. Nương nơi trí tuệ của Phật của Bồ-tát mở mang trí tuệ cho mình. Như trong kinh

Pháp Cú có nói: *Các ông hãy tự thắp đuốc lên mà đi, thắp đuốc lên với chánh pháp.*

Chúng ta tự thắp đuốc tức thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ. Bằng cách nào? Bằng cách nương trí tuệ của Phật, tức là nương văn tự Bát-nhã mà Phật đã chỉ dạy, nhờ đó phát ra trí tuệ của mình. Vậy đọc hay học Bát-nhã thuộc về văn tự Bát-nhã, gọi là mồi đuốc, từ đuốc trí tuệ của mình mồi vào đuốc trí tuệ của Phật, của Bồ-tát để được cháy sáng lên.

**2. Quán chiếu Bát-nhã**

Chia làm 2 phần: phân tích thành không và đương thể tức không.

**a/ Phân tích thành không**

Chúng ta thường thấy có người gặp gì cũng nói: "Ôi! Cái đó giả mà, cái đó huyễn hóa." Nói giả, nói huyễn hóa ngoài miệng nhưng bên trong không thấy giả huyễn,

đó chỉ là lối nói học lóm hay lối nói của con két, nghe Phật, Bồ-tát nói rồi nói theo. Thí dụ thấy cô gái đẹp, miệng nói giả nhưng bên trong lại ưa. Như vậy chỉ giả ở ngôn ngữ, chưa thật thấy giả ở trong tâm. Muốn thấy được giả tướng của các pháp, phải dùng trí phân tích quan sát. Như trong kinh Phật dạy quán thân này, nào là ba trăm sáu mươi lóng xương, nào là năm trăm mạch, năm trăm gân, chín mươi chín ngàn lỗ chân lông, tám mươi ngàn hộ trùng... Phân tích như vậy mới rõ thân chúng ta giả tạm. Khi thấy thân giả rồi, nói giả mới hiệu nghiệm.

Mở đầu Tâm Kinh Bát-nhã: *Bồ-tát Quán Tự Tại Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.*

Muốn qua hết khổ ách thì phải chiếu kiến, không phải một ngày hay hai ngày, mà chiếu kiến sâu, chiếu kiến thật lâu.

Bồ-tát dùng con mắt trí tuệ soi thấy năm uẩn là không. Chúng ta vận dụng trí tuệ của mình phân tích kỹ để nhận ra năm uẩn không; không phải nghe nói năm uẩn không rồi tưởng thân này như không có. Chúng ta phải phân tích để thấy nó không thật có. Như tôi đưa bàn tay lên rồi nắm lại hỏi đại chúng là cái gì? Trả lời nắm tay. Hỏi nắm tay có thật không? Trả lời không thật. Làm sao biết nó không thật? Giai đoạn đầu là phân tích nắm tay. Nó gồm có ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa, ngón áp út và ngón út, mỗi ngón đều có tên riêng. Vậy cái gì là nắm tay, kiếm nắm tay có không? Bàn tay đang nắm mà chia ra từng ngón, từng ngón thì không thấy cái nắm tay. Phân tích quen rồi, khi nghe người nói nắm tay, mình liền biết nắm tay đó là không thật, không cần phân tích nữa.

**b/ Đương thể tức không**

Trước là phân tích thành không, sau là đương thể tức không. Qua giai đoạn chia chẻ biết các pháp duyên hợp không thật, đến lúc tự động thấy ngay đó là không. Nếu không tập quen phân tích thì không thành tựu giai đoạn sau, vì thiếu căn bản. Lối phân tích thành không gần với các kinh điển Nguyên thủy. Như vậy nếu chúng ta khéo phân tích thì biết rằng mọi sự vật không có thật thể. Không có thật thể thì không có gì thật. Như cái đồng hồ này, không có gì là chủ thể. Phân tích từng bộ phận, hỏi đồng hồ có không? Không. Nói có là sau khi ráp đủ những bộ phận; mở ra, bỏ mỗi cái mỗi nơi, tìm đồng hồ không có. Đồng hồ không có tự thể, do duyên hợp mới có. Vật gì có nguyên thể thì không đợi duyên hợp, đợi duyên hợp thì không có nguyên thể trọn vẹn, vì thế nên

nói tánh không. Nói không đây là căn cứ trên lý nhân duyên, không phải không là không ngơ, không trơn. Như khi đang là đồng hồ, phân tích biết thể nó là không, đồng hồ không có thật, chỉ là giả danh. Thấy được tánh không của đồng hồ, chúng ta buông bỏ chấp trước, biết các pháp do nhân duyên hòa hợp, giả tạm không thật.

Nhìn cái đồng hồ rồi nhìn lại thân mình: thân này do năm uẩn kết hợp, kể cả tinh thần và vật chất. Nói về sắc uẩn, trong tứ đại cái gì là mình? Nước là mình được không? Trong con người không có nước nào sạch, cao quý như nước mắt, khổ lắm mới khóc mà cũng chẳng sạch. Nước mũi, đàm, mồ hôi... đều dơ bẩn, nếu nói nó là mình thì thật xấu hổ. Gió không có hình tướng không thể nói là mình. Lửa chỉ là hơi ấm, cũng không phải là mình... Chỉ chia chẻ đơn giản bốn đại thôi đã không

thật rồi, nếu theo y học, chia chẻ từng tế bào, những tế bào đó ráp lại thành trăm ngàn muôn ức tế bào. Trong đó còn bao nhiêu thứ vi trùng v.v... Rõ ràng thân tứ đại này không có chủ thể nên không thật, vậy mà có ai động tới thì chịu không được. Nếu biết là đồ giả thì còn mất khen chê gì cũng được, không quan trọng. Chúng ta thường tự cho mình khôn, nhưng thật ra dại tột cùng. Như biết cơ thể mình hôi dơ, nhưng nghe ai nói mình hôi dơ thì giận. Đối với thân, biết nó duyên hợp hư dối mà lúc nào cũng tưởng là thật nên quý trọng nó, ai có vẻ quý mình thì cho người đó tốt, ai có vẻ khinh mình thì cho người đó xấu. Khen ngợi mình, đó là bạn tốt dễ thương, chê bai mình là bạn xấu đáng ghét. Nhiều khi chúng ta sống giả dối. Mình làm việc đó trật, mà chê thì buồn. Muốn được lòng thì trật cũng phải khen, có phải giả dối không? Bệnh của con người từ đó mà ra.

Chúng ta tu phải phá chấp ngã, phải thấy thân mình không thật, duyên hợp hư dối. Thấy rõ ràng bằng cách quán chiếu phân tích, không phải bắt chước nói theo.

Trong Tâm Kinh Bát-nhã, Bồ-tát Quán Tự Tại quán chiếu năm uẩn, từ sắc đến thọ... đều không thật. Phần sắc uẩn đã nói qua, đến thọ uẩn. Thọ uẩn là trong có căn, ngoài có trần. Căn trần tiếp xúc nhau sanh cảm thọ vui, khổ, không vui không khổ. Căn trần không thật, cảm thọ cũng không thật. Chúng ta hoàn toàn lệ thuộc chấp trước vào cái đẹp xấu, ngon dở, êm tai không êm tai... Cả đời mình cứ sống như vậy. Trong kinh Phật thí dụ sắc uẩn là bọt nước, thọ uẩn là bong bóng, chỉ có trong chốc lát, hết sức tạm bợ. Nếu biết cảm thọ là hư dối không thật thì có còn phiền não khổ sở không? Biết nó không

thật thì phiền não đâu còn, như vậy là khéo tu.

Từ sắc uẩn đến thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn cũng vậy, đều tạm bợ huyễn hóa. Biết sắc uẩn không thật thì các uẩn kia cũng không thật, chúng tựa vào sắc uẩn mà phát. Sắc uẩn không thật, chỗ tựa không thật, tất cả uẩn đều hư dối chợt còn chợt mất. Hằng thấy năm uẩn không thật gọi là *chiếu kiến ngũ uẩn giai không*. Rõ thấy nó không thật, thấy nó mãi mãi không thật, không đợi phân tích chia chẻ mới thấy không thật, lúc đó nhận ra *đương thể tức không*. Chiếu kiến thành tựu rồi, lúc nào cũng thấy thân không thật, ngay hiện tiền đương thể tức không, sẽ đi dần đến thật tướng Bát-nhã.

### 3. Thật tướng Bát-nhã

Phật Học Đại Từ Điển định nghĩa, thật tướng là lý thể Bát-nhã, chúng sanh

xưa nay sẵn đủ, lìa tất cả tướng hư vọng là thật tánh Bát-nhã. Thật tánh hay thật tướng gì cũng vậy. Lìa tất cả tướng hư vọng là thật tánh Bát-nhã, là tánh sẵn có ở nơi mỗi chúng sanh.

Ba giai đoạn văn tự Bát-nhã, quán chiếu Bát-nhã và thật tướng Bát-nhã rất cần thiết đối với người tu. Văn tự Bát-nhã là dụ như chúng ta muốn qua sông, đầu tiên đi đến bến đò, ngồi trên con thuyền. Nhưng ngồi trên con thuyền cứ đậu hoài thì có tới bên kia không? Ngồi trên thuyền rồi phải bơi chèo là quán chiếu Bát-nhã. Bơi chèo dần dần qua bờ bên kia, được thảnh thơi tự tại đó là thật tướng Bát-nhã. Thật tướng Bát-nhã là kết quả của sự tu tập buổi đầu ở phần văn tự và quán chiếu. Có công phu học hiểu văn tự Bát-nhã rồi mà không có công phu quán chiếu thì không thể nào đi đến thật tướng.

Thật tướng Bát-nhã là kết quả nên thí dụ như tới bờ, tức đạt được chỗ mong muốn, đến chỗ này không còn gì để tu.

## V- NHỮNG THÍ DỤ VỀ KINH BÁT-NHÃ

Công dụng của Bát-nhã rất lớn, phá tất cả kiến chấp, nên có rất nhiều thí dụ:

1. Bát-nhã dụ như lửa. Có đống lửa cháy hừng hực thì mọi thứ gì quăng vô đều cháy hết. Có trí tuệ Bát-nhã rồi thì tất cả lầm chấp phiền não đều bị đốt tan hết không còn nữa.

2. Bát-nhã dụ như kiếm. Trí tuệ Bát-nhã như cây kiếm báu, cắt đứt hết mọi trói buộc, mọi lôi cuốn ràng rịt. Hình tượng Bồ-tát Văn-thù tay cầm kiếm báu nói lên ý nghĩa này.

3. Bát-nhã dụ như con thuyền. Thiền sư Huệ Sinh đời Lý, có câu kệ: *Tịch tịch*

*Lăng-già nguyệt, Không không độ hải chu.* Câu thứ nhất nói về trăng Lăng-già, là chỗ vắng lặng tịch tĩnh lìa hết tất cả kiến giải phàm thánh. Câu thứ hai nói về thuyền Bát-nhã, muốn qua biển sanh tử phải dùng thuyền không không, tức là ngã không, pháp không. Bát-nhã dụ cho con thuyền này, ứng dụng Bát-nhã tu tập thì tất cả chấp đều dứt hết; chấp hết, phiền não hết là giải thoát, là Niết-bàn. Bát-nhã là con thuyền đưa đến bờ an lạc.

4. Bát-nhã dụ cho kim cương. Trong các chất, kim cương là cứng nhất, phá được các thứ kia, các thứ kia không phá được nó. Trí tuệ Bát-nhã phá sạch tất cả kiến chấp, tất cả chấp không phá được Bát-nhã. Vì Bát-nhã là lẽ thật, mà lẽ thật thì không gì phá được nó hết.

Tóm lại, Bát-nhã là trí tuệ chiếu soi các pháp, trí tuệ thấy như thật. Trí tuệ

chiếu soi các pháp, các pháp là đối tượng của trí tuệ. Đối tượng là khách thể, trí tuệ là chủ thể. Chủ thể này không có một dạng cố định, mà nó luôn đổi thay vì đối tượng luôn đổi thay. Tức là dùng trí tuệ quán chiếu luôn luôn đến cuối cùng là thật tướng, lúc đó không còn dùng trí tuệ cũng không có đối tượng nữa. Như chúng ta tu, ban đầu dùng trí thấy vọng, đó là dụng của trí cũng là lối phân tích của Bát-nhã. Thấy vọng rõ ràng hư dối, không theo; đến khi vọng hết thì đến được thật tướng Bát-nhã, không còn phân tích hay chiếu soi nữa mà trở về cái chân thật.

Thiền sư Duy Tín nói: *Trước ba mươi năm chưa gặp thiện hữu tri thức, thấy núi sông là núi sông. Sau khi gặp thiện hữu tri thức chỉ dạy, thấy núi sông không phải là núi sông. Rồi sau ba mươi năm mới thấy núi sông là núi sông.* Giai đoạn thấy núi

sông không phải là núi sông là giai đoạn phân tích thành không. Trí tuệ phân tích thành không phải mất ba mươi năm, sau ba mươi năm mới thấy núi sông là núi sông, tức là thật tướng Bát-nhã.

Như vậy, Bát-nhã là gốc của thiền, người tu thiền sử dụng trí Bát-nhã làm chính, ngay Lục Tổ cũng ngộ từ kinh Bát-nhã. Học kinh Bát-nhã vừa là phá tất cả chấp được thảnh thơi tự tại, vừa là chỗ tiến tu đến chỗ bất sanh bất diệt rốt ráo. Chúng ta thường nghe nói *Bát-nhã vô tri vô sở bất tri,* nghĩa là *Bát-nhã không biết mà không gì chẳng biết.* Không biết là vì tới đó không còn phân tích, nhưng cái gì đến liền biết, liền thấy. Trí tuệ Bát-nhã có công dụng nhiệm mầu như thế, người tu chúng ta phải học hiểu rõ ràng.

# PHẨM DIỆU HẠNH

Tổng quát kinh Đại Bát-nhã gồm 600 quyển, 16 hội. Hội I, II, III rất nhiều, kinh Kim Cang nằm ở hội thứ IX, quyển 577. Hội thứ IV có 29 phẩm, từ quyển 538 đến 555, tức là cả thảy 18 quyển, trung bình dễ học, nên tôi trích năm phẩm để giảng. Đó là các phẩm:

- Diệu Hạnh (phẩm 1, quyển 538 và 539)

- Thanh Tịnh (phẩm 8, quyển 545)

- Hiện Thế Gian (phẩm 12, quyển 547)

- Không Tướng (phẩm 18, quyển 549 và 550)

- Kiên Cố (phẩm 27, quyển 553 và 554)

---

Phẩm Diệu Hạnh nghĩa là hạnh nhiệm mầu, chúng ta học đây là phẩm đầu trong hội thứ IV.

**Tôi nghe như vầy: Một hôm, đức Phật ở thành Vương Xá trên ngọn núi Linh Thứu, cùng chúng đại Tỳ-kheo một nghìn hai trăm năm mươi vị, đều là A-la-hán. Các ngài đã dứt sạch các lậu, không còn phiền não, được tự tại chân thật, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, như ngựa khôn đã thuần, như con đại long. Việc đáng làm đã làm, điều nên sửa đã sửa, bỏ hết các gánh nặng, tự mình được lợi lạc, dứt hết các kết, chánh tri giải thoát, chí tâm tự tại, cứu cánh bậc nhất. Chỉ ngoại trừ A-nan riêng còn ở hàng học địa. Trong chúng đây, Cụ thọ Thiện Hiện là bậc thượng thủ.**

Xuất xứ của phẩm này, lúc *Phật ở thành Vương Xá, trên núi Linh Thứu cùng với chúng Tỳ-kheo, một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là bậc A-la-hán. Các ngài đã dứt sạch phiền não, được tự tại chân thật, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, như ngựa khôn đã thuần...* Tại sao chia ra tâm giải thoát và tuệ giải thoát? Khi người tu đến chỗ đại tự tại, tâm đối với cảnh không vướng mắc đó là tâm khéo giải thoát; trí tuệ nhìn thấy lẽ thật của các pháp không dính mắc, gọi là tuệ giải thoát. Có hai tính cách này nên ví các ngài như ngựa đã thuần, như rồng chúa dũng mãnh. *Việc đáng làm đã làm, điều nên sửa đã sửa,* tức là đối với phiền não tam độc đã dẹp bỏ xong, đã chứng trọn vẹn quả vị A-la-hán, *bỏ hết các gánh nặng*. Nói gánh nặng, tưởng chừng như phải quảy, phải gánh một cái gì hết sức nặng

nề. Sự thật gánh nặng ở đây là nghiệp đã gieo trồng, đã tạo nên.

Nghiệp đó đã buông xả hết là bỏ gánh nặng. Thí dụ người chưa tập uống rượu, lúc đó có ghiền rượu không? Không. Khi tập uống rượu lâu ngày thành ghiền rượu, tập hút thuốc thành ghiền thuốc. Ghiền rượu, ghiền thuốc rồi mỗi ngày họ phải chi thêm tiền cho cơn ghiền của mình. Đối với người làm việc chỉ kiếm được tiền đủ ăn mặc, phải chi thêm tiền rượu thuốc nữa, đó là gánh nặng. Gánh nặng này tự mình phải bỏ, bỏ gánh nặng nghĩa là bỏ những nghiệp cũ để được nhẹ nhàng. Ở đây nói các ngài bỏ hết gánh nặng tự mình được lợi lạc. *Chánh tri giải thoát* là hiểu biết đúng đắn được giải thoát, *cứu cánh bậc nhất* là đến chỗ rốt ráo tột cùng. Chỉ trừ ngài A-nan còn ở hàng hữu học, nghĩa là còn trong tam quả Thanh văn, tất cả trong

chúng đều chứng quả A-la-hán. *Trong chúng, Cụ thọ Thiện Hiện là bậc thượng thủ.* Đó là ngài Tu-bồ-đề theo âm tiếng Phạn (Subhuti), Trung Hoa dịch nghĩa là Thiện Hiện, ngài là bậc đứng đầu trong đại chúng.

**Khi ấy, Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Ông nên lấy biện tài vì chúng Bồ-tát ma-ha-tát tuyên thuyết chỉ bày pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, dạy bảo chư Bồ-tát ma-ha-tát khiến nơi pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa chóng được cứu cánh.**

Phật khuyến khích ngài Tu-bồ-đề giảng dạy Bát-nhã cho chư đại Bồ-tát nghe.

**Cụ thọ Xá-lợi Tử suy nghĩ: Nay nhân giả Thiện Hiện tự lấy sức mình hay nhờ sức oai thần của Phật mà vì**

**chúng Bồ-tát ma-ha-tát tuyên thuyết chỉ bày pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm?**

Ngài Xá-lợi Tử nghi không biết ngài Thiện Hiện nói được pháp Bát-nhã này là do tự khả năng của mình hiểu thấu hay do nhờ oai thần của Phật mà tuyên thuyết. Đó là cái nghi thông thường theo ý trong kinh.

Cái nghi này cũng có thể nói lên tinh thần Bát-nhã xuất hiện sau Phật Niết-bàn từ ba trăm đến bốn trăm năm. Kinh Bát-nhã này là riêng do các ngài tự dựng lên hay ảnh hưởng từ đức Phật mà ra? Đoạn sau đây giải thích sự xuất hiện kinh Bát-nhã có hai ý như đã nói ở phần đại cương.

**Cụ thọ Thiện Hiện nhờ oai thần của Như Lai, biết được chỗ tâm nghĩ của Xá-lợi Tử, liền bảo Xá-lợi Tử:**

**- Đệ tử Thế Tôn có tuyên thuyết chỉ bày đều nhờ sức oai thần của Như Lai. Vì sao? Xá-lợi Tử! Phật trước vì kia tuyên thuyết chỉ dạy pháp, kia y lời Phật dạy, tinh cần tu học cho đến chứng được thật tánh của các pháp, sau vì kẻ khác tuyên thuyết chỉ dạy, nếu không trái với pháp tánh đều là nhờ oai thần của Như Lai gia bị, cũng là chứng được đẳng lưu của pháp tánh.**

Câu trả lời của ngài Thiện Hiện đã làm sáng tỏ ý nghĩa. *Phật trước vì người kia chỉ dạy pháp yếu, người đó y theo lời dạy tinh cần tu học cho đến chứng được thật tánh của các pháp.* Thấy được chỗ

cứu cánh chân thật đó rồi, *sau vì kẻ khác tuyên thuyết chỉ dạy, nếu không trái với pháp tánh đều nhờ oai thần của Như Lai gia bị.*

Do được đức Phật chỉ dạy, người học thấu suốt rồi dạy lại người sau. Dạy lại người sau có thể bằng ngôn ngữ, có thể bằng văn nghĩa mà không trái với pháp tánh, đều nhờ oai thần của Như Lai gia bị. Đây là chỗ *chứng được đẳng lưu của pháp tánh,* còn gọi là pháp tánh bình đẳng tuôn chảy. Từ pháp tánh đó Phật đã chứng ngộ, ngài chỉ dạy cho hàng đệ tử cũng chứng ngộ như thế. Đoạn kinh này gợi ý cho chúng ta hiểu rõ, kinh Bát-nhã dù không phải do Phật trực tiếp nói, đệ tử Phật nói ra cũng do sự gia bị của Phật, không ngoài tinh thần Phật dạy.

**Thế nên, tôi sẽ vì chúng Bồ-tát ma-ha-tát tuyên thuyết chỉ bày pháp**

**Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, dạy bảo khiến nơi pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa chóng được cứu cánh, hay làm được việc này đều nhờ Phật lực, không phải do biện tài của tôi.**

Ngài xác nhận rõ ràng. Tôi làm việc này là y cứ theo tinh thần của Phật, không phải là ý kiến riêng tư của tôi.

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Thế Tôn! Nay con vì chúng Bồ-tát ma-ha-tát tuyên thuyết chỉ bày Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, dạy bảo chư Bồ-tát ma-ha-tát khiến nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa chóng được cứu cánh. Thế Tôn! Nói là chư Bồ-tát, do pháp gì gọi là Bồ-tát? Thế Tôn! Con không thấy có pháp có thể gọi là Bồ-tát ma-ha-tát, cũng không thấy có**

**pháp có thể gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

Tại sao ngài nói như vậy? Bồ-tát là chỉ cho người, pháp Bát-nhã là chỉ cho pháp. Mở đầu nói Bát-nhã, nếu thấy có người chứng quả Bồ-tát, thấy có Bát-nhã ba-la-mật-đa là pháp cứu cánh thì chưa phải là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nói Bát-nhã là không thấy có người thật, không thấy có pháp thật, mới đúng tinh thần Bát-nhã.

**Thế Tôn! Con đối với Bồ-tát và pháp Bồ-tát không thấy không được, cũng không thấy không được pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Làm sao bảo con vì chúng Bồ-tát tuyên thuyết chỉ bày pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm. Thế Tôn! Con phải lấy pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa nào? Dạy bảo những chúng Bồ-tát ma-ha-tát nào?**

**Khiến nơi pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa chóng được cứu cánh?**

Với con mắt của Thiện Hiện, người và pháp đều không thật, không có chỗ để nói. Ngài bạch Phật: Bồ-tát không thật, pháp Bát-nhã không thật, con lấy pháp nào, đối với Bồ-tát nào để dạy đến chỗ được cứu cánh? Những câu này nghe rất lạ, nhưng sự thật ngài đã chỉ rõ tinh thần Bát-nhã. Thấy người không thật, pháp không thật, đó là cứu cánh dạy Bát-nhã.

**Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói như thế tâm không chìm lặng, không lui sụt, không kinh sợ, an trụ đúng pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa đã dạy, tu hành pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa khiến được cứu cánh, phải biết tức là vị ấy dạy bảo chư Bồ-tát ma-ha-tát khiến nơi pháp Bát-nhã ba-**

**la-mật-đa chóng được cứu cánh, cũng gọi là vị ấy tuyên thuyết chỉ bày pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm.**

Người nào nghe nói Bồ-tát không thật, pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa không thật, biết rõ như vậy đối với pháp Bát-nhã không lui sụt, tu hành đến chỗ rốt ráo, là người đã tuyên thuyết Bát-nhã sâu thẳm.

**Lại, Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên học thế này: Không chấp trước tâm đại Bồ-đề. Tại sao? Vì tâm phi tâm tánh, bản tánh thanh tịnh.**

Người học Bát-nhã *không chấp trước tâm đại Bồ-đề. Tại sao?* Vì tâm đại Bồ-đề không thật, nếu thấy nó thật, là chấp trước. *Vì tâm phi tâm tánh, bản tánh thanh tịnh.* Câu này đưa ra, ngài Xá-lợi-phất nghi:

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Có cái tánh phi tâm và phải tâm chăng?**

**Thiện Hiện hỏi Xá-lợi Tử:**

**- Phi tâm và tâm tánh hoặc có, hoặc không là có thể được chăng?**

**Xá-lợi Tử đáp:**

**- Thiện Hiện, không được.**

**Thiện Hiện hỏi Xá-lợi Tử:**

**- Phi tâm và tâm tánh hoặc có hoặc không đã không thể được, tại sao lại hỏi có cái tánh phi tâm và phải tâm chăng?**

Vì nói tâm phi tâm tánh, nên ngài Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện là có một cái tánh vừa chẳng phải tâm vừa là tâm chăng? Thiện Hiện hỏi lại để xác định cái phi tâm và tâm ấy có thể nắm bắt được không.

Theo tinh thần Bát-nhã, dù tâm hay phi tâm đều không thật, nói có nói không đều không đúng, không thể nắm bắt. Ngài Xá-lợi Tử cũng trả lời theo tinh thần Bát-nhã, tánh của tâm là phi tâm hay là tâm đều không thể được. Đã không thể được mà hỏi có cái tâm và phi tâm là vô lý. Đối đáp của hai ngài để làm sáng tỏ vấn đề.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Những gì gọi là tâm phi tâm tánh?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Nếu không biến hoại, không phân biệt, ấy gọi là tâm phi tâm tánh.**

Trả lời câu hỏi những gì gọi là tánh của tâm phi tâm, ngài Thiện Hiện nói: cái không biến hoại, không phân biệt, đó là tánh tâm phi tâm. Tại sao? Vì nếu nói tâm thì phần nhiều người ta cho tâm là phân biệt, phân biệt hiểu biết thì nằm trong

biến hoại. Tánh của tâm phi tâm này không biến hoại, không phân biệt, bởi thế nên nói tâm phi tâm tánh. Câu này đã định nghĩa rõ ràng.

**Xá-lợi Tử khen:**

**- Lành thay! Lành thay! Thật như lời Nhân giả nói. Nên chi Phật nói Nhân giả trụ định Vô tránh rất là bậc nhất, quả như lời thánh nói.**

Phật thường khen tôn giả Thiện Hiện được định Vô tránh bậc nhất. Vô tránh là không tranh, vì nếu còn thấy có phải quấy, hơn thua, sai đúng v.v... thì còn có tranh. Thấy tất cả pháp không thật nên không chấp, không dính, tâm được chánh định gọi là an trụ chỗ không tranh. Chúng sanh thấy cái gì cũng thật, phải quấy, đúng sai... đều thật nên tranh cãi nhau mãi. Bồ-tát không tranh cãi nên an trụ thiền định, thiền định này khác với thiền định

dùng pháp quán hơi thở để lần lần được định. Chỉ cần trí tuệ thấy tất cả pháp không thật, rồi cười thôi, không có gì phải nghĩ, phải chạy theo phân biệt. Như vậy là tâm định. Đó là Vô tránh tam-muội, định bằng trí tuệ, không phải định bằng cách ngồi yên.

**Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói như thế, tâm không chìm lặng, không lui sụt, không kinh sợ, phải biết vị ấy cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề được không thối chuyển.**

**Nếu Bồ-tát quán sát như thế tâm phi tâm tánh, nên biết Bồ-tát này không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm. Nếu người thiện nam, thiện nữ muốn cầu tu học quả vị Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát đều nên đối Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm này chí tâm**

**lắng nghe, thọ trì, đọc tụng và chuyên cần tu học, phương tiện khéo léo khiến chỗ tu hành chóng được cứu cánh.**

Chỗ hệ trọng là tu hành đúng như lời dạy, mới đạt được Bát-nhã sâu thẳm; không phải đọc cho nhiều, tụng cho lắm mà được Bát-nhã thông suốt.

**Vì cớ sao? Vì trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm này nói trùm tất cả pháp nên học . Nếu Bồ- tát ma-ha-tát cần cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, muốn tu hành đúng hạnh chư Bồ-tát, muốn thành tựu đầy đủ phương tiện khéo léo và các Phật pháp, đều nên đối pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm đây chí tâm lóng nghe, thọ trì, đọc tụng, khiến được thông suốt, tu hành đúng như lời dạy.**

**Vì cớ sao? Vì trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm này nói trùm tất cả pháp chư Bồ-tát ma-ha-tát cần nên học. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay đối trong đây tinh cần tu học, ắt được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tất cả sở cầu đều được đầy đủ.**

Nói không cầu mà cầu là nói đến tinh thần rốt ráo của Bát-nhã. Bây giờ chúng ta đặt câu hỏi để giải thích từng phần.

Thí dụ cái đồng hồ này là thật hay giả? Xét theo lý nhân duyên, đồng hồ này không thật có vì không tự tánh, đợi đủ duyên hợp mới thành. Dùng phương tiện mở toang ra từng bộ phận để riêng hết, lúc đó tìm cái gì là đồng hồ không có. Đồng hồ không có tự thể thật. Đến những bộ phận như từ con ốc, miếng kiếng, cây kim v.v... là thật hay không thật? Phân tích cùng tột nó cũng chỉ là nhiều hạt bụi nguyên tử kết

tụ xoắn chặt với nhau. Biết con ốc, cây đinh... là những nguyên tử thì nó không thật. Phân tích nguyên tử đến cuối cùng thành cái gì? Còn có một cái để thấy, để phân tích thì nó không có tự thể. Tất cả pháp như đinh, ốc, cây kim... phân tích cuối cùng đều không có tự thể. Tất cả pháp đều không.

Từ đồng hồ cho đến con người..., những sự vật có hình tướng đều do duyên kết tụ, đều không có tự thể riêng.

Dùng con mắt trí tuệ Bát-nhã soi thấu tất cả pháp trên thế gian, không pháp nào có tự thể cố định, tất cả pháp tự tánh đều là Không. Hiện tượng các pháp bên ngoài không thật có, cho đến cái hay phân tích sự kiện, cái đó thật có hay không? Lúc chưa biết thì cần phân tích để biết thấu đáo; khi biết không có một pháp thật, đâu cần phân tích làm gì. Thí dụ khi chúng ta

còn nhỏ muốn làm bài toán phải đọc cửu chương từ hai lần lần đến mười. Học lên lớp trên thuần thục rồi, đến đó biết làm liền không cần đọc cửu chương mới làm được.

Đây là tinh thần *đương thể tức không,* không còn dùng trí tuệ phân tích. Biết tất cả pháp toàn thể đều là tánh không, không có một pháp thật, lúc đó đâu còn duyên, còn kẹt, còn dính cái gì nữa mà phải phân tích. Tâm tánh lúc này vô phân biệt, chính đó là *thật tướng Bát-nhã.* Chỗ này không sanh diệt, không biến hoại, gọi là tâm phi tâm.

Tu Bát-nhã, giai đoạn đầu là dùng trí tuệ phân tích sự vật đến chỗ tột cùng, thấy tất cả pháp bản tánh là không. Muôn pháp thiên hình vạn trạng lớn nhỏ sai biệt, nhưng đến chỗ cứu cánh đều là tánh không. Lớn như núi Tu-di, nhỏ như hạt

cải, đứng về mặt tánh không không có cái nào lớn, cái nào nhỏ. Vì thế nói lấy hạt cải nhét vô núi Tu-di, lấy núi Tu-di nhét trong hạt cải. Lớn của núi Tu-di là giả tướng, nhỏ của hạt cải cũng là giả tướng. Đứng trên thể tánh không, tất cả đều bình đẳng, không sai biệt nên lớn dung nhỏ, nhỏ dung lớn. Nếu không học lý này, nghe nói núi Tu-di nhét vô hạt cải, làm sao tin được?

Học hiểu rồi chúng ta thấy trên thế gian này không một pháp nào có tự tánh. Ngã và pháp phân tích tột cùng cũng không tự tánh. Ngã pháp không tự tánh, không chấp ngã chấp pháp, tâm chúng ta lúc đó ra sao? An nhiên tự tại, không còn phiền nhiễu quấy động, không giải thoát là gì! Tu theo lối Bát-nhã là tu thấy cho thấu đáo, cười với thế gian không có gì bận lòng, lúc đó tâm yên tịnh.

Có câu chuyện một thiền sư đi đến đâu cũng cười nói ồn náo. Tại một thiền viện, Tri sự thấy ồn náo quá, bực bội lên bạch với Hòa thượng đường đầu:

- Vị tăng mới tới làm ồn náo, làm loạn chúng.

Hòa thượng kêu vị tăng mới tới lên, hỏi:

- Nghe nói ông tới cười nói ồn náo làm động chúng phải không?

Tăng trả lời:

- Bạch Hòa thượng, tất cả đều là giấc mộng, con muốn sống với mộng vui hơn mộng buồn.

Đã là thấy như mộng rồi thì nên sống với mộng vui hơn, chứ sống chi mộng buồn. Vị tăng ấy sống có đúng với tinh thần Bát-nhã không? Thấy các pháp như mộng huyễn, có gì đâu mà cố chấp. Ông cười vì

thấy cuộc đời như mộng chẳng có gì quan trọng, vui là vui trong mộng thôi. Chúng ta thấy cuộc đời là thật nên còn động niệm. Khi thấu đáo tinh thần Bát-nhã rồi, thì công phu có vẻ tự tại, lúc nào cũng vui tươi. Thấy còn mất thành hoại cũng là trò chơi, không có gì phải bi quan, ưu tư, phiền muộn lo lắng. Nghe nói như thế có một số người lại hiểu lầm, học Bát-nhã rồi cứ cười chơi không làm gì hết, vì không có gì thật mà làm. Đó là một cái bệnh, sau sẽ đề cập đến. Tuy trí tuệ thấy tột cùng là vậy, nhưng không thể nói rằng Bồ-tát không làm gì hết, điểm đặc biệt này nên lưu ý.

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Thế Tôn! Con quán Bồ-tát chỉ có giả danh, chẳng biết, chẳng được, chẳng thấy thật sự. Con quán Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chỉ có giả danh, chẳng biết, chẳng được, chẳng**

**thấy thật sự. Con sẽ vì những Bồ-tát ma-ha-tát nào tuyên thuyết chỉ bày? Có những pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa nào để nói? Dạy bảo những Bồ-tát ma-ha-tát nào khiến nơi pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm nào chứng được cứu cánh?**

**Thế Tôn! Con quán sát Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa chỉ có giả danh, chẳng biết, chẳng được, chẳng thấy thật sự, mà ở trong đó nói có Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa bèn có nghi ngờ.**

Ngài Thiện Hiện quán thấy Bồ-tát chỉ có giả danh, cũng như cái nhà chỉ có giả danh cái nhà. Quán Bồ-tát như thế, quán pháp Bát-nhã cũng giả danh. Người giả danh, pháp giả danh, không có pháp nào thật có thật đắc, không có người thật để nghe, vậy thì nói với ai và dùng pháp nào

để nói? Phật bảo con dạy Bồ-tát khiến chứng được pháp Bát-nhã sâu thẳm, làm sao dạy? Ngài thưa lên chỗ nghi ngờ của mình, cũng là nhắc lại cho chúng ta nhớ quán sát người và pháp đều giả danh. Dù gọi là Bồ-tát hay pháp Bát-nhã cao tột, trong đó cũng chẳng thật có Bồ-tát, thật có pháp Bát-nhã để chứng đắc.

**Thế Tôn! Tên Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm và tên Bồ-tát đều không quyết định, cũng không trụ xứ.**

Tên Bát-nhã và tên Bồ-tát đều không quyết định, trụ xứ. Như tên của chúng ta có quyết định, có trụ xứ không? Nếu có quyết định thì không thay đổi, nhưng nó thay đổi tùy trường hợp, tùy thời gian. Cha mẹ sanh ra ở nhà kêu tên khác, đến trường kêu tên khác, người xuất gia cũng có tên khác, đôi khi bạn bè lại kêu tên khác nữa. Nó là một vòng thay đổi không

có gì quyết định chắc chắn. Con người chúng ta là dòng biến chuyển nên cũng không có trụ xứ. Như tên Nguyễn Văn A lúc mười lăm tuổi, đến khi sáu mươi tuổi gặp lại, chúng ta không nhớ. Nếu có trụ xứ thì y nguyên, nhưng con người, hoàn cảnh, các pháp đều không ở nguyên một chỗ, đổi dời liên tục. Ngay khi đang kêu tên mình đây, nó cũng không phải là mình, nó là một dòng biến đổi không ngừng. Chấp có một cái tên cố định hay con người thật cố định là không đúng lý Bát-nhã.

Hiểu như vậy mới biết rõ ràng tên Bồ-tát, tên Bát-nhã không trụ xứ không quyết định. Như vậy lấy cái gì để dạy cái gì? Đó là chỗ chẳng biết, chẳng được, chẳng thấy thật sự, không để cho tâm phàm phu bám víu, vì thế nói tên Bát-nhã, tên Bồ-tát đều không có quyết định, không có trụ xứ.

**Vì cớ sao? Vì hai tên như thế đều không thể có, không thể có pháp, không định, không trụ. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế, tâm không chìm lặng, không lui sụt, không kinh sợ, tin hiểu sâu xa, phải biết Bồ-tát ma-ha-tát ấy an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa thường không xa lìa, lấy không chỗ trụ làm phương tiện, an trụ địa vị Bồ-tát bất thối chuyển.**

Học Bát-nhã, thấy Phật bảo ngài giảng mà ngài không giảng gì hết, chỉ nói Bồ-tát không có, pháp Bát-nhã không có, người không thật, pháp không thật, không chỗ trụ, không quyết định. Tưởng như không giảng Bát-nhã nhưng thật sự là đang giảng Bát-nhã. Kết thúc, ai nghe như vậy tâm không chìm, không lui sụt..., đó là *an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ*

*địa vị Bồ-tát bất thối chuyển.* Học Bát-nhã thấy rất lạ.

**Lại, Thế Tôn! Chư Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ sắc, không nên trụ thọ, tưởng, hành, thức. Vì cớ sao? Nếu trụ nơi sắc là hành sắc, không phải hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; nếu trụ thọ, tưởng, hành, thức là hành thọ, tưởng, hành, thức, không phải hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

Tinh thần Bát-nhã là tinh thần không kẹt, không trụ trong năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì nếu trụ ở sắc là hành sắc, thấy sắc uẩn thật có.

Có trí tuệ thì thấy sắc uẩn không thật nên không trụ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, nếu thấy thật tức là đang

hành thọ, tưởng, hành, thức, không phải hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Mỗi ngày chúng ta tụng Bát-nhã mà có trụ nơi năm uẩn không? Nếu có trụ tức là hành năm uẩn, không phải hành Bát-nhã, huống nữa là hành thâm. Tu tập trí tuệ Bát-nhã, nếu chưa quán năm uẩn một trăm phần trăm giả, ít ra cũng phải quán hai mươi, ba mươi phần trăm giả; nếu thấy nguyên vẹn thật là năm uẩn thì biết công phu chúng ta chưa đến đâu. Hành Bát-nhã là không trụ năm uẩn; trụ năm uẩn là hành năm uẩn chứ không phải hành Bát-nhã. Nhớ cho thật kỹ điều đó.

**Vì cớ sao? Vì không chấp hành là hay nhiếp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Không nhiếp Bát-nhã ba-la-mật-đa thì đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể tu tập.**

*Vì không chấp hành là hay nhiếp Bát-nhã ba-la-mật-đa,* người nào không chấp cái hành đó là nhiếp Bát-nhã ba-lamật-đa. *Nếu không nhiếp Bát-nhã ba-la-mật-đa thì đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể tu tập.* Nghĩa là tu mà đừng chấp; như khi đang thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thấy có người đang hành Bát-nhã, có pháp Bát-nhã được hành, như thế là *chấp hành.* Bát-nhã không thật mà chấp có cái hành thật thì không đúng. Vì thế nói không chấp có hành thật, đó mới là hành Bát-nhã.

**Nếu đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể tu tập thì nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể viên mãn.**

Không tu tập Bát-nhã thì đối với trí Bát-nhã không viên mãn rốt ráo. Tu tập Bát-nhã là không chấp mình đang tu Bát-nhã, mới thật sự tu Bát-nhã. Chúng ta tu

Bát-nhã phá từng giai đoạn. Thứ nhất, phá năm uẩn không thật tức là phá ngã. Thứ hai, không chấp năm uẩn mà còn thấy có trí tuệ Bát-nhã để phá năm uẩn, tức là còn thấy có pháp, cũng chưa phải thật sự hành Bát-nhã; vì thế đến giai đoạn hai, phá luôn cái thấy có phá năm uẩn. Năm uẩn đã không thật, cái soi năm uẩn làm sao thật được. Như bóng dáng của ngoại trần rơi rớt trong tâm thức chúng ta, khi khởi tâm nghĩ duyên theo bóng dáng đó, cái khởi nghĩ có thật không? Bóng đã không thật thì cái duyên theo làm sao thật được.

Nên biết năm uẩn là không thật thì cái chiếu rọi năm uẩn cũng là không thật. Thấy rõ như vậy nên không chấp cái hành, tu tập như vậy mới viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa.

**Nếu nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể viên mãn thì không thể được Nhất thiết trí trí.**

Tại sao ở đây nói thêm chữ *Nhất thiết trí trí*? Thường thường trong kinh hay giản trạch Nhất thiết trí là hàng Thanh văn, Nhất thiết trí trí là hàng Bồ-tát, còn Nhất thiết chủng trí là trí của Phật. Nhất thiết trí là trí thấy biết tất cả. Thấy tất cả thế gian này từ người, vật cho đến bản thân mình không một tí một ly nào mà chẳng phải tự tánh không. Thấy tất cả pháp tánh không là thấy được lẽ thật của nó, đó là trí thấy biết tất cả. Nếu chỉ biết trong phạm vi nào đó là chưa thấy biết tất cả. Thấu triệt các pháp đều duyên hợp, bản tánh là không, thấu suốt lẽ đó, thấy mãi mãi như vậy, không nghi, không quên đó là Nhất thiết trí. Trí này, thêm chữ trí sau để nói điều gì? Biết thấu một vật là

một trí, biết tất cả vật là nhất thiết trí, mà trí biết được trí đó nữa gọi là *Nhất thiết trí trí,* đó là trí trong nhà Phật nói.

Đôi khi chúng ta phải dùng kiêu mạn để trị kiêu mạn. Nói rằng: Tất cả chúng ta đều có thể được Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì nếu chúng ta chịu khó thấy tột cùng các pháp cái nào cũng tự tánh là không, thấy đúng lẽ thật, đúng chân lý của nó là trí. Biết rõ trí đó là trí nhất thiết trí. Ai cũng có thể đi đến chỗ đó được. Người áp dụng Bát-nhã tu như vậy thì suốt ngày an lạc. Dùng trí nhất thiết trí thấy cùng tột các pháp không thật, còn gì để phiền não, để hơn thua, phải quấy. Cả ngày mình sống nhìn trời, nhìn mây mà tâm an nhiên tự tại, không có gì để bực bội. Có gì thật đâu mà bực bội, có khen có chê mình cũng là trò chơi, xử tốt xử xấu với mình cũng là trò chơi, có gì đâu. Chúng ta tu thật là tu

mà không tu gì hết. Tu Bát-nhã là tu bằng trí tuệ, tu không kìm hãm gượng ép. Thấy đúng như thật, tâm buông xả mọi điều, tự tại giải thoát ngay trong cuộc sống, giải thoát ngay mọi đối tượng; không đợi dứt hết phiền não, tâm lặng yên rồi mới giải thoát.

**Nếu không thể được Nhất thiết trí trí thì không thể nhiếp và sở nhiếp hữu tình. Vì thế, không nên nhiếp thọ các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì cớ sao? Vì sắc đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể nhiếp thọ. Vì sắc không thể nhiếp thọ nên không phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức không thể nhiếp thọ, nên không phải thọ, tưởng, hành, thức.**

*Không được Nhất thiết trí trí thì không thể nhiếp và sở nhiếp*, là hay nhiếp

phục mình và nhiếp phục được chúng hữu tình. *Vì thế, không nên nhiếp thọ các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức.* Nhiếp là thu, thọ là nhận. Không nên thu nhận các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Đây là chỗ quan trọng của người tu Bát-nhã, muốn nhiếp phục chính mình trước tiên không nên nhiếp thọ năm uẩn. Tại sao? *Vì sắc đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể nhiếp thọ.* Trí tuệ Bát-nhã thấy sắc không thật, không thể thu nhận, không thấy sắc là thật, nên sắc mà không phải sắc. *Thọ, tưởng, hành, thức, không thể nhiếp thọ, nên không phải thọ, tưởng, hành, thức.* Rõ ràng ngũ uẩn giai không. Không thu nhận, tức là không thật, không thật tức là nó mà không phải nó. Nói năm uẩn là nói một cách giả danh, giả hiệu, không thật. Không thật thì không có gì để chấp. Hiểu được như vậy, thấy được như vậy là đang hành Bát-nhã. Những câu này đảo đi đảo

lại rất khó hiểu. Toàn bộ sáu trăm quyển Bát-nhã tới lui chỉ nói như thế, tôi đọc hết rồi mới thấm thía cái hay của nó.

**Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm cũng không thể nhiếp thọ nên không phải Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chư Bồ-tát ma-ha-tát nên hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế. Nếu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế, ấy gọi là Bồ-tát.**

Dùng Bát-nhã để phá năm uẩn, ngược lại Bát-nhã cũng không thật, không thể thâu nhận được, vì vậy cũng không phải Bát-nhã. Theo thứ tự, phá lớp ngoài thấy không thật, phá đến lớp trong cũng không thật luôn. Nghĩa là phá khách thể rồi phá luôn chủ thể.

Người *thực hành Bát-nhã sâu thẳm như thế gọi là Bồ-tát.* Như vậy làm Bồ-tát

khó hay dễ? Chỉ dùng Bát-nhã soi tột cùng ngũ uẩn không thật, trí chiếu soi đó cũng không thật. Các phiền não trói buộc, lôi cuốn chúng ta đều do ngũ uẩn, biết rõ ngũ uẩn không thật thì còn gì lôi kéo? Ngũ uẩn là ngã, cái hay biết ngũ uẩn không thật là pháp, pháp không thật, ngã không thật, ngã pháp đều xong. Ngã pháp ngay chính mình không phải ngã pháp ở ngoài. Thấy được như vậy là Bồ-tát con, hay là Bồ-tát bậc trung. Làm Bồ-tát không khó, không cần trèo non lội biển, chỉ có chiếu soi lại chính mình. Chiếu soi không được thì không làm Bồ-tát được.

**Đối tất cả pháp không nhiếp thọ, được định rộng lớn, không đối, vô lượng, quyết định không chung với Thanh văn, Độc giác, cũng không nhiếp thọ Nhất thiết trí trí.**

*Đối tất cả pháp không nhiếp thọ*, tức là không thu nhận, lúc đó *được định rộng lớn*. Đi chơi ngoài đường cũng định, tâm an nhiên, không kìm không giữ, đó là định rộng lớn. Năng sở không còn nên định đó *không đối*. Định ấy *vô lượng, quyết định không chung với Thanh văn, Độc giác, cũng không nhiếp thọ Nhất thiết trí trí.* cái tên Nhất thiết trí trí đến đây cũng không chấp nhận. Chỉ còn cái không phân biệt mà không hoại. Nhất thiết trí trí là Bồ-tát phân biệt với Thanh văn, Độc giác. Chỗ cuối cùng không còn phân biệt, không biến hoại, không nói là gì. Chỗ này thật sâu thẳm.

**Vì cớ sao? Vì Nhất thiết trí trí này không phải chấp tướng mà tu được, các thứ chấp tướng đều là phiền não. Nếu chấp tướng tu được Nhất thiết trí trí thì Phạm chí Thắng Quân đối với**

**Nhất thiết trí trí không nên tín giải. Phạm chí Thắng Quân tuy do sức tín giải quy thú Phật pháp gọi là tùy tín hạnh, mà hay dùng ít phần trí quán tất cả pháp tánh nó là không, ngộ nhập Nhất thiết trí trí.**

*Nhất thiết trí trí này không phải chấp tướng mà tu được,* vì còn chấp tướng là còn phiền não. Trí này không tu không đắc, tất cả pháp tự tánh không, nên không chấp không dính mắc bất cứ hình thức nào. Buông bỏ tất cả pháp, buông bỏ trí có chiếu soi, an nhiên tự tại rộng thênh thang. Cuối cùng là Nhất thiết trí trí cũng buông, không chấp giữ. Người tu dầu cho siêng năng, thực hành thiền định miên mật, trong tâm còn vướng mắc hình tướng mình đang tu, vẫn là chưa gột sạch phiền não.

*Nếu chấp tướng tu được Nhất thiết trí trí thì Phạm chí Thắng Quân đối với Nhất thiết trí trí không nên tín giải.* Phạm chí Thắng Quân nghe nói về Bát-nhã phát tâm tin hiểu, vì nói về chấp tướng thì bên Phạm chí chấp hình tướng rất nhiều, không đưa đến giải thoát, không được Nhất thiết trí trí. *Phạm chí Thắng Quân do sức tin hiểu mà quy thú Phật pháp.* Người vào Phật pháp có hai hạng: một là tùy tín hạnh; hai là tùy giải hạnh. Tín là niềm tin, từ lòng tin tiến vào đạo là tín hạnh, do hiểu mà vào đạo là giải hạnh. Phạm chí Thắng Quân đến với đạo là tùy tín hạnh, ông có được ít phần trí thấy tất cả pháp tánh không, nhờ đó ngộ nhập Nhất thiết trí trí.

**Ngộ nhập rồi không chấp tướng sắc, không chấp tướng thọ, tưởng, hành, thức. Không lấy hỷ lạc quán**

**thấy trí này, không lấy nội sắc, thọ, tưởng, hành, thức quán thấy trí này; không lấy ngoại sắc, thọ, tưởng, hành, thức quán thấy trí này; không lấy cả nội ngoại sắc, thọ, tưởng, hành, thức quán thấy trí này; không lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức quán thấy trí này.**

Chỗ này nghe như đọc thần chú. Khó làm sao! Khi *ngộ nhập* Nhất thiết trí trí rồi thì *không chấp tướng sắc, không chấp tướng thọ, tưởng, hành, thức,* câu này dễ hiểu. *Không lấy hỷ lạc quán trí này,* nghĩa là không do hỷ lạc thấy được Nhất thiết trí trí, câu này giản trạch để chúng ta không nhận lầm. Khi ngồi thiền, quán chiếu thấy tướng lạ hoặc được tâm hỷ lạc, cho là mình được đạo, chưa phải là Nhất thiết trí trí. Vì Nhất thiết trí trí rất cụ thể thực tế, thường còn, không phải tướng hỷ lạc. Tất cả tướng hỷ lạc đều vô thường, trí

này thường còn mà không có tướng, vì thế không phải lấy hỷ lạc mà quán trí này.

Đây chia ra nội sắc, thọ, tưởng, hành, thức và ngoại sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Cũng như tứ đại trong và ngoài bồi bổ nhau mới hình thành, ngũ uẩn cũng phải có trong và ngoài hỗ trợ nhau mới thành tựu. Thí dụ, sắc uẩn không có tứ đại ngoài bồi bổ có thành không? Thọ, tưởng, hành, thức cũng phải có nội và ngoại hợp lại mới thành. Đoạn này nói *Không lấy nội sắc, thọ, tưởng, hành, thức quán thấy trí này; không lấy ngoại sắc, thọ, tưởng, hành, thức quán thấy trí này; không lấy cả nội ngoại sắc, thọ, tưởng, hành, thức quán thấy trí này; không lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức quán thấy trí này.* Vậy Nhất thiết trí trí nằm ở đâu? Nếu nằm ngay năm uẩn thì năm uẩn tánh không, năm uẩn là đối tượng sở quán, trí này không

nằm trong năm uẩn. Trí này cũng không đứng ngoài năm uẩn, không thể tách rời năm uẩn. Nó không trong, không ngoài, không cả hai trong và ngoài. Cả ba trường hợp đều không được Nhất thiết trí trí. Như vậy rời thọ, tưởng, hành, thức có Nhất thiết trí trí hay không? Cũng không được. Chỗ này gọi là *bất tức bất ly.*

**Phạm chí Thắng Quân lấy môn ly tướng như thế đối Nhất thiết trí trí thâm sanh tín giải, đối với tất cả pháp đều không thủ trước.**

*Ly tướng* tức là không kẹt tướng trong, tướng ngoài của năm uẩn và tướng cộng hợp trong ngoài của năm uẩn, cũng không có tướng lìa năm uẩn. *Đối Nhất thiết trí trí thâm sanh tín giải, đối với tất cả pháp đều không thủ trước,* tin sâu trí này, đối các pháp không chấp không giữ, không tìm ra nơi chốn. Sau này ngài Lâm Tế nói

*có một vô vị chân nhân*, một người chân thật không ngôi vị, nếu còn có ngôi vị chỗ nơi thì không phải chân thật. Tư tưởng Bát-nhã dẫn đầu cho những tư tưởng như thiền và các pháp Đại thừa khác.

Chúng ta thấy rõ chỗ này, không thể chấp cho trí tuệ chân thật cứu cánh ở trong hay ở ngoài... Có người yêu cầu chỉ ra chân tâm Phật tánh ở đâu, chúng ta chỉ được không? Đó là câu hỏi không đúng. Nói có trụ xứ là có hình tướng, Phật tánh không hình tướng, nếu trả lời một trăm chỗ cũng không đúng. Vì thế, đoạn này nói Nhất thiết trí trí không chỗ, không hình tướng thênh thang trùm khắp, đối tất cả pháp không thủ trước.

**Phạm chí Thắng Quân lấy môn ly tướng nơi Nhất thiết trí trí được tín giải rồi, đối với tất cả pháp đều không**

**chấp tướng, cũng không suy nghĩ các pháp không tướng.**

Tin hiểu sâu Nhất thiết trí trí rồi, đối các pháp không còn chấp tướng cũng không nghĩ đến không tướng. Chúng ta thấy có hai giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất dùng Bát-nhã để phá chấp tướng đến chỗ không tướng. Nhưng nếu còn chấp không tướng thì chưa phải là Bát-nhã. Giai đoạn hai là không chấp không tướng. Vì thế nói không suy nghĩ chấp tướng, không suy nghĩ chấp không tướng.

**Như thế Phạm chí do sức thắng giải đối tất cả pháp không thủ, không xả, không đắc, không chứng. Khi ấy Phạm chí kia đối với tín giải của mình cho đến với Niết-bàn cũng không chấp trước, vì lấy pháp tánh chân thật làm định lượng vậy.**

*Không thủ, không xả, không đắc, không chứng.* Vì sao? Vì có thủ, có chấp trước nên mới có xả. Hết thủ rồi, xả cũng bỏ luôn. Có thủ mà không xả thì đầy nhóc cái bụng. Hết thủ rồi xả riết thì còn xương bọc da. Không thủ, không xả nên không đắc, không chứng. Khi tu tập mà cầu mong chứng đắc là tâm cầu mong quá nặng, là còn chấp tướng. Còn chấp tướng thì không thể đạt được Nhất thiết trí trí. Khi nghe ai khoe mình chứng đắc cái này cái kia thì biết chưa hết thủ xả. Đến chỗ hết thủ hết xả thì hỏi gì cũng chỉ cười, không nói chứng đắc, còn một cái để nói tức là còn chỗ chấp.

*Cho đến với Niết-bàn cũng không chấp trước,* với sức tin hiểu thâm sâu Bát-nhã, ngay cả Niết-bàn cũng không chấp trước. *Vì lấy pháp tánh chân thật làm định lượng*, pháp tánh chân thật là vô

phân biệt, không còn gì để suy nghĩ. Đó là chỗ cứu cánh của người tu Bát-nhã.

**Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm ấy, nên biết đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không nhiếp thọ. Tuy đối với các pháp không có chỗ nhiếp thọ, nếu chưa viên mãn mười lực của Như Lai, bốn vô úy, bốn vô ngại giải và mười tám pháp Phật bất cộng v.v... trọn không có giữa đường vào Niết-bàn.**

Chỗ đặc biệt của Bồ-tát là đối với năm uẩn không nhiếp thọ, tuy vậy *nếu chưa viên mãn mười lực, bốn vô úy, bốn vô ngại giải, mười tám pháp bất cộng*, nghĩa là chưa thành Phật thì *không ở giữa chừng mà vào Niết-bàn*. Chúng ta tu ai cũng mong được Niết-bàn sớm chừng nào tốt

chừng ấy. Muốn giải thoát, muốn được Niết-bàn mà đối với năm uẩn chấp chặt, luôn nhiếp thọ thân năm uẩn thì mong ước không thành tựu.

Bồ-tát đối với năm uẩn không nhiếp thọ, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, thấy không thật đáng lẽ không tạo thân. Nhưng vì chưa viên mãn những điều kiện thành Phật nên vẫn tiếp tục thọ thân để tu cho đến viên mãn. Đó là chỗ khác nhau giữa Bồ-tát và A-la-hán.

Hàng Bồ-tát sức lực mạnh, tâm từ bi rộng lớn nên tuy đủ điều kiện vào Niết-bàn mà không vào. Các ngài đối với thân năm uẩn không chấp, không còn nghiệp tái sanh, nhưng vì chưa viên mãn Phật quả nên các ngài nương nhờ nguyện lực để tiếp tục con đường tu hành đến chỗ cứu cánh. Bồ-tát tái sanh do nguyện lực,

không do nghiệp lực, ngay đây thấy năm uẩn là không, còn gì để tạo nghiệp.

**Nên biết Bồ-tát ma-ha-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, tuy không chấp trước mà hay thành tựu các sự nghiệp thù thắng.**

Không chấp trước mà làm tất cả việc. Điều này hết sức kỳ đặc. Thường tình đối với việc không quan trọng, giả dối, chúng ta không làm. Bồ-tát biết tất cả pháp huyễn hóa nhưng cứ lao vô đó làm tất cả để cứu độ chúng sanh. Chúng sanh có huyễn hóa không? Bát-nhã ba-la-mật-đa còn huyễn hóa huống gì chúng sanh. Chúng sanh huyễn hóa thì cái khổ cái vui có huyễn hóa không? Thí dụ cha mẹ mới có một đứa con xinh đẹp dễ thương, giữa trưa nó ngủ, nằm mộng giãy khóc. Cha mẹ biết là mộng nhưng vẫn chạy lại kêu vỗ nó thức giấc. Vì tình thương quá nặng, thấy

con khóc không nỡ bỏ. Bồ-tát cũng vậy, động cơ giáo hóa chúng sanh là từ bi, nếu không từ bi thì mặc chúng sanh huyễn hóa, các ngài không làm gì. Biết chúng sanh tạm bợ giả dối nhưng một cái khổ nhỏ cũng không bỏ, lăn lộn giữa đời giáo hóa không chán. Vì thế nói *tất cả Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không thật, không chấp trước mà hay thành tựu sự nghiệp thù thắng,* làm đủ mọi việc lợi ích chúng sanh để thành tựu Phật quả.

Chỗ khác nhau giữa Bồ-tát và Thanh văn: Thanh văn cũng có từ bi nhưng chỉ trong đời này, trong lúc tu các ngài cũng có công hạnh từ bi hỷ xả. Khi dứt nghiệp rồi các ngài nhập Niết-bàn yên tịnh, không nghĩ chuyện độ sanh. Chư Bồ-tát dùng trí tuệ quán biết chúng sanh huyễn hóa, các ngài dứt nghiệp rồi nhưng chưa viên mãn công đức, vì thế nguyện hành

hạnh từ bi đến lúc đầy đủ công hạnh thành Phật mới thôi. Ngay khi có thể nhập Niết-bàn mà không nhập, phát nguyện ở đời tiếp tục độ chúng sanh, nếu không có động lực từ bi không thể vào sâu chỗ này. Bồ-tát là người có sức mạnh mà không tự mãn cho rằng mình được như vậy là đủ, rồi an vui vào Niết-bàn thảnh thơi. *Thành tựu các sự nghiệp thù thắng* tức là làm tất cả công hạnh đưa đến Phật quả.

**Lại, Thế Tôn! Chư Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên quán sát thế này: Những gì là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Vì sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế phải làm thế nào?**

**Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát kia khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên quán sát thế này. Nếu pháp không**

**chỗ có, chẳng thể được thì trong Bát-nhã ba-la-mật-đa không chỗ có ấy, lấy cái gì mà gạn hỏi?**

**Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi đối với việc như thế quán sát kỹ càng, tâm không chìm lặng, không lui sụt, không kinh sợ, nên biết đó là không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm.**

Đoạn này có ba câu hỏi: *Những gì là Bát-nhã? Sao gọi là Bát-nhã? Bát-nhã như thế phải làm sao?* Chúng ta phải tu tập thế nào để trả lời ba câu trên? Bồ-tát nên quán sát thế này: *Nếu pháp không chỗ có, chẳng thể được, thì trong Bát-nhã ba-la-mật-đa không chỗ có ấy lấy gì mà gạn hỏi.* Giai đoạn thứ nhất là phá danh hiệu tướng trạng Bát-nhã. Giai đoạn thứ hai là phá cái gạn hỏi về Bát-nhã. *Pháp không chỗ có,* tức là các pháp không tướng, là đối tượng của trí Bát-nhã. Nếu hai cái

đó hết rồi, thì cái gì hiện? Đối tượng đã phá rồi, Bát-nhã cũng phá, năng sở đều mất. Kế đến, niệm quán hỏi về danh tự, tướng trạng Bát-nhã cũng phá luôn. Đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu. Tinh thần Bát-nhã tột cùng không cho vướng kẹt một chỗ nào, mới thật tới chỗ cứu cánh.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Nếu sắc lìa sắc tự tánh; thọ, tưởng, hành, thức lìa thọ, tưởng, hành, thức tự tánh; Bát-nhã ba-la-mật-đa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa tự tánh; Nhất thiết trí trí lìa Nhất thiết trí trí tự tánh, thì do nhân duyên gì chư Bồ-tát ma-ha-tát không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa?**

Đây nêu lên ba vấn đề. Thứ nhất, năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức lìa tự tánh

sắc, thọ, tưởng, hành, thức, năm uẩn không có tánh cố định. Thứ hai là Bát-nhã lìa tự tánh Bát-nhã, không có tánh sẵn có cố định. Thứ ba là Nhất thiết trí trí lìa tự tánh Nhất thiết trí trí, không có tánh cố định sẵn có. Cả ba đều không thật, không có tự tánh, vậy *do nhân duyên gì chư Bồ-tát không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa?* Như vậy là Bồ-tát có thật, Bát-nhã có thật?

**Ngài Thiện Hiện đáp:**

**- Đúng như vậy, Xá-lợi Tử! Các sắc lìa sắc tự tánh; thọ, tưởng, hành, thức lìa thọ, tưởng, hành, thức tự tánh; Bát-nhã ba-la-mật-đa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa tự tánh; Nhất thiết trí trí lìa Nhất thiết trí trí tự tánh. Bát-nhã ba-la-mật-đa tự tướng cũng lìa tự tướng, Bát-nhã ba-la-mật-đa tự tánh cũng lìa tự tánh, tướng cũng lìa tự**

**tánh, tự tánh cũng lìa tướng, tướng cũng lìa tướng, tự tánh cũng lìa tự tánh, năng tướng cũng lìa sở tướng, sở tướng cũng lìa năng tướng, năng tướng cũng lìa năng tướng, sở tướng cũng lìa sở tướng.**

Như đã nói, năm uẩn là hợp thể của con người, năm uẩn không có tự tánh nên lìa tự tánh. Bát-nhã là pháp tu tập, Bát-nhã không tự tánh nên lìa tự tánh. Nhất thiết trí trí là trí tuệ viên mãn của người tu Bát-nhã, trí này không tự tánh nên lìa tự tánh. Cả ba: con người năm uẩn không thật, Bát-nhã không có tự tánh thật, Nhất thiết trí trí cũng không có tự tánh thật.

Đây nói thêm, *Bát-nhã ba-la-mật-đa tự tướng lìa tự tướng*, nghĩa là tự tướng của nó cũng không có tự tướng.

Bát-nhã không có tự tướng, không có tự tánh, *tướng cũng lìa tự tánh* vì tướng không có tự tánh nên nói lìa tự tánh, *tự tánh cũng lìa tự tánh*. Vì tướng không có tướng thật nên nói *tướng lìa tướng*, tự tánh của nó không thật nên nói *tánh lìa tự tánh.*

*Năng tướng cũng lìa sở tướng, sở tướng cũng lìa năng tướng*. Thế nào là năng tướng, thế nào là sở tướng? Thí dụ cái khăn do những sợi chỉ tạo thành. Cái khăn là sở tướng, sợi chỉ là năng tướng. Sở tướng không có tánh cố định của nó. Nếu rời những sợi chỉ ra, có tướng của cái khăn không? Vì vậy *sở tướng lìa sở tướng.* Những sợi chỉ kết thành cái khăn này, bản thân sợi chỉ thật không? Nó do tơ bông vải quấn lại thành sợi chỉ. Như vậy sợi chỉ là năng tướng cũng không có thật, nên nói *năng tướng cũng lìa năng tướng.* Sở tướng,

năng tướng đều lìa. Sở tướng là tướng bị thành, đã thành, vì do duyên hợp nên không thật. Các duyên kết hợp để thành tướng cũng không thật. Năng tướng, sở tướng đều là duyên hợp, đã là duyên hợp thì không có cái nào thật hết, cả hai đều lìa, chữ lìa là như vậy. Năng tướng lìa năng tướng, sở tướng lìa sở tướng, Bồ-tát ma-ha-tát hiểu như vậy là hay biết đúng nghĩa thật, hằng không lìa xa Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm.

Từ con người đến mọi sự mọi vật, cái nhà, bàn ghế, đồng hồ, cái ly cái tách... đều là tướng duyên hợp. Quán sát phân tích chúng từ thô đến tế đều lìa tự tánh tự tướng. Thế gian này không có cái sẵn có cố định, nên tự tánh lìa tự tánh. Như có người nói "tánh tôi nóng quá", cái nóng đó có hai nghĩa rõ ràng. Một, tánh nóng nghĩa là nóng sẵn có, không phải mới đây.

Hai, tánh nóng đó y nguyên như vậy sửa không được. Sẵn có là cố định, không đổi được là cố định sẵn có, tự tánh là cái sẵn có cố định, tất cả pháp không có tánh sẵn có cố định, nên nói nó không tự tánh. Vì thế Bát-nhã nói các pháp tánh Không.

Hiểu được lý này là hiểu được tất cả muôn pháp đều không có tự tánh. Pháp bị quán đã không tự tánh rồi, trí Bát-nhã năng quán cũng không tự tánh. Nếu cho rằng Bát-nhã có tự tánh là còn chấp một cái. Cho đến trí liễu ngộ Bát-nhã cũng không tự tánh nên nói Nhất thiết trí trí lìa tự tánh. Bát-nhã phá tột cùng, phá vật bên ngoài, phá bản thân, phá pháp, phá trí ngộ được pháp, không có một cái gì cố định. Thế mà chúng ta hay vỗ ngực xưng mình được cái này, cái kia. Nói "được" là đã cố chấp, cố định rồi. Chỗ tột cùng của

Bát-nhã là không còn bị vướng mắc một điều nào hết.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát học như thế, chóng thành tựu Nhất thiết trí trí chăng?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Đúng vậy Xá-lợi Tử! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát học như thế, chóng thành tựu Nhất thiết trí trí. Vì cớ sao? Xá-lợi Tử! Vì Bồ-tát ma-ha-tát kia biết tất cả pháp không sanh diệt.**

Bồ-tát tu học như thế sẽ chóng thành tựu Nhất thiết trí trí, thấy các pháp không sanh diệt. Phật dạy các pháp là vô thường sanh diệt, nếu như vậy thì trái với điều Phật dạy từ lâu nay. Thí dụ chúng ta xem chiếu bóng, nhìn lên thấy tấm màn trắng không có gì hết. Khi chiếu phim chúng ta

thấy người, vật, đủ mọi thứ... Có phải những hình ảnh ấy mới sanh không? Rồi khi phim hết, có phải hình ảnh mới diệt không? Những hình ảnh trên màn bạc co sanh diệt thật không? Không. Thấy chúng không thật sanh không thật diệt là thấy được lý vô sanh. Tất cả pháp đều như huyễn, sanh không thật sanh, diệt không thật diệt. Tâm Kinh Bát-nhã có câu: *Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm.* Nếu không hiểu lý vô sanh làm sao hiểu mấy câu này. Vì thấy các pháp có thật nên thấy có sanh diệt, còn bị vô thường chi phối. Thấy các pháp huyễn hóa; hiểu như vậy, sống được như vậy là an trụ vô sanh pháp nhẫn, thành tựu Nhất thiết trí trí.

**Xá-lợi Tử! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa**

**sâu thẳm như thế sẽ được gần gũi Nhất thiết trí trí.**

Nhất thiết trí trí là trí viên mãn của Bồ-tát. Đạt được trí này không có gì khó, nếu lúc nào cũng thấy các pháp như huyễn như hóa, rõ ràng như vậy. Nhưng nghe nói các pháp duyên hợp như huyễn hóa tự nhiên chúng ta nghi, vì thấy thật quá mà nói huyễn sao được? Sao gọi là huyễn hóa? Thí dụ nhà ảo thuật hóa hiện một con chim ở trong bàn tay. Con chim có thật không? Trước đây không có, do sức huyễn thuật thấy như có, giây lát thu lại thì mất. Vậy cái có không thật có, chỉ trong thời gian ngắn. Đời sống chúng ta bảy, tám mươi năm thấy lâu dài hơn con vật hóa hiện nên nói nó là hóa, còn chúng ta là thật. Cũng như giấc mộng bao lâu? Thấy người thấy cảnh trong mộng không hơn một tiếng đồng hồ, cuộc sống đó ngắn

ngủi nên nói là mộng, cuộc sống chúng ta dài bảy, tám mươi năm nên cho là thật. Khi ngộ được chân như Phật tánh không sanh không diệt, nhìn lại thân này thì thấy huyễn hóa. Vì thế Phật nói huyễn hóa thì đúng, chúng ta nói huyễn hóa thì sai. Sai là do không thấy được chỗ bất sanh bất diệt mà chỉ nhìn trên tướng sanh diệt. Sanh diệt nào ngắn thì nói là huyễn, dài thì nói là thật. Dài hay ngắn đều như huyễn vì không có thể cố định chân thật. Nếu biết là huyễn hóa thì còn chấp gì không? Kể cả thân này cũng không quan trọng. Tinh thần Bát-nhã phá tất cả chấp là ở chỗ này.

**Lại, Xá-lợi Tử! Chư Bồ-tát ma-ha-tát nếu hành sắc là hành tướng; nếu hành sắc tướng là hành tướng; nếu hành tướng không tướng của sắc là hành tướng; nếu hành sắc sanh là**

**hành tướng; nếu hành sắc diệt là hành tướng; nếu hành sắc hoại là hành tướng; nếu hành sắc không là hành tướng.**

*Hành sắc* tức là chấp nhận sắc có thật, đó là chấp nhận tướng, là *hành tướng* chứ không phải hành Bát-nhã. Bát-nhã phá triệt để tất cả chấp về sắc, nếu còn chấp tướng không của sắc, chấp sắc có sanh diệt, có hoại cũng gọi là hành tướng. Cuối cùng, thấy sắc là không cũng phải phá dẹp, còn giữ một ý niệm về sắc đều không phải Bát-nhã.

**Nếu nói ta hay hành là hành tướng; nếu nói ta là Bồ-tát hay hành là hành tướng; nếu nói ta là Bồ-tát có chỗ được là hành tướng. Nếu hành thọ, tưởng, hành, thức là hành tướng; nếu hành tướng thọ, tưởng, hành,**

**thức tướng là hành tướng; nếu hành tướng không tướng của thọ, tưởng, hành, thức là hành tướng; nếu hành thọ, tưởng, hành, thức sanh là hành tướng; nếu hành thọ, tưởng, hành, thức diệt là hành tướng; nếu hành thọ, tưởng, hành, thức hoại là hành tướng; hoặc hành thọ, tưởng, hành, thức không là hành tướng.**

Đoạn này nói rõ, tất cả chấp đối với sắc, nếu thấy có thật sanh, diệt, hoại, không đều là hành tướng, không phải hành Bát-nhã. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng buông tất cả chấp như đối với sắc. Còn thấy có ta đang thực hành Bát-nhã, còn có sở đắc đều là hành tướng.

**Nếu khởi nghĩ rằng "nếu hay hành như thế là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa" cũng là hành tướng. Nên**

**biết Bồ-tát ấy không có phương tiện khéo léo, tuy có thực hành mà không phải hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

Bồ-tát có phương tiện khéo léo, tuy thực hành Bát-nhã mà không chấp ta đang hành Bát-nhã. Như có người mỗi ngày siêng năng lên chùa tụng Bát-nhã, mười biến, hai mươi biến... khi có ai hỏi thì nói "tôi tụng Bát-nhã". Đó là hành tướng không phải hành Bát-nhã. Còn người không tụng biến Bát-nhã nào hết, đi đứng bình thường, ngồi chơi thong thả, nhìn thấy cái gì cũng biết huyễn hóa không dính không kẹt, người đó có tụng Bát-nhã không? Có. Hành Bát-nhã là tâm niệm thấy đúng như thật để không kẹt, không dính; không phải dùng tướng mạo, ngôn ngữ của người đang hoạt động mà gọi là hành.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát phải hành thế nào gọi là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát nếu chẳng hành sắc, chẳng hành sắc tướng, chẳng hành sắc tướng không tướng, chẳng hành sắc sanh, chẳng hành sắc diệt, chẳng hành sắc hoại, chẳng hành sắc không, đó là Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

**Chư Bồ-tát nếu chẳng hành thọ tưởng hành thức, chẳng hành tướng thọ tưởng hành thức, chẳng hành tướng không tướng của thọ tưởng hành thức, chẳng hành thọ tưởng hành thức sanh, chẳng hành thọ**

**tưởng hành thức diệt, chẳng hành thọ tưởng hành thức hoại, chẳng hành thọ tưởng hành thức không là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

Đoạn trên nói nếu hành sắc là hành tướng không phải hành Bát-nhã. Đoạn này nói *chẳng hành sắc, chẳng hành sắc tướng, chẳng hành sắc tướng không tướng*... Sắc tướng không tướng là sao? Chúng ta nhìn sự vật qua sắc là hành sắc, sắc tướng là tướng mạo của sắc, sắc tướng không tướng tức là khi sắc hoại không có tướng để thấy. Người ta thường sợ rằng học Bát-nhã rồi chấp không, nhưng Bát-nhã bác cả có và không. Chấp tướng sắc, chấp không tướng của sắc cũng là chấp tướng, hành Bát-nhã phải qua hết các chấp này. Thí dụ chuyện chiếu phim, khi xem phim thấy hình ảnh trên màn bạc, có người nói hình ảnh có thật, có người nói

hình ảnh không thật, vì thấy mà rờ không được. Như vậy ai nói đúng? Hình ảnh trên màn ảnh là bóng, không thật mà cũng không phải không ngơ. Người chấp thật có và thật không ngơ đều là ngu si.

Áp dụng trí tuệ Bát-nhã quán sát tướng sắc, tướng không đều không thật. Tướng hiện tiền đang có mặt đã không thật, khi tướng đó ngưng hoạt động cũng không thể nói tướng không ngơ là thật. Như sắc uẩn này do đất nước gió lửa hợp thành. Khi sắc uẩn hoại là hoại giả tướng, còn đất, nước, gió, lửa không hoại. Chấp không ngơ là lầm lẫn. Hoại giả tướng là duyên tứ đại chuyển qua tướng khác, chẳng thể nói không ngơ. Học Bát-nhã phải thấu suốt lý Bát-nhã. *Chẳng hành sắc, chẳng hành sắc tướng, chẳng hành sắc tướng không tướng, chẳng hành sắc sanh, chẳng hành sắc diệt, chẳng hành*

*sắc hoại, chẳng hành sắc không, đó là hành Bát-nhã.* Đến thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, không hành bốn uẩn này cũng như đối với sắc uẩn, gọi là hành Bát-nhã.

**Bồ-tát ma-ha-tát không chấp hành, không chấp chẳng hành, không chấp cũng hành cũng chẳng hành, không chấp phi hành phi chẳng hành, ấy là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

Đây là lý luận của Ấn Độ, Việt Nam chỉ nói hành và chẳng hành, nghĩa là có hành Bát-nhã và chẳng hành Bát-nhã; hoặc có hành sắc hoặc không hành sắc thôi. Đây nói bốn câu chẳng chấp hành, không chấp chẳng hành, không chấp cũng hành cũng chẳng hành, không chấp chẳng phải hành chẳng phải chẳng hành. Hai câu đầu là khẳng định và phủ định. Hai câu sau vừa khẳng định vừa phủ định, không chấp hoàn toàn là không hành, chỉ

chấp nửa hành nửa không hành. Như vậy Bát-nhã phá chấp hoàn toàn theo ngôn ngữ Ấn Độ, trọn vẹn không chừa một lý luận nào.

**Vì cớ sao? Xá-lợi Tử! Vì tất cả pháp đều không thể thủ, không thể tùy hành, không thể chấp nhận, lìa tánh tướng.**

Tất cả pháp ở thế gian này không có gì để chạy theo, không có gì để chấp nhận. Vì nó lìa cả tánh và tướng. Tất cả tướng đều hư dối, nên nói lìa tướng. Tất cả không có tánh cố định sẵn có nên nói lìa tánh. Lìa tướng lìa tánh là như vậy.

**Như thế, gọi là chư Bồ-tát ma-ha-tát đối tất cả pháp được định "Không thủ chấp" rộng lớn không đối, vô lượng, chẳng chung với tất cả Thanh văn, Độc giác.**

*Định Không thủ chấp* là định gì? Nghĩa là định không bám chặt, không dính một vật gì nên gọi là định Không thủ chấp. Định này *rộng lớn không đối, vô lượng.* Như nhìn tất cả bầu trời cây cối nhà cửa mà không lưu tâm chú ý, lúc đó tâm ra sao? Nếu chú ý vào cái nhà, cái cây thì tâm duyên theo một cảnh, có giới hạn, theo một cái khuôn. Nhìn tất cả mà không dính, không kẹt thì tâm thênh thang, nên nói không chỗ nào đối đãi, vô lượng.

Định này khác với định của Thanh văn, Độc giác. Hàng Thanh văn phần nhiều tu tứ niệm xứ, hàng Độc giác hoặc chú tâm quán thân bất tịnh, quán mười hai nhân duyên...; như vậy tâm có giới hạn. Quán tới quán lui thân này thấy nó bất tịnh. Vậy là có chỗ cột, có hình dáng ở trong một khuôn khổ. Quán mười hai nhân duyên từng cái đổi tới đổi lui, cũng

có giới hạn. Người thấy tất cả pháp như huyễn không dính không kẹt thì lấy đâu làm giới hạn? Tu như vậy rất nhàn hạ thảnh thơi. Thấy tất cả pháp thế gian này duyên hợp hư dối, không có gì đáng bận tâm, đáng lo buồn. Kể cả thân này cũng duyên hợp hư dối, nếu lát nữa nó tắt thở thì cũng cười thôi, không rầu không lo, mình không ngồi thiền mà tâm vẫn định. Còn bây giờ thấy thân này thật, nghe nói sắp chết thì hoảng hốt, rối rắm kêu la, cầu cứu, đủ thứ bất an. Nếu thấy thật thì ráng giữ, thấy huyễn giữ làm gì, đi sớm thì khỏi đi muộn. Cuộc sống như thế không nói tu nhiều tu ít, có tự tại giải thoát không?

Người mới tu hôm qua mà được vậy cũng giải thoát. Người tu đôi ba chục năm mà thấy cái nào cũng thật thì chưa giải thoát. Giải thoát không phải do thời gian tu dài ngắn, mà do trí tuệ thấy đúng, tự

mình có sức buông bỏ dứt khoát không còn kẹt còn dính. Ông Tu-bạt-đà-la một trăm hai mươi tuổi, chỉ cần nghe Phật nói một thời pháp liền chứng A-la-hán. Giải thoát không hạn cuộc già trẻ, chứng đạo không phải do thời gian mà do trí tuệ mạnh mẽ dứt khoát. Phải buông dứt khoát chứ không được tay buông tay nắm. Biết tất cả pháp huyễn hóa, nhìn trời nhìn mây, nhìn sự vật không dính mắc bất cứ cái gì, người như thế dù không ngồi thiền một giờ nào cũng là người giải thoát. Bồ-tát tu tập không nhất thiết phải nhập định mới được giải thoát. Nếu trí tuệ mạnh, ngay đó là giải thoát. Vì thế nói không chung cùng với Thanh văn, Độc giác.

**Nếu Bồ-tát ma-ha-tát an trụ định này chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.**

Bồ-tát trụ định này chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Chúng ta tu hạnh này rất hợp, cuốc rẫy trồng khoai mà vẫn trụ định. Làm tất cả việc mà tâm không dính mắc là định. Ngài Huyền Giác nói: *Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, nói nín động tịnh thể an nhiên* là chỗ này. Nếu đợi ngồi thiền mới được định thì ít quá, ngày có một hai tiếng đồng hồ thấm vào đâu! Làm việc cả ngày mà tâm không chạy theo cảnh là định. Cái định đó thênh thang không kìm, không giữ, còn định do ngồi thiền là định hơi kìm. Thực hành Bát-nhã khiến chúng ta được định không giới hạn. Chỉ có Phật mới được thênh thang như vậy, các vị A-la-hán còn có chỗ cột tâm nên không được thênh thang.

**Cụ thọ Thiện Hiện nhờ thần lực của Phật lại bảo Đại đức Xá-lợi Tử:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát an trụ định đây, phải biết đã được Như Lai Ứng Chánh đẳng giác quá khứ hiện tiền thọ ký. Bồ-tát ma-ha-tát kia tuy trụ định này mà chẳng thấy định này, không chấp định này, không nghĩ ta hoàn toàn nhập định này, cũng không nghĩ chỉ có ta hay nhập định này, vì không phải những thứ tầm tư phân biệt như thế, bởi sức định này tất cả không khởi.**

Vì sao câu nói của ngài Thiện Hiện phải *nhờ thần lực của Phật?* Ngài nói rằng nếu Bồ-tát nào an trụ định này thì được chư Phật đời quá khứ hiện tiền thọ ký. Đức Phật quá khứ thọ ký, ai biết được việc đó? Chỉ có Phật mới biết được việc của Phật, ngài là A-la-hán không thể biết. Muốn nói việc của Phật phải nương oai thần của Phật. Chúng ta khi giảng dạy về

công hạnh của chư Phật chư Bồ-tát cũng phải nhờ oai thần của các ngài gia bị. Tức là những điều Phật dạy trong kinh, chúng ta học hiểu rồi đem nói lại cho người sau. Trong kinh có những câu hỏi, hoặc câu trả lời của các Bồ-tát, đều nhờ thần lực của Phật. Điều này nhắc chúng ta biết rõ địa vị của mình đến đâu, làm được gì đều nhờ sức gia hộ, không vượt khỏi phạm vi của mình.

Bồ-tát an trụ định Không thủ chấp thì được thọ ký thành Phật. Nghe nói rất dễ nhưng chúng ta còn nhiều vướng kẹt nên không trụ được định này. Vừa ngồi thiền một chút liền nhớ chuyện này chuyện kia, tâm luôn lăng xăng nên không được thênh thang vô lượng. Bồ-tát ma-ha-tát kia an trụ trong định này mà không thấy định này, không chấp định này, không nghĩ ta hoàn toàn nhập định này. Nếu nghĩ mình

đang nhập định thì còn định thênh thang hay không? Không. Vì thế không thấy, không nghĩ, không chấp. Cũng không nghĩ chỉ có ta hay nhập định này. Tâm lặng lẽ thênh thang không còn những tầm tư phân biệt như thế, nếu khởi quán sát phân biệt thì mất định. Được định này tất cả không khởi, cũng nhờ sức định này nên tâm luôn an trụ.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Nếu chư Bồ-tát ma-ha-tát do trụ định này rồi được chư Phật Thế Tôn thời quá khứ hiện tiền thọ ký, Bồ-tát ma-ha-tát đó hay hiển bày định như thế chăng?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Không thể được, Xá-lợi Tử, vì sao? Vì người thiện nam kia đối định như thế không hiểu, không tưởng.**

Ngài Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện, đại Bồ-tát khi trụ định này có thể hiển bày định như thế không? Hiển bày là hiện bày ra trước mắt, định này không có tướng mạo làm sao hiển bày. Thiện Hiện đáp *không thể được*, vì đối với định này *không hiểu, không tưởng*. Tại sao? Chúng ta thường nghe thiền khách đến hỏi thiền sư câu gì, khi thiền sư trả lời, thiền khách nói: "Bạch Hòa thượng, con không hiểu." Ngài nói: "Không hiểu là tốt." Không hiểu là tốt, đó mới thật sự là định này. Khi khởi niệm hiểu là mất định, nên ở đây nói không hiểu, không tưởng.

**Xá-lợi Tử hỏi:**

**- Cụ thọ nói các người thiện nam kia đối với định như thế không hiểu, không tưởng sao?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Tôi nói quyết định người thiện nam kia đối với định như thế không hiểu, không tưởng. Vì cớ sao? Vì các định như thế đều không chỗ có. Người thiện nam kia đối với định như thế không hiểu, không tưởng, các định như thế đối tất cả pháp cũng không hiểu, không tưởng. Vì cớ sao? Vì tất cả pháp không chỗ có.**

Vì sao nói đối với định này không hiểu, không tưởng? Vì định này không có tướng mạo, không thể hiển bày, ngôn ngữ không nói được chỗ này; nếu có khởi tưởng là có duyên theo bóng dáng, định này không chỗ để khởi tưởng, khởi tưởng đều là vọng. Nếu khởi hiểu là mất định. Luận Đại Thừa Khởi Tín nói về tâm chân như lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng tâm duyên, cũng chính là nói chỗ này.

**Đức Phật khen Thiện Hiện:**

**- Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói, cho nên ta nói ông trụ định Vô tránh rất là bậc nhất. Ông nhờ thần lực Như Lai gia bị hay nói như vậy. Thiện Hiện! Chư Bồ-tát ma-ha-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa nên học như thế. Vì cớ sao? Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay học như thế mới gọi là thật học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm.**

Phật khen ngài Thiện Hiện: *Đúng như lời ông nói*, rất là hay, rất là đúng, *cho nên ta nói ông trụ định Vô tránh* (định không tranh cãi) *rất là bậc nhất*. Ngài được định không tranh cãi, có hai lý do. Lý do thứ nhất là vì ngài không thấy có hai bên: có không, phải trái, tốt xấu... Tất cả tranh cãi của chúng ta đều nằm trong đối

đãi hai bên. Vì chấp chặt cho cái nhìn của mình đúng, cái nhìn của người sai, từ đó sanh tranh cãi. Nếu không chấp phải trái đúng sai... thì không bận tâm tranh cãi. Lý do thứ hai, ngài không thấy có pháp nào thật, không có gì để cãi. Vì thế nên được trụ định Vô tránh. Chúng ta vì thấy các pháp phải thật phải, quấy thật quấy, có thật có, không thật không nên mới cãi. Các ngài thấy tất cả đều huyễn hóa, còn gì để cãi.

Muốn được an trụ định Vô tránh, chúng ta phải tập dùng trí Bát-nhã, thấy tất cả pháp không có thật, không có hai bên. Thử thí nghiệm một ngày thôi, lúc nào cũng không thấy cái gì thật, không thấy cái gì hai bên, ngay đó đang tu tập định Vô tránh, đang ứng dụng Bát-nhã. Luôn luôn không thấy một pháp nào thật mới gọi là thật học Bát-nhã. Nếu chỉ học

sơ sài, khi thấy giả khi thấy thật, đó là không có công phu học Bát-nhã sâu thẳm.

**Xá-lợi Tử bạch Phật:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay học như thế, nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm gọi là thật học chăng?**

**Phật bảo Xá-lợi Tử:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay học như thế, nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm gọi là thật học, vì lấy không chỗ được làm phương tiện.**

Học Bát-nhã chân thật, *lấy không chỗ được làm phương tiện*. Không chỗ được, nguyên chữ Hán là *Vô sở đắc*. Chỗ này chúng ta lưu ý để hiểu đúng tinh thần Bát-nhã. Tâm Kinh Bát-nhã có đoạn: ... *vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề-tát-đỏa y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu*

*khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn.* Nghĩa là do phương tiện không sở đắc nên Bồ-tát y nơi đó dẹp hết điên đảo mộng tưởng được cứu cánh Niết-bàn. *Ba đời chư Phật cũng nương Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.* Do phương tiện vô sở đắc nên Bồ-tát được Niết-bàn, chư Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong Bát-nhã lấy chỗ không sở đắc làm phương tiện nên mới đắc tất cả. Không sở đắc mà đắc tất cả, như vậy không rời hai bên. Nếu không sở đắc rồi quét luôn tất cả thành không ngơ, rất nguy hiểm! Thấy Bát-nhã không thật là không chấp Bát-nhã ba-la-mật-đa; không phải Bát-nhã không thật, người không thật, trí không thật rồi không có Bát-nhã. Thấy không thật tất cả, đó là Bát-nhã;

phủ định rồi khẳng định, không phải chỉ có một chiều. Phải hiểu Bát-nhã như vậy mới không lầm lẫn. Học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế, gọi là thật học. Sở dĩ gọi là thật học là lấy vô sở đắc làm phương tiện.

**Xá-lợi Tử bạch Phật:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay học như thế, lấy không chỗ được làm phương tiện chăng?**

**Phật bảo Xá-lợi Tử:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi học như thế, đối tất cả pháp lấy không chỗ được làm phương tiện.**

Vô sở đắc là phương tiện rất thiết yếu đối với Bát-nhã. Câu *vô sở đắc* liên hệ với các câu sau, là phương tiện để chứng đắc đạo quả vô thượng, để được Niết-bàn.

**Xá-lợi Tử bạch Phật:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát khi học như thế, nơi những pháp nào học?**

**Phật bảo Xá-lợi Tử:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát khi học như thế, không nơi pháp học. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì không phải tất cả pháp có như chúng ngu phu dị sanh chấp.**

Vì vô sở đắc nên không có pháp để học. Chúng sanh cho tất cả pháp là có thật, có pháp để học, có Niết-bàn để chứng đắc, vì thế rốt cuộc không đạt được gì. Bồ-tát học Bát-nhã là học chư pháp tánh không, không chấp vào bất cứ pháp nào, đó là chỗ học của Bồ-tát. Trong đoạn này có nói *chúng ngu phu dị sanh,* sao gọi là dị sanh? Dị sanh là sanh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi người, cõi trời, sanh trong lục

đạo sai biệt gọi là dị sanh. Thấy các pháp có thật là do ngu phu dị sanh chấp có.

**Xá-lợi Tử bạch Phật:**

**- Nếu vậy, các pháp như thế nào mà có?**

**Phật bảo Xá-lợi Tử:**

**- Như không chỗ có, như vậy mà có. Nếu đối với pháp không chỗ có như thế không thể liễu đạt, gọi là vô minh.**

Phật giải thích lý do các pháp có mặt. Làm sao hiểu được *Như không chỗ có, như vậy mà có?* Câu này nghĩa là các pháp không có nhưng mà có. Như cái đồng hồ này trước không có, sau khi các bộ phận ráp lại thì có cái đồng hồ. Thể của nó vốn không, do duyên hợp mới có. Đó là như không chỗ có mà có. Nếu trước nó đã có thì

khỏi đợi duyên hợp. Bởi trước nó không, cho nên nói như không chỗ có.

Lẽ thật của các pháp là như thế, từ con người cho đến muôn vật đều trước là không, đợi duyên hợp mới thành. Câu nói của Phật hết sức đơn giản mà xác nhận chí lý về muôn vật.

Đối với pháp không chỗ có như vậy mà có, không thể hiểu thấu được điều này *gọi là vô minh*. Bát-nhã là trí tuệ dứt trừ vô minh, dùng trí hiểu thấu chỗ không có mà có của các pháp, hiểu thấu lý này là vô minh diệt.

**Chúng ngu phu dị sanh đối với tất cả pháp không chỗ có tánh cố định mà vì thế lực vô minh tham ái tăng thượng nên phân biệt chấp trước hai bên đoạn thường. Do đó không biết, không thấy các pháp không chỗ có**

**tánh cố định mà phân biệt các pháp. Do phân biệt sanh chấp trước, do chấp trước nên phân biệt các pháp không chỗ có tánh cố định.**

Phật chỉ rõ chỗ vô minh cộng với tham ái của chúng sanh. Như ngay thân mình, trước không có, đợi duyên cha mẹ rồi mới có. Khi đợi duyên mới có thì cái có đó không thật, nó là *pháp không có tánh cố định.* Nhưng vì vô minh, phân biệt chấp trước cho thân mình chết rồi hết là chấp đoạn, chết rồi còn là chấp thường. Do vô minh tham ái nên sanh ra những chấp trước như vậy. Nếu biết thân này nguyên là không, đợi duyên hợp mới có, thân này tạm bợ huyễn hóa không thật thì có gì là đoạn là thường? Biết rõ như vậy, không chấp thân, không chấp các pháp thì vô minh tham ái hết, giác ngộ giải thoát không xa. Còn chấp chặt mình là thật, vô

minh tham ái theo nhau đòi hỏi dẫn đi trong mê lầm, tạo thành muôn ngàn thứ nghiệp. Phật chỉ rõ gốc ngọn mê lầm của chúng sanh, do phân biệt chấp trước đối với các pháp không có tánh cố định nên tăng trưởng vô minh tham ái.

**Do đây đối các pháp không thấy, không biết. Lấy các pháp không thấy, không biết đó mà phân biệt quá khứ, vị lai, hiện tại.**

Đối với các pháp không thấy, không biết mà phân biệt ba thời. Chúng ta không thể biết thời gian và sự vật phát nguồn từ đâu. Chúng ta căn cứ trên người, trên vật mà đặt ra thời gian. Thời gian không có thật mà đặt ra quá khứ, hiện tại, vị lai. Thí dụ hỏi đồng hồ này có hồi nào là hỏi về quá khứ. Xài bao lâu hư là hỏi vị lai. Bây giờ nó chạy tốt không là hỏi hiện tại. Thời gian vốn không thật có. Quả đất

quay có nói thời gian nào đâu. Căn cứ trên sự vật thấy cây cối thay lá trổ hoa, tùy theo đó lập ra từng mùa. Thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai là căn cứ trên sự vật mà lập. Sự vật giả dối mà thấy thật là cái lầm thứ nhất. Y cứ trên sự vật giả dối mà đặt ra thời gian, cho là thật có là cái lầm thứ hai. Thời gian giả dối mà chấp ngày lành ngày dữ, tháng tốt tháng xấu là cái lầm thứ ba. Chúng ta đau khổ vì những cái si mê này. Thế gian không biết được lẽ thật của cuộc đời, cứ chấp chặt vào những thứ không thật làm phiền nhau. Người chết lẽ ra mai chôn là vừa, nói ngày đó xấu lắm đợi ngày tốt mới chôn. Có phải làm khổ người ta ba bốn bữa, tốn hao bao nhiêu! Cất nhà cũng lo sợ hỏi thầy, lo xem lịch, chọn ngày tốt tránh ngày xấu v.v... Thật điên đảo từ lớp này sang lớp khác. Phật chỉ cái điên đảo ngu si này, từ đó chúng ta nhận ra những điều đơn giản

chắc thật, cuộc sống bớt rối ren, dần dần nhận ra lẽ thật.

**Do phân biệt nên tham trước danh sắc. Vì tham trước danh sắc nên phân biệt chấp trước pháp không chỗ có. Vì đối pháp không chỗ có phân biệt chấp trước nên không biết không thấy đạo như thật. Không thể xa lìa sanh tử trong tam giới, không tin pháp thật, không giác thực tế. Rơi trong số ngu phu. Do đây chúng Bồ-tát ma-ha-tát đối tánh tướng các pháp trọn không chấp trước.**

Phần nhiều chúng sanh tham trước danh và sắc. Sắc đẹp thì mừng, xấu thì buồn. Có danh phận lớn được người kính trọng thì mừng, khi bị chê bai thì giận tức... Hai cái này là gốc khổ. Danh và sắc là những cái không có thật, chỉ vì chạy

theo chấp trước pháp không thật nên không thấy được đạo lý chân thật. Phật chỉ dạy rõ cội gốc sanh tử trong ba cõi là do tham đắm chấp trước các thứ hư dối không thật, luống chịu làm người ngu.

Bồ-tát đối tất cả pháp tánh tướng đều không chấp trước vì biết nó không thật. Không chấp trước là Bồ-tát, chấp thật là ngu phu. Một sáng một tối rõ ràng như vậy.

**Xá-lợi Tử bạch Phật:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát khi học như thế, đâu không học Nhất thiết trí trí?**

**Phật bảo Xá-lợi Tử:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát khi học như thế, cũng không cầu học Nhất thiết trí trí. Nhưng chư Bồ-tát ma-ha-tát khi học như thế, tuy không chỗ**

**học mà gọi là thật học Nhất thiết trí trí, liền hay gần gũi Nhất thiết trí trí, chóng được thành tựu Nhất thiết trí trí.**

Thế nào là Bồ-tát học Nhất thiết trí trí? Không thấy có Nhất thiết trí trí để học, không có người thật, không có pháp Bát-nhã thật, không có trí thật là Nhất thiết trí trí. Tinh thần Bát-nhã phân tích như vậy có đúng với lẽ thật, với chân lý hay không? Đúng. Tất cả sự vật không một vật nào thật có cố định, tùy theo duyên hợp chuyển biến thành vật này vật kia, không nhất định. Đó là cái nhìn thực tế đúng lẽ thật, cho đến bây giờ khoa học phát minh cũng thấy như vậy. Tinh thần khoa học thấy các vật thể đều chuyển biến không cố định, rất phù hợp tinh thần Bát-nhã. Hệ Bát-nhã đã có mặt hơn hai ngàn năm,

chúng ta thừa hưởng kho trí tuệ chân lý ấy mà không biết ứng dụng, thật đáng tiếc.

Nhất thiết trí trí từ đâu mà ra? Từ thấy tất cả sự vật đúng như thật. Cái nào cũng thấy đúng như thật, đó là trí. Như có món đồ giả, người ta đem tới bán, một số người không biết đồ giả ùa nhau giành mua. Có người biết rõ, nói nó là giả, những người kia không tin. Người ấy bèn thí nghiệm thử cho mọi người thấy, những người mua lầm đều khen người này là trí. Đối với một vật, biết rõ như thật, đó là thành tựu một trí, biết rõ tất cả là thành tựu Nhất thiết trí trí. Bồ-tát học như thế mà không thấy có chỗ học, gọi là chân thật học.

**Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Giả sử có người đến hỏi thế này: "Các ngươi huyễn hóa nếu có tu học Nhất thiết trí trí, hay gần gũi Nhất**

**thiết trí trí và chóng thành tựu Nhất thiết trí trí chăng?" Con bị hỏi như vậy phải đáp thế nào?**

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Ta hỏi lại ông, tùy ý ông đáp. Ông nghĩ sao? Huyễn hóa cùng sắc có khác chăng? Huyễn hóa cùng thọ, tưởng, hành, thức có khác chăng?**

Thiện Hiện hỏi, người huyễn hóa có thể tu học Nhất thiết trí trí không? Hỏi để xác nhận giữa huyễn hóa và Nhất thiết trí trí không khác nhau. Vì thế Phật trả lời bằng cách gạn lại: *Huyễn hóa cùng sắc có khác chăng? Huyễn hóa cùng thọ, tưởng, hành, thức có khác chăng?* Tức là xác nhận sắc, thọ, tưởng, hành, thức là huyễn hóa. Năm uẩn huyễn hóa, Nhất thiết trí trí cũng huyễn hóa. Đã huyễn hóa thì nói

gần, nói học, nói thành tựu cũng chỉ là một lối nói, không có thật.

**Thiện Hiện đáp:**

**- Huyễn hóa không khác sắc, sắc không khác huyễn hóa, huyễn hóa tức là sắc, sắc tức là huyễn hóa, huyễn hóa không khác thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức không khác huyễn hóa. Huyễn hóa tức là thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức tức là huyễn hóa.**

Đoạn này giống trong Tâm Kinh Bát-nhã chúng ta tụng hàng ngày. *Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc.*

Trong câu *sắc chẳng khác không*, không này không phải là không ngơ mà là không tự tánh. Đây dùng chữ huyễn hóa, hiểu huyễn hóa này mới biết chữ không

kia. Có người nghe nói *không* thì cho là chân không, dùng thí dụ không khí, thật quá xa vời.

Không tự tánh là huyễn hóa, *sắc không khác với huyễn hóa.* Tại sao? Huyễn hóa là tạm bợ, sắc cũng tạm bợ, sắc tức là huyễn. Câu kinh *Sắc tức là không, không tức là sắc* phối hợp ở đây rất dễ hiểu. Sắc là huyễn hóa không tự tánh, vì không tự tánh nên chẳng phải một bề là không ngơ, tùy duyên mà thành sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, cũng huyễn hóa. Xác nhận năm uẩn là không, là huyễn hóa.

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Ý ông nghĩ sao? Trong năm uẩn có khởi tưởng, đẳng tưởng, lập bày, nói năng giả danh Bồ-tát ma-ha-tát chăng?**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Bạch Thế Tôn! Có.**

Chúng sanh như huyễn vì do năm uẩn huyễn hóa tạo thành. Đến như các đại Bồ-tát cũng là giả danh, cũng là năm uẩn như huyễn. Không thấy chúng sanh có thật, cũng không thấy Bồ-tát có thật, chỉ là lập bày giả danh mà thôi.

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát cầu thú Vô thượng Bồ-đề, tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa phải học tất cả đều như huyễn hóa. Vì cớ sao? Vì huyễn hóa tức là ngũ uẩn. Bởi tại sao? Vì ta nói ngũ uẩn: Mắt v.v... sáu căn đều như huyễn hóa, trọn không thật có.**

Câu này kết thúc rõ ràng, nếu Bồ-tát học Bát-nhã thì phải thấy tất cả pháp đều như huyễn hóa. Thấy như vậy là học Bát-nhã. Tất cả pháp: năm uẩn, sáu căn hay

sáu trần, sáu thức đều là pháp duyên sanh, cái này nương cái kia mới có. Vì chờ đợi duyên, không có duyên không thành nên nói là huyễn. Bồ-tát học Bát-nhã thấy các pháp không thật có, hàng ngu phu dị sanh chấp trước cho là thật có. Phân biệt hai hạng người như thế.

**Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát mới học Đại thừa nghe nói như thế, đâu khỏi tâm sanh kinh sợ lui sụt?**

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát mới học Đại thừa, gần gũi bạn ác nghe nói như thế, tâm sanh kinh sợ ắt phải lui sụt. Nếu Bồ-tát kia gần gũi bạn lành tuy nghe nói như thế mà không kinh sợ cũng không lui sụt.**

Phương tiện thành tựu cho người học Đại thừa chính là gần gũi bạn lành. Nếu gần gũi bạn ác, nghe nói các pháp huyễn hóa không thật, tâm sẽ kinh sợ, không dám tiến tu. Vì thế sau đây dạy phân biệt bạn ác, bạn lành.

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Thế nào gọi là bạn ác của Bồ-tát?**

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Bạn ác của chư Bồ-tát ma-ha-tát là người dạy bảo chúng Bồ-tát ma-ha-tát khiến lìa bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, khiến lìa Nhất thiết trí trí, khiến học những sách vở thế tục chấp tướng, khiến học kinh pháp Thanh văn, Độc giác, không vì nói việc ma và lỗi của ma, khiến sự tu học không được thành tựu. Đó gọi là bạn ác của Bồ-tát.**

Người dạy bảo chúng sanh rất quan trọng, vì họ nghe theo lời chỉ dạy mà làm đúng hay sai. Trước tiên nói về bạn ác. *Bạn ác là người dạy bảo* chúng sanh *lìa bỏ pháp lục độ, lìa Nhất thiết trí trí* của Bồ-tát, *khiến học sách vở thế tục chấp tướng* vì thế tục học đâu chấp đó, *khiến học pháp Thanh văn, Độc giác, không vì nói việc ma và lỗi của ma, khiến sự tu học không thành tựu.* Đây là chỗ tinh thần Đại thừa phát hiện. Tinh thần Đại thừa không chấp nhận pháp Thanh văn, Độc giác. Trong các kinh Nguyên thủy không bao giờ nhắc đến việc này. Sau thời phân chia ra bộ phái mới có danh từ Đại thừa. Thời bộ phái, các vị Thanh văn chấp chặt vào giáo nghĩa theo cái hiểu riêng của mình, giáo đoàn chia rẽ trầm trọng vì sự cố chấp này. Nếu bây giờ cho học theo Thanh văn thì trở lại cố chấp, sẽ bị kẹt trong đó không thấy được Bát-nhã. Vì muốn dẹp bỏ tất cả

cố chấp, nên không cho học theo kinh pháp Thanh văn, Độc giác.

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Thế nào là bạn lành của Bồ-tát?**

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Bạn lành của chư Bồ-tát ma-ha-tát là người dạy bảo chúng Bồ-tát ma-ha-tát khiến học bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, khiến học Nhất thiết trí trí, khiến lìa sách vở thế tục chấp tướng, khiến lìa kinh pháp Thanh văn, Độc giác, vì nói các việc ma và lỗi của ma, cho hiểu biết phương tiện buông bỏ, khiến sự tu học được chóng thành tựu. Đó gọi là bạn lành của Bồ-tát, tiến đến đạo Đại thừa và đại thệ trang nghiêm.**

*Việc của ma và lỗi của ma* theo tinh thần Bát-nhã là gì? Như mỗi tuần đến ngày giảng kinh Bát-nhã lại có người bị nhức đầu, đau bụng... không nghe được. Đó là ma chướng, là sự ngăn trở không cho mình tu học được đều đặn, hoặc đến ngày học lại có chuyện này, chuyện kia khiến phải đi. Đó là ma chướng làm trở ngại việc tu học, không phải ma bên ngoài tới ám ảnh. Trên đường tu nếu cứ gặp nhiều trở ngại khiến chúng ta không tiến mau, gọi là việc ma.

Bạn lành của Bồ-tát là dạy tu học lục độ, dạy xa lìa chấp trước, *khiến tiến đến đạo Đại thừa và đại thệ trang nghiêm*. Bồ-tát có thệ nguyện lớn, nguyện sau khi thành Phật, thế giới của mình đủ những điều kiện nhân duyên giáo hóa chúng sanh, gọi là đại thệ trang nghiêm. Như đức Di-đà khi còn làm Bồ-tát, nguyện sau

khi thành Phật có thế giới Cực lạc đầy đủ việc tốt đẹp, chúng sanh tu học viên mãn.

Chỗ này nếu không giản trạch rất dễ lầm. Vì cho thân này huyễn hóa, tất cả pháp huyễn hóa, như vậy không cần làm gì nữa. Chúng sanh khổ cũng huyễn hóa, vui cũng huyễn hóa, có cần độ ai không? Thí dụ có một người bạn cùng ngủ chung một nhà với mình, đêm khuya họ thấy mộng dữ, nên la lớn kinh hoàng. Biết đó là mộng, mình nằm yên hay đánh thức họ dậy? Mình tỉnh biết người ngủ mộng, còn người nằm mộng không biết mộng, họ thấy cảnh là thật, nên lo sợ đau khổ. Tỉnh dậy mới hết khổ. Không lẽ cứ để họ khổ, mình ngồi ngó. Trọng tâm từ bi của Bồ-tát, thấy chúng sanh đau khổ, lao vào để cứu họ, đánh thức họ luôn luôn. Đó là ý nghĩa thứ nhất vì lòng từ bi phá cái khổ trong mộng của chúng sanh.

Ý nghĩa thứ hai, Bồ-tát không sợ sanh tử. Biết sanh tử như huyễn, đi hoài ở trong huyễn mộng như dạo chơi. Hàng Thanh văn, Duyên giác thấy sanh tử là khổ thật, không dám tới lần thứ hai, mong nhập Niết-bàn để an trụ. Tinh thần Bồ-tát không cầu giải thoát cho riêng mình. Đi vào đời độ chúng sanh vì thấy đời là huyễn hóa có gì sợ đâu. Do trí Bát-nhã un đúc nên Bồ-tát có sức mạnh, không hạn cuộc thời gian, ở trong sanh tử vô số kiếp cũng không ngán. Chúng ta tu mong mau được giải thoát là còn thấy thật, sanh tử thật phiền nhiễu, muốn được thảnh thơi. Như thế rất ích kỷ không đúng tinh thần Đại thừa. Đại thừa là phải thấy bằng trí tuệ Bát-nhã, đối với tất cả các pháp như huyễn như hóa, vì chúng sanh còn mê nên xông pha để hóa độ, không sợ, không buồn, không nản. Bồ-tát Địa Tạng có lời nguyện, chúng sanh ở địa ngục mà chưa độ hết thì

ngài không chứng Bồ-đề. Vì ngài thấy nó là huyễn hóa không có gì đáng sợ, buông một trăm lần thân huyễn hóa cũng là trò chơi. Chính trí tuệ Bát-nhã là then chốt để thực hành đạo Bồ-tát, giúp chúng ta thêm sức mạnh đi trong lục đạo giáo hóa chúng sanh. Công hạnh độ sanh viên mãn là trang nghiêm bản nguyện.

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Nói rằng Bồ-tát ma-ha-tát, thế nào là cú nghĩa Bồ-tát?**

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Học tất cả pháp không trước, không ngại, giác tất cả pháp không trước, không ngại cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, làm lợi ích hữu tình là nghĩa Bồ-tát.**

Hiểu rõ nghĩa Bồ-tát, rồi hiểu được lý do thọ giới Bồ-tát để không hổ thẹn. Phật

định nghĩa: Bồ-tát là *học tất cả pháp không trước, không ngại.* Học tất cả mà không chấp vào việc học của mình, không bị cái học làm ngăn ngại nên nói không trước, không ngại. Kế đến, Bồ-tát là *giác tất cả pháp không trước, không ngại,* giác ngộ tất cả pháp không, cũng không chấp chỗ giác ngộ của mình, không bị cái giác đó làm trở ngại. Thứ nữa, Bồ-tát là *cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, làm lợi ích hữu tình.* Mục đích của Bồ-tát là thành tựu Phật quả, làm lợi ích chúng sanh. Đủ ba đức tính này gọi là Bồ-tát. Biết rõ như vậy, chúng ta nỗ lực thực hành theo đúng tinh thần Bồ-tát, biết mình có thể làm được sẽ phát tâm dũng mãnh lên.

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Bồ-tát do nhân duyên gì gọi là ma-ha-tát?**

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Do chư Bồ-tát ở trong chúng hữu tình lớn làm bậc thượng thủ nên gọi là ma-ha-tát.**

Bồ-tát ma-ha-tát (Bodhisattva mahasattva) là âm tiếng Phạn, ma-ha-tát Trung Hoa dịch là đại, nghĩa là lớn. Thế nào là Bồ-tát lớn? *Ở trong chúng hữu tình lớn làm bậc thượng thủ.* Bồ-tát là một hữu tình giác ngộ, một hữu tình bậc cao, gọi là hữu tình lớn. Đối trong các Bồ-tát lớn như thế, đại Bồ-tát là vị đứng đầu nên gọi là Bồ-tát ma-ha-tát.

**Xá-lợi Tử bạch Phật:**

**- Con dùng biện tài ưa nói Bồ-tát do nghĩa này gọi là ma-ha-tát, cúi xin Thế Tôn cho con nói.**

**Phật bảo Xá-lợi Tử:**

**- Nay chính phải lúc, tùy ý ông nói.**

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Do chư Bồ-tát có phương tiện khéo léo vì các hữu tình tuyên thuyết pháp yếu khiến đoạn chấp ngã, chấp hữu tình, chấp mạng, chấp bổ-đặc-già-la, chấp có, chấp không, chấp đoạn, chấp thường, chấp tát-ca-da, và các thứ chấp kiến, ý nghĩa này gọi là ma-ha-tát.**

Theo ngài Xá-lợi Tử, sở dĩ gọi Bồ-tát là ma-ha-tát vì các vị ấy có những phương tiện khéo léo, thương xót chúng hữu tình, vì chúng tuyên thuyết giảng dạy khiến họ dứt chấp ngã, chấp hữu tình, chấp mạng. Kinh Kim Cang, Phật dạy: *Nếu Bồ-tát có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức chẳng phải Bồ-tát.* Nên ở đây dạy phải đoạn dứt các chấp về mình,

người... *Bổ-đặc-già-la (pudgala),* Trung Hoa dịch là *sát thủ thú*; sát là thường, thủ là giữ, thú là cõi. *Chấp bổ-đặc-già-la* là chấp có một chủ thể thường còn để giữ gìn lưu chuyển sanh tử trong năm cõi (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người và trời). *Chấp tát-ca-da (satkaya)* là chấp thân kiến; năm uẩn hòa hợp hư giả mà chấp là ngã chân thật. Tất cả kiến chấp về thân, về ngã, dù thô dù tế, các vị Bồ-tát lớn đều đoạn dứt và có phương tiện dạy người đoạn dứt. Ý nghĩa giác ngộ đầu tiên và căn bản của Bồ-tát là dẹp sạch chấp ngã.

**Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Con dùng biện tài ưa nói Bồ-tát do nghĩa này gọi là ma-ha-tát, cúi xin Thế Tôn cho con nói.**

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Nay chính phải lúc, tùy ý ông nói.**

**Thiện Hiện bạch:**

**- Do chư Bồ-tát vì muốn chứng Nhất thiết trí trí, phát tâm Bồ-đề, tâm vô lậu, tâm vô đẳng đẳng, không chung với tâm Thanh văn, Độc giác v.v... Đối với tâm như thế cũng không chấp trước. Nương nghĩa này gọi là ma-ha-tát. Bởi tại sao? Vì Nhất thiết trí trí là chân vô lậu, không sa trong tam giới, tâm cầu Nhất thiết trí trí cũng là chân vô lậu không sa trong tam giới, đối với tâm như thế chẳng nên chấp trước. Thế nên Bồ-tát gọi là ma-ha-tát.**

Ngài Xá-lợi Tử giải thích ý nghĩa đại Bồ-tát về mặt dẹp chấp ngã, các vị Bồ-tát lớn có phương tiện khéo làm lợi ích chúng hữu tình. Ngài Thiện Hiện nói sở dĩ Bồ-tát được gọi là Bồ-tát lớn *vì cầu chứng*

*Nhất thiết trí trí, phát tâm Bồ-đề, tâm vô lậu, tâm vô đẳng đẳng, tâm không chung với Thanh văn, Độc giác.* Theo ý nghĩa này, đại Bồ-tát có nguyện rộng lớn cầu chứng quả Phật, cũng không chấp trước tâm rộng lớn của mình.

Phật có hai trí, Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết trí trí. Nhất thiết trí trí là giác ngộ tất cả, Nhất thiết chủng trí là hiểu thấu tất cả. Theo Đại thừa gọi là căn bản trí và sai biệt trí. Căn bản trí tương đương Nhất thiết trí trí. Trí này là bản giác hay tánh giác sẵn có của chúng sanh. Khi mê lầm không nhận ra, giác ngộ rồi mới thấy trí ấy là sẵn có. Bồ-tát phát *tâm cầu Nhất thiết trí trí* không còn rơi trong tam giới, nên gọi là tam *chân vô lậu*. Hàng Thanh văn, Duyên giác không cầu thành Phật, không cầu được Nhất thiết trí trí, nên nói *không chung với tâm Thanh văn,*

*Độc giác v.v...* Tuy phát tâm cầu Nhất thiết trí trí mà không chấp trước, ý nghĩa này gọi là ma-ha-tát. *Nhất thiết trí trí là chân vô lậu*, chân thật không sanh diệt, không trầm luân trong tam giới, *đối với tâm như thế không nên chấp trước.* Tâm chân thật nếu có bám, có chấp trước thì đã biến thành sanh diệt. Theo ngài Thiện Hiện, được như vậy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát.

Hai vị đệ tử Phật nói về ý nghĩa ma-ha-tát khác nhau nhưng bổ sung cho nhau đầy đủ, không trái với ý Phật.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Do nhân duyên gì tâm như thế cũng không chấp trước?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Các tâm như thế không tâm tánh nên không chấp trước.**

Phát tâm cầu Nhất thiết trí trí mà cũng không chấp trước tâm đó. Do nhân duyên gì như thế? Vì tâm không có tánh của tâm. Nghĩa là tâm thể thênh thang rộng lớn không có tướng mạo cố định, không đặt tên, không chỗ bám nên không chấp trước. Như nói phát tâm cầu thành Phật, nếu cố định thì đâu đợi phát tâm, phát thì không phải cố định. Vì thế nói *các tâm như thế không tâm tánh nên không chấp trước.*

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Tâm ấy là có phi tâm tánh chăng?**

**Thiện Hiện hỏi lại Xá-lợi Tử:**

**- Cái phi tâm tánh này hoặc có hoặc không, có thể được chăng?**

**Xá-lợi Tử đáp:**

**- Không được! Thiện Hiện!**

**Thiện Hiện nói:**

**- Cái phi tâm tánh này hoặc có hoặc không đã không thể được, tại sao hỏi tâm ấy là có phi tâm tánh chăng?**

Ngài Thiện Hiện nói tâm như thế không tâm tánh, nên ngài Xá-lợi Tử muốn xác nhận nó là *thị tâm* hay *phi tâm,* phải tâm hay không phải tâm. Dùng lối hỏi hai bên để vấn nạn. Nếu ngài Thiện Hiện trả lời là phải hay không đều có lỗi, nên ngài gạn lại *phi tâm tánh là có hoặc không có*, xác nhận một bên *được không?* Nếu cho rằng có cái phi tâm tánh, tất nhiên cũng có thị tâm tánh, như vậy thị phi hiện bày. Nếu chấp nhận một bên đều bị kẹt. Ngài Xá-lợi Tử thoát ra chỗ gài bẫy có không bằng câu trả lời *không được.* Câu này cũng thay lời cho ngài Thiện Hiện, xác nhận

tâm phi tâm tánh vượt cả đối đãi, không thể dùng lý luận vấn đáp mà chỉ bày.

**Xá-lợi Tử khen Thiện Hiện:**

**- Lành thay! Lành thay! Đúng như vậy, đúng như vậy! Phật nói Nhân giả trụ định Vô tránh rất là bậc nhất, quả như lời thánh nói.**

Chúng ta có cái dở, khi người hỏi có hay không, liền trả lời một bên, mắc kẹt ngay chỗ này. Đặt thành vấn đề có không, biết liền câu hỏi không đúng, như vậy mới không kẹt. Ngài Thiện Hiện cũng vậy, khi hỏi có phi tâm tánh chăng, ngài đảo ngược vấn đề, đó là cái khéo léo của người xưa. Vì thế ngài Xá-lợi Tử khen *Nhân giả trụ định Vô tránh.* Không rơi vào hai bên có không, không còn tranh cãi, không nói là được hay không được, đó là định Vô tránh.

**Mãn Từ Tử bạch Phật:**

**- Con dùng biện tài ưa nói Bồ-tát do nghĩa này gọi là ma-ha-tát, cúi xin Thế Tôn cho con nói.**

**Phật bảo Mãn Từ Tử:**

**- Nay chính phải lúc, tùy ý ông nói.**

**Mãn Từ Tử thưa:**

**- Do chư Bồ-tát khắp làm lợi ích tất cả hữu tình, mặc giáp đại công đức, vì phát thú Đại thừa, vì nương Đại thừa gọi là ma-ha-tát.**

Mãn Từ Tử dịch nghĩa từ chữ Phú-lâu-na (Purna), là vị thuyết pháp bậc nhất trong mười đại đệ tử của Phật.

Ngài Mãn Từ Tử giải thích ý nghĩa ma-ha-tát. Nghĩa thứ nhất là *làm lợi ích tất cả chúng hữu tình*. Mặc áo giáp công đức là công đức rất lớn, rất vững mạnh để

thành tựu hạnh lợi tha. Định nghĩa thứ hai về phần tự lợi thì tiến đến Đại thừa, *nương Đại thừa*. Theo Khởi Tín luận, Đại thừa là chỉ cho tâm chúng sanh đầy đủ thể, tướng, dụng rộng lớn. Bồ-tát nương tâm thể rộng lớn gọi là ma-ha-tát. Giải thích của ngài Mãn Từ Tử sát với tinh thần Đại thừa.

**Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Như Thế Tôn nói "chư Bồ-tát ma-ha-tát mặc giáp đại công đức", ngang chừng nào gọi là Bồ-tát ma-ha-tát mặc giáp đại công đức?**

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát khởi nghĩ thế này: Ta nên độ vô lượng, vô số, vô biên hữu tình vào vô dư y Bát-niết-bàn, tuy độ vô lượng vô số vô biên hữu tình vào vô dư y Bát-niết-bàn, mà**

**không có pháp và chúng hữu tình được Niết-bàn. Bởi tại sao? Vì các pháp, pháp tánh nên như thế. Ví như thầy huyễn thuật hoặc đệ tử, ở ngã tư đường hóa ra đông người lại giết hại nhau, ý ông nghĩ sao? Trong đây thật có việc giết hại nhau chăng?**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Bạch Thế Tôn, không có.**

Giải thích ý nghĩa *các Bồ-tát lớn mặc áo giáp đại công đức*, Phật nói các Bồ-tát lớn *độ vô lượng, vô số, vô biên hữu tình vào Niết-bàn mà không thấy có pháp và chúng hữu tình được Niết-bàn.*

Câu này giống câu kinh Kim Cang. Đứng về mặt hàng phục tâm, Phật dạy *các Bồ-tát lớn độ tất cả chúng hữu tình hoặc hữu tưởng, hoặc vô tưởng... đưa vào vô dư y Bát-niết-bàn mà không thấy chúng*

*sanh nào được diệt độ.* Không thấy chúng sanh nào được Niết-bàn *vì các pháp, pháp tánh nên như thế.* Ví như thầy huyễn thuật, hay đệ tử của thầy huyễn thuật ở ngã tư đường, hóa ra đông người lại giết hại nhau. Có sự giết nhau thật không? Không. Người do huyễn tạo ra không thật thì sự giết hại không thật. Người là dụ cho chúng hữu tình, giết hại nhau là dụ cho pháp. Độ tất cả chúng hữu tình vào vô dư y Niết-bàn mà không có chúng hữu tình được độ và không có pháp để độ. Tất cả như huyễn như hóa, không có một pháp nào thật, không có hữu tình thật, không thể chấp vào đâu. Hiểu như vậy, hành như vậy là mặc giáp đại công đức.

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát cũng vậy, tuy độ vô lượng, vô số, vô biên hữu tình vào vô dư y Bát-niết-bàn như thế,**

**mà không có pháp và các hữu tình được Niết-bàn. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói việc như thế, không kinh sợ cũng không lui sụt, đó là Bồ-tát ma-ha-tát mặc giáp đại công đức.**

Nghe như vậy mà không kinh sợ, không lui sụt, đó là *mặc giáp đại công đức.* Đa số chúng ta đều có ý niệm tu là chứng thành Phật quả, thấy thật có người tu và thật có quả chứng. Nếu người tu không thật, quả chứng không thật, vậy tu để làm gì? Khi thấu triệt lý các pháp duyên khởi huyễn có không thật, tâm không kinh sợ, biết không thật có người tu, không thật có quả chứng nhưng vẫn hăng hái tinh tấn tu tập. Tin chắc như vậy đó là mặc giáp đại công đức.

**Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Như con hiểu nghĩa Phật nói, chư Bồ-tát ma-ha-tát không mặc giáp công đức, ấy là mặc giáp đại công đức.**

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Đúng như vậy, đúng như vậy! Chư Bồ-tát ma-ha-tát không mặc giáp công đức, ấy là mặc giáp đại công đức. Bởi tại sao? Vì Nhất thiết trí trí không tạo không tác, tất cả hữu tình cũng không tạo không tác, chư Bồ-tát ma-ha-tát vì muốn lợi ích hữu tình kia nên mặc giáp công đức.**

Ngài Thiện Hiện nói *không mặc giáp công đức, ấy là mặc giáp công đức.* Phật xác nhận đúng như vậy. Tại sao? Vì Nhất thiết trí trí là căn bản trí, là trí sẵn có không sanh không diệt, không tạo tác. Nhất thiết trí trí không do tạo tác, chẳng

phải riêng Bồ-tát tu mới có trí này, tất cả hữu tình đều có, vì không do tạo tác. Chúng sanh ai cũng có căn bản trí nhưng không nhận ra, Bồ-tát dùng phương tiện giúp nhận ra, gọi là *mặc giáp đại công đức.*

Đứng về lý thì không có mặc giáp công đức, đứng về sự vì thương chúng sanh, muốn làm lợi ích chúng hữu tình nên nói là mặc giáp công đức. Nếu không hiểu tinh thần Bát-nhã, thấy có vẻ mâu thuẫn. Đang nói mặc giáp công đức rồi nói *không mặc giáp công đức, ấy là mặc giáp đại công đức*. Hiểu rồi mới thấy hay. Như mỗi khi tụng kinh tán Phật, chúng ta đọc câu *năng lễ sở lễ tánh không tịch,* đây là nói về lý, chúng sanh là năng lễ, Phật là sở lễ, chúng sanh tự tánh không tịch, Phật cũng tự tánh không tịch; nhưng *cảm ứng đạo giao nan tư nghì,* đây là nói về sự, tuy Phật và chúng sanh tánh đều rỗng lặng,

nhưng cảm ứng qua lại không thể nghĩ bàn. Như vậy lý và sự gồm đủ, không phải chấp sự bỏ lý hay chấp lý quên sự. Nói *không mặc giáp công đức* là lý, nhưng vẫn làm lợi ích chúng sanh trên giả tướng là sự. Sự và lý viên dung mới đúng tinh thần đại Bồ-tát.

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Do nhân duyên gì Nhất thiết trí trí không tạo, không tác, tất cả hữu tình cũng không tạo, không tác, chư Bồ-tát ma-ha-tát vì muốn lợi ích chúng hữu tình kia nên mặc giáp công đức?**

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Vì tác giả không thể được. Tại sao? Vì sắc chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác chẳng phải chẳng tác, thọ, tưởng, hành, thức**

**chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì sắc cho đến thức không thể được.**

Thiện Hiện hỏi, vì sao Nhất thiết trí trí không tạo tác, tất cả hữu tình không tạo tác mà các đại Bồ-tát mặc giáp công đức để làm lợi ích? Phật trả lời đơn giản *vì tác giả không thể được*, nghĩa là có làm công đức nhưng không thấy có người làm. Không thấy có ta thật, ta là chủ thể không có, cái dụng của ta cũng không có nên nói vì tác giả không thể được.

Phật giải thích, vì năm uẩn chẳng tạo tác cũng chẳng không tạo tác. Về mặt lý tánh, năm uẩn tự tánh không thật, là tướng duyên hợp hư dối, nên không có tạo tác, nhưng tùy duyên mà có thân năm uẩn nên chẳng phải không tạo tác. Sắc thọ tưởng hành thức mỗi cái đều có hai mặt,

tạo và chẳng tạo, nên không cố định, không có tác giả. Bồ-tát thấy biết rõ như thế, tuy làm các công đức nhưng không chấp có ta làm công đức, tất cả đều không thể được.

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Như con hiểu nghĩa Phật nói "sắc cho đến thức không nhiễm, không tịnh." Bởi tại sao? Vì sắc không trói buộc, không cởi mở; thọ, tưởng, hành, thức không trói buộc, cũng không cởi mở. Sắc chân như không trói buộc, không cởi mở; thọ, tưởng, hành, thức chân như không trói buộc cũng không cởi mở.**

Chúng ta thường cho rằng tất cả pháp nằm trong đối đãi, hoặc nhiễm hoặc tịnh, hoặc có hoặc không, hoặc phải hoặc quấy v.v... Ở đây ngài Thiện Hiện nói *sắc cho*

*đến thức không nhiễm không tịnh*. Tâm Kinh Bát-nhã có câu *không nhơ không sạch...* cũng nói rõ như vậy. Tại sao? Đất nước gió lửa, vốn không dơ không sạch, tùy duyên biến thành dơ thành sạch. Như nước không có bùn đất lẫn vô thì nước sạch, nếu có bùn đất lẫn vô thì gọi là nước dơ. Cái dơ từ đâu mà có? Từ duyên cát bụi hòa lẫn. Vì có dơ nên mới có sạch. Chúng ta thấy rõ mình đang sống theo duyên. Duyên không thật mà cứ chạy theo duyên, khởi vọng tưởng nên bị nó lôi cuốn. Duyên giả tướng không thật, chạy theo giả tướng thấy có dơ có sạch... sanh ra có trói buộc cởi mở.

Khi tổ Đạo Tín gặp Tam tổ Tăng Xán, thưa:

- Bạch Hòa thượng chỉ cho con pháp môn giải thoát!

Tam tổ chỉ hỏi:

- Ai trói buộc ông?

Ngài Đạo Tín thưa:

- Không ai trói buộc.

Tổ nói:

- Không ai trói buộc, cầu giải thoát làm gì?

Ngài Đạo Tín ngay đó liền ngộ.

Nếu chúng ta thấy có thật trói buộc mới có giải thoát. Hiện giờ chúng ta là người thế nào? Đang mê hay tỉnh? Không bị ai trói buộc, vì mê muội chạy theo nghiệp duyên nên thấy dường như bị trói buộc. Như khi mắt nhìn sắc đẹp không nhiễm, không dính thì có gì trói? Thấy rồi dấy niệm nghĩ lăng xăng rồi nói nó trói buộc, cho rằng mình bị sắc làm hại.

Thật ra không có gì trói buộc, nếu lúc đó chúng ta tỉnh giác làm chủ hoàn toàn. Vì thói quen ngu si đưa đẩy dường như có

trói buộc. Như ngài Đạo Tín cũng quen quan niệm thấy mình đang bị phiền não trói buộc nên cầu Tổ dạy phương pháp giải thoát. Đối với Tam tổ thì quan niệm trói buộc đó không phải do người, không phải là sự thật, chỉ cần nhìn lại xem cái gì trói buộc. Nhìn lại thấy không có gì trói buộc hết thì thôi. Tất cả chúng ta nếu ai cũng thấy mình tự do tự tại, lúc đó có lạy Phật cầu giải thoát không? Nguyên là không trói buộc, chỉ vì ngu si nên trở thành trói buộc. Còn lạy Phật là vì còn ngu si, nếu hết ngu si không cần giải thoát. Đó là ý nghĩa đúng thật của nhiễm tịnh và trói buộc.

**Ngài Mãn Từ Tử hỏi:**

**- Tôn giả nói sắc không trói buộc không cởi mở, nói thọ, tưởng, hành, thức cũng không trói buộc không cởi mở, nói sắc chân như không trói buộc,**

**không cởi mở, nói thọ, tưởng, hành, thức chân như không trói buộc, không cởi mở chăng?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Đúng như vậy! Đúng như vậy!**

**Mãn Từ Tử hỏi:**

**- Nói những sắc gì không trói buộc, không cởi mở? Nói thọ, tưởng, hành, thức gì không trói buộc, không cởi mở? Nói sắc chân như gì không trói buộc, không cởi mở? Nói thọ, tưởng, hành, thức chân như gì không trói buộc, không cởi mở?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Tôi nói như kẻ huyễn sắc không trói buộc không cởi mở; nói như kẻ huyễn thọ, tưởng, hành, thức không trói buộc không cởi mở. Nói như kẻ**

**huyễn sắc chân như không trói buộc không cởi mở; nói như kẻ huyễn thọ, tưởng, hành, thức chân như không trói buộc không cởi mở. Bởi tại sao? Vì sắc cho đến thức chân như không chỗ có, không trói buộc, không cởi mở; vì xa lìa nên không trói buộc, không cởi mở; vì vắng lặng nên không trói buộc, không cởi mở; vì không tướng nên không trói buộc, không cởi mở; vì không tác nên không trói buộc, không cởi mở; vì không sanh diệt nên không trói buộc, không cởi mở. Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát phát thú Đại thừa mặc giáp công đức.**

**Mãn Từ Tử nghe nói như thế vui vẻ tin nhận an trụ mặc nhiên.**

Câu hỏi của ngài Mãn Từ Tử làm sáng tỏ vấn đề những gì không trói buộc, không

cởi mở. Ngài Thiện Hiện trả lời, đứng về mặt năm uẩn như huyễn. Người huyễn hóa nên không thấy có trói buộc có cởi mở. Chỗ chân thật của năm uẩn là huyễn nên nói sắc không trói buộc, không cởi mở... cho đến thức... Thấy năm uẩn không chỗ có, năm uẩn xa lìa, năm uẩn vắng lặng, không tạo tác, không sanh diệt, thấy rõ như vậy còn gì trói buộc và cởi mở. Thí dụ hai người ngủ mộng, người thấy mộng lành thì cười, người thấy mộng dữ thì khóc. Người đang thức thấy thế sẽ nói rằng, cười không thật, khóc la cũng không thật. Căn cứ vào đâu mà nói? Căn cứ trên mộng. Nếu là người thức thì không có cười khóc trong mộng.

Bồ-tát thấy các pháp không thật, như huyễn; chúng sanh thấy các pháp thật có nên cầu giải thoát, cầu hết phiền não. Làm sao độ cho hết khổ? Chỉ có kêu gọi

thức tỉnh, tự nhiên mọi sợ hãi vui mừng chấm dứt. Cuối cùng thấy các pháp như huyễn hay thấy các pháp chân thật thảy đều không thể nắm bắt, không thể khởi tưởng trói buộc hay giải thoát. Người thấy đúng như vậy gọi là *Bồ-tát ma-ha-tát phát thú Đại thừa mặc giáp công đức.*

**Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát phát thú Đại thừa mặc giáp công đức, nương nơi Đại thừa, thế nào là Đại thừa? Ngang bằng chừng nào phát thú Đại thừa? Đại thừa như thế từ chỗ nào xuất, đến chỗ nào trụ? Đại thừa như thế là trụ chỗ nào? Ai nương Đại thừa mà xuất?**

Ngài Thiện Hiện đặt ra năm câu hỏi:

- Thế nào là Đại thừa?

- Ngang bằng chừng nào gọi là phát thú Đại thừa?

- Đại thừa như thế từ chỗ nào xuất, đến chỗ nào trụ?

- Đại thừa như thế trụ chỗ nào?

- Ai nương Đại thừa mà xuất?

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Đại thừa tức là lời nói khuếch đại vô lượng, vô số vô biên công đức chung lại mà thành.**

Phật trả lời từng câu. Thứ nhất, *thế nào là Đại thừa?* Đại thừa là cách nói rộng của vô lượng, vô số, vô biên công đức. Vì có rất nhiều công đức không thể tính kể nên gọi là Đại thừa. Vì chú trọng việc lợi ích chúng sanh, làm lợi ích không thể tính kể, không thấy có công đức, mới gọi là vô số, vô lượng, vô biên.

**Ông hỏi ngang bằng chừng nào gọi là phát thú Đại thừa? Thiện Hiện nên biết, nếu Bồ-tát ma-ha-tát chuyên cần hành bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, từ một địa Bồ-tát đến một địa Bồ-tát, ngang bằng chừng ấy gọi là phát thú Đại thừa.**

Câu thứ hai, hỏi *ngang chừng nào gọi là phát thú Đại thừa?* Phật đáp, hàng đại Bồ-tát hành lục độ ba-la-mật, tiến từng bậc một từ Sơ địa đến Thập địa, đến chừng đó *gọi là phát thú Đại thừa.*

**Ông hỏi Đại thừa như thế từ chỗ nào xuất đến chỗ nào trụ? Thiện Hiện nên biết, Đại thừa như thế từ trong tam giới xuất, đến trong Nhất thiết trí trí trụ. Song lấy không hai làm phương tiện nên không xuất không trụ.**

Câu hỏi thứ ba, *Đại thừa từ chỗ nào xuất, trụ chỗ nào?* Phật đáp, *Đại thừa từ trong tam giới xuất đến trong Nhất thiết trí trí trụ* nghĩa là từ tam giới ra đến Phật quả trụ. *Nhưng lấy không hai làm phương tiện nên không xuất không trụ.* Có xuất có trụ là hai bên, lẽ thật không có hai bên. Nếu nói hai bên thì Nhất thiết trí trí ở một bên, không trùm khắp. Vì không hai bên nên không có ra vào hay trụ trước.

**Ông hỏi Đại thừa như thế là trụ chỗ nào? Thiện Hiện nên biết, Đại thừa như thế trọn không có chỗ trụ do tất cả pháp đều không có chỗ trụ, nhưng Đại thừa này trụ không chỗ trụ.**

Câu thứ tư, hỏi chỗ trụ của Đại thừa. Phật dạy *Đại thừa trọn không có chỗ trụ, tất cả pháp đều không chỗ trụ.* Thí dụ, tay tôi khi nắm bao kính, khi nắm chai dầu là

có chỗ trụ. Khi không nắm món nào, tay tôi ở yên mà không dính mắc vào chỗ nào, đó là trụ chỗ không trụ. Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần, nếu lúc đó tâm thanh tịnh là trụ không chỗ trụ. Nếu tâm duyên nơi sắc trần hoặc thanh trần, khi đó tâm trụ cảnh, tâm bị động nên trụ mà không trụ. Bởi vì khi tâm còn dính, còn đang đuổi theo thì không an trụ. Khi tâm không dính với bất cứ chỗ nào, đó mới là an trụ. Đây là chỗ đặc biệt của Đại thừa, *trụ không chỗ trụ.*

**Câu rốt sau của ông là ai nương Đại thừa mà xuất? Thiện Hiện nên biết, trọn không có ai nương Đại thừa ấy mà xuất. Vì cớ sao? Vì nếu có thừa bị nương hoặc người hay nương, do đây là đây, hoặc xứ hoặc thời đều không chỗ có, trọn chẳng thể được, vì tất cả pháp đều không chỗ có, chẳng**

**thể được. Trong đây pháp nào nương pháp nào, ra đến chỗ nào trụ, mà nói người nương?**

Câu thứ năm, hỏi ai là người nương Đại thừa mà xuất? Phật dạy, *trọn không có người nương Đại thừa.* Nếu nói có người nương và pháp nương, tức là có người thật và pháp thật. Trong đây không có người thật pháp thật, vậy ai nương và nương cái gì? Chúng ta tu theo Đại thừa nhưng không thấy thật có người tu và thật pháp Đại thừa để tu. Nếu thấy có thật là còn có ngã pháp, không thể gọi là Đại thừa. Tinh thần Đại thừa là thấy ngã pháp không thật, tất cả đều không chỗ có, không thể được, không có pháp tu tập để ra khỏi tam giới, không có pháp để chứng đắc Phật quả, mới là nương Đại thừa.

Nếu còn thấy ngã pháp thật thì chưa nương Đại thừa.

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Nói Đại thừa, Đại thừa là siêu việt tất cả thế gian trời, người, a-tố-lạc v.v..., tối tôn, tối thắng, Đại thừa như thế đồng với hư không. Ví như hư không dung chứa vô lượng vô số vô biên hữu tình, Đại thừa cũng vậy, khắp dung chứa vô lượng vô số vô biên chúng hữu tình. Lại như hư không không đến không đi, không dừng không thấy. Đại thừa cũng vậy, không đến không đi, không dừng không thấy. Lại như hư không mé trước, mé sau, mé giữa thảy đều không được, Đại thừa cũng vậy mé trước, mé giữa, mé sau thảy đều không thể được. Như thế, Đại thừa tối tôn tối thắng đồng với hư không, dung chứa tất cả không động, không**

**trụ, ba đời bình đẳng, vượt ngoài ba đời nên gọi là Đại thừa.**

Câu này ngài nhận định *Đại thừa là tối tôn tối thắng* hơn tất cả, *đồng với hư không.*

Đây là rốt ráo nghĩa Đại thừa vượt hơn tất cả thế gian. Ngài Thiện Hiện giải nghĩa Đại thừa là tối tôn tối thắng giống như hư không. Giống như chứ không phải là hư không. Khi chúng ta ngồi thiền tâm lặng, vọng tưởng hết, lúc đó tâm thấy rõ ràng, nhưng rỗng rang không hình dáng, đồng với hư không. Hư không không có tánh biết, tâm tánh có biết, khác nhau ở chỗ đó.

Luận Đại Thừa Khởi Tín nói, Đại thừa là chỉ cho tâm chúng sanh có thể, tướng, dụng rộng lớn. Tâm này không bị hạn cuộc trong thân năm uẩn nên không có tướng mạo, dung chứa tất cả hữu tình, không có

đến đi, không chỗ dừng trụ có thể thấy. Đại thừa cũng là tâm siêu vượt không gian thời gian, ba đời đều bình đẳng. Chúng ta sống luôn luôn lập cước trên không gian thời gian. Chúng có thật không? Chỉ do con người ấn định tạm đặt với nhau. Không gian chúng ta sống đặt ra có trên dưới phương hướng cố định. Nhưng trái đất quay tròn, vị trí luôn dời đổi làm sao định được đông tây nam bắc? Phương hướng cũng chỉ là khái niệm tạm đặt, không thật có. Thời gian theo vòng quay của trái đất, theo hướng có mặt trời hay không mặt trời mà định ngày đêm, nó cũng không thật. Đặt ngày đêm rồi định ra tháng năm, khi trái đất xê dịch gần xa với mặt trời, đặt ra thời tiết ấm lạnh, mùa này mùa kia. Thời gian, khí hậu là sẵn có hay do con người đặt ra? Nó chỉ là khái niệm tưởng tượng, một số đông người bám

theo cho là có thật. Cái không chân thật mà đặt ra rồi chúng ta cứ cho là thật.

Có câu chuyện tưởng như trẻ con, nhưng gẫm ra rất hay, là "Mai ăn khỏi trả tiền". Nó có giá trị về ý nghĩa của thời gian, ngày mai không bao giờ có. Ngày mai không thật nên vị lai không thật, cả quá khứ hiện tại cũng không thật. Nó chỉ là vòng biến chuyển, không có ba thời. Khi chúng ta chấp thời gian, đặt ra âm lịch dương lịch, rồi ngày tốt ngày xấu, đó là bị động. Đây nói Đại thừa *dung chứa tất cả, không động không trụ, ba đời bình đẳng vượt ngoài ba đời* là ý nghĩa này.

Đại thừa là thể chân thật, không lệ thuộc vào khái niệm hư dối, vượt không gian, không biên tế giới hạn, rỗng rang trùm khắp, không thể dùng khái niệm thông thường hiểu được.

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Lành thay! Lành thay! Đúng như vậy, đúng như vậy, thật như ông nói. Bồ-tát Đại thừa đủ vô biên công đức như thế.**

**Mãn Từ Tử bạch Phật:**

**- Thế Tôn trước dạy Đại đức Thiện Hiện vì chúng Bồ-tát ma-ha-tát tuyên thuyết chỉ bày Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, mà nay cớ sao chỉ nói Đại thừa?**

**Thiện Hiện liền bạch:**

**- Con từ trước đến đây nói các thứ nghĩa Đại thừa, đâu không trái ngoài Bát-nhã ba-la-mật-đa?**

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Ông từ trước đến đây nói các thứ nghĩa Đại thừa đều thuận Bát-nhã**

**ba-la-mật-đa không có trái ngoài. Bởi tại sao? Bởi vì tất cả pháp lành đều nhiếp vào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm.**

Ở phần đầu, Phật bảo ngài Thiện Hiện chỉ bày Bát-nhã ba-la-mật đa cho các Bồ-tát, nhưng chỉ nghe nói về Đại thừa, như vậy có đúng ý Phật không? Thật ra tất cả nghĩa Đại thừa đều nằm trong Bát-nhã, đều thuận theo Bát-nhã.

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát mé trước không thể được, mé giữa không thể được, mé sau không thể được.**

**Bởi tại sao? Vì sắc vô biên nên biết Bồ-tát ma-ha-tát cũng vô biên. Vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên biết Bồ-tát ma-ha-tát cũng vô biên.**

Nhìn theo tinh thần Bát-nhã thì các đại Bồ-tát cũng rỗng rang trùm khắp, không bờ mé có thể được. Vì sắc chất vô biên nên thân Bồ-tát vô biên. Như thân sắc chất của chúng ta là hữu biên hay vô biên? Sắc chất là đất, là bụi. Như vậy bụi hữu biên hay vô biên? Nếu chỉ nhìn trong phạm vi hạn chế của thân này, thấy nó là hữu biên. Nếu nhìn thể của nó thì vô biên. Sắc vô biên, thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên thân Bồ-tát cũng vô biên, không có giới hạn.

**Lại nữa, Thế Tôn! Tức sắc Bồ-tát ma-ha-tát không chỗ có, chẳng thể được, tức thọ, tưởng, hành, thức Bồ-tát ma-ha-tát không chỗ có, chẳng thể được, lìa sắc Bồ-tát ma-ha-tát không chỗ có, chẳng thể được, lìa thọ, tưởng, hành, thức Bồ-tát ma-ha-tát không chỗ có, chẳng thể được.**

Đây nói về tức và ly. Tức nơi sắc thân cho đó là Bồ-tát, như Phật nói nếu cho ba mươi hai tướng tốt là Phật thì vua Chuyển luân có ba hai tướng tốt cũng là Phật, được không? Tức nơi sắc là căn cứ trên tứ đại, cho tứ đại này là Bồ-tát thì tứ đại khác cũng là Bồ-tát. Như vậy tức không được. Nhưng nếu lìa sắc thân này có Bồ-tát hay không? Không. Như vậy là không phải tức, không phải ly. Không tức, không ly là không phải hai bên, không thể nhìn hai bên được. Vì vậy nói *Tức sắc Bồ-tát ma-ha-tát không chỗ có, chẳng thể được... lìa sắc Bồ-tát ma-ha-tát không chỗ có, chẳng thể được...* Vì vậy mà không thể chấp tức, chấp ly, mà không chấp tức, không chấp ly, tất cả ra sao?

**Như vậy Thế Tôn! Con đối với tất cả pháp này, lấy tất cả thứ, tất cả chỗ, tất cả thời tìm Bồ-tát ma-ha-tát trọn**

**không thể thấy, hoàn toàn chẳng thể được; tìm Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng trọn không thể thấy, hoàn toàn chẳng thể được; tìm Nhất thiết trí trí cũng trọn không thể thấy, hoàn toàn chẳng thể được. Tại sao bảo con chỉ dạy chư Bồ-tát ma-ha-tát khiến đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa chóng được cứu cánh, mau chứng được Nhất thiết trí trí?**

Ngài Thiện Hiện đứng về mặt các pháp duyên hợp hư dối, không có ngã và pháp thật, không thấy có Bồ-tát, có pháp Bát-nhã. Vì thế nói *tìm Bồ-tát ma-ha-tát trọn không thể thấy... tìm Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng trọn không thể thấy...* Ngã không thật và pháp không thật, lấy cái gì mà dạy ai? Ngã thật mới có Bồ-tát, pháp thật mới có pháp Bát-nhã, mà Bồ-tát không thật, Bát-nhã không thật, tại sao

bảo con dạy chư Bồ-tát khiến đối với Bát-nhã chóng được cứu cánh? Ngài đặt câu hỏi đó để tiếp tục giải thích.

**Thế Tôn! Chư Bồ-tát ma-ha-tát chỉ có giả danh, trọn không tự tánh, các pháp cũng vậy hoàn toàn không sanh, chỉ có giả danh, trọn không tự tánh.**

Pháp chỉ có giả danh không có tự tánh, tức là không có sẵn cái cố định. Người cũng chỉ có giả danh, không sẵn có cố định, không có tự tánh. Không sẵn có cố định nên hư dối, như vậy lấy hư dối nào dạy hư dối nào? Như cái đồng hồ, không có gì là chân thật sẵn có cố định, do nhiều bộ phận ráp lại, giả danh tạm gọi là đồng hồ. Về mặt nhân duyên thì các pháp chỉ là giả danh, tên dối do duyên hợp lại thành, không có tính chất cố định. Nếu sẵn có thì không cần duyên hợp, nếu cố định thì không tan hoại. Các pháp, pháp nào cũng

tan hoại không sẵn có cố định, làm sao nói nó là thật được? Nên ở đây nói Bồ-tát và Bát-nhã chỉ là giả danh thôi.

**Trong đây, những gì là sắc hoàn toàn không sanh, nếu hoàn toàn không sanh thì không gọi là sắc; những gì là thọ, tưởng, hành, thức hoàn toàn không sanh, nếu hoàn toàn không sanh thì không gọi là thọ, tưởng, hành, thức. Con đối tất cả pháp như thế lấy tất cả thứ, tất cả chỗ, tất cả thời tìm Bồ-tát v.v... đều chẳng thể được, phải dạy những pháp gì? Tu những pháp gì? Ở những chỗ nào, lúc nào? Chứng những pháp gì?**

*Sắc hoàn toàn không sanh, nếu hoàn toàn không sanh thì không gọi là sắc.* Như có nhà huyễn thuật hóa hiện ra một người, người do họ hóa ra đó có sanh không? Một

lát mất đi có diệt không? Không. Thấy có sanh diệt là giả tướng chứ không thật có sanh diệt. Sanh diệt hư dối không thật, hư dối không thật thì không gọi là thật sanh thật diệt. Hư dối nên không gọi là sắc, thọ tưởng hành thức cũng vậy.

Đã thấy không có gì thật, vậy lấy cái gì mà dạy, lấy cái gì mà tu và chứng cái gì? Chẳng những Bồ-tát, pháp Bát-nhã cho đến Phật cũng không thật.

**Thế Tôn! Phật Bạc-già-phạm chỉ có giả danh, tất cả Bồ-tát chỉ có giả danh, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm chỉ có giả danh. Như nói ngã v.v... hoàn toàn không sanh chỉ có giả danh trọn không tự tánh, các pháp cũng vậy, chỉ có giả danh trọn không tự tánh.**

Trên lý tánh, Phật và Bồ-tát, pháp Bát-nhã *chỉ có giả danh*, con người chúng ta cũng chỉ là giả danh. Nếu ngộ nhập được điều này thì thật là sung sướng. Có ai xúc phạm, chúng ta thấy đây chỉ là giả danh không có thật. Không thật thì chửi cái giả danh có nổi sân không? Không. Đã là không thật thì sân cái gì. Có sân giận vì thấy thân là thật; nếu biết rõ ràng thân này là duyên hợp, hư dối không thật, chỉ là giả danh, lời khen chê, chuyện xấu tốt đối với giả danh này không có nghĩa lý, không có giá trị gì hết. Thấy biết như vậy là tu giỏi. Giả danh mà cứ thấy nó là thật nên tu dở. Biết rõ ràng như vậy thì đâu có gì khó tu, rõ ràng tất cả pháp trọn không tự tánh.

**Những gì là sắc đã không thể thủ, cũng không thể sanh; những gì là thọ, tưởng, hành, thức đã không thể thủ,**

**cũng không thể sanh; tự tánh các pháp đã không thể thủ cũng không thể sanh. Nếu pháp không tánh cũng không thể sanh, pháp không sanh này cũng không thể sanh, con đâu thể lấy pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn không sanh mà dạy bảo chư Bồ-tát ma-ha-tát hoàn toàn không sanh, khiến được cứu cánh?**

Ngài Thiện Hiện giải thích rằng từ năm uẩn đến các pháp tự tánh không sanh, rốt ráo ngay cả pháp gọi là không sanh cũng không thể được. Cuối cùng pháp Bát-nhã không sanh, chư Bồ-tát không sanh, tất cả đều không thể được thì đâu có gì dạy bảo đến cứu cánh.

**Thế Tôn! Lìa pháp không sanh thì không có pháp có thể được, cũng**

**không có Bồ-tát ma-ha-tát hay hành Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.**

**Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói như thế, tâm không chìm lặng, không lui sụt, không kinh sợ, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát này hay tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Bởi tại sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát đã hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa quán sát các pháp. Khi ấy Bồ-tát ma-ha-tát đối với tất cả pháp trọn không chỗ được, không thọ, không thủ, không trụ, không trước, cũng không lập bày là sắc, đối thọ, tưởng, hành, thức trọn không chỗ được, không thọ, không thủ, không trụ, không trước, cũng không lập bày là thọ, tưởng, hành, thức.**

**Bồ-tát ma-ha-tát ấy khi hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa không thấy sắc cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức. Bởi tại sao? Vì sắc tánh không, không sanh không diệt, thọ tưởng hành thức tánh không, không sanh không diệt.**

Bồ-tát hành đạo Vô thượng Bồ-đề phải nhận được pháp không sanh. Nghe nói pháp không sanh mà không lui sụt, không kinh sợ, đó là hành Bát-nhã. Như Tâm Kinh Bát-nhã nói *Bồ-tát ma-ha-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không...* Chữ không này là không tự tánh. Năm uẩn đều không tự tánh. Sắc không tự tánh nên không sanh không diệt; thọ, tưởng, hành, thức không tự tánh nên không sanh không diệt. Vì nói đơn giản bớt chữ nên chỉ nói không sanh không diệt. Phải hiểu

không đó là không tự tánh, tức là các pháp không có gì là sẵn có cố định. Sắc không cố định, thọ, tưởng, hành, thức cũng không cố định. Bởi không cố định nên không có cái gì thật. Bồ-tát hiểu sâu chỗ này nên đối với năm uẩn không thấy thật có, không chấp thủ, không trụ, không dính mắc.

**Thế Tôn! Sắc không sanh, không diệt tức là phi sắc; thọ, tưởng, hành, thức không sanh không diệt tức là phi thọ, tưởng, hành, thức. Bởi tại sao? Vì sắc cho đến thức cũng không sanh không diệt, không có hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp không sanh không diệt, không phải một, không phải hai, không phải nhiều, không phải khác. Thế nên, sắc cho đến thức không sanh không diệt tức phi sắc cho đến phi thức. Thế Tôn! Sắc không**

**hai tức là phi sắc; thọ, tưởng, hành, thức không hai tức là phi thọ, tưởng, hành, thức.**

*Sắc tức thị không, không tức thị sắc* là chỉ cái lý không hai này, không phải có sắc riêng, không phải có không riêng. Vì tất cả pháp trong đây không có hai bên.

**Thế Tôn! Sắc vào pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức vào pháp số không hai. Nếu nói sắc tức là nói pháp không hai; nếu nói thọ, tưởng, hành, thức tức là nói pháp không hai.**

Hệ Bát-nhã giải thích tất cả pháp căn cứ trên lý không hai, nghĩa là không tức, không ly. Theo con mắt trí tuệ Bát-nhã thấy tất cả pháp nằm trong đối đãi không có thật, bởi không thật nên nó là không hai. Nếu xác định có hai là thấy có thật. Ngay nơi các pháp tự nó không có thể cố

định, như cái ly không có thể cố định của ly, cái bàn không có thể cố định của bàn, làm sao nói pháp có hai được. Thấy các pháp không có gì cố định, không mắc kẹt hai bên là tinh thần Bát-nhã, thấu tột lý không của các pháp. Phàm phu ngu si thấy các pháp có tánh cố định, nên mắc kẹt hai bên, hoặc có hoặc không. Dùng trí tuệ Bát-nhã thấy các pháp không hai, không có hai mặt cố định nên cái này có thể chuyển thành cái kia. Đây là lẽ thật, chính khoa học cũng phải chấp nhận. Nếu cố định thì cái này phải là cái này, cái kia là cái kia, không thể gia giảm biến đổi được. Sự thật, tùy các nguyên tố trong đó đổi thay tăng giảm mà sự vật chuyển biến từ cái này qua cái kia. Khoa học ứng dụng điều này tạo ra mọi thứ để con người sử dụng. Đức Phật không áp dụng nguyên lý này để tạo ra vật chất bên ngoài, ngài chỉ áp dụng trong nội tâm để tu. Biết tất cả

pháp không cố định, không có cái gì là thật để tâm không bị nhiễm ô, không dính mắc, tâm an nhiên tự tại, nhìn mọi vật biến chuyển mà không bị lay động.

Học Phật mà không nắm vững tinh thần Bát-nhã là một khuyết điểm, một sơ sót lớn. Đây là trí tuệ cao tột đúng với lẽ thật, tu mà thiếu trí tuệ thì không đủ niềm tin để tiến đến giải thoát. Học Bát-nhã có trí tuệ thấy đúng như thật, chúng ta dễ gạt bỏ những mê lầm chấp trước. Sở dĩ chúng ta không cởi mở vì cứ chấp chặt mọi vật là thật, là cố định nên sanh rầy rà khó khăn. Trong gia đình, già trẻ thường hay xung đột lẫn nhau vì lòng cố chấp, người già muốn như thế này, người trẻ muốn như thế kia, sanh bực bội phiền não. Nếu biết tùy thời, như thời trang là cái trang sức theo thời, những người xưa thì sống như vậy, người thời nay thì sống như

vậy, mọi thứ cho qua dễ dàng. Người xưa cứ bắt thời nay phải giống như thời xưa, cho cái xưa là đúng, bắt con cháu theo ý mình, nó không theo thì chấp nê cho là không hiếu thảo... Từ chỗ đó mà sanh khổ đau, nếu hiểu rõ lẽ thật của các pháp thì tâm hồn cởi mở, buông xả dễ dàng.

Như có người chê mình ngu, nếu thấy các pháp không thật, nói ngu si thì mặc nói, đó là có trí tuệ Bát-nhã. Nghe nói ngu thì giận đùng đùng, nói tôi ngu chỗ nào? Chính cái giận đùng đùng đó là ngu ngốc rồi, vậy mà còn hỏi ngu chỗ nào. Từ ngu si sanh chấp nên điên đảo phiền não, nếu thấy được lẽ thật đó thì mọi việc cởi mở nhẹ nhàng, hòa vui trong cuộc đời giả tạo này, không có gì quan trọng.

Tuy nhiên, hòa vui có mẫu mực, có nguyên tắc để cuộc sống được an ổn. Phật chỉ dạy chúng ta các pháp không thật,

nhưng vẫn chế giới luật để giữ gìn. Mới nhìn như mâu thuẫn nhưng sự thật không phải. Cứ tưởng cái gì tự do thì tha hồ muốn làm gì làm. Tự do có khuôn phép thì tự do đó mới bền. Tự do mà vô trật tự đó là tự do ấu đả. Hiểu như vậy mới thấy cái hay của Phật pháp. Dạy cho mình có tâm hồn tự do mà sống trong khuôn phép, không phải tự do rồi gặp người cứ chửi mắng om sòm. Không có quy luật phép tắc sẽ bị cười chê "người tu ăn nói thô lỗ". Biết ngôn ngữ không thật nhưng cũng phải nói lời hay đẹp, như vậy mới hợp đạo lý.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Như tôi hiểu nghĩa nhân giả nói, ngã, hữu tình v.v... hoàn toàn không sanh, sắc cho đến thức hoàn toàn không sanh, chư Phật, Bồ-tát hoàn toàn không sanh. Nếu như thế do nhân duyên gì Bồ-tát ma-ha-tát vì độ**

**vô lượng vô số hữu tình tu trăm ngàn khổ hạnh rất khó làm, thọ đủ vô lượng khổ lớn rất khó nhẫn?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Xá-lợi Tử! Không phải tôi ở trong pháp không sanh kia nhận có Bồ-tát ma-ha-tát vì độ vô lượng vô số hữu tình, tu trăm ngàn khổ hạnh rất khó làm, thọ đủ vô lượng khổ lớn rất khó nhẫn. Song chư Bồ-tát ma-ha-tát tuy vì hữu tình tu vô lượng thứ khổ hạnh rất khó làm mà ở trong đó không có tưởng khổ hạnh.**

Ngài Xá-lợi-phất hỏi Thiện Hiện, tất cả hữu tình đều không sanh, Phật Bồ-tát cũng hoàn toàn không sanh, như thế các Bồ-tát vì nhân duyên gì tu khổ hạnh, chịu vô lượng khổ? Ngài Thiện Hiện đáp, trong pháp không sanh không thấy có Bồ-tát vì

độ vô lượng vô số hữu tình mà tu trăm ngàn khổ hạnh... Tại sao?

Vì các pháp không có tự tánh nên không sanh, các pháp không sanh thì Bồ-tát và chúng hữu tình không thật có. Bởi không thật có nên nói Bồ-tát độ vô số hữu tình là điều không thể chấp nhận. Nên ngài nói, đứng về mật *pháp không sanh* tức là không tự tánh, thì tôi không nhận có Bồ-tát vì chúng hữu tình tu vô lượng thứ khổ hạnh khó làm. Thật ra các ngài vẫn tu khổ hạnh nhưng không khởi tưởng mình tu khổ hạnh, cũng như độ sanh mà không thấy có chúng sanh được độ.

**Vì cớ sao? Nếu đối với khổ hạnh, khởi tưởng khổ hạnh, trọn không thể vì vô lượng, vô số vô biên hữu tình làm lợi ích lớn. Nhưng chúng Bồ-tát ma-ha-tát lấy không chỗ được làm phương tiện, đối với các khổ hạnh**

**khởi tưởng lạc hạnh, đối với hạnh khó làm khởi tưởng dễ làm, đối với hữu tình khởi tưởng như cha mẹ anh em, vợ con và thân mình. Vì độ kia nên phát khởi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mới hay vì vô lượng, vô số, vô biên hữu tình kia làm lợi ích lớn.**

Đoạn này giải thích nếu đối với khổ hạnh mà khởi tưởng thật là khổ hạnh thì không thể độ vô lượng vô số vô biên hữu tình, làm lợi ích lớn. Sở dĩ Bồ-tát làm được điều lợi ích lớn vì các ngài *lấy không chỗ được* (vô sở đắc) *làm phương tiện*. Có chỗ được là khi có pháp thật; tất cả pháp không có thật, lấy gì làm sở đắc? Bồ-tát dùng phương tiện đầu là vô sở đắc, thấy tất cả pháp không thật, không thể được nên *đối với khổ hạnh tưởng là lạc hạnh, đối với việc khó làm tưởng là dễ làm*. Khổ

tưởng là lạc, khó tưởng là dễ, như vậy có điên đảo không? Bồ-tát sao tưởng điên đảo? Bồ-tát không điên đảo. Khi thấy không có chỗ được thì không có khổ thật, không có lạc thật. Thế gian nghe nói khó khổ thì sợ, nghe nói dễ dàng an lạc thì thích, nên Bồ-tát dùng phương tiện để an ủi chúng sanh. Kế đến, đối với tất cả chúng hữu tình, Bồ-tát *khởi tưởng như cha mẹ anh em, vợ con,* kể cả như *thân mình*, vì vậy làm những hạnh khổ mà không thấy khổ.

Đoạn này có hai ý:

Thứ nhất, Bồ-tát làm những hạnh khổ khó làm là do các ngài dùng phương tiện vô sở đắc, lấy đó làm gốc để tiến tu, khổ không thấy là khổ, khó không thấy là khó.

Thứ hai, Bồ-tát khởi tâm đại bi quán chúng sanh như cha mẹ anh em, vợ con,

kể cả như thân mình, độ tất cả những người đó mà không bao giờ nghĩ rằng mình khổ nhọc. Bởi vì xem họ như mình, họ khổ mình khổ, họ vui mình vui, làm lợi ích rất nhiều, không chán không sợ.

**Lại, Xá-lợi Tử! Chư Bồ-tát ma-ha-tát đối với tất cả hữu tình khởi tưởng như cha mẹ anh em, vợ con và thân mình rồi, lại khởi nghĩ thế này: Ta phải độ thoát tất cả hữu tình khiến lìa tất cả thứ khổ sanh tử, khởi trăm ngàn khổ hạnh khó làm, thà bỏ thân mình mà không bỏ chúng kia. Nhưng đối với hữu tình khổ và khổ hạnh không khởi tưởng hữu tình khổ và khổ hạnh.**

**Lại khởi nghĩ: Ta phải độ thoát tất cả hữu tình khiến lìa vô biên các đại khổ uẩn, giả sử vì kia mà chặt cắt**

**thân ta làm trăm ngàn phần trọn không lui sụt. Nhưng trong đó không khởi tưởng là khổ hạnh khó làm.**

Bồ-tát làm chuyện rất là khó, độ tất cả hữu tình dầu hy sinh thân mạng cũng vẫn làm. Phàm phu như chúng ta, với người thương quý nhất, khi người đó khổ, cần hy sinh cái này cái kia chúng ta có tiếc không? Không tiếc. Giả sử bảo chịu khổ thế cho họ chúng ta chịu không? Chịu. Tình thương là sức mạnh lớn lao giúp chúng ta chịu đựng tất cả khổ, tình thương lấn át tất cả khổ. Vì thế Bồ-tát lấy đại bi làm căn bản, dùng đại bi làm phương tiện đem lợi ích cho chúng hữu tình. Chúng ta thiếu đại bi nên làm gì một chút thì nói "tội gì lo cho họ dữ vậy!"...

Cái khổ nhất của chúng sanh là sanh tử, Bồ-tát độ chúng sanh khiến họ lìa sanh tử, *thà bỏ thân mình mà không bỏ*

*chúng kia.* Đại nguyện rộng lớn như thế nhưng không thấy có chúng sanh thật, có khổ thật. Xem sanh tử như mộng huyễn, làm tất cả việc lợi ích cũng như huyễn, vì thế không chán mỏi. Đứng trên lý, Bồ-tát thấy các pháp đều không có tự tánh nên không thật có mình, không thật có chúng sanh. Đứng trên sự tức là tình, Bồ-tát do lòng đại bi dẫn đạo, thấy chúng sanh như quyến thuộc, như cả thân mình, thà mình khổ không nỡ để chúng sanh chịu khổ.

Đại bi là tình thương rộng lớn không hạn cuộc, chúng ta cũng có tình thương nhưng hạn hẹp bó buộc, chỉ hy sinh cho một hai người, không hy sinh cho tất cả. Bồ-tát hy sinh cho tất cả chúng sanh vì thấy tất cả chúng sanh là thân quyến hoặc đời này, đời nọ, đời kia. Mỗi lần sanh ra là mỗi lần có cha mẹ anh em, chúng ta đã sanh ra bao nhiêu lần rồi? Nói theo Phật

thì cắm cây dùi xuống đất chỗ nào cũng trúng thân của ngài. Phật dùng thân nhiều như số cát sông Hằng để làm lợi ích chúng sanh. Chúng ta cũng từng có thân nhiều như hạt bụi, qua vô số đời. Vậy những chúng sanh hiện có mặt ở đây có người nào xa lạ với mình không? Không. Chỉ xa lạ trong đời này thôi, không xa lạ trong đời trước. Nhìn như vậy nên Bồ-tát thấy tất cả chúng sanh như cha mẹ anh em ruột. Tại sao chỉ thương cha mẹ anh em đời này, không nghĩ đến cha mẹ anh em những đời trước? Vì thế nên thương tất cả chúng sanh không bỏ sót một ai. Đó là do lòng đại bi dẫn đạo.

**Xá-lợi Tử! Chư Bồ-tát ma-ha-tát khởi nghĩ thế này: Như ngã tự tánh đối tất cả pháp, lấy tất cả thứ, tất cả chỗ, tất cả thời tìm không thể được, các pháp trong ngoài cũng như thế**

**trọn không chỗ có đều chẳng thể được, nếu trụ cái tưởng này liền không thấy có khổ hạnh khó làm. Do đây hay vì vô lượng, vô số vô biên hữu tình, tu trăm ngàn khổ hạnh khó làm và hay làm cho kia được lợi ích lớn.**

Với trí tuệ Bát-nhã, Bồ-tát tu trăm ngàn hạnh khổ khó làm để độ chúng sanh, không thấy thật có hạnh khổ. *Như ngã tự tánh đối với tất cả pháp, lấy tất cả thứ, tất cả chỗ, tất cả thời tìm không thể được.* Như ngã tự tánh nghĩa là như tự tánh của ta, quán sát ta không tự tánh, ta không cố định. Ta như vậy, tất cả pháp cũng như vậy. Tìm trong tất cả thời gian, không gian không một pháp nào sẵn có cố định, không sẵn có cố định thì có pháp nào thật? Không có pháp thật thì nói gì là khổ hạnh, nói gì là khó khăn? Khổ hạnh không thật, khó khăn không thật, vì vậy làm lợi ích

chúng sanh mà không thấy có làm. Đó là đứng về mặt lý Bát-nhã.

Bồ-tát làm lợi ích chúng sanh phải đủ hai điều kiện: một là trí tuệ Bát-nhã, hai là lòng đại bi. Đủ hai điều kiện này làm lợi ích chúng sanh mới không thối chuyển. Với trí Bát-nhã, thấy mình không thật, chúng sanh không thật. Các pháp đều không thật, do duyên hợp hư dối giả có, đem cái hư dối để đánh thức người qua khỏi mê lầm, hy sinh cái hư dối đâu có gì quan trọng. Thí dụ có một món đồ giả, biết nó là giả để chơi cho vui, có người xin chúng ta có tiếc không? Đồ giả cho không tiếc. Cũng vậy, với bản ngã hư dối huyễn hóa, Bồ-tát làm việc không tiếc thân mạng. Chúng sanh cho thân là thật nên tham đắm, Bồ-tát đem thân giả bố thí để làm lợi ích chúng sanh. Nếu còn thấy mình là thật thì khó làm hạnh khổ. Trí

tuệ Bát-nhã đi đầu, kế đến là lòng đại bi. Chúng sanh không biết cõi đời hư dối, tranh giành làm khổ nhau. Bồ-tát thương nên ráng làm cho họ tỉnh thức. Như vậy là đủ cả trí tuệ và từ bi.

Người tu chỉ có từ bi mà không có trí tuệ thì trở thành tình cảm khổ lụy. Có trí tuệ mà không có từ bi thì nói lý khô khan không giúp được ai. Thực hành đạo Bồ-tát phải đủ trí tuệ và từ bi. Đó là động lực để cứu mình, cứu người. Do trí tuệ thấy mình, người, tất cả pháp đều duyên hợp như huyễn nên lăn xả vào đời, làm mà không thấy có làm, không sanh thối chuyển. Do từ bi thấy chúng sanh đáng thương xót, đổi lòng thương ích kỷ riêng tư thành lòng thương không hạn hẹp. Làm người ai cũng có tình cảm, tình cảm theo niệm phàm tục thì bị trói buộc ở một chỗ một nơi, chuyển tình cảm đó bằng trí tuệ, đem tâm từ bi

bủa trùm tất cả chúng sanh. Nếu chuyển tình cảm ra từ bi thì là Bồ-tát, đem tình cảm đa mang trói buộc với một người hai người đó là chúng sanh. Việc tu khéo léo ở chỗ đó. Phải tập nhìn tất cả chúng sanh là cha mẹ anh em quyến thuộc, bà con gần hoặc bà con xa, không có ai là người dưng kẻ lạ. Còn thấy có đối tượng dễ thương, đối tượng dễ ghét thì niệm xấu sanh ra. Dùng trí nhìn tất cả chúng sanh, từ đó lòng từ bi phát triển, nếu dùng niệm riêng tư theo tà kiến thì sẽ bị tình cảm trói buộc. Đây là điều các vị Bồ-tát thực hiện được, chúng ta phải tập những điều đó. Những gì chưa làm được phải gắng làm xong.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Chư Bồ-tát đó thật không sanh chăng?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Các Bồ-tát này đều thật không sanh.**

**Xá-lợi Tử hỏi:**

**- Chỉ có Bồ-tát là thật không sanh hay pháp của Bồ-tát cũng thật không sanh?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Pháp của Bồ-tát cũng thật không sanh.**

**Xá-lợi Tử hỏi:**

**- Chỉ có pháp của Bồ-tát thật không sanh hay Nhất thiết trí trí cũng thật không sanh?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Nhất thiết trí trí cũng thật không sanh.**

**Xá-lợi Tử hỏi:**

**- Chỉ có Nhất thiết trí trí là thật không sanh hay pháp Nhất thiết trí trí cũng thật không sanh?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Pháp Nhất thiết trí trí cũng thật không sanh.**

**Xá-lợi Tử hỏi:**

**- Chỉ có pháp Nhất thiết trí trí là thật không sanh hay các loài dị sanh cũng thật không sanh?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Các loài dị sanh cũng thật không sanh.**

**Xá-lợi Tử hỏi:**

**- Chỉ có các loài dị sanh là thật không sanh hay pháp của các dị sanh cũng thật không sanh?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Các pháp dị sanh cũng thật không sanh.**

Ngài Xá-lợi Tử hỏi ngài Thiện Hiện đại khái như sau, Bồ-tát và pháp Bồ-tát thật không sanh chăng? Nhất thiết trí trí và pháp Nhất thiết trí trí cũng thật không sanh chăng? Các loài dị sanh và pháp các loài dị sanh thật không sanh chăng? Mỗi câu hỏi ngài Thiện Hiện đều đáp *thật không sanh.*

**Xá-lợi Tử bảo Thiện Hiện:**

**- Nếu chư Bồ-tát thật không sanh, pháp chư Bồ-tát thật không sanh, Nhất thiết trí trí thật không sanh, pháp Nhất thiết trí trí cũng thật không sanh, các loài dị sanh thật không sanh, pháp các loài dị sanh cũng thật không sanh, đâu không**

**phải Bồ-tát ma-ha-tát nên tùy chứng được Nhất thiết trí trí, tức là pháp không sanh nên được pháp không sanh?**

Nhất thiết trí trí không sanh, Bồ-tát không sanh, các loài dị sanh cũng không sanh, như vậy làm sao chứng được Nhất thiết trí trí? Chẳng lẽ lấy pháp không sanh được pháp không sanh sao? Đã là pháp không sanh làm sao chứng đươc? Không sanh mà được tức là có sanh. Đó là ý gạn hỏi của ngài Xá-lợi Tử.

**Thiện Hiện đáp:**

**- Theo ý tôi không nhận trong pháp không sanh có chứng được, có hiện quán. Vì cớ sao? Vì các pháp không sanh chẳng thể được.**

Ngài Thiện Hiện đáp, ý tôi không chấp nhận. *Vì các pháp không sanh chẳng thể được.*

**Xá-lợi Tử hỏi:**

**- Vậy là nhận pháp sanh chứng pháp sanh hay nhận pháp không sanh chứng pháp không sanh?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Theo ý tôi không nhận pháp sanh chứng pháp sanh, cũng không nhận pháp không sanh chứng pháp không sanh.**

Ý ngài Xá-lợi Tử gạn hỏi có chấp nhận chỗ chứng đắc, lấy *pháp sanh chứng pháp sanh hay pháp không sanh chứng không sanh?* Ngài Thiện Hiện đều bác bỏ cả hai.

**Xá-lợi Tử hỏi:**

**- Vậy là nhận pháp sanh chứng pháp không sanh hay nhận pháp không sanh chứng pháp sanh?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Theo ý tôi không nhận pháp sanh chứng pháp không sanh, cũng không nhận pháp không sanh chứng pháp sanh.**

Đổi ngược lại, chấp nhận *pháp sanh chứng pháp không sanh hay pháp không sanh chứng pháp sanh?*

Lập luận ngược xuôi cho đủ để thấy rằng hoàn toàn không chấp nhận có chứng đắc.

**Xá-lợi Tử hỏi:**

**- Nếu như thế, đâu hoàn toàn không được, không hiện quán?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Tuy có được, có hiện quán, nhưng không do hai pháp này (sanh và không sanh) mà chứng, chỉ tùy nói năng lập bày có được, có hiện quán, không phải trong thắng nghĩa có được, có hiện quán.**

Đây là chỗ lý thú của Đại thừa. Tuy hai tôn giả vấn đáp để nêu rõ nghĩa không chứng đắc, nhưng không phải không ngơ. Có chỗ được mà không phải từ hai pháp sanh và không sanh, nếu do hai pháp này mà chứng thì đó là pháp cố định, nên nói *Tuy có được, có hiện quán nhưng không do hai pháp này mà chứng.* Hiện quán là xét thấy hiện tại. Nói có được, có hiện quán là theo ngôn ngữ thế gian, trong thắng nghĩa không có.

Trước nói Bồ-tát làm được những việc lợi ích vô lượng vô biên vì có hai điều kiện trí tuệ và từ bi. Đây nói các pháp không sanh, lại nói có chứng có đắc, như vậy mâu thuẫn rõ ràng. Tinh thần Bát-nhã lúc nào cũng nói là không, tại sao đây nói có?

Đứng về mặt thắng nghĩa chân đế, tất cả pháp duyên hợp như huyễn, những gì có sanh và không sanh đều không thật, các pháp không nằm trong đối đãi. Các pháp như huyễn nên không thật, không pháp nào có tính cố định. Về mặt chân đế thì không chứng không đắc; nhưng về mặt tục đế thì có chúng sanh mê, có Phật giác. Hết mê được giác nên nói chứng được là nói theo thế tục, kia là chân đế, đây là tục đế. Như vậy Bát-nhã nói có rồi nói không, nói không rồi nói có là đứng về chân đế thì nói không, đứng về tục đế thì nói có. Tâm Kinh Bát-nhã nói *không có nhãn, nhĩ, tỹ,*

*thiệt, thân, ý, không mười hai nhân duyên, không tứ đế rồi không cả chứng đắc. Vì không sở đắc nên Bồ-tát tâm không ngăn ngại, vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa lìa mộng tưởng điên đảo được cứu cánh Niết-bàn. Ba đời chư Phật cũng nương Bát-nhã được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác*. Chỗ được của Bồ-tát và của chư Phật là căn cứ trên tục đế. Như vậy, căn cứ trên thắng nghĩa chân đế thì các pháp huyễn hóa nên không sanh, không diệt, không chứng, không đắc; căn cứ trên tục đế thì có mê có ngộ, có chúng sanh, có Phật, có chứng có đắc. Hiểu như vậy mới nắm được tinh thần Bát-nhã.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Vậy là nhận pháp chưa sanh sanh hay nhận pháp đã sanh sanh?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Theo ý tôi không nhận pháp chưa sanh sanh cũng không nhận pháp đã sanh sanh.**

Câu hỏi này nhắm vào thời gian, *pháp chưa sanh* hay *pháp đã sanh.* Ngài Thiện Hiện đều không nhận.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Vậy là nhận có sanh sanh hay nhận không sanh sanh?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Theo ý tôi không nhận có sanh sanh cũng không nhận không sanh sanh.**

Câu hỏi này nhắm vào có và không. Mới nghe tưởng như bình thường nhưng ý muốn phá tất cả những đối đãi, về thời gian: chưa và đã, về pháp: có và không. Thử xem còn kẹt cái nào hay không. Cả

hai, ngài Thiện Hiện đều vượt qua, không mắc kẹt trong đối đãi.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Nhân giả nói pháp không sanh, thích biện thuyết tướng không sanh chăng?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Tôi nói pháp không sanh, cũng không thích biện thuyết tướng không sanh.**

Đến đây chuyển qua ý hỏi ngài có *thích biện thuyết tướng không sanh chăng?* Đã không sanh thì làm sao có tướng, ngài Thiện Hiện gỡ liền.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Đối pháp không sanh khởi nói không sanh, cái nói không sanh này cũng không sanh chăng?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Đúng như thế, đúng như thế! Đối pháp không sanh khởi nói không sanh, pháp này và lời nói kia đều có nghĩa không sanh mà tùy thế tục nói tướng không sanh.**

Cuối cùng Xá-lợi Tử gạn hỏi: *Cái nói không sanh này cũng không sanh chăng?* Thiện Hiện chấp nhận đối với pháp không sanh nói lời không sanh, nếu không nói năng gì thì chúng sanh không do đâu nhận hiểu. Có nói năng là có sanh, vì tùy theo thế tục nói tướng không sanh.

**Xá-lợi Tử khen Thiện Hiện:**

**- Trong những người thuyết pháp, nhân giả là bậc nhất, trừ đức Phật Thế Tôn ra không có ai bì kịp. Vì cớ sao? Vì tùy gạn hỏi các thứ pháp môn đều hay đáp không chút ngăn ngại**

**mà đối với pháp tánh khéo không lay động.**

Ngài Xá-lợi Tử khen Thiện Hiện, đáp tất cả mà không lay động pháp tánh, nghĩa là pháp tánh vẫn y nguyên không thay đổi.

**Thiện Hiện nói:**

**- Đệ tử chư Phật, đối tất cả pháp không y trước, pháp ấy đều hay tùy chỗ gạn hỏi, mỗi mỗi đối đáp tự tại không sợ, mà đối với pháp tánh khéo không lay động. Vì cớ sao? Vì tất cả pháp không chỗ y.**

Đối tất cả pháp không có chỗ nương tựa, nghĩa là không dính mắc, không chấp trước một pháp nào. Nếu có chỗ y trước là có chỗ kẹt, khi bị người gạn hỏi đối đáp có chỗ chướng ngại không tự tại. Y là có chỗ tựa, thường nói là có lập trường, như vậy

đối đáp theo Bát-nhã không có chỗ y trước là đối đáp không có lập trường, phải không? Không. Thế gian chấp hai bên có không, phải quấy... Người lập trường có thì chống người lập trường không. Hai bên đối đáp, bên nào giữ lập trường bên nấy. Có không, phải quấy... đều không thật, lấy cái nào làm lập trường, làm chỗ nương tựa? Vì không thấy được lẽ đó, nên lấy cái này làm lập trường để cãi lại với cái kia, sanh ra đấu tranh, gốc từ chấp cái y cứ của mình.

Bát-nhã thấy không có một pháp thật, lấy gì y cứ? Điều đó với người này thấy là có, nhưng người khác thấy là không. Có là do tướng duyên hợp hư dối giả có, không cũng là duyên tan tạm gọi không. Nếu cho có là thật, không là thật thì sanh cãi nhau, vì chấp vào chỗ thấy của mình, giữ chặt lập trường. Nếu thấy tất cả pháp không

thật, không y cứ bất cứ lập luận nào, làm gì có tranh chấp. Nói không có lập trường tưởng như dở nhưng đó là chỗ thấu tột lẽ thật, không còn dính kẹt. Hiểu như vậy, chỗ không y trước là chỗ rất hay.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Nói pháp yếu sâu thẳm như thế là do oai lực ba-la-mật-đa nào biện giải?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Nói pháp yếu sâu thẳm như thế đều do oai lực Bát-nhã ba-la-mật-đa biện giải. Bởi tại sao? Vì nói tất cả pháp không chỗ y chỉ, cốt do Bát-nhã ba-la-mật-đa, thông đạt tất cả pháp không chỗ y vậy. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế, tâm không nghi ngờ cũng không mê muội, nên biết**

**Bồ-tát ma-ha-tát này trụ chỗ trụ như thế hằng không xa lìa.**

Ba-la-mật-đa có sáu thứ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Trí tuệ rốt ráo là Bát-nhã ba-la-mật-đa. *Do oai lực của Bát-nhã ba-la-mật đa biện giải* giáo lý sâu thẳm. Tức là dùng trí tuệ thấu suốt các pháp không tự tánh, các pháp không chỗ y chỉ.

*Bồ-tát này trụ chỗ trụ như thế hằng không xa lìa,* chỗ trụ như thế là chỗ trụ nào? Trụ không có chỗ y, trụ ở chỗ không trụ. Như vậy mới hằng không xa lìa.

**Nghĩa là lấy không chỗ được làm phương tiện, thường chuyên cần cứu bạt tất cả hữu tình. Bồ-tát ma-ha-tát này thành tựu tác ý tối thắng như vậy, gọi là tác ý cùng đại bi tương ưng.**

*Lấy không chỗ được làm phương tiện, thường chuyên cần cứu bạt tất cả hữu tình,* tức là trí tuệ Bát-nhã thấy các pháp đều như huyễn như hóa, lấy đó làm phương tiện đầu để làm những hạnh lợi ích cho chúng sanh. *Bồ-tát ma-ha-tát này thành tựu tác ý tối thắng như vậy, gọi là tác ý cùng đại bi tương ưng.* Thấy tất cả pháp như huyễn như hóa, không có sở đắc và không có tự tánh sẵn có cố định, thấy rõ các pháp như vậy gọi là tác ý tối thắng. Khởi nghĩ là tác ý. Đôi khi chúng ta có những tác ý không đúng, người nói một đàng mình tác ý một ngả nên sanh phiền não. Ở đây tác ý thấy rõ, khởi nghĩ đúng các pháp như thật nên nói tác ý tối thắng. Có tác ý tối thắng thì cùng đại bi tương ưng, tác ý tầm phào thì cùng tình cảm tương ưng. Ý nghĩa này rất rõ ràng.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát trụ chỗ trụ như thế hằng không lìa bỏ, thành tựu tác ý cùng đại bi tương ưng, thì tất cả hữu tình cũng nên thành tựu Bồ-tát ma-ha-tát. Tại sao? Vì tất cả hữu tình cũng trụ nơi đây và tác ý này, thường không lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, vì đại bi và tác ý tánh nó bình đẳng thì chư Bồ-tát ma-ha-tát cùng tất cả hữu tình nên không sai biệt.**

Ngài Xá-lợi Tử nói rằng *nếu Bồ-tát trụ chỗ như thế không lìa bỏ, thành tựu tác ý cùng đại bi tương ưng thì tất cả hữu tình cũng nên thành tựu Bồ-tát ma-ha-tát.* Hữu tình với Bồ-tát khác nhau, tại sao lại nói hữu tình thành Bồ-tát? *Vì tất cả hữu tình cũng trụ nơi đây và tác ý này,*

*thường không lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, vì đại bi và tác ý tánh nó bình đẳng.* Đại bi và tác ý đều có tự tánh hay không? Đại bi và tác ý không có tự tánh, hữu tình và Bồ-tát cũng không tự tánh. Bồ-tát trụ nơi Bát-nhã, thành tựu tác ý cùng đại bi tương ưng. Hữu tình cũng không lìa bỏ Bát-nhã, hữu tình cũng có tác ý. Tác ý và đại bi tánh bình đẳng, nên hữu tình và Bồ-tát bình đẳng. Bồ-tát không tự tánh, hữu tình không tự tánh, căn cứ trên không tự tánh bình đẳng thì hữu tình cũng có thể thành Bồ-tát. Bồ-tát làm những điều đó, hữu tình cũng làm được như thế.

Khả năng của hữu tình và Bồ-tát như nhau, khi hữu tình làm giống như Bồ-tát thì hữu tình không khác Bồ-tát. Câu này có vẻ khó hiểu nhưng ngụ ý khuyến khích chúng ta.

**Ngài Thiện Hiện nói:**

**- Lành thay! Lành thay! Đúng như thế, đúng như thế! Thật như Nhân giả đã nói, khéo biết như thật ý tôi nói, tuy in tuồng nạn tôi mà kỳ thật thành lập nghĩa của tôi. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì hữu tình không tự tánh, nên trụ như thế và tác ý cũng không tự tánh. Vì hữu tình không chỗ có, nên trụ như thế và tác ý cũng không chỗ có. Vì hữu tình xa lìa nên trụ như thế và tác ý cũng xa lìa. Vì hữu tình vắng lặng nên trụ như thế và tác ý cũng vắng lặng. Vì hữu tình chẳng thể được nên trụ như thế và tác ý cũng chẳng thể được. Vì hữu tình không tri giác nên trụ như thế và tác ý cũng không tri giác.**

Ngài Thiện Hiện khen ngài Xá-lợi Tử tuy hỏi khó nhưng thật ra để thành lập ý nghĩa Bát-nhã. Dùng con mắt Bát-nhã thì thấy *hữu tình không tự tánh*, trụ chỗ không trụ, *tác ý cũng không tự tánh*. *Hữu tình không chỗ có* (vô sở hữu), *hữu tình xa lìa, hữu tình vắng lặng, hữu tình chẳng thể được* (bất khả đắc), nhìn rốt ráo không thấy thật có hữu tình, không thật có tác ý.

Vì sao nói *hữu tình không tri giác nên trụ như thế và tác ý cũng không tri giác*? Chúng ta thường phân biệt hữu tình có tri giác, vô tình không tri giác, nói hữu tình không tri giác thì khác nào vô tình? Về mặt không tự tánh thì tri giác không thật có. Hữu tình có tri giác nhưng không chấp tri giác là thật, nên nói hữu tình không tri giác. Các pháp và hữu tình hoàn toàn không thật có, không sai biệt, đó là đứng trên lý bình đẳng mà nói. Bồ-tát trên lý

bình đẳng thì không tự tánh, chúng sanh không tự tánh, hữu tình và Bồ-tát không khác nhau.

Căn cứ trên chân đế là như vậy, còn nói có chúng sanh, có Bồ-tát là căn cứ trên tục đế. Khi chúng ta nghe câu nào lạ, phải xét coi nó thuộc về loại nào để không lầm lộn. Ví như cái bàn, cái ghế, cái nhà... tất cả các vật đều có hình dáng khác nhau, nhưng chúng có chung một tánh bình đẳng là vô thường. Trên lý vô thường, trên lý không tự tánh thì tất cả bình đẳng; trên hiện tướng thế tục thì mỗi mỗi vật lớn nhỏ sai biệt khác nhau.

**Do nhân duyên này, chư Bồ-tát ma-ha-tát đối với trụ như thế và tác ý này thường không lìa bỏ, cùng các hữu tình cũng không sai biệt, vì tất cả pháp và các hữu tình hoàn toàn không, không có sai biệt.**

**Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay biết như thế không bị ngăn ngại, đó là thật tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm.**

Bồ-tát trụ chỗ không trụ vì biết các pháp không chỗ y chỉ, dùng vô sở đắc làm phương tiện cứu vớt hữu tình, đó gọi là tác ý tối thắng tương ưng đại bi; Bồ-tát được như thế, hữu tình cũng được như thế, biết rõ như vậy không chướng không ngại, *đó là thật tu Bát-nhã.*

Chúng ta hằng dùng trí tuệ thấy tất cả pháp không một pháp nào thật. Chúng sanh không thấy rõ như vậy nên mê muội, tranh giành hơn thua, sanh phiền não. Bồ-tát thương xót họ, khởi đại bi tâm, giáo hóa họ hằng sống với trí Bát-nhã và thực hành theo hạnh Bát-nhã.

Tu là khéo dùng trí Bát-nhã gỡ bỏ vọng tưởng. Khi ngồi thiền có những vọng niệm buông được, có những vọng niệm

mạnh quá buông không nổi, lúc đó phải làm sao? Hoặc tìm lại cội gốc xem nó phát xuất từ đâu, hoặc quán tất cả pháp huyễn hóa, cái này huyễn hóa, cái kia huyễn hóa, có gì mà buông không được. Lúc ngồi thiền hoặc đi đứng nằm ngồi áp dụng như thế. Nếu lúc chăn trâu hơi nặng đầu, hơi buồn, thôi không kìm giữ nữa mà ngó trời ngó mây chơi, thấy tất cả sự vật duyên hợp như huyễn hóa, cái nào cũng vậy, lúc đó tâm không điên đảo chạy bậy.

Trong hai trường hợp, dùng trí quán và chăn trâu thay đổi để công phu cởi mở nhẹ nhàng. Không chăn trâu mà cũng không dùng trí Bát-nhã để nhìn sự vật thì các trần cảnh sẽ len vào, tâm phân biệt tốt xấu, phải quấy... tập nhiễm dần dần, tu không đắc lực. Ngài Duy Tín nói, trước khi gặp thiện tri thức thấy núi sông là núi sông. Sau khi gặp thiện tri thức chỉ dạy

thấy núi sông không phải là núi sông, đó là giai đoạn dùng trí Bát-nhã quán chiếu. Đến giai đoạn thấy núi sông là núi sông. Từ quán chiếu Bát-nhã, thấy núi sông không phải là núi sông đi đến thật tướng Bát-nhã thấy núi sông là núi sông, trải qua thời gian ba mươi năm đều đều như vậy.

Chúng ta tu không thấy tiến bộ vì tỉnh ít mà mê nhiều. Như ngài Triệu Châu lanh lợi như vậy, mà cũng ba mươi năm mới nhồi thành một khối. Dụng công tu phải bền bỉ thường xuyên mới đạt kết quả.

**Thế Tôn khen Thiện Hiện:**

**- Lành thay! Lành thay! Ông khéo vì chư Bồ-tát ma-ha-tát tuyên thuyết chỉ bày Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, đây là do sức oai thần của Như Lai. Nếu có người muốn vì chư Bồ-tát**

**ma-ha-tát tuyên thuyết chỉ bày Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, đều nên như ông tuyên thuyết chỉ bày. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa đều nên theo chỗ ông nói mà học. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát theo chỗ ông nói mà học Bát-nhã ba-la-mật-đa, Bồ-tát ma-ha-tát ấy chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, hay tột thời vị lai làm lợi ích tất cả. Thế nên, chúng Bồ-tát ma-ha-tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề nên chuyên cần tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm.**

Tên của phẩm này là Diệu Hạnh. *Diệu hạnh* ở chỗ nào? Phật dạy Thiện Hiện giảng Bát-nhã ba-la-mật-đa để chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Ngài Thiện Hiện nói không thấy có Bồ-tát, có pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa, như vậy

lấy pháp gì, dạy chúng Bồ-tát nào? Đối với ba điểm, pháp, người và quả vị chứng đắc đều không thấy có. Nghe nói như vậy mà không kinh sợ không thối lui, đó là học Bát-nhã. Diệu hạnh chính là chỗ này. Học Bát-nhã là học tâm không chấp trước, ngay cả tâm đại Bồ-đề.

Bồ-tát luôn làm lợi ích chúng sanh, trong khi làm hạnh Bồ-tát thấy mình không thật, hữu tình không thật mà hay mặc giáp công đức. Giáp công đức cũng không thật mà hay độ chúng hữu tình. Đó là hạnh rất vi diệu. Phật không thật, Nhất thiết trí trí không thật mà Bồ-tát luôn phát tâm giáo hóa chúng hữu tình, đó là diệu hạnh. Trí Bát-nhã giúp chúng ta có hành động mà người thường không thể biết được. Người thường khi làm một hạnh nào phải có hai yếu tố: Một, đối tượng được giúp đỡ có thật. Hai, việc làm có lợi ích

thiết thực. Thấy có người khổ thật và có lợi ích thật, mới phát tâm. Bồ-tát thấy cái nào cũng không thật có mà vẫn làm, không phải diệu hạnh là gì? Tinh thần Bát-nhã là tinh thần thấy tất cả pháp không thật. Từ người, mình, Bồ-tát, Phật, tất cả pháp đều không thật, khổ vui cũng không thật. Khổ vui đã không thật thì cứu khổ làm gì? Vậy mà Bồ-tát vẫn làm. Không thấm nhuần tinh thần Bát-nhã không hiểu nổi chỗ này.

Bồ-tát thấy cuộc đời giả dối, chúng sanh vì mê nên lăn lộn khổ vui trong đó, các ngài luôn hy sinh thân mình đánh thức chúng sanh cho hết khổ. Đây là tấm gương để chúng ta noi theo. Nếu không làm lợi ích cho ai, là sống một đời trôi suông vô vị. Người hiểu đạo tùy cuộc sống ngắn dài cũng được, sống ngày nào xứng đáng ngày đó, sao cho lợi ích mọi người.

Nếu thấy không cần thì vắng mặt cũng tốt, nếu vắng mặt mà người ta tưởng nhớ người ta tu được thì cũng nên vắng mặt, không có gì để tiếc.

Người biết tu chưa phá được nghiệp cũ, khi chưa mãn cũng cam chịu trả nghiệp. Ngày nào có mặt trên trần gian này, chịu một cái gì dường như thiệt thòi cho mình thì cũng tốt. Thí dụ đau nằm một chỗ thì phải ráng tu trong cái đau, không nên thả trôi. Đau thì tu theo đau, mạnh thì tu theo mạnh, tức là tu cho mình cho người. Giá trị của chúng ta là sống hữu ích, phải bỏ hết những thời giờ sống vô nghĩa.

Từ phẩm Diệu Hạnh, chúng ta học được trí tuệ Bát-nhã, thấu rõ các pháp hư giả không thật nhưng cũng mặc giáp công đức làm lợi ích chúng sanh. Đó là học hiểu chân thật.

# PHẨM THANH TỊNH

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Thế Tôn! Những người ngu si không siêng năng tinh tấn, đủ các hạnh ác, thiện căn mỏng ít, mê muội không mong cầu, nghe ít, trí kém, bị ác tri thức nhiếp thuộc, không kính thờ bạn lành, không ưa thưa hỏi những việc thiện thù thắng, không siêng tu học, nghe Phật nói pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm thật khó tin hiểu.**

Ngài Thiện Hiện nêu những lý do khiến người nghe pháp Bát-nhã khó tin hiểu.

- Người ngu si không siêng năng tinh tấn.

- Đủ các hạnh ác.

- Thiện căn mỏng ít.

- Mê muội không mong cầu tiến bộ.

- Nghe ít, trí kém.

- Bị ác tri thức nhiếp thuộc.

- Không kính thờ bạn lành.

- Không ưa thưa hỏi những việc thiện thù thắng, không siêng tu học.

Đây là tám lý do khiến chúng ta khi tu, nghe kinh Bát-nhã bị chướng ngại không đủ niềm tin. Kiểm điểm lại, chúng ta có đủ hết tám điều này không? Điều thứ nhất, ngu si thì không đến nỗi, tinh tấn chưa được nhiều, vậy là được phân nửa mất phân nửa. Điều thứ hai, thứ ba, đủ các hạnh ác chắc không có, thiện căn nếu mỏng ít thì không được xuất gia sớm, học hỏi đạo lý. Thiện căn nhiều mới được làm người học Phật pháp. Điều thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, đây là những điều

rất dở tệ! Nếu không có những điều này, chúng ta mừng là mình có thể tin hiểu Bát-nhã thâm sâu. Điều thứ tám, không siêng tu học, không ưa thưa hỏi những việc thiện thù thắng. Chắc cũng có một hai phần. Biết những khuyết điểm này, cố gắng khắc phục thì lo gì không có duyên với Bát-nhã.

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Đúng thế! Đúng thế! Như lời ông nói.**

Phật nói Thiện Hiện đưa ra mấy lý do rất đúng.

**Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế tại sao sâu xa khó tin khó hiểu?**

**Phật dạy:**

**- Này Thiện Hiện, sắc không phải phược, không phải giải. Vì cớ sao? Vì sắc lấy không tánh làm tự tánh. Thọ, tưởng, hành, thức không phải phược không phải giải.**

Vì sao Bát-nhã ba-la-mật-đa khó tin khó hiểu? Bát-nhã nói về các pháp không tự tánh. Đầu tiên nói về năm uẩn, nếu quán thấy đúng như thật thì không có gì là ràng buộc hay giải thoát. Phật dạy, *sắc uẩn không phải trói buộc, cũng không phải cởi mở*, tại sao? Vì nó không tự tánh. Không tự tánh là không cố định trói hay mở. Nếu cố định là trói buộc thì chúng ta không tu được, nếu cố định là giải thoát thì không cần tu. Thân sắc uẩn này có trói buộc không? Thí dụ chúng ta mang sắc thân này hoặc đen hoặc trắng... Nếu được người khen đẹp thì vui, nếu bị người chê xấu thì buồn. Được khen thì tự hào hãnh

diện, cái ngã trồi lên là trói buộc, bị chê thì rầu rĩ cũng là trói buộc. Trói buộc là tại chúng ta, còn thân không có trói buộc hay cởi mở. Vì bênh vực nó nên khen thì chịu, chê thì không ưa, trói buộc ở chỗ đó. Nếu hằng nhớ sắc uẩn không cố định, không tự tánh, nói gì cũng không đúng, không đúng thì chấp làm gì để sanh buồn vui. Thấy có trói buộc, có cởi mở vì chấp có tự tánh, có tốt, có xấu. Hiểu rõ ý nghĩa sắc uẩn vốn không tự tánh nên không có trói buộc, không cởi mở; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đó là đoạn thứ nhất.

**Lại nữa này Thiện Hiện! Sắc mé trước không phải phược, không phải giải. Vì sao? Vì sắc mé trước lấy không tánh làm tự tánh. Sắc mé sau không phải phược, không phải giải. Vì sao? Vì sắc mé sau lấy không tánh làm tự tánh. Sắc mé giữa không phải**

**phược, không phải giải. Vì sao? Vì sắc mé giữa lấy không tánh làm tự tánh. Thọ tưởng hành thức mé trước không phải phược, không phải giải. Vì sao?**

**Vì thọ tưởng hành thức mé trước lấy không tánh làm tự tánh. Thọ tưởng hành thức mé sau không phải phược, không phải giải. Vì sao? Vì thọ tưởng hành thức mé sau lấy không tánh làm tự tánh. Thọ tưởng hành thức mé giữa không phải phược, không phải giải. Vì sao? Vì thọ tưởng hành thức mé giữa lấy không tánh làm tự tánh.**

Đây nói năm uẩn trong ba thời không trói buộc, không cởi mở vì không tự tánh. Sự có mặt của chúng ta bao lâu? Thời gian đã qua là quá khứ, thời gian hiện nay là hiện tại, thời gian về sau là vị lai. Chúng

ta nghĩ mình đã sống qua bao nhiêu năm, đó là sắc mé trước; nghĩ mình chắc còn sống hai mươi năm nữa mới chết, đó là sắc mé sau; nghĩ rằng tôi hiện nay đang thế này thế nọ, đó là sắc khoảng giữa. Trong ba thời, sắc uẩn đều không thật, vì không có tự tánh. Sắc không tự tánh, ba thời không tự tánh, năm uẩn là một dòng biến đổi không cố định, ba thời là một dòng biến đổi không cố định thì làm sao có thật. Đã không thật thì nói cái gì cởi mở, cái gì trói buộc?

Chúng ta sống thường bị trói buộc trong ba thời. Như nhớ ngày xưa mình có chiếc xe tốt, bây giờ không có xe tốt nữa. Nhớ quá khứ đó là trói buộc của quá khứ. Nghĩ đến sau này mình sẽ sống sung túc hơn, đó là trói buộc của vị lai. Hiện tại cũng muốn được sung sướng, có tài lợi dồi dào, đó là trói buộc của hiện tại. Những

trói buộc này có ra đều vì thân năm uẩn. Đối với năm uẩn này, nếu thấy nó không thật vì không tự tánh, quá khứ hiện tại vị lai cũng không thật vì không tự tánh, như vậy vọng tưởng về việc gì? Cứ thấy đúng nhận đúng, chúng ta ngồi thiền không có lý do để vọng tưởng. Tất cả vọng tưởng đều lo cho thân năm uẩn, bảo vệ thân năm uẩn nên bị trói buộc trong ba thời. Như nói đi Đà Lạt thì nằm mơ nghĩ hôm nào đó đi Đà Lạt, cũng là trói buộc của năm uẩn về vị lai. Nếu thấy vị lai, quá khứ đều không thật, tự nhiên tất cả vọng tưởng theo đó hết. Phần nhiều vọng tưởng khởi là do vin theo chấp chặt vào một hình tướng nào đó, gỡ không ra. Thấy thân cảnh không thật thì gỡ ra rất dễ.

Phật chỉ dạy chúng ta dùng trí quán năm uẩn không thật, chia ra từng uẩn cũng thấy rõ không thật, không có tánh cố

định. Đến thời gian của năm uẩn sống cũng không thật, không có tánh cố định. Chúng ta duyên theo năm uẩn trong ba thời, thấy rõ chúng không thật, không có chỗ để duyên, để khởi vọng tưởng. Trí ấy giúp chúng ta tu, tuy không phải định nhưng xét kỹ nó đã có định. Đây là định dừng vọng tưởng, đi đứng nằm ngồi đều quán sát rõ ràng, tâm niệm không lăng xăng vì các duyên bên ngoài.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm rất khó tin hiểu! Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm thật rất khó tin hiểu!**

Ngài Thiện Hiện lặp đi lặp lại, nói *Bát-nhã khó tin hiểu, thật rất khó tin hiểu.* Chúng ta thường thấy tất cả đều có thật, chư Phật Bồ-tát thấy các pháp không thật nên lời của các ngài khó hiểu. Cái khó hiểu đó không phải tự nó khó, mà

vì bước tu chứng của chúng ta còn cạn. Xét theo tám điều nêu trên, tuy chúng ta không đầy đủ như phàm phu, nhưng vẫn còn một chút dở trong đó, vì thế không hiểu được Bát-nhã.

**Phật bảo:**

**- Đúng thế! Đúng thế! Như lời ông nói. Vì cớ sao? Thiện Hiện, sắc thanh tịnh tức quả thanh tịnh, quả thanh tịnh tức sắc thanh tịnh. Vì sao? Vì sắc thanh tịnh này cùng với quả thanh tịnh không hai, không hai phần, không riêng, không đoạn. Thọ tưởng hành thức thanh tịnh tức quả thanh tịnh, quả thanh tịnh tức thọ tưởng hành thức thanh tịnh. Vì cớ sao? Thọ tưởng hành thức thanh tịnh cùng quả thanh tịnh không hai, không hai phần, không riêng, không đoạn dứt.**

*Sắc thanh tịnh tức quả thanh tịnh.* Thí dụ chúng ta xây cất nhà, tất cả vật dụng đều chắc, đều tốt thì cái nhà nhất định chắc chắn tốt đẹp. Cũng vậy, sắc uẩn thanh tịnh thì kết quả của sắc uẩn cũng thanh tịnh. *Quả thanh tịnh tức sắc thanh tịnh,* nhà chắc chắn thì vật dụng lâu bền. Nhân thanh tịnh thì quả thanh tịnh, ngược lại quả thanh tịnh nên sắc tiếp theo thanh tịnh. Nhân và quả không tách rời nhau. Nhân quả của sắc như vậy, nhân quả của thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

**Lại nữa Thiện Hiện! Sắc thanh tịnh tức Nhất thiết trí trí thanh tịnh, Nhất thiết trí trí thanh tịnh tức sắc thanh tịnh. Vì cớ sao? Sắc đây thanh tịnh cùng Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai, không hai phần, không riêng, không đoạn dứt. Thọ tưởng**

**hành thức thanh tịnh tức Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Nhất thiết trí trí thanh tịnh tức thọ tưởng hành thức thanh tịnh. Vì cớ sao? Thọ tưởng hành thức thanh tịnh cùng Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai, không hai phần, không riêng, không dứt vậy.**

Sắc hay năm uẩn là thí dụ như cái nhà, Nhất thiết trí trí thí dụ như người ở trong nhà. Chủ nhà sáng suốt đẹp đẽ thì cái nhà cũng được ảnh hưởng theo, chủ nhà và cái nhà liên hệ nhau. Từ lãnh vực năm uẩn bước qua lãnh vực Nhất thiết trí trí. Nhất thiết trí trí được thanh tịnh là nhờ năm uẩn thanh tịnh. Từ nhân đến quả, nhưng nhân quả này ở chiều khác, từ chiều sanh diệt bước qua không sanh diệt. Năm uẩn là sanh diệt, Nhất thiết trí trí thì không sanh diệt. Năm uẩn cùng Nhất thiết trí trí

không hai, không riêng khác, ngay trong sanh diệt nhận được vô sanh.

Thí dụ tôi nói trời quang mây tạnh nên mặt trăng sáng. Nói ngược lại là mặt trăng sáng là nhờ không có mây. Câu đầu nói mây tạnh nên mặt trăng sáng, ví như năm uẩn thanh tịnh nhờ Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Câu sau nói, Nhất thiết trí trí thanh tịnh là nhờ năm uẩn thanh tịnh, đó là mặt trăng sáng nhờ mây tạnh, không bao giờ mây mù mịt mà thấy mặt trăng sáng được. Để thấy rằng năm uẩn không dính mắc, không cột, không trói, không điên đảo là cái nhân thanh tịnh thì cái quả Nhất thiết trí trí sẽ thanh tịnh. Khi nhân sanh diệt là năm uẩn trong sạch thì quả không sanh diệt được trong sạch. Mây là nhân, nhưng không làm mặt trăng sáng, mây tan tạnh tự nhiên mặt trăng tỏa sáng. Khi nhân sanh diệt còn mù mịt thì quả

không sanh diệt kia cũng bị mờ tối. Nhân sanh diệt tịnh trong thì quả không sanh diệt sáng lòa. Hiểu như vậy mới thấy chỗ tu của chúng ta rõ ràng, dường như đang tu trên sanh diệt mà rốt cuộc lại đạt chỗ không sanh diệt. Cứ làm cho mây tan chứ đừng trông trăng sáng, khi mây tan tự nhiên trăng sáng. Đó là căn cứ trên sanh diệt đi đến chỗ không sanh diệt.

**Xá-lợi Tử bạch Phật:**

**- Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế rất là sâu thẳm.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì rất thanh tịnh.**

Vì Bát-nhã rất thanh tịnh nên sâu xa. Tại sao? Khi chúng ta ngồi thiền được chừng năm phút không có một niệm, một hình bóng làm vẩn đục tâm trí, hằng tỉnh sáng thì lúc đó thanh tịnh không? Chỗ

thanh tịnh sâu xa khó diễn tả. Những gì diễn tả nói năng được thì còn cạn dễ, sức thanh tịnh lặng lẽ của trí Bát-nhã không thể dùng ngôn ngữ nói hết, nên gọi là sâu xa.

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế rất hay chiếu rõ.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì rất thanh tịnh.**

Đây nói Bát-nhã hay chiếu rõ vì rất thanh tịnh.

Thí dụ một lu nước trong, vừa nhìn vô lu là thấy hiện hình bóng. Nước trong nên hình bóng hiện rõ, vì thế nói Bát-nhã chiếu rõ vì rất thanh tịnh.

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là sáng suốt lớn.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì rất thanh tịnh.**

Trở lại thí dụ lu nước. Do nước trong nên rọi bóng tất cả hình ảnh, cũng do nước trong nên phản chiếu ánh sáng. Có trăng rọi vào thì mặt nước chiếu ánh sáng. Nước trong có hai công dụng, vừa hiện được bóng hình ở ngoài, vừa phản chiếu ánh sáng. Nên nói Bát-nhã sáng suốt lớn vì rất thanh tịnh.

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế trọn không tương tục.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì rất thanh tịnh.**

Tương tục là nối tiếp, tức cái này dứt, cái kia tiếp liền. Cái gì có nối có tiếp là động là sanh diệt; Bát-nhã không phải sanh diệt nên không động, không tương tục. Cho nên chỉ nói niệm niệm tương tục mà không nói tâm thanh tịnh tương tục, rõ như vậy.

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế vốn không tạp nhiễm.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì rất thanh tịnh.**

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế không được, không hiện quán.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì rất thanh tịnh.**

Hiện quán là hiện có. Bát-nhã có hình tướng để thấy không? Không hình tướng để thấy nên nói không hiện quán.

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế không có chỗ sanh khởi.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì rất thanh tịnh.**

Bát-nhã thanh tịnh nên không sanh khởi, vì vừa sanh khởi là mất thanh tịnh.

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế cứu cánh không sanh.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì rất thanh tịnh.**

Thể của Bát-nhã ba-la-mật-đa là không tất cả, người đạt tới đó gọi là chứng

Vô sanh. Niết-bàn là Vô sanh, Niết-bàn và Bát-nhã không hai.

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế không sanh Dục giới, không sanh Sắc giới, không sanh Vô sắc giới.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì rất thanh tịnh.**

Bát-nhã thanh tịnh nên không có niệm khởi, niệm không còn nên không có nhân để tạo nghiệp sanh trong tam giới.

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế không biết không hiểu.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì rất thanh tịnh.**

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp gì không biết không hiểu?**

**Phật dạy:**

**- Đối với sắc không biết không hiểu, vì rất thanh tịnh, đối với thọ, tưởng, hành, thức không biết không hiểu. Vì sao? Vì rất thanh tịnh.**

Tại sao Bát-nhã lại không biết, không hiểu? Bởi vì dấy niệm hiểu biết là động, động thì không thanh tịnh.

Bát-nhã không dấy niệm hiểu biết so sánh về năm uẩn. Dấy niệm hiểu biết theo năm uẩn là hết thanh tịnh.

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Tát-bà-nhã không tổn giảm, không tăng ích.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì rất thanh tịnh.**

Tát-bà-nhã (Sarvajna) là dịch âm tiếng Phạn, dịch nghĩa có hai, hoặc Nhất thiết trí hoặc Nhất thiết chủng trí, chỉ cho trí Phật, trí biết rõ tất cả pháp tướng trong ngoài. Bát-nhã đối với trí tuệ Phật không thêm không bớt, vì rất thanh tịnh. Nếu có tăng giảm đó là tướng sanh diệt, không phải thanh tịnh.

**Xá-lợi Tử thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp không thủ, không xả.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì rất thanh tịnh.**

Trí tuệ Bát-nhã như thế đối với tất cả pháp không lấy không bỏ, bình đẳng như

như. Tất cả câu trên đây nói về thanh tịnh của Bát-nhã.

**Thiện Hiện cũng bạch Phật:**

**- Vì ngã thanh tịnh nên sắc thanh tịnh.**

**Phật dạy:**

**- Như thế! Vì cứu cánh tịnh.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Vì ngã thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh.**

**Phật dạy:**

**- Như thế! Vì cứu cánh tịnh.**

Đoạn trên ngài Xá-lợi-phất nói về tính chất rất thanh tịnh của Bát-nhã, đến đây ngài Thiện Hiện nói về chỗ rốt ráo thanh tịnh của Bát-nhã. Thanh tịnh rốt ráo tột cùng là gốc từ vô ngã, vừa có một niệm chấp ngã là mất thanh tịnh. Thử

nghiệm xem, nếu có người được tán thán cũng không mừng, chê cũng không buồn. Người đó có thanh tịnh không? Người đó có chấp ngã không? Nếu còn chút chấp ngã thì khen ngợi có thể không mừng, nhưng bị chê bai khó mà không giận. Không giận ra mặt thì cũng ngầm ngầm trong bụng. Được thanh tịnh rốt ráo là khi trong tâm không còn một chút niệm chấp ngã, tất cả đều buông sạch hoàn toàn. Đây là vấn đề quan trọng đối với người tu học Bát-nhã. Việc tu trước hết là quán năm uẩn không thật, thấy không thật nên không chấp ngã, đó là gốc rốt ráo thanh tịnh. Bát-nhã thanh tịnh thì tất cả cái khác đều thanh tịnh.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Vì ngã thanh tịnh nên quả thanh tịnh.**

**Phật dạy:**

**- Như thế! Vì cứu cánh tịnh.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Vì ngã thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh.**

**Phật dạy:**

**- Như thế! Vì cứu cánh tịnh.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Vì ngã thanh tịnh, nên không đắc, không hiện quán.**

**Phật dạy:**

**- Như thế! Vì cứu cánh tịnh.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Vì ngã vô biên nên sắc vô biên.**

**Phật dạy:**

**- Như thế! Vì cứu cánh tịnh.**

Khi được rốt ráo thanh tịnh, lúc đó thấy thể chân thật không giới hạn, vì không giới hạn nên tự nhiên thấy năm uẩn cũng không giới hạn.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Vì ngã vô biên nên thọ, tưởng, hành, thức vô biên.**

**Phật dạy:**

**- Như thế! Vì cứu cánh tịnh.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay giác như thế, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

**Phật dạy:**

**- Như thế! Vì cứu cánh tịnh.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế không phải bờ bên này, không phải bờ bên kia, không phải ở chặng giữa.**

**Phật dạy:**

**- Như thế! Vì cứu cánh tịnh.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khởi tưởng như thế là xả bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa, là xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

**Phật bảo:**

**- Đúng thế! Đúng thế! Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát đó còn trước danh, trước tướng.**

Nói thanh tịnh, nói rốt ráo thanh tịnh v.v... mà còn chấp cứng những ngôn ngữ đó là còn chấp danh chấp tướng. Phật, Bồ-tát chỉ dạy đầy đủ rồi liền phủi sạch, không cho khởi tưởng dính mắc vào bất cứ

chỗ nào. Đó là tinh thần Bát-nhã. Học Bát-nhã là học phá chấp, còn vướng chấp là chưa thanh tịnh tột cùng.

**Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:**

**- Thế Tôn rất kỳ lạ! Thiện Thệ rất ít có! Khéo vì chúng Bồ-tát ma-ha-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm mở bày phân biệt chỗ rốt ráo chấp tướng.**

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Thế nào Bồ-tát ma-ha-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa khởi chấp tướng?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát đối với sắc cho là không rồi khởi chấp trước "tưởng không". Đối với thọ, tưởng, hành, thức cho là không rồi khởi**

**chấp trước "tưởng không". Đối với pháp quá khứ cho là pháp quá khứ rồi khởi chấp trước "tưởng pháp quá khứ". Đối với pháp vị lai cho là pháp vị lai rồi khởi chấp trước "tưởng pháp vị lai". Đối với pháp hiện tại cho là pháp hiện tại rồi khởi chấp trước "tưởng pháp hiện tại". Nghĩa là các thiện nam tử Bồ-tát thừa khi mới phát tâm sanh tưởng như thế cũng gọi là trước tướng.**

Theo tinh thần Bát-nhã, ngay cả đối với tưởng không cũng không chấp cho là thật có "không". Nếu Bồ-tát đối với sắc cho là không, rồi khởi chấp trước tưởng không, hoặc nghe nói sắc không tự tánh hoặc sắc tức thị không, hoặc nghe nói không sắc, không thọ tưởng hành thức liền chấp cho là Bát-nhã nói không, chấp không là thật không. Đối với pháp quá

khứ cho là quá khứ rồi khởi tưởng chấp quá khứ, đối với pháp vị lai, hiện tại cũng khởi tưởng chấp vị lai, hiện tại. Như thế là không đúng tinh thần Bát-nhã.

Phải hiểu năm uẩn không có tính chất cố định, như huyễn như hóa chẳng thật có, chẳng thật không. Chấp thật có là bệnh, chấp thật không cũng là bệnh. Bát-nhã dạy chúng ta quán tất cả pháp không có gì cố định, không có gì thật. Năm uẩn không thật có, không thật không, là thuốc trị bệnh chấp có chấp không. Người thế gian nói có là bệnh, đành rồi, người học Phật nói năm uẩn là không ngơ cũng là bệnh. Đối với pháp năm uẩn hay pháp quá khứ hiện tại vị lai chấp cho là thật cũng là bệnh. Vì thế đây nói, người phát tâm tu mà căn cứ năm uẩn, ba thời khởi tâm tu hành cũng gọi là chấp tướng.

**Trời Đế-thích hỏi Thiện Hiện:**

**- Do nhân duyên gì như thế gọi là trước tướng? Thiện Hiện đáp:**

**- Nếu cho đây là tâm đại Bồ-đề, nếu chấp đây là tâm ban đầu hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, gọi là trước tướng. Kiều-thi-ca, bản tánh của tâm là không, không thể hồi hướng.**

Cho có tâm đại Bồ-đề thật, tâm ban đầu thật tức là nói thời gian đầu, giữa, sau có thật. Ba thời không tự tánh, chấp trước có tâm ban đầu tu tập gọi là chấp tướng, không đúng tinh thần Bát-nhã.

Bản tánh của tâm là không, nhưng chẳng phải không ngơ, mà là không tất cả tướng. Vì không tướng nên không thể hồi hướng.

**Người thiện nam v.v... trụ Bồ-tát thừa nếu khởi chấp "Ta tiến đến Đại thừa", các thứ như thế đều gọi là trước tướng.**

Thấy có ta thật là chấp ngã, thấy có pháp Đại thừa thật là chấp pháp. Phát tâm tu Đại thừa phải thấy như thế nào? Thấy "tôi phát tâm tu Đại thừa" chẳng khác nào như ngủ mơ mà thấy thi đậu. Người thi đậu và bằng cấp đều không thật. Thấy như vậy mới không chấp tướng.

**Thế nên, chúng Bồ-tát ma-ha-tát muốn đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thị hiện khen ngợi, khuyến khích, vui mừng để cho các hữu tình phát tâm thú hướng Đại thừa thì nên tùy theo tướng chân thật mà thị hiện khen ngợi, khuyến khích, vui mừng.**

Tướng chân thật của các pháp là không tự tánh, dù khen ngợi quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề hay tu tiến v.v... đều biết là không tự tánh. Đó là thị hiện khen ngợi đúng chân thật, nếu nói khác đi không phải là chân thật.

**Người thiện nam kia... nếu hay thị hiện khen ngợi, khuyến khích, vui mừng như thế thì bản thân họ không tổn hại, cũng không tổn hại kẻ khác, các đức Như Lai đều chấp nhận.**

Nếu khen ngợi chỉ dẫn đúng với tinh thần chân thật, người không kẹt mình cũng không vướng mắc. Đó là chỗ chư Phật khen ngợi.

**Kiều-thi-ca, người thiện nam... an trụ Đại thừa nếu hay thị hiện khen ngợi, khuyến khích, vui mừng như**

**thế, các hữu tình tiến thú Đại thừa thì hay xa lìa tất cả chấp trước.**

Muốn khen ngợi để chúng sanh tiến đến Đại thừa, nên tùy theo tướng chân thật, khiến mọi người xa lìa chấp trước, mới là khen ngợi đúng pháp.

Chúng ta bây giờ đa số khen ngợi khuyến khích đúng như thật không? Mỗi khi Phật tử phát tâm cúng dường trai phạn thì nói: "À! Cúng dường phước đức vô cùng." Khuyến khích như vậy có chân thật hay không? Không. Bởi nói phước đức vô cùng mà hôm nay cúng dường, ngày mai gia đình họ xảy ra tai nạn thì tâm khởi nghi. Phước đức ở đâu? Họ sanh hoang mang, vì mình khuyến khích không đúng như thật. Phải khuyến khích làm sao? Đó là một việc khó, không khéo thì tất cả chúng ta gieo nhân vô thường để người hưởng được quả phước vô thường. Ít

ai gieo được nhân chân thật để đến quả chân thật. Chúng ta nên nói thế này: "Cúng dường chư tăng có phước mà chỉ có phước hữu lậu thôi, chứ chưa đến chỗ chân thật, muốn được phước chân thật thì quý vị đừng chấp phước nữa." Nói khéo léo không trái với sự thật mà họ vẫn phát tâm mới nên nói. Làm việc phước, lại gặp tai nạn, đó là điều phải dè dặt. Vì mình chỉ tán thán một chiều, còn nghiệp riêng của mỗi người, chúng ta không biết được. Thế nên phải nói cúng dường bố thí là điều tốt có phước, nhưng chỉ là phước hữu lậu. Làm phước đừng chấp phước đó mới là cứu cánh. Nếu chấp có phước, khi gặp tai nạn họ không làm nữa, tức nhiên thối Bồ-đề tâm. Nếu không chấp, làm phước cứ làm, thấy phước là không thật không dính mắc, không bị thối Bồ-đề tâm.

Nên tôi thường nhắc tất cả chư tăng đừng nói những lời một chiều. Nhắc người ta đừng chấp, đó là đã ngầm ý chỉ chân thật. Nói chân thật người không hiểu, mình ngừng chỗ đừng chấp là đủ rồi. Đó là sự giáo hóa tương đối chân thật.

**Thế Tôn khen Thiện Hiện:**

**- Lành thay! Lành thay! Nay ông khéo vì chư Bồ-tát nói các thứ chấp trước tướng, khiến chư Bồ-tát biết rõ xa lìa. Lại còn những thứ chấp trước vi tế, ta sẽ vì ông nói, ông nên lắng nghe, phải rất chú ý.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Xin vâng, mong Thế Tôn nói, chúng con rất thích nghe.**

**Phật bảo:**

**- Người thiện nam... an trụ Đại thừa, muốn thú hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, đối với chư Như Lai Ứng đẳng Chánh giác lấy lòng tin trong sạch vin nơi tướng, nhớ niệm, tùy vin nơi tướng đều gọi chấp trước.**

Khi chúng ta phát tâm *thú hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, đối với chư Phật dùng lòng tin trong sạch, vin nơi tướng, nhớ niệm, tùy vin nơi tướng đều gọi chấp trước.* Như người quán ba mươi hai tướng tốt của Phật có vin tướng không? Có. Những gì nương hình thức, vin theo tướng đều là chấp trước. Như có một huynh đệ cất cái thất, thỉnh tượng Phật rất đẹp, thờ rất trang nghiêm; hôm nào đi khỏi, huynh đệ khác thấy tượng Phật của mình xấu bèn đổi tượng Phật đó về thờ. Người đó về thất nhìn thấy tượng Phật của mình bị đổi có tức giận không? Có chấp tướng không?

Có. Tại vì mình vin nơi tướng nên phiền não dấy sanh. Nếu biết tượng Phật chỉ để tượng trưng, để giúp nhớ mình có tánh Phật thì sao cũng được. Nếu tượng Phật đẹp, người khác thờ, họ tinh tấn mình cũng mừng. Hiểu đạo rồi đẹp xấu gì không quan trọng. Nếu buồn giận thành ra tìm Phật không thấy Phật, chỉ thấy phiền não. Cũng vì chấp vào tướng Phật mà sanh phiền não.

Như vậy, khi chúng ta vin nơi tướng, mắc kẹt vào tướng, chấp tướng là gốc của phiền não, không chạy trốn đâu được. Học kỹ và thấm sâu Bát-nhã rồi, thấy nhiều cái tưởng như là đúng lắm nhưng thật ra là bệnh. Lẽ chân thật ở đây chỉ cho biết tất cả những gì vin nơi tướng đều là chấp trước. Như có người nói vô chùa này thấy Phật muốn tu, đến chùa kia thấy Phật hết muốn tu. Vậy có vin nơi tướng không?

Mình tu vì đạo lý chứ có vì tượng Phật đâu. Âm thanh, sắc tướng là những cái không thật, chỉ là phương tiện tạm thời mà đa số chúng ta đang mắc kẹt phương tiện đó, nên gọi là chấp tướng.

**Vì cớ sao? Vì các thứ vin nơi tướng đều gọi là chấp trước. Nếu đối với các pháp vô lậu của tất cả Như Lai đời quá khứ, vị lai, hiện tại, sanh tâm tùy hỷ sâu xa, lại đem thiện căn tùy hỷ này cho các hữu tình đồng có bình đẳng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề cũng gọi là chấp trước.**

Đối với pháp vô lậu phát tâm tùy hỷ, nhưng còn thấy có Phật quá khứ, vị lai, hiện tại để sanh tâm tùy hỷ, thấy có pháp vô lậu thật, có tâm tùy hỷ thật, đem thiện căn tùy hỷ này hồi hướng cho hữu tình, đó cũng gọi là chấp trước.

**Vì cớ sao? Vì thật tánh của các pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại, xa lìa ba đời mà không lìa ba đời, nên khéo hồi hướng lìa pháp ba đời, không thể chấp tướng, không thể nắm bắt, cũng không có việc thấy, nghe, hiểu biết.**

Tất cả khởi niệm đều không còn, đó mới là chân thật.

**Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:**

**- Thật tánh của các pháp rất là sâu xa.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì bản tánh ly.**

*Thật tánh của các pháp rất sâu xa*, nó không phải ba đời cũng không lìa ba đời, không thể dùng thời gian ấn định. Bản tánh các pháp lìa tất cả chấp trước, còn

chấp trước còn phiền não thì bản tánh không hiện. Khi tất cả phiền não rời hết, bản tánh của các pháp mới hiện, như mây mù tan biến, trời trong trăng hiện rõ.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế bản tánh sâu xa.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì bản tánh tịnh.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế bản tánh thanh tịnh.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì bản tánh tịnh.**

Bát-nhã ba-la-mật-đa là trí tuệ rốt ráo thấy rõ bản tánh thật của các pháp, vì thế rất sâu xa rất thanh tịnh.

Phật đảo tới đảo lui, ly rồi tịnh, tịnh rồi ly, hai cái đó không tách rời nhau. Có ly mới có tịnh, được tịnh là do ly. Chúng ta xét lại mình xem, nếu còn chứa chấp phiền não thì có thanh tịnh không? Muốn thanh tịnh phải lìa tất cả phiền não. Ngày xưa vì giận nên tâm trí u tối, muốn hết si mê tối tăm phải xả bỏ giận. Ngày trước mình tham lam, bây giờ muốn hết tham lam thì phải lìa. Cốt lõi của việc tu chỉ ở chữ *ly*, có thêm cái gì để thành Phật không? Không thêm mà chỉ có bớt.

Chúng ta tu là bỏ những phiền não tích lũy từ muôn đời, bỏ sạch hết là thành thánh. Thánh không phải từ đâu đến mà do phủi sạch phiền não. Như có người chửi mắng hoặc khen ngợi, cho tiền hoặc lấy tiền của mình... đối với những việc đó mình vẫn không buồn, không tức, đã là thánh chưa? Được như vậy là đã bỏ tham

sân. Bỏ sân nên chửi không giận, bỏ tham nên bị lấy của không buồn. Được thanh tịnh như thế là do ly, do xả bỏ, không do thêm cái gì mà được.

Ngài Hoàng Bá có câu nói nghe thô kệch nhưng thật chí lý: "Mã Tổ sanh ra tám mươi bốn vị thiện tri thức, hỏi đến cái tiêu chảy, chỉ có Quy Tông là tiêu chảy đầy đất." Ý nói ngài xả sạch hết, nghe rất thô nhưng diễn tả chỗ lìa bỏ rốt ráo triệt để. Chỉ người nào xả sạch hết mới gọi là tu cao, còn chưa sạch thì tu chưa cao. Do xả ly buông sạch phiền não nên được gọi là thánh, không phải do chứng đắc, nên do ly mà được thanh tịnh hay được thanh tịnh là do ly.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đều nên kính lễ.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì tất cả pháp bản tánh ly. Thiện Hiện nên biết, nếu tất cả pháp bản tánh xa lìa tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì cớ sao? Vì Như Lai chứng biết thật tánh các pháp không tạo không tác.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Thế Tôn! Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đối với tất cả pháp không có chỗ chứng gọi là hiện đẳng giác.**

Bản tánh năm uẩn là ly. Nên biết các pháp có hợp thì có tan, không thể hợp mãi. Vì không nhớ tính chất hợp ly của các pháp, muốn giữ hoài không cho ly nên đau khổ. Khi năm uẩn chia lìa không ai giữ được, chúng ta đau khổ lo sợ vì chỉ muốn hợp mà không muốn ly.

Đi sâu trong đạo, không nói những người xuất gia đạt lý thiền, chỉ nói một cư sĩ tại gia như Tuệ Trung Thượng Sĩ. Khi sắp tịch, ngài nằm theo thế kiết tường nhắm mắt. Thê thiếp chung quanh khóc rống lên. Thượng sĩ mở mắt ngồi dậy, bảo lấy nước súc miệng rửa tay, rồi quở: "Sống chết là lẽ thường, đâu nên buồn thảm làm náo động chân tánh ta." Nói vậy rồi nằm xuống đi xuôi, tự tại làm sao! Mình làm tăng phải hổ thẹn với những việc như vậy. Người xưa không phải đợi xuất gia thọ hai trăm năm mươi giới rồi mới tự tại, cư sĩ cũng đạt đạo, sống được với cứu cánh tự tại, như Tuệ Trung, Bàng Uẩn...

Người xả ly hoàn toàn thì thanh tịnh hoàn toàn, không còn bị sanh tử trói buộc. Chúng ta chưa chịu ly nên vẫn còn lẩn quẩn. Đôi lúc xảy ra chuyện tức cười. Như khi thấy người làm những việc trái, mình

nổi giận nói: Việc đó đáng giận mà không giận sao được! Cho cái giận là đúng, tức là thật tình chưa xả ly, muốn nuôi dưỡng sân giận. Nhớ rằng không có cái đáng giận, chỉ vì mình xả ly nhưng chưa hết trọn vẹn, còn những cái nhiễm nhỏ nhỏ, vì vậy với cảnh thô thì thắng được, niệm tế chưa thắng được.

Đức Phật ly các pháp nên không còn chỗ chứng đắc, chúng ta nói ngài hiện Chánh đẳng giác, thật ra không có gì hiện Chánh đẳng giác. Vì đã ly các pháp, ngay đó là chánh giác, không có gì gọi là được, là chứng đắc. Cũng như khi chúng ta bỏ được tham sân si, bị khen chê chửi mắng gì cũng an nhiên, những người chưa bỏ được thấy như vậy bèn khen: Ông tập được như vậy hay quá! Thật có tập được cái gì đâu, chỉ bỏ thôi, mà họ nói mình tập được. Ngôn ngữ thế gian nghe dường như

phải mà không phải. Phật xả bỏ tất cả, không còn dính còn nhiễm nữa thì nói ngài được Chánh đẳng Chánh giác. Đó là nói theo thế gian. Bản tánh các pháp là ly, không hiểu được chỗ này nên nói tu mà không được gì cả thì rất buồn. Chúng ta mơ ước chứng đắc là chỉ nghĩ được thêm chứ không chịu nghĩ bớt đi. Mong được thêm hoài nên tu hơi lâu, hơi khó. Phải hiểu rõ tu là ly là bớt, không còn một chút gì dính mắc.

**Phật dạy:**

**- Như thế, do tất cả pháp một tánh không hai. Thiện Hiện nên biết, các pháp một tánh tức là không tánh. Như thế, các pháp một tánh, không tánh là gốc thật tánh. Gốc thật tánh này tức là một tướng gọi là không tướng.**

Không tánh là không có tự tánh cố định. Thấy các pháp không có tự tánh, đó là các *pháp một tánh không hai*. Thấy như vậy là thấy tột cùng gốc của các pháp. *Gốc thật tánh này tức là một tướng, gọi là không tướng.* Thí dụ nói cái đồng hồ không cố định, tướng không cố định này ra sao? Không có tướng. Cái không có tướng là lý thật của nó. Nếu nói tướng không cố định như thế nào chỉ tôi coi. Mình chỉ tướng đồng hồ được mà chỉ tướng không cố định không được.

**Thế nên Thiện Hiện, tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đối tất cả pháp không có chỗ chứng gọi là hiện đẳng giác. Vì cớ sao? Vì bản tánh các pháp chỉ một không hai.**

Không hai tức là không có tự tánh.

**Thiện Hiện nên biết, bản tánh các pháp tức không phải bản tánh, cái phi bản tánh này tức là bản tánh. Hay biết như thế tức là hay xa lìa tất cả chấp trước.**

Biết được như vậy tức là lìa tất cả chấp trước. Tất cả chúng ta đều mắc kẹt bởi thân, bởi cảnh, trong thấy có thân ngoài thấy có cảnh. Chấp thân chấp cảnh đó là sáng suốt hay ngu si? Từ gốc chấp lầm này đưa đến chấp ngôn ngữ diễn tả tốt xấu hay dở v.v... Đó là gốc của phiền não, vì có ngôn ngữ nên có khen chê, có thương ghét. Còn chấp một pháp thật thì chưa phải thông minh tột cùng. Trong Uyển Lăng Lục, thiền sư Hoàng Bá nói, một hạt bụi chẻ ra làm trăm hạt bụi, trong trăm hạt bụi tí ti đó, chín mươi chín hạt thấy là không thật, còn lại một hạt thấy là thật cũng là còn chấp, cũng là phiền não.

Chúng ta bây giờ thấy bao nhiêu hạt không thật? Thấy chín mươi chín hạt là thật, còn một cái không thật là mây là khói. Chấp thật nhiều quá nên gặp đâu dính đó rồi khổ dài dài.

Giả sử như mình không nói bậy làm bậy, nhưng có huynh đệ ác cảm, tố gian mình nói bậy làm bậy. Nghe như vậy tự nhiên mình nổi giận đùng đùng: Tôi không có như vậy, tại sao nói?... Nếu biết lời nói không thật, tốt xấu không thật, người ta muốn nói gì nói, mình không có thì thôi. Không chấp tất cả, chỉ cười cho qua, đó là người thông minh. Trong chúng nếu có hai người nghĩ khác nhau, cãi nhau, đưa tới thầy Trụ trì nhờ thầy phân xử, thì xử làm sao cho đúng lẽ? Cho mỗi người một gậy khỏi phân xử. Hỏi tại sao thầy đánh con? Không phải đánh con mà đánh cái ngu si.

Câu chuyện lý thú mà tôi nhớ hoài trong Thiền Sư Trung Hoa. Ngài Giáp Sơn và ngài Định Sơn đi đường nói chuyện với nhau, hai quan điểm không đồng nên không biết ai đúng ai sai. Khi lên núi lễ ngài Đại Mai xong, Giáp Sơn trình bày câu chuyện và hỏi:

- Chỗ thấy của hai người ai được thân?

Theo danh từ của mình là ai đúng.

Ngài Đại Mai bảo:

- Mai lên ta sẽ nói.

Sáng sớm, Giáp Sơn lên trước hỏi, ngài đáp:

- Người hỏi thì không đúng, người đúng thì không hỏi.

Giáp Sơn đau lòng quá! Từ đó về sau làm thầy thiên hạ thường tuyên bố:

- Gió thổi tôi đến chỗ Đại Mai, bị một câu nói tới giờ chưa an!

Mấy chú thấy, người mà còn nóng lòng phải quấy là còn chấp, còn ngu si. Hôm nào mấy chú có cãi nhau, lên thưa tôi thì tôi chỉ cho mỗi người một gậy là về. Xử như vậy tiện nhất, mau nhất, không mích lòng ai hết. Xử người phải người quấy, mai mốt kiện nữa, hai người hai gậy là an ổn nhất. Học đạo như vậy mới thấy cái hay của đạo.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế khó thể hiểu biết.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì không biết.**

Tại sao Bát-nhã như thế, vì không biết? Vì khởi niệm biết là đã mất Bát-nhã rồi. Nói không biết là không phân biệt theo giả danh giả tướng. Đây nói thật

tướng Bát-nhã, không nói quán chiếu Bát-nhã.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế không thể nghĩ bàn.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì không phải chỗ hiểu biết của tâm.**

Mọi tâm vương, tâm sở dấy lên đều mất Bát-nhã.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế không có chỗ tạo tác.**

**Phật dạy:**

**- Như thế, vì các tác giả không thể được.**

Vì thấy có tạo tác là thấy có tác giả, có người mới có tạo tác, thấy không có tác giả thì nói gì tạo tác.

**Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:**

**- Thế Tôn! Thế nào Bồ-tát ma-ha-tát nên hành Bát-nhã ba-la-mật-đa?**

**Phật dạy:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát nếu không hành sắc là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu không hành thọ, tưởng, hành, thức là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

**Lại, Thiện Hiện! Chư Bồ-tát ma-ha-tát nếu không hành sắc không là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu không hành thọ, tưởng, hành, thức không là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

Thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa là áp dụng trí tuệ quán sát năm uẩn ngay

nơi thân mình, thấy nó không thật có, không theo năm uẩn. Phàm phu phải quán thân, quán cảnh không thật để đừng chấp trước, chạy theo thân cảnh. Nhưng không phải một bề chấp năm uẩn không ngơ, như thế là rơi vào đoạn diệt, cũng là bệnh. Phật dạy *không hành sắc không là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.* Hành Bát-nhã là không thấy năm uẩn thật có, không thấy năm uẩn thật không, thấy năm uẩn duyên hợp như huyễn như hóa, đó là hành Bát-nhã.

**Thiện Hiện, chư Bồ-tát ma-ha-tát nếu không hành sắc tướng không viên mãn là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu không hành thọ, tưởng, hành, thức tướng không viên mãn là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì cớ sao? Vì sắc không viên mãn tức phi sắc; thọ,**

**tưởng, hành, thức không viên mãn tức phi thọ, tưởng, hành, thức.**

**Nếu không hành như thế là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

*Sắc tướng không viên mãn* là sắc tướng chưa cứu cánh, nghĩa là chấp sắc hoàn toàn có hoặc hoàn toàn không. Chấp như vậy là không thấy đúng như thật tánh của sắc, nên nói *sắc không viên mãn tức phi sắc,* thọ tưởng hành thức cũng như thế. Thấy thật tánh năm uẩn chẳng phải thật năm uẩn, chẳng phải không năm uẩn, thấy như vậy mới là viên mãn. Nên Phật dạy Bồ-tát phải tránh hai cực đoan, ngũ uẩn có và ngũ uẩn không, không chấp hai cái đó là hành Bát-nhã. Như vậy Bát-nhã là chấp Có hay chấp Không? Nếu chấp không thì không phải Bát-nhã, nhớ rõ như vậy. Ai nói Bát-nhã chấp không,

người đó trình độ học Phật tới đâu? Đó là người thấy bệnh mà cho là thuốc.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Thế Tôn rất ít có! Thiện Thệ rất kỳ lạ, đối trong các thứ trước nói tướng không trước.**

**Phật dạy:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát không hành sắc, không có chỗ trước tướng là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

**Thiện Hiện nên biết, chư Bồ-tát ma-ha-tát nếu hay hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thế này. Đối với sắc không sanh trước; đối với thọ, tưởng, hành, thức không sanh trước; đối với quả Dự lưu không sanh trước; đối với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không sanh trước; đối với Bồ-đề của Độc**

**giác không sanh trước; đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của Phật không sanh trước; đối với Tát-bà-nhã cũng không sanh trước. Vì cớ sao? Vì không trước không phược, vượt qua tất cả gọi là Tát-bà-nhã. Như thế, Thiện Hiện! Chư Bồ-tát ma-ha-tát vượt tất cả trước, hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

Không hành sắc là không chạy theo sắc, không trước tướng đó là hành Bát-nhã. Bồ-tát hành Bát-nhã không chấp trước phàm phu nơi thân năm uẩn; không chấp trước bốn quả Thanh văn, không thấy bốn quả Thanh văn là thật; không chấp trước quả vị Độc giác; không chấp trước Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề là thật; không chấp trước Nhất thiết chủng trí là thật. Không chấp trước, không

vướng kẹt, vượt qua tất cả, đó là được Nhất thiết chủng trí.

Thí dụ người đi học, học hết cấp một thấy đủ, ngang đó tự mãn rồi nghỉ. Có người học lên cấp hai, hết cấp hai tự mãn rồi nghỉ, có người không dừng ở cấp hai tiến lên cấp ba, ngay cấp ba thấy đủ rồi nghỉ. Có người không nghỉ ở cấp ba, học lên tới cử nhân, hết cử nhân cho là đủ, ngang đó nghỉ. Có người xong cử nhân học lên tiến sĩ, đến tiến sĩ cho là đầy đủ không học nữa. Lại có người học hoài, học hết tất cả cấp không thấy ngang đâu là thật hết, học đến chừng nào không còn gì để học nữa, chừng đó mới thôi. Người cứ học hoài đối với những người nghỉ học có cấp bằng ra làm việc, là hơn hay thua?

Nếu còn thấy có một chỗ thật để hài lòng, dừng lại chỗ đó thì chưa phải là cứu cánh. Phải vượt tất cả cấp mới tới chỗ cứu

cánh. Chúng ta tu đừng mong chứng quả, vì còn dừng lại ở quả vị là chưa rốt ráo. Như người tu thiền, nghe nói ngồi thiền lâu chứng được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... Nhớ lại mình không chứng được tầng thiền nào, buồn không? Tự nhiên thấy buồn, người ta tu năm, bảy tháng chứng được Sơ thiền, mình tu đây mấy năm mà không thấy ai chứng gì hết, thật buồn. Nhưng thử hỏi, chứng Sơ thiền rồi ngang đó dừng hay phải tiếp tục tu nữa? Nếu muốn tiến lên thì biết đó chỉ là một chặng dừng chân phải đi qua. Ở đây chúng ta không muốn dừng lại ở trạm nào, một bề tu tiến đến chỗ viên mãn mới thôi. Kinh Pháp Hoa phẩm Hóa Thành Dụ, Phật cũng dạy các đệ tử Thanh văn không nên dừng nghỉ ở hóa thành, đó chỉ là phương tiện tạm đặt, chưa phải thật sự xong việc. Ý của phẩm này rất phù hợp với đoạn kinh Bát-nhã Phật dạy trong đây,

chư Bồ-tát vượt qua tất cả chấp trước mới gọi là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Pháp tu của Nguyên thủy trước tiên mượn hình tướng để chú tâm quán sát, khi tâm ngưng lặng được định là có kết quả. Thí dụ người tu quán hơi thở hay quán đất nước gió lửa... là có hình tướng để tâm vin theo. Tâm luôn trụ nơi một đề mục để quán, quán thành tựu thì được định nên phát ra những tướng lạ. Tướng lạ đó gọi là từng chặng được. Pháp tu của chúng ta không vin nơi tướng, không trụ chỗ nào, làm sao có phát tướng lạ. Chỉ là một bề lìa bỏ, hôm nay thấy còn sân thì phải lìa sân và cứ lìa như thế đến khi nào hết thì xong, thì tự tại. Lối tu này có hơi khác biệt, nếu tâm không chạy theo cảnh thì có lìa không? Thấy, biết vọng tưởng không thật, không theo vọng, đó là lìa. Vọng tưởng khác dấy lên cũng lìa nữa, lìa

hoài đến khi hết thôi. Đó là tu pháp xả ly, xả ly trọn vẹn không dừng ở một chặng nào. Nếu có đặt tên từng chặng, từng quả vị, cũng phải lìa đến mức tột cùng, khi không còn cái để lìa mới thôi. Chủ yếu của việc tu là như vậy, hai bên khác nhau.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Thế Tôn rất ít có! Thiện Thệ rất kỳ lạ! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, pháp tánh sở chứng rất là thậm thâm, hoặc nói hoặc không nói đều không có tăng giảm.**

Tán thán pháp Bát-nhã, dù có nói hay không nói đều không thêm, không bớt.

**Phật bảo:**

**- Đúng thế! Đúng thế! Như lời ông nói. Ví như hư không, giả sử trọn đời chư Phật hoặc khen hoặc chê, hư không cũng không tăng giảm. Pháp**

**tánh thậm thâm cũng như thế, hoặc nói hoặc không nói đều không tăng giảm.**

**Lại, Thiện Hiện, ví như người huyễn đối với sự khen chê không vui không buồn, không tăng không giảm. Pháp tánh thậm thâm cũng như thế, dù nói, dù không nói, vẫn như xưa không khác.**

Thấy người thật cảnh thật đối với khen chê có vui buồn tăng giảm. Nếu thấy người huyễn cảnh huyễn thì đối với khen chê không vui buồn, không tăng giảm. Bây giờ giả sử có chú nào nói "thưa Thầy, con tu hành không thấy cái gì thật hết, thân con là huyễn, cảnh là huyễn, nhưng gặp việc, ai khen thì cười, ai chê thì giận", như vậy có thật thấy huyễn chưa? Chưa. Vì thấy huyễn thì không thấy có vui buồn. Sống như vậy mới là sống đúng pháp tánh.

**Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thật là việc rất khó. Nghĩa là Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc tu hoặc không tu, không tăng không giảm, không tiến không thối.**

*Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc tu hoặc không tu, không tăng, không giảm, không tiến, không thối.* Nghĩa là thể tánh Bát-nhã y nhiên không tăng không giảm, chúng ta tu hay không tu, thể Bát-nhã không thay đổi. Như đêm rằm mặt trăng không có thêm ánh sáng, mà có sáng có tối là do có mây hay không mây.

**Chư Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như tu hư không, trọn không thể có.**

Tu như hư không nên tu Bát-nhã buồn, buồn mà vui. Buồn mặt nào, vui

mặt nào? Buồn ở chỗ tu không thấy mình được cái gì hết, nhưng vui vì thấy cái gì cũng như huyễn không có một pháp thật thì cứ cười chơi, có gì phải phiền hà phải lo sợ. Cũng như đi xem chiếu bóng, biết hình ảnh không thật nên diễn ra cảnh gì mình cũng không khóc, nếu thấy thật thì khóc theo họ. Thấy nó giả dối thì không lệ thuộc vào nó.

**Nghĩa là ở trong này không có pháp khả đắc mà siêng năng tu học cho đến không Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề mà thường không thối chuyển.**

Quả Chánh đẳng Vô thượng Bồ-đề để đối với phàm phu mà nói. Nói ngộ là đối với mê, nói sáng là đối với tối, nếu sáng hoài thì nói gì sáng với tối. Vì chỗ này tối đen mà chỗ kia sáng nên mình mới tán thán chỗ sáng, than thở chỗ tối. Bây giờ

chỗ nào cũng sáng ngời hết thì khen cái gì, chê cái gì? Bát-nhã cũng vậy, vì tất cả pháp không thật, khi mê thì gọi là phàm phu, khi hết mê thì gọi là giác. Thấy không có mê giác thật, không có chỗ được nhưng vẫn siêng năng tu học, không thối chuyển.

**Thế Tôn! Đối với chư Bồ-tát ma-ha-tát, hữu tình chúng con đều nên kính lễ vì các ngài hay mặc giáp đại công đức như thế. Vì cớ sao? Bởi chư Bồ-tát ma-ha-tát vì độ hữu tình nên mặc giáp công đức. Ví như người muốn chiến tranh với hư không phải mặc giáp kiên cố.**

Mặc giáp, cầm gươm để đánh với hư không là sáng suốt hay ngu si, làm như thế người ta có nói mình điên không? Có. Một anh chiến sĩ đánh giặc chứ chiến sĩ sao đánh với hư không? Vậy Bồ-tát như

điên rồi! Sự thật không phải vậy. Vì biết chúng sanh ở trong cuộc đời này khổ vui là như mộng, Bồ-tát lăn vào trong cõi mộng để cảnh tỉnh họ, có phải là làm việc như mộng huyễn không? Mộng huyễn là đối với người tỉnh; người mê thấy như thật, họ khóc cười buồn vui thật sự, Bồ-tát phải ra tay giúp họ khỏi khổ. Tôi thường thí dụ người ngủ mê thấy mộng dữ, họ la khóc. Chúng ta là người tỉnh đứng bên cạnh, không nỡ bỏ mặc. Họ thấy thật mà mình biết đó là mộng thì kêu họ thức dậy để cho qua cơn kinh hoàng. Lòng từ bi không cho phép chúng ta làm ngơ. Biết là mộng mà phải kêu thức tỉnh, tỉnh rồi họ mới biết là mộng. Khi kêu cho họ thức đó, công phu mình ở chỗ nào? Mình kể công với họ làm sao? Mộng đã không thật thì đánh thức có gì là thật?

Độ tất cả hữu tình mà không thấy có hữu tình được độ, cũng như người đang mê được gọi tỉnh. Tỉnh rồi thấy người mê không thật, cảnh khổ trong mê không thật, người kêu gọi cũng không thật. Giống như chuyện chiến đấu với hư không, chuyện rỗng không mà cứ làm, mà không phải là vô nghĩa. Bồ-tát thấy cuộc đời là huyễn nhưng mình thấy thế nào? Chưa thật sự thấy huyễn, nếu có nói thì nói ngoài miệng chứ trong bụng cũng chưa huyễn được nữa. Cho nên các ngài phải vỗ kêu chúng ta hoài hoài, họa chăng mới tỉnh đôi phần. Không kêu thì mình ở trong mộng buồn vui khóc cười, nên đây dùng thí dụ này.

**Thế Tôn! Chư Bồ-tát ma-ha-tát vì độ hữu tình thấy có giáp công đức. Như người chiến sĩ mạnh mẽ muốn nhổ hư không để chỗ cao thắng.**

Chúng sanh như mộng mà vẫn đánh thức chúng sanh. Như vậy coi như làm chuyện không đâu mà cứ vẫn làm. Đó là những thí dụ cho chúng ta thấy những việc làm này thật hy hữu, thật là khó.

**Thế Tôn! Chư Bồ-tát ma-ha-tát là người chiến sĩ rất mạnh mẽ mặc giáp công đức, vì các hữu tình như hư không, pháp giới, pháp tánh, muốn tiến đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.**

**Thế Tôn! Chư Bồ-tát ma-ha-tát được đại tinh tấn ba-la-mật vì tất cả pháp như hư không, nên mặc giáp công đức.**

Chúng hữu tình không thật, giống như hư không, như pháp giới, như pháp tánh. Pháp giới pháp tánh cũng rỗng rang như hư không. Bồ-tát biết tất cả pháp như

hư không, độ mà không thấy thật, luôn mặc giáp công đức xông vào chốn hư không, đó mới thật hy hữu.

Thiện Hiện luôn khen ngợi việc làm của Bồ-tát, biết tất cả pháp không nhưng luôn hành hạnh từ bi. Chỉ vì hữu tình điên đảo, trong cái giả tưởng là thật nên phải cứu họ. Cách cứu duy nhất là chỉ cho họ biết đó là giả. Đức Phật chia ra ba loại bố thí: tài thí, pháp thí, vô úy thí. Bố thí tài chưa thật cứu cánh, bố thí pháp mới cứu cánh. Bố thí pháp là làm gì? Dầu ở trong cõi tạm bợ này có người thương chúng ta, cho ăn trăm ngàn món quý, cho mặc trăm ngàn thứ đẹp, ở nhà sang trọng... nhưng thân tứ đại có rã hay không? Ăn mặc sơ sài hay ăn ngon mặc đẹp ở sang gì cũng rã. Chúng ta giúp người no ấm sung sướng cũng chỉ là tạm thời, phải dạy người thức tỉnh, biết cuộc đời tạm bợ, chuyển cái giả

thành cái thật mới là cứu cánh. Vì thế nói tất cả tài thí đều là hữu lậu, nếu còn chấp thì chưa phải là chân thật.

Trong ba cách bố thí, bố thí pháp là quan trọng. Có nhiều đoàn thể đặt nặng tài thí, lao mình vào xã hội, tổ chức làm việc này việc kia để giúp ích cho đồng bào, việc này dễ thấy. Phật giáo đặt nặng vấn đề hướng dẫn dạy dỗ cho người ta tỉnh, không chú trọng hình thức bên ngoài nên tưởng như Phật giáo tiêu cực. Sự thật chúng ta đặt vấn đề giác, cảnh tỉnh cho chúng sanh được ngộ, đó là cái gốc, nếu có làm những việc kia cũng chỉ là phương tiện thôi. Hiểu rõ như vậy chúng ta không buồn, không so sánh việc làm của mình của người. Phải biết giảng kinh thuyết pháp nói đạo cho người ta nghe là cái gốc của mình.

**Thế Tôn! Các Bồ-tát ma-ha-tát rất là ít có, vì các loài hữu tình như hư không, thoát khổ sanh tử như hư không, được Niết-bàn như hư không, mặc giáp công đức.**

Đây là chỗ tích cực của Bồ-tát, cũng là việc ít có. Biết *hữu tình như hư không, thoát khổ như hư không, được Niết-bàn như hư không*, vẫn mặc giáp công đức lao vào hư không. Học Bát-nhã là học tinh thần như hư không, không dính mắc, không trụ trước.

**Khi đó, trong hội có vị Bí-sô hướng Phật chắp tay bạch:**

**- Thế Tôn! Con nên kính lễ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm. Nghĩa là Bát-nhã ba-la-mật-đa này không có pháp để sanh, không có pháp để diệt.**

**Trời Đế-thích hỏi Thiện Hiện:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa phải làm thế nào học?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa phải như hư không tinh tấn tu học.**

**Trời Đế-thích liền bạch Phật:**

**- Nếu người thiện nam, thiện nữ... đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm chí tâm lắng nghe, thọ trì, đọc tụng siêng năng tu học, suy xét đúng lý, biên chép, giải nói để lưu bố rộng rãi, con phải thủ hộ người ấy khiến không bị tổn não.**

Học Bát-nhã như hư không, nhưng luôn luôn *chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, suy xét đúng lý, biên chép giải nói*

*để lưu bố rộng rãi.* Nghĩa là biết không dính mắc mà vẫn phát tâm tu học không bỏ qua. Trời Đế-thích nguyện ủng hộ người thọ trì Bát-nhã.

**Thiện Hiện hỏi:**

**- Ông thấy có pháp có thể thủ hộ chăng?**

**Đế-thích thưa:**

**- Bạch đại đức, không. Con không thấy có pháp có thể thủ hộ.**

**Thiện Hiện bảo:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát như Bát-nhã ba-la-mật-đa nói mà trụ, tức là thủ hộ. Nếu lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa thì nhân phi nhân... muốn làm tổn não liền được dễ dàng.**

Người nào làm đúng với tinh thần Bát-nhã dạy là thủ hộ Bát-nhã. Người

nào lìa Bát-nhã thì bị nhân phi nhân... làm tổn não dễ dàng. Thí dụ chúng ta đang tu như vầy, đi ra đường có người chỉ mặt nói "ông tu vậy chứ trong bụng xấu hơn ai hết!"... Lúc đó nếu không có Bát-nhã thì nổi giận, đó là tổn não. Nếu có Bát-nhã thì ai nói gì mặc họ nói, mình thấy không có một pháp thật, người không thật, pháp không thật, rồi cười. Vậy có Bát-nhã là không bị tổn não.

Tôi thường nói mấy chú phải mang cây kiếm Bát-nhã không rời là như vậy, bỏ rơi kiếm là bị ma quân xâm phạm liền. Chiến sĩ nhà mình đi đâu cũng đi tay không nên khi về bị thương tích đầy mình. Bây giờ tôi yêu cầu: Dù đi cuốc rẫy cũng phải mang cây kiếm Bát-nhã theo! Như thế mới khả dĩ bảo vệ khỏi bị thương tích, nếu bỏ quên kiếm Bát-nhã thì bị thương tích. Đó là những điều cụ thể.

**Kiều-thi-ca! Nếu muốn thủ hộ người thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì không khác gì người phát khởi tinh tấn thủ hộ hư không. Nếu muốn thủ hộ chư Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì luống nhọc nhằn trọn không lợi ích. Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Có người hay thủ hộ tiếng vang chăng?**

**Đế-thích thưa:**

**- Bạch Đại đức không.**

**Thiện Hiện bảo:**

**- Nếu muốn thủ hộ chư Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng như thế, luống nhọc nhằn trọn không lợi ích. Kiều-thi-ca! Chư Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa tuy biết các pháp đều như**

**tiếng vang... mà không xem thấy, cũng không hiện bày, vì tất cả pháp trọn không chỗ có, chẳng thể được. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay trụ như thế là hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

Thủ hộ chư đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như thủ hộ tiếng vang. Vì biết nó như tiếng vang nên không xem thấy, không hiển bày. Các pháp trọn không chỗ có, không thể được, Bồ-tát trụ như thế là hành Bát-nhã, người ủng hộ cũng trụ như thế là hành Bát-nhã. Đây là đoạn kết thúc.

**Khi ấy, vì sức oai thần của Thế Tôn khiến thế giới tam thiên đại thiên, bốn đại thiên vương, vua trời Đế-thích, vua trời Đại Phạm... tất cả thiên chúng đều đến chỗ Phật đảnh lễ dưới chân Phật rồi lui ngồi một bên.**

**Do thần lực của Phật ở mười phương thế giới, mỗi nơi thấy một ngàn đức Phật đồng nói nghĩa phẩm danh tự Bát-nhã ba-la-mật-đa này. Bí-sô đứng đầu trong chúng thỉnh Phật nói Bát-nhã ba-la-mật-đa đều tên Thiện Hiện. Người đứng đầu trong thiên chúng hỏi gạn Bát-nhã ba-la-mật-đa đều tên Đế-thích.**

**Thế Tôn bảo Thiện Hiện:**

**- Bồ-tát Từ Thị khi sắp chứng Vô thượng Chánh đẳng giác tức lấy tên này, cũng ở chỗ này tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong Hiền kiếp này các đức Phật thời sau cũng lấy tên này và chỗ này tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

Do oai thần của Phật khiến cả thế giới tam thiên đại thiên, trời Tứ thiên vương,

vua trời Đế-thích, vua trời Đại Phạm... tất cả đều đến chỗ Phật đảnh lễ rồi lui ngồi một bên. Lúc đó, cũng do oai thần của Phật mà mười phương thế giới mỗi nơi thấy một ngàn đức Phật đồng nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nơi nào người đứng đầu hỏi cũng là Thiện Hiện. Để thấy rằng mười phương chư Phật ra đời cũng đều nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật-đa này. Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa là chỗ tột cùng chân thật mà chư Phật đã ngộ đã chứng, cũng là chỗ tột cùng chư Phật nói để dạy bảo chúng sanh.

Đoạn sau nói đức Phật Di-lặc và chư Phật trong Hiền kiếp này ra đời ở chỗ này, cũng đều nói pháp Bát-nhã này. Trước nói mười phương chư Phật đồng nói Bát-nhã, hiện tại Phật Thích-ca, vị lai Phật Di-lặc đều nói pháp Bát-nhã. Đứng về thời gian là ba đời, đứng về không gian là mười

phương, đối với Bát-nhã cứu cánh không hai không khác, nên tất cả chư Phật đều chứng một pháp, đều dạy một pháp. Bát-nhã là trí tuệ căn bản, là cội gốc để giác ngộ viên mãn. Tất cả người tu nếu không có trí tuệ này thì không thành tựu, không thể giáo hóa chúng sanh được lợi ích trọn vẹn. Vì thế Phật hiện thần lực rộng lớn cho chúng hội tăng trưởng niềm tin.

Tên phẩm này là Thanh Tịnh. Thanh tịnh ở chỗ nào? Có hai điểm: Một là thể, bản thể của Bát-nhã là thanh tịnh. Vì thanh tịnh nên nói Bát-nhã là khó hiểu, sáng suốt, vô biên v.v... Đứng về mặt thể, không thể dùng ngôn ngữ hình tướng chỉ bày được. Hai là dụng, muốn trở về bản thể thanh tịnh phải ứng dụng pháp xả ly, lìa tất cả phiền não chấp trước. Dụng của Bát-nhã giúp chúng ta buông bỏ chấp trước, nhận rõ các pháp không thật, dừng

vọng niệm phiền não, nên nói do ly được định. Đây là nghĩa của phẩm Thanh Tịnh.

# PHẨM HIỆN THẾ GIAN

**Lại nữa, Thiện Hiện! Ví như người nữ sanh rất nhiều con, hoặc năm, hoặc mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, hoặc trăm, hoặc ngàn; người mẹ kia mắc bệnh nặng, các đứa con mỗi đứa tự đi tìm thuốc cho mẹ đều nghĩ thầm rằng: "Làm sao chữa bệnh mẹ ta chóng mạnh, khiến thân thể khỏe mạnh không bị hoại diệt, được an ổn vui vẻ không có các đau khổ, tất cả thứ vui thích đều đem về cho mẹ ta. Vì cớ sao? Vì người đã sanh dưỡng chúng ta, đối với việc thế gian rất là cay đắng khổ sở."**

**Nghĩ như thế rồi, mỗi đứa con đua nhau tìm phương tiện che chở bảo hộ cho thân mẹ được an ổn, không để**

**cho muỗi mòng, rắn rết, gió mưa, người và phi nhân xúc phạm đến thân mẹ, siêng năng chăm sóc khiến xa lìa các bệnh, sáu căn thanh tịnh không có các buồn khổ. Lại đem các thứ vui thích thượng diệu cúng dường cho mẹ, nghĩ rằng: "Mẹ ta từ bi sanh dưỡng chúng ta, dạy bảo tất cả sự nghiệp ở thế gian, chúng ta không thể quên ơn mẹ được."**

Phật nói thí dụ các người con nghĩ mẹ có công lớn với mình nên làm lợi ích cho mẹ, bảo hộ cho mẹ được an ổn.

**Như Lai Ứng Chánh đẳng giác thường dùng các thứ phương tiện khéo léo hộ niệm Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng như thế. Nếu có người thiện nam... Bồ-tát thừa hay đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa biên chép, thọ trì,**

**đọc tụng, tu tập, suy xét, diễn thuyết không mỏi mệt, Như Lai cũng lấy phương tiện giúp đỡ hộ niệm khiến không có tổn não.**

**Trong các thế giới khác hiện ở mười phương, tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác thương xót làm lợi lạc các hữu tình cũng lấy các thứ phương tiện khéo léo hộ niệm Bát-nhã ba-la-mật-đa, khiến các ác ma không thể hủy diệt, trụ lâu dài làm lợi lạc tất cả thế gian. Như thế, Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều lấy phương tiện khéo léo hộ trì Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì cớ sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm hay sanh Như Lai Ứng Chánh đẳng giác, hay hiển bày Nhất thiết trí trí, hay chỉ dạy thế gian thật tướng các pháp, Nhất thiết trí trí**

**cũng từ nơi đó mà sanh. Thiện Hiện nên biết, tất cả chư Phật Thế Tôn thời quá khứ, vị lai, hiện tại đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế mà siêng năng tu học chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, ta xưa cũng nương Bát-nhã ba-la-mật-đa siêng năng tu học chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thế nên, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm hay sanh Như Lai Ứng Chánh đẳng giác, hay hiển bày Nhất thiết trí trí, hay chỉ dạy thế gian thật tướng các pháp.**

Đức Phật chỉ rằng pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa là mẹ sanh ra chư Phật. Tất cả chư Phật chẳng những ở một phương mà khắp mười phương đều sanh ra từ Bát-nhã. Chẳng phải chỉ đức Phật hiện tại, mà tất cả Phật quá khứ, vị lai cũng hộ trì Bát-nhã.

Thường thường chúng ta nghĩ Phật nói kinh Bát-nhã, tại sao ở đây lại nói Bát-nhã sanh ra Phật? Bát-nhã chỉ cho trí tuệ thấy đúng như thật các pháp thế gian. Người nào thấy đúng như thật tất cả pháp thế gian thì gọi là Nhất thiết trí trí, là Phật. Đó là nói chư Phật từ Bát-nhã mà sanh.

Nói tới giác ngộ là phải thấy đúng như thật tất cả pháp thế gian. Như ai hỏi gì chúng ta cũng trả lời đúng một trăm phần trăm, đó là trí hay ngu? Là trí. Khi thấy đúng như thật rồi, chúng ta chỉ cho người khác cùng thấy đúng như thật nữa, đó gọi là pháp Bát-nhã từ Phật nói ra. Như vậy Bát-nhã là mẹ sanh ra chư Phật, rồi Phật nói lại Bát-nhã.

Chư Phật sau khi giác ngộ rồi nói pháp lại như thầy giáo. Có ai sanh ra làm thầy giáo liền không? Phải học, học hiểu

rồi mới dạy lại cho người dốt. Như vậy đối với học trò, mình là thầy; đối với người dạy, mình là học trò. Cho nên chúng ta thấy đức Phật như người mẹ, nhờ Phật dạy chúng ta tỉnh giác, nên nói ngài là Từ phụ. Nhưng đối với Bát-nhã thì Bát-nhã là mẹ của ngài.

Phật thí dụ người thế gian quý kính lo lắng cho mẹ bao nhiêu, chư Phật đối với Bát-nhã cũng quý kính bấy nhiêu, bởi vì Bát-nhã sanh ra chư Phật.

Nơi nào, người nào có tu học, biên chép Bát-nhã thì được Như Lai bảo vệ gìn giữ, vì đó là bổn phận của các ngài.

Ở đây Phật nói Bát-nhã có ba điểm:

- Thứ nhất là Bát-nhã hay sanh chư Phật.

- Thứ hai, Bát-nhã hay hiển bày Nhất thiết trí trí.

- Thứ ba, Bát-nhã hay chỉ dạy thật tướng của các pháp thế gian.

Đó là những điểm then chốt ở đầu phẩm mà đức Phật nêu lên cho chúng ta thấy.

**Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Thế nào Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm hay sanh Như Lai Ứng Chánh đẳng giác, hay chỉ bày thật tướng các pháp ở thế gian?**

**Phật dạy:**

**- Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa hay sanh Nhất thiết trí trí của Như Lai và các công đức khác nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay sanh Như Lai Ứng Chánh đẳng giác. Hay chỉ bày thật tướng các pháp ở thế gian, nghĩa là**

**hay chỉ bày thật tướng của ngũ uẩn ở thế gian.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Thế nào Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng của ngũ uẩn ở thế gian?**

**Phật dạy:**

**- Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày tướng không biến hoại của ngũ uẩn, sắc... ở thế gian nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp ở thế gian. Vì cớ sao? Vì sắc... ngũ uẩn không có tự tánh nên nói là không, không tướng, không nguyện, không tạo, không tác, không sanh, không diệt tức chân pháp giới, những pháp phi không thì bị biến hoại, nên**

**nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Đoạn này hỏi hai điều:

1/ Tại sao Bát-nhã hay sanh chư Phật?

2/ Tại sao Bát-nhã hay chỉ bày thật tướng của các pháp thế gian?

Tại sao Bát-nhã hay sanh chư Phật? Nhờ Bát-nhã mà sanh Nhất thiết trí trí, mà Nhất thiết trí trí là Phật, nên nói Bát-nhã hay sanh chư Phật và các công đức khác.

Chỉ bày thật tướng của các pháp thế gian, các pháp ở đây chỉ thẳng ngũ uẩn.

Đầu tiên đức Phật *chỉ bày tướng không biến hoại của ngũ uẩn.* Tướng nào là tướng không biến hoại của ngũ uẩn? Vì sao chỉ bày? Vì sắc v.v... ngũ uẩn không có tự tánh. Tự là mình, tánh là cái sẵn có và cố định. Cái nào không sẵn có, không cố

định thì không gọi là tánh. Tất cả các pháp tự nó không sẵn có tánh cố định. *Vì không tự tánh nên nói nó là không, không tướng, không nguyện, không tạo, không tác, không sanh, không diệt, tức chân pháp giới.*

Đây đức Phật nhắm thẳng vào năm uẩn. Trước hết là sắc uẩn tức thân tứ đại. Thân này có sẵn và cố định không? Nếu có sẵn thì ba má khỏi sanh mình. Đợi có ba má mới có mình thì không sẵn rồi. Nếu sanh ra nặng chừng 3kg thì cứ 3kg cho tới chết thôi. Nhưng không phải, từ 3kg rồi lớn dần tới mấy chục ký và cuối cùng già chết. Như vậy thân này mới sanh ra chuyển biến cho đến già chết, không cố định. Sắc uẩn đợi đủ duyên mới có và luôn luôn đổi thay nên không thật. Như mấy chú ở Thường Chiếu thì tạm nói là chư tăng thường trú ở đây, còn khách vãng lai

tới rồi đi, không luôn ở đây. Luôn có ở đây mới là chủ, những người không phải chủ thì chợt đến rồi đi.

Đối với sắc uẩn, chúng ta thấy nó không sẵn có và luôn đổi thay, không thật. Nó không thật nên nói không tự tánh, không cố định, cũng không có tướng. Vì không có tướng nên không nguyện, không tạo tác, không sanh không diệt. Nói không tướng dễ hiểu, nhưng nói không nguyện thì khó hiểu. Nó không tướng thật thì có thể mong ước thế này thế khác được không? Không. Nó không thật thì sự tạo tác của nó cũng không thật. Bởi vậy nên nói không nguyện, không tạo tác. Vì không thật nên sanh cũng không thật sanh, diệt cũng không thật diệt. Nếu thật mới nói đây là sanh thật, diệt thật. Vì vậy nói không sanh không diệt.

Chúng ta khi nói sanh tưởng thật sanh, nói diệt tưởng thật diệt. Bản chất sắc uẩn không thật thì có mặt cũng có mặt không thật, mất đi cũng mất đi không thật. Nếu thấy rõ như vậy tức là không còn lầm lẫn, không lầm lẫn là chân pháp giới, tức pháp giới chân thật. Pháp giới chân thật không phải hình tướng, duyên hợp hư dối.

*Những pháp phi không thì bị biến hoại,* phi không tức là hữu. Những pháp có hình tướng đều biến hoại. *Nên nói Bát-nhã hay chỉ bày tướng của các pháp thế gian*, nó hư dối không thật. Nếu biết không thật rồi chúng ta sẽ thấy được cái chân thật của nó, đó là chân pháp giới. Vì vậy nói Bát-nhã hay chỉ bày tướng của năm uẩn.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã**

**ba-la-mật-đa, hay chứng biết khắp sự lập bày sai biệt của vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật tâm hành sai biệt của vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Chư Phật nương Bát-nhã mà hay chứng biết khắp sự lập bày sai biệt của vô lượng vô số vô biên hữu tình.* Bởi Phật là Nhất thiết trí trí, mà Nhất thiết trí trí từ Bát-nhã được. Nhất thiết trí là thấy tất cả sự sai biệt của vô lượng vô số chúng hữu tình. Do thấy rõ như thế *nên nói Bát-nhã*

*ba-la-mật-đa hay chỉ bày tất cả các pháp thế gian.*

Ở đây nói một cách hơi đơn giản là tất cả chư Phật nương Bát-nhã mà biết khắp sự lập bày của vô lượng vô số vô biên hữu tình. Bây giờ chúng ta có thể nương Bát-nhã chứng biết điều đó hay không, có thể biết được sư lập bày đó hay không? Không. Bởi Bát-nhã nói không có một pháp nào sẵn có và cố định, đủ duyên mới có và cái có ấy là một dòng chuyển biến. Do vậy thấy cái gì cũng biết nó do duyên hợp, có trong dòng biến đổi. Đó là biết như thật, là nương Bát-nhã mà biết.

Kế đến là biết hết tâm hành sai biệt của vô lượng vô số hữu tình. Như bây giờ tôi có biết tâm hành sai biệt của mấy chú không? Tôi biết tất cả tâm hành sai biệt của mấy chú đều hư dối, không có cái nào thật. Đúng không? Tôi đâu cần biết tâm

thương, tâm sân, tâm hận của mấy chú làm chi. Chỉ cần biết bản chất mọi tâm hành sai biệt đều hư dối, như vậy là biết đúng như thật rồi. Cho nên nói Bát-nhã biết hết là biết như thế. Đó là biết như thật tâm niệm hữu tình.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình không có tự tánh, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Phật nương Bát-nhã biết như thật vô lượng vô số vô biên hữu tình không có tự tánh, tức không có sẵn tánh cố định nên hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã**

**ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình tâm không có chỗ trụ như hư không, không có chỗ y chỉ, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Ở trên nói tâm hành sai biệt, đến đây nói *biết tâm không có chỗ trụ, không có chỗ y chỉ*, rỗng rang như hư không. Biết cả hai mặt. Điều này nếu luận kỹ sẽ thấy tâm hành sai biệt của chúng ta cứ chạy theo sắc trần hay tất cả pháp. Bởi đuổi theo nên có thiên hình vạn trạng hư dối. Nhưng bản thể của tâm có chỗ trụ không? Nếu khi tâm hành lặng rồi, nó rỗng rang như hư không, không có chỗ y chỉ. Biết được mặt hư dối và mặt chân thật của nó là nương nơi trí tuệ này mà biết.

Vậy tâm không có chỗ trụ. Đã không có chỗ trụ vì sao cứ trụ hoài? Như thấy

người dễ thương liền trụ người đó, món đồ ăn ngon thì trụ đồ ăn v.v... thấy cái gì trụ cái nấy. Nguyên tâm là thênh thang không chỗ trụ, nhưng chúng ta không sống được với nó, cứ đuổi theo sáu trần bên ngoài, nên thành ra trụ. Chúng ta tu là làm gì? Là trở về vô trụ. Mình đang trụ những cái không đáng trụ, đó là tâm hành sai biệt. Nếu tâm hành sai biệt lặng xuống thì trở thành vô trụ. Đó là chân thật.

Tâm hành sai biệt có bóng dáng nên sanh diệt. Chỗ vô trụ, không y chỉ có bóng dáng gì, sanh diệt hay không sanh diệt? Bát-nhã chỉ cho chúng ta biết rõ những điều đó. Tu không phải là chuyện mơ ước xa xôi huyền hoặc đâu đâu, mà chính là đừng bị tâm hành sai biệt lôi dẫn, hằng sống với tâm vô trụ. Khi sống được với tâm vô trụ rồi thì không còn bị sanh diệt nữa. Không còn sanh diệt gọi là Niết-bàn. Vậy

Niết-bàn tìm ở đâu? Nếu khởi tâm tìm Niết-bàn thì càng xa Niết-bàn. Nếu mình biết tâm hành sai biệt là gốc tạo nghiệp thì sống với tâm vô trụ. Sống với tâm vô trụ là chân thật. Cho nên học Bát-nhã gần với thiền vô cùng. Tổ Lâm Tế thường tán thán *đạo nhân vô y* là đạo nhân không có chỗ nương. Ở đây nói tâm vô trụ chính là đạo nhân vô y vậy. Hiểu thế mới thấy tu thiền không khác lời Phật dạy trong kinh, không phải chư tổ đặt ra. Nghe tên dường như khác mà bản chất không phải hai.

Bát-nhã chỉ cho chúng ta thấy cả hai mặt: sanh diệt và không sanh diệt. Thấy rõ được cái sanh diệt, cái chân thật đó là Nhất thiết trí. Chúng ta tu là thấy tâm hành sai biệt hư dối, nó lặng xuống mình biết có tâm vô trụ. Như vậy là biết cả hai mặt giả và thật. Thấy cái giả không theo, sống với cái thật. Chúng ta mê hay giác?

Giả mà biết giả là giác; giả hết, thấy thật cũng là giác. Nên nói tu thiền là tu bằng trí tuệ Bát-nhã.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật tâm lược của vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, vì tận, vì ly, vì không có tánh của tâm lược, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Đoạn này giải thích về tâm hành sai biệt của chúng sanh. Trong khi giải thích kể ra từng thứ, từng thứ. Đầu tiên nói tâm mờ tối hay sơ sài của chúng sanh mà Như Lai thấy biết được như thật tâm đó. Tại sao thấy biết được như thật tâm đó? Nói rằng tâm đó là tận, là ly, không có tánh cố định *nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp.*

Như nói người đó ngu quá! Tiếng ngu ấy thật hay không thật? Nếu ngu là thật thì không bao giờ hết được. Người đó ngu dại vì không học hành, không ai hướng dẫn. Bây giờ được học hành, có người hướng dẫn thì cái ngu ấy giảm bớt. Tâm mờ tối không thật, vì nó là tận, là ly; tận là hết. Nó sẽ hết, sẽ lìa, không cố định, bởi không cố định nên nói Bát-nhã chỉ thật tướng các pháp thế gian.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật tâm tán của vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, vì pháp tánh, vì không có tánh của tâm tán, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Tâm tán* là tâm tán loạn chạy ngược chạy xuôi, có nhiều người than không biết

tu đến chừng nào hết tâm tán loạn này. Nhưng tâm tán loạn này bản chất không thật. *Vì pháp tánh không có tánh của tâm tán*. Pháp tánh là cái cố định của các pháp, mà tán là động, tán không cố định nên không có tâm tán loạn thật. Tâm tán loạn không thật vì bản chất của pháp tánh không có động. Biết rõ bản chất của tâm tán loạn không thật, không quyết định nên *hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.*

Người tu tâm tán loạn nhiều phải làm thế nào? Biết vọng tưởng không thật, có sợ không? Có khi nào người ta thấy cọp giấy mà run đâu. Bản chất nó không thật thì không sợ, nếu sợ chẳng khác nào sợ cọp giấy.

Nếu sợ cọp giấy chẳng khác nào con nít ba bốn tuổi, không phải người lớn.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật các tâm ô nhiễm của vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, vì không thể chỉ bày, vì tâm nhiễm không tánh, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Tại sao tâm ô nhiễm không thể chỉ bày? Vì tâm ô nhiễm không thật làm sao chỉ bày. Cái thật mới chỉ bày được. Thí dụ cái đồng hồ thật đang nằm ở đâu, hoạt động thế nào, mình chỉ được. Còn cái bóng trên màn bạc vừa thấy nó mất, làm sao chỉ. Cái nhiễm này không có tự tánh, không sẵn có, không cố định. Hiểu được chỗ này bớt buồn một chút. Như người trẻ tu thấy sắc đẹp có nhiễm không? Nếu nó thật chắc rầu lắm, không biết làm sao tu được. Vì cái nhiễm không thật nên hy vọng một ngày

nào đó nó hết. Biết rõ bản chất nó không thật thì không sợ. Đó là thấy đúng tinh thần của Bát-nhã.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật tâm không nhiễm ô của vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, vì bản tánh tịnh, vì không có tánh tạp nhiễm, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Biết rõ tâm không nhiễm ô. Tại sao? Vì bản tánh tịnh không có tạp nhiễm, tạp nhiễm chỉ là duyên giả dối thôi; trên bản tánh của các pháp, nguyên nó là thanh tịnh.

Đã thanh tịnh thì không nhiễm ô là đương nhiên rồi. Như nước nguyên là trong, tại sao trong? Vì bản tánh nó không

nhiễm. Nếu chúng ta múc một thùng nước đục ở ao hồ lên, quậy phèn cho lóng, mọi tạp nhiễm lắng xuống, nước vẫn trong nguyên vẹn. Vậy tất cả nhiễm ô không thật, khéo gạn lọc thì sẽ hết. Cũng thế với tâm nhiễm ô, chúng ta khéo tu, khéo lắng thì cái chân thật hiện bày. Đó là thấy được lẽ thật của tâm.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có hạ tâm, vì không thể an ổn, vì không tánh hạ tâm, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Tâm thấp tức là tâm tự khinh. Tâm đó có cố định không? Ở đây nói *vì không thể an ổn, vì không tánh hạ tâm*. Tại sao không thể an ổn? Bởi vì nếu có hạ tâm tức

là tâm thấp, cho mình là kẻ hạ liệt nên không an ổn. Nhưng bản chất tâm hạ liệt không cố định, không thể còn mãi, nên nói biết được pháp thật của thế gian.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có những cao tâm, vì không thể lượng xét, vì không tánh cao tâm, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Cao tâm* tức là tâm cao ngạo. Cao thấp là trên vọng tưởng phân biệt thôi, đứng về thể thì bình đẳng nói gì cao thấp, nên không thể lượng xét được. Bát-nhã chỉ cho chúng ta thấy thật tướng các pháp thế gian như vậy.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm hữu lậu, vì không tự tánh, vì không phân biệt, vì không tánh hữu lậu, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Biết tâm hữu lậu của chúng sanh không có tự tánh, không cố định, không phân biệt, không thật. Thấy như vậy nên nói Bát-nhã chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm vô lậu, vì không tự tánh, vì không kỉnh giác, vì không tánh vô lậu, nên**

**noi Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Tâm vô lậu cũng không có tự tánh, nếu vô lậu sẵn có tự tánh thì không có tâm hữu lậu. Bởi nó không cố định nên khéo tu, tâm hữu lậu sẽ trở thành vô lậu. Kỉnh là cảnh tỉnh, *kỉnh giác* là tỉnh giác. Vô lậu không do kỉnh giác mà thành cho nên nói nó *không kỉnh giác. Vì không tánh vô lậu, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.*

Lúc chưa biết tu, tâm chạy theo pháp thế gian tham sân si đủ thứ, đó là tâm hữu lậu. Khi biết tu rồi, mỗi niệm chạy theo thế gian, chúng ta rầy quở cho nó dừng bớt lại. Nhắc nhở rầy quở đó là kỉnh giác, từ đó hết hữu lậu được vô lậu. Vậy vô lậu có phải do kỉnh giác nhắc nhở mà được không? Không. Đâu do kỉnh giác mà thành vô lậu. Vô lậu luôn sẵn như vậy,

kỉnh giác là quở rầy tâm chạy theo cái động, động thì không phải vô lậu. Cho nên nói không phải do kỉnh giác mà được. Như người ưa thích món ngon nên thấy món ngon chảy nước miếng. Bây giờ biết tu thì rầy quở nó không cho chảy nước miếng nữa. Quở rầy đó có phải là tâm thanh tịnh không? Không. Nhưng nhờ quở rầy lần lần nó thanh tịnh, chứ không phải quở rầy là thanh tịnh. Hiểu như vậy mới thấy kỉnh giác là phương tiện, nhờ nó dần dần tiến đến vô lậu.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm tham, vì tánh như thật không có tâm tham, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Người ta hay nói tánh tham, nhưng thật ra tham là một thói quen do huân tập, không phải là tánh. Nên biết tâm tham không có tánh, tánh như thật không có tham. Biết thế, gặp người lỡ tham chúng ta tạo duyên cho họ chuyển đổi hoặc thức tỉnh để họ bớt tham.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm lìa tham, vì tánh như thật không có tâm lìa tham, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các**

**tâm sân, vì tánh như thật không có tâm sân, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm lìa sân, vì tánh như thật không có tâm lìa sân, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm si, vì tánh như thật không có tâm si, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm lìa si, vì tánh như thật không có tâm lìa si, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Trên tánh như thật không có tham và lìa tham. Tham và lìa tham là trên phương diện ứng dụng tu hành hoặc mê muội. Biết tu hành thì lìa tham, mê muội thì tham. Sân và si cũng vậy. Tham, lìa tham, sân, lìa sân, si, lìa si, tánh như thật không có những thứ đó. Bởi không có những thứ đó nên Bát-nhã chỉ cho chúng ta biết thấy như vậy.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã**

**ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có tiểu tâm, vì không đến, không đi cũng không hệ thuộc, không tánh tiểu tâm, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Tiểu tâm* là tâm nhỏ hẹp. Đây nói *vì không đến, không đi cũng không hệ thuộc, không tánh tiểu tâm.* Tại sao nói không đến không đi cũng không hệ thuộc? Vì trên tâm thể chân thật không có đến đi, không hệ thuộc. Đã không đến, không đi, không hệ thuộc thì làm gì có tâm cố định nên nói không có tánh tiểu tâm.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có đại tâm, vì tự tánh bình đẳng, xứng với**

**tánh bình đẳng không có tánh đại tâm, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Đại tâm* là tâm rộng lớn, vậy tâm rộng lớn có thật hay không? Vì tâm bình đẳng thì đâu có lớn nhỏ, nên không có đại tâm cố định.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có tâm hẹp hòi, vì không khởi phương tiện, không có chỗ hệ thuộc, không có tánh hẹp hòi, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Tâm hẹp hòi* là tâm nhỏ mọn, giống như trên tức là thể bình đẳng không có

khởi phương tiện, không hệ thuộc nên không có tánh tâm hẹp hòi.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có tâm rộng rãi, vì không tăng, không giảm, cũng không xa lìa, đã xa lìa, vì không có tánh tâm rộng rãi, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Đoạn này nói về tâm rộng rãi không tăng không giảm, không xa lìa, đã xa lìa. Bởi vì căn cứ trên tâm thể bình đẳng thì không thấy tăng giảm, không thấy xa lìa, đã xa lìa; nên nó không có tự tánh. Không có tự tánh thì nói gì có tâm rộng rãi.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã**

**ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm lượng, vì tự tánh không, vì không có tánh hữu lượng, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Đây nói *tâm lượng* tức là tâm lường xét. Vì biết rõ tâm lường xét tự tánh là không, cái lường xét đó không cố định, nên không có tâm hữu lượng.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm không lượng, vì không sanh, không diệt, không trụ, không dị, không chỗ y chỉ, như hư không thênh thang, chẳng phải tâm không lượng,**

**nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Trên thì nói hữu lượng, đây nói là vô lượng hay *không lượng*. Tại sao không lượng? *Vì không sanh, không diệt, không trụ, không dị, không chỗ y*. Vì tâm thể không sanh, không diệt, không trụ, không đổi khác, không chỗ nương, *như hư không thênh thang* nên không có tâm vô lượng. Ở đây nói bình đẳng, không nói vô lượng hay hữu lượng.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm hữu kiến, vì tự tánh bình đẳng, vì ngũ nhãn không hành, chẳng phải tâm hữu kiến, nên nói Bát-nhã ba-la-**

**mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Hữu kiến* là cái thấy chấp lệch đối với vô kiến. *Tự tánh bình đẳng* không có thiên chấp. Ngũ nhãn gồm: nhục nhãn là mắt phàm phu, thiên nhãn là mắt trời, tuệ nhãn là mắt Thanh văn, pháp nhãn là mắt Bồ-tát, Phật nhãn là mắt Phật. Năm con mắt đó đều có diệu dụng. Tại sao? Vì trên tánh bình đẳng, năm con mắt đó cũng không thấy nên nhà thiền nói chỗ đó *mắt Phật cũng không thấy* nữa. Mắt Phật không thấy thì mấy con mắt kia làm sao thấy, nên nói *năm nhãn không hành*. Trên tự tánh bình đẳng thì năm con mắt không hành. Năm mắt đã không hành thì còn gì nói hữu kiến.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô**

**lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm vô kiến, vì không tướng có thể được, vì lìa các thứ cảnh, vì phi tâm vô kiến, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Đây nói *vô kiến*, tức là tâm không thiên chấp, không dính mắc. Tâm này *không tướng có thể được* thì nói gì vô kiến? *Lìa các thứ cảnh* còn gì nói vô kiến. Vì tâm vô kiến không thật nên không tự tánh, không tự tánh nên gọi là *phi tâm vô kiến. Nên nói Bát-nhã chỉ bày thật tướng của các pháp thế gian.*

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm hữu đối, vì hư vọng phân biệt nơi**

**cảnh sở duyên, vì không phải tâm hữu đối, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Tâm hữu đối* là tâm nhìn theo phân biệt đối đãi. Có đối với không, phải đối với quấy, tối đối với sáng v.v... Tâm hữu đối là *hư vọng phân biệt nơi cảnh sở duyên*. Hư vọng không thật nói gì là hữu đối, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa chỉ bày thật tướng của các pháp thế gian.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm vô đối, vì về mặt như thật không tận cũng không sanh khởi, vì không tâm vô đối, nên nói Bát-nhã ba-la-**

**mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Vô đối* là không còn nhìn theo đối đãi nữa. Tại sao không nhìn theo đối đãi? Đứng về mặt như thật tức chân thật không có tận cùng, không sanh khởi. Không tận cùng, không sanh khởi thì nói gì vô đối. Tâm vô đối ấy cũng không thật nữa.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm hữu thượng, vì tánh như thật không có tâm tư lự, vì không phải có tâm hữu thượng, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Tâm hữu thượng* là tâm hướng thượng, nhìn lên. Nhưng trên tánh như thật, nó không có tư lự. Đã không tư lự thì nói gì suy xét phân biệt trên dưới, nói gì hướng thượng. Vì vậy nói *không có tâm hữu thượng.*

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm vô thượng, vì lìa các hý luận, một ít phần tâm tánh cũng không thể được, vì không phải tâm vô thượng, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Đoạn trước nói tâm hữu thượng, đoạn này nói *tâm vô thượng*, tức là không trên. Không trên thì *lìa các hý luận*, các thứ bàn luận. Lìa hết lý luận rồi thì còn *một ít phần tâm tánh cũng không thể được*, nói

gì có tâm vô thượng? Như vậy trên thể tánh chân thật không có hý luận, không hý luận thì nói gì hữu thượng vô thượng.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm bất định, vì tánh như thật là vô đẳng đẳng, vì không phải tâm bất định, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Tâm bất định* là tâm không nhất định, hoặc là thiện hoặc là ác, hoặc Bồ-tát hoặc Thanh văn v.v... không nhất định. Vì vậy nên nói tâm bất định. Tâm bất định có thật hay không? Không. Trên tánh như thật bình đẳng, không có cái gì gọi là cấp bậc, không có gì so sánh được, làm gì có

tâm bất định, nên nói không có tâm bất định.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm hữu định, vì tánh như thật bình đẳng, bình đẳng như hư không, vì không phải tánh tâm định, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Tâm hữu định* là tâm cố định hoặc thiện hoặc ác, hoặc cố định tu Thanh văn, cố định tu Bồ-tát v.v...

Trên *tánh như thật* là *bình đẳng*, đã bình đẳng thì nói gì cố định bậc này bậc kia. Vì vậy nói *bình đẳng như hư không*. Đã bình đẳng như hư không thì nói gì là tâm định.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình tâm không giải thoát, vì tự tánh xa lìa, vì lấy không làm tánh, vì không phải tâm không giải thoát, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Tâm không giải thoát là tâm của ai? Tâm chúng sanh. Tâm giải thoát có thật hay không? Không. Nếu lấy không tánh làm tự tánh nghĩa là giải thoát, là xa lìa, không dính không kẹt. Bây giờ nói không thể bỏ được, tức khắn khít mãi mãi. Nếu bỏ không được thì ngày mai tắt thở cũng phải bỏ vì bản tánh của nó là xa lìa. Bản chất của sự vật là xa lìa, nói bỏ không được rồi cũng phải bỏ được. Như có người

thương cái nhà quá rời không được, nhưng lúc nào đó cũng phải rời.

Nói tóm lại bản chất của các pháp là xa lìa. Chúng ta có muốn thân này rã không? Không. Ai cũng dùng mọi cách để giữ nhưng rồi nó cũng rã. Như vậy bản tánh các pháp nguyên là xa lìa, mà xa lìa là giải thoát chứ gì. Tại vì mình cố giữ không cho giải thoát. Các pháp bản chất nó là giải thoát, không có gì triền phược, tại mình buộc trói, chứ nó không tự trói buộc.

Như mấy chú còn trẻ tuổi thấy người nữ đẹp nói sắc đẹp trói buộc. Sự thật sắc đẹp trói buộc mấy chú hay mấy chú tự trói buộc? Tự buộc. Người ta tới rồi đi, có trói buộc gì mình đâu. Nhưng người ta đi rồi trong đầu mình cứ lảng vảng hình ảnh của họ hoài, đó là tại mình mê muội rồi tự trói buộc. Tự buộc rồi kêu Phật cứu con,

con bị trần duyên trói buộc. Bây giờ mình thấy cái gì đẹp, vừa thấy liền bỏ, không quan trọng, xem nó có trói mình không? Thấy cứ ngắm hoài, trói là ở chỗ nhìn tới nhìn lui khen đẹp thế này thế kia.

Tự tánh các pháp là xa lìa, xa lìa là giải thoát. Thân này ngày mai còn không? Những gì mình quý nhất, giữ gìn nhất rồi cũng rã. Tất cả các pháp không gì là không rời, không bỏ. Thân này còn bỏ còn hoại thì có gì không hoại không bỏ? Hiểu vậy rồi cười thôi, đừng cầu làm chi cho mất công. Dù người có tài mấy, có thuốc hay tới đâu, khi hoại nó cũng hoại. Nếu bản chất nó không hoại thì còn hoài, vậy chúng ta thấy cái gì cũng đi tới chỗ xa lìa. Nên nói *tự tánh xa lìa, vì lấy không tánh làm tánh, vì không phải tâm không giải thoát*. Như vậy ai cũng có tâm giải thoát hết nhưng tại mê muội quá rồi sanh cuồng,

chứ không phải tâm không giải thoát. Chúng ta đừng chạy theo tâm cuồng loạn đó là giải thoát, khỏi cầu Phật giải thoát cho mình. Hiểu như vậy an ổn biết là bao nhiêu.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình có các tâm giải thoát, vì tánh như thật không phải tâm tánh, vì tìm xét cả ba đời đều không thể được, vì không phải tâm giải thoát, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Ở đây nói có tâm giải thoát. Vậy có tâm giải thoát thật không? Bởi vì *tánh như thật đó không phải là tâm tánh* thì nói gì là tâm giải thoát. *Tìm xét trong ba*

*đời* quá khứ, hiện tại, vị lai *đều không thể được*. Đã không thể được thì làm sao giải thoát. Không có tâm không giải thoát thật, cũng không có tâm giải thoát thật. Hiểu như vậy thì biết rõ các thứ đối đãi không thật.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình tâm không thể thấy, vì không tự tánh, vì không thể thấy, vì không chân thật, vì siêu vượt căn cảnh, vì không thể rõ biết, vì không phải viên thành, còn không phải chỗ tuệ nhãn, thiên nhãn nhận thấy, huống là nhục nhãn hay thấy, do tất cả mắt đều không thể thấy nên gọi là không thể thấy, vì cái không thể thấy này cũng không thể được, vì không thể nói, không thể**

**thấy tâm, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

**Như thế, Thiện Hiện! Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

*Tâm không thể thấy vì không tự tánh*, dễ hiểu rồi. Không thể thấy *vì không chân thật*, tức là không tướng mạo, dễ hiểu rồi. Tại sao cái không thể thấy đó không chân thật? Bởi vì đối với tâm chân thật thì tâm thể là như như, không phải cái để cho mình thấy. Nếu thấy được thì không chân thật, vì vậy nên nói không thể thấy. *Siêu việt căn cảnh*, nghĩa là không phải cảnh để cho căn thấy. *Không thể rõ biết*, tại sao? Mấy chỗ này khó hiểu nhưng thật ra đó là chỗ tu hành của chúng ta. Giả sử tất cả tâm hành sai biệt sạch rồi, lúc đó tâm biết không? Không. Tâm là biết mà khởi tâm

biết là đầu thêm đầu. Nên nói vì không thể biết. *Không phải viên thành*, nghĩa là không phải thành một cách viên mãn. *Không phải chỗ của tuệ nhãn* cho tới ngũ nhãn có thể thấy, vì tâm thể thênh thang, tất cả mắt đều không thể thấy. *Do tất cả mắt đều không thể thấy nên gọi là không thể thấy. Cái không thể thấy này cũng không thể được*, nếu nói có một cái không thể thấy thì cái ấy cũng không thể được.

Phần nhiều người tu thường đòi thầy chỉ giùm con thấy tâm chân thật hay thấy tánh. Vậy các tổ tu thấy tánh hay không thấy tánh? Không thấy sao nói kiến tánh khởi tu? Nói thấy là một lối nói gượng, bởi vì nếu thấy nó thì cái đó không phải là mình, vì nó đối diện với con mắt. Con mắt là cái hay thấy, hay thấy hay biết là tâm, cái kia là cái bị thấy, không thể nói tâm là cái bị thấy được. Chỉ tu và khéo nhận thôi,

chứ không dùng chữ *thấy* được, vì thấy là bệnh.

Tại sao cái không thể thấy cũng không thể được? *Vì không thể nói, không thể thấy tâm*, nếu thấy tâm thì tâm nào? Tâm vọng tưởng thì tạm bợ rồi mất, còn tâm thật thì không thể thấy. Mình là mình, làm sao thấy được? Cũng như con mắt thấy được người bên ngoài nhưng con mắt không thấy con mắt. Nếu con mắt thấy con mắt là thấy bóng con mắt trong gương, chứ không thấy con mắt thật. Vọng tưởng bị mình thấy nên nó không phải thật mình. Đó là nguyên tắc để chúng ta biết: cái thấy được thì không phải là mình. Người nói thấy được tâm thể chân thật là thấy cái bóng, chứ không phải tâm thể thật. Khi tất cả điên đảo lặng rồi, tâm thể chân thật tự hiện bày nên không thể thấy được nó. Như vậy trí tuệ Bát-nhã nhìn

thấy rõ ràng rành mạch tất cả tâm hành sai biệt. Do thấy biết rõ nên nói mọi tâm hành đều không thật.

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình hoặc ra hoặc chìm. Thiện Hiện! Thế nào tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình hoặc ra hoặc chìm? Nghĩa là tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình tâm vương và tâm sở đều nương nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà sanh; như thế, Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã**

**ba-la-mật-đa chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình hoặc ra hoặc chìm.**

Ra chìm như thế nào? Nghĩa là *tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng biết như thật vô số vô biên hữu tình tâm vương tâm sở, đều nương nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà sanh,* tức là nương nơi ngũ uẩn mà sanh. *Như thế Như Lai Chánh đẳng Chánh giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa chứng biết như thật vô lượng vô biên hữu tình hoặc ra hoặc chìm.* Ra là giải thoát, chìm là luân hồi. Tất cả chúng sanh tâm vương tâm sở cứ theo năm uẩn mà chấp chặt thì chìm, nếu không chấp chặt thì ra, là giải thoát.

**Thiện Hiện! Thế nào các loài hữu tình tâm vương, tâm sở hoặc ra, hoặc chìm đều y sắc, thọ, tưởng, hành, thức**

**mà sanh? Nghĩa là các hữu tình tâm vương, tâm sở, hoặc y thọ, tưởng, hành, thức chấp Như Lai sau khi chết hoặc có, hoặc không phải có, hoặc cũng có cũng chẳng phải có, hoặc chẳng có chẳng phải chẳng có, đó là chắc thật, ngoài ra đều ngu vọng.**

**Hoặc có hữu tình y sắc, thọ, tưởng, hành, thức chấp ngã và thế gian hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc cũng chẳng thường cũng vô thường, hoặc không phải thường không phải vô thường, đây là chắc thật, ngoài ra là ngu vọng. Hoặc có hữu tình y sắc, thọ, tưởng, hành, thức chấp ngã và thế gian hoặc hữu biên, hoặc vô biên, hoặc cũng hữu biên cũng vô biên, hoặc không phải hữu biên không phải vô biên, đây là chắc thật, ngoài**

**ra là ngu vọng. Hoặc có hữu tình y sắc, thọ, tưởng, hành, thức chấp mạng tức là thân, hoặc mạng khác thân, đây là chắc thật, ngoài ra là ngu vọng.**

**Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình tâm vương, tâm sở hoặc ra hoặc chìm đều y sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh tưởng sai biệt. Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình hoặc ra hoặc chìm.**

Chỗ này giống kinh Phạm Động. Bốn thứ chấp y cứ theo năm uẩn chấp hoặc có, hoặc không, hoặc không phải có không phải không v.v... Những gì mình chấp cho

là đúng đều là ngu, là vọng chấp. Như vậy là chìm. *Hoặc có hữu tình y sắc, thọ, tưởng, hành, thức* sanh tưởng sai biệt. Ở đây kể thật rõ ràng, hoặc chấp nơi thân mình hay chấp nơi thân Phật, theo cái biết riêng của mình cho đó là chân lý, ai nói khác là sai. Người đó là người ra hay chìm? Chìm.

Nếu y nơi năm uẩn mình và năm uẩn Phật không chấp, không bị kẹt, không bị mắc thì ra hay chìm? Giải thoát. Rõ ràng giải thoát sanh tử là không bị kẹt ở thân năm uẩn; cái chấp thường, vô thường, tất cả chấp đều không dính, không kẹt. Đó là giải thoát. Còn dính còn kẹt là còn trầm luân. Theo tinh thần Bát-nhã là y cứ năm uẩn, tâm vương tâm sở mà chấp là trầm luân, tâm vương tâm sở y cứ năm uẩn mà không chấp là giải thoát.

**Thiện Hiện! Thế nào tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương**

**Bát-nhã ba-la-mật-đa chứng biết như thật vô lượng, vô số, vô biên hữu tình hoặc ra hoặc chìm? Nghĩa là tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều y Bát-nhã ba-la-mật-đa biết như thật sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều như chân như không hai không khác. Thiện Hiện nên biết, Như Lai chân như tức là ngũ uẩn chân như, ngũ uẩn chân như tức là Như Lai chân như. Vì cớ sao? Như Thế Tôn nói y chỉ ngũ uẩn lập tên thế gian. Thế nên Thiện Hiện, ngũ uẩn chân như tức là thế gian chân như, thế gian chân như tức là quả Dự lưu chân như, quả Dự lưu chân như tức là quả Nhất lai chân như, lần lượt cho đến hạnh tất cả ma-ha-tát chân như tức là chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chân như.**

**Chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chân như tức là Như Lai Ứng Chánh đẳng giác chân như. Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác chân như tức là tất cả hữu tình chân như. Thiện Hiện nên biết, hoặc tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác chân như, hoặc tất cả hữu tình chân như, hoặc tất cả pháp chân như, các chân như như thế đều không lìa nhau, vì không phải một, không phải khác, không phải chung cả một và khác, không tận, không hai, cũng không hai phần, không thể phân biệt.**

**Thiện Hiện nên biết, tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa chứng chân như cứu cánh của tất cả pháp mới được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.**

**Do đây nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm hay sanh chư Phật, là mẹ chư Phật, hay chỉ bày chư Phật cái thật tướng thế gian.**

**Thiện Hiện nên biết, tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa hay giác ngộ như thật chân như các pháp, tánh không hư vọng, tánh không biến dị, do giác ngộ như thật tướng chân như nên gọi là Như Lai Ứng Chánh đẳng giác.**

Phần trước nói Bát-nhã sanh ra chư Phật, ở đây lại nói Bát-nhã chỉ cho thấy rõ chân như của năm uẩn tức chân như của chư Phật. Năm uẩn ở trước là chỉ cho năm uẩn thế gian, tức là con người chúng ta hay tất cả chúng sanh. Năm uẩn chúng sanh có sẵn chân như.

Năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức, thường nghe trong kinh nói là pháp sanh diệt, tại sao ở đây nói là chân như? Ngay nơi sắc uẩn, tánh không, không có tướng mạo sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế, không khác tánh không của sắc uẩn. Nếu chúng ta nhận ra được tánh không đó thì không sanh không diệt. Không sanh không diệt thì không đổi dời. Nói *năm uẩn chân như* là chỉ thẳng cho tánh không cố định của các pháp, gọi là không tự tánh. Tánh không, không có tướng sanh diệt, gọi là chân thật như như, nên nói năm uẩn chân như. Trên giả tướng của năm uẩn thì sanh diệt, còn chân thật của năm uẩn thì không sanh diệt. Đó là nói chân như của năm uẩn.

Ở đây nêu lên chân như của hàng Thanh văn có khác với chúng ta không? Tất cả mọi người trình độ sai biệt, kẻ cao

người thấp, có kẻ hiểu rộng người hiểu hẹp, nhưng nếu nhìn tất cả sự vật đừng có một niệm nào xen vô thì cái thấy giống nhau không? Giống. Thí dụ nhìn đồng hồ đừng có niệm nào xen vô thì tất cả đều nhìn giống nhau. Nếu có niệm xen vô thì khác, người đánh giá đồng hồ này đẹp, người nói xấu đủ thứ... Chúng ta gác ngoài mọi huân tập riêng tư thì có cái biết giống hệt nhau, chẳng những con người mà muôn vật cũng vậy. Cái biết giống hệt nhau đó không do huân tập nên không sanh diệt, vì vậy gọi là chân như.

Ở đây nói chân như năm uẩn của chúng sanh với chân như của chư Phật không khác. Giữa chúng sanh và chư Phật đứng về mặt chân như không sai biệt, nhưng đứng về mặt mê giác thì sai biệt. Đoạn này cốt khai triển chân như giữa chư Phật và chúng sanh đồng như nhau.

Đồng mà *không phải một cũng không phải khác.* Nếu một thì chỉ có một chân như không có hai ba, không nói chân như của năm uẩn, của Bồ-tát, của Phật. Đồng mà không phải một, đó là cái đặc biệt của nhà Phật. Bát-nhã có công dụng chỉ cho chư Phật thấy được chân như của năm uẩn và chân như của chư Phật không khác nhau. Thấy rõ như vậy nên nói chư Phật do giác ngộ chỗ đó nên thấy tánh như thật của các pháp, *tánh không hư vọng. Do giác ngộ thật tướng của chân như nên gọi là Phật.* Ai giác ngộ viên mãn cái đó cũng gọi là Phật.

Học Bát-nhã thấy các pháp là không, huyễn hóa, chúng ta yêu đời hay chán đời? Chán đời tức là tiêu cực. Kinh Bát-nhã là kinh Đại thừa, nói tới Đại thừa là nói tới tính tích cực hoạt động, chứ không chủ trương tiêu cực. Ở đây nói không, là huyễn,

là hóa, không có gì thật, làm sao tích cực được?

Phần trước nói thấy tất cả pháp thế gian không có tự tánh nên nói là không, không tướng, không nguyện, không tác v.v... Không tự tánh là không sẵn có, không cố định, đợi duyên hợp mới thành, thành rồi cũng theo duyên chuyển biến. Vì vậy nên muôn vật không tự có và không cố định, nó thế này có thể đổi thành thế kia, hoặc thế kia đổi thành thế nọ, đổi luôn luôn. Thí dụ có người nói tánh tôi nóng quá, họ cho rằng nóng là cái sẵn có, cố định. Khi học Bát-nhã rồi, chúng ta thấy người nói đó như vậy là không đúng. Nóng do huân tập mà ra, không phải là cái sẵn có, không phải cố định, nếu khéo thì sửa được. Hiểu theo lý Bát-nhã biết rõ cái đó có thể đổi thay. Đã đổi được thì nên đổi hay không đổi? Đứng về mặt bản thân

thì mọi thứ xấu dở, chúng ta biết có thể đổi thay được, nhất định sẽ tích cực chuyển đổi. Với người, những tập khí xấu của họ mình cũng có thể giúp họ chuyển đổi thì đâu thể gọi là bó tay. Không bó tay, không đầu hàng là tích cực rồi.

Thấy được từ con người đến muôn vật không có gì nguyên vẹn mà luôn theo duyên đổi thay, biết rõ như thế chúng ta có thể làm chủ mình, làm chủ sự vật. Thí dụ biết nước thể lỏng nhưng không cố định, khi gặp nóng khoảng 100°C nó bốc hơi, nếu lạnh 0°C nó đông lại thành khối. Biết vậy rồi, muốn nước đông thành khối thì tạo điều kiện cho lạnh 0°C, muốn thành hơi thì đun tới 100°C, vậy là ta có thể chuyển nó theo ý muốn của mình. Mọi sự vật bên ngoài, nếu biết được điều kiện của nó, mình có thể làm chủ nó. Thấy rõ lý này chúng ta có thể chuyển tất cả sự vật theo

ý muốn của mình. Như vậy có nên ngồi than việc đó đành chịu chứ không thay đổi được không? Biết chuyển nó mà không chuyển được là tại tạo điều kiện chưa đúng mức. Những người có tật xấu, nếu mình tạo điều kiện đúng mức thì họ chuyển. Nhưng tạo điều kiện chưa đúng mức nên họ chưa chuyển.

Tất cả đều có thể chuyển biến, tinh thần khoa học nằm chỗ đó. Con người tạo điều kiện cho sự vật chuyển theo ý muốn của họ, từ vật vô ích chuyển thành vật hữu ích, đồ vô dụng làm thành hữu dụng. Nếu không chuyển được mới là bi quan. Như hàng Nhị thừa thấy chúng sanh phiền não nhiều quá nên lắc đầu, độ không nổi, nhập Niết-bàn cho rồi! Bồ-tát thấy tất cả đều chuyển được nên phát tâm tìm mọi cách để chuyển, để giáo hóa chúng sanh khiến họ đều được ngộ đạo.

Nên con đường Bồ-tát đạo là con đường tích cực, lạc quan.

Như vậy tất cả sự vật trên thế gian cũng như tất cả người chung quanh, mình có than rằng họ xấu không thể đổi hay than do mình thiếu tài thiếu đức nên chuyển không nổi? Do chúng ta chưa tạo điều kiện đúng mức để họ chuyển, đó là lỗi tại mình. Người thấy được điểm này sẽ quy trọng trách về mình, nên cố gắng chuyển hướng, đó là tinh thần tích cực. Hiểu như vậy, trên đường tu mình không có tâm niệm tiêu cực. Tất cả thói xấu của mình, chúng ta đều sửa được; tật xấu của người khác, mình cũng hy vọng họ sửa được.

Biết được các pháp không tự tánh là một sức mạnh để chuyển mọi sự vật theo ý muốn của mình. Tinh thần Đại thừa

nằm ngay chỗ đó, học Bát-nhã là học Đại thừa.

Thấy các pháp tự tánh không cố định, mình hăng hái cố gắng tạo điều kiện chuyển hướng rất mạnh, không chán nản. Tin tưởng điều gì cũng làm được, không bao giờ bất lực. Thấy tất cả chúng sanh và chư Phật đều có chân như, chư Phật sống được với chân như nên là Phật, mình chưa sống được nên còn chúng sanh. Chúng sanh và Phật tuy khác tướng nhưng thể đồng. Chúng sanh và Phật có chân như bình đẳng nên Bồ-tát tu lúc nào cũng nguyện thành Phật chứ không thành La-hán. Tinh thần bình đẳng giúp chúng ta tu nguyện thành Phật viên mãn mới thôi.

Học phẩm này thấy rõ tinh thần Đại thừa trong đó, vậy mà người ta cứ sợ học Bát-nhã cái gì cũng nói không, nói huyễn, nghe buồn chết. Học Đại thừa, nỗ lực cứu

độ chúng sanh, tu đến chỗ viên mãn là như vậy.

**Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm chứng được chân như tánh không hư vọng, tánh không biến dị, rất là sâu xa khó thấy khó hiểu, tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều dùng chân như hiển bày phân biệt chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, chân như như thế rất sâu xa vi diệu ai hay tin hiểu? Chỉ có Bồ-tát ma-ha-tát ở vị bất thối chuyển và các vị đại A-la-hán nguyện viên mãn, cùng người thiện nam... đầy đủ chánh kiến nghe Phật nói chân như sâu xa này mới hay tin hiểu. Như Lai vì những người kia y tướng chân như của mình chứng, hiển bày phân biệt.**

Ngài Thiện Hiện bạch Phật rằng pháp *Bát-nhã sâu thẳm chứng được chân như tánh không hư vọng, không biến dị, rất là sâu xa khó hiểu*, chỉ có chư Phật mới chứng được, mới tin hiểu pháp vi diệu này. Pháp Phật chứng được đó, chỉ có Bồ-tát ở địa vị bất thối chuyển và những vị đại A-la-hán sở nguyện đã viên mãn, cùng thiện nam thiện nữ *đầy đủ chánh kiến, nghe Phật nói chân như sâu xa này* tin hiểu. Như vậy pháp chân như không có tánh cố định, rất sâu xa khó hiểu, chỉ hàng Bồ-tát, A-la-hán và người thiện nam, thiện nữ đầy đủ chánh kiến mới có thể hiểu được. Hàng Bồ-tát và A-la-hán hiểu được là lẽ đương nhiên, còn thiện nam, thiện nữ hiểu được đòi hỏi phải có chánh kiến, tức cái nhìn đúng như thật. Đó là lời tán thán của ngài Thiện Hiện.

**Phật bảo:**

**- Thiện Hiện! Đúng thế, đúng thế, như lời ông nói. Vì cớ sao? Chân như không tận nên nói sâu xa, chỉ có Như Lai Ứng Chánh đẳng giác vì chúng Bồ-tát ma-ha-tát tuyên thuyết chỉ bày tướng chân như sâu xa không tận khiến sanh tin hiểu.**

Phật bảo Thiện Hiện, lời ông nói như vậy rất đúng. Tại sao? Vì chân như không tận nên rất sâu xa, chỉ có Như Lai chứng được Phật quả rồi và chúng Bồ-tát hiểu được tướng chân như sâu xa không tận mới có thể tin nhận. *Không tận* là không có giới hạn, sao chân như không giới hạn? Đoạn này sẽ thấy ở sau.

**Khi ấy, trời Đế-thích và tướng lãnh Dục giới là mười ngàn vị thiên tử, vua trời Đại Phạm và tướng lãnh Sắc**

**giới hai muôn vị thiên tử đều đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới hai chân Phật, lui ngồi một bên, đồng bạch Phật:**

**- Như Lai nói các pháp sâu xa lấy cái gì làm tướng?**

**Phật dạy:**

**- Ta nói pháp lấy Không, vô tướng, vô nguyện, không tạo, không sanh, không diệt, tịch diệt, Niết-bàn, pháp giới làm tướng.**

**Vì cớ sao? Vì Phật nói pháp không có chỗ y chỉ, ví như hư không không thể biểu thị.**

Chư thiên đến đảnh lễ bạch Phật: Như Lai nói pháp chân như sâu xa lấy gì làm tướng? Phật nói *lấy Không, vô tướng, vô nguyện, không tạo v.v... làm tướng.* Bởi vì pháp chân như không có tướng mạo, không có chỗ nương tựa; đã không có

tướng mạo, không chỗ nương tựa nên lấy vô tướng, vô nguyện, không tạo, không tác, không sanh, không diệt... làm tướng.

**Thiên tử nên biết, Như Lai nói pháp tướng sâu xa không sa vào số sắc, cũng không sa vào số thọ, tưởng, hành, thức, không nương nơi sắc, cũng không nương nơi thọ, tưởng, hành, thức.**

**Thiên tử nên biết, Như Lai nói pháp tướng sâu xa thế gian, trời, người, a-tố-lạc... không thể an lập, cũng không thể phá hoại. Vì cớ sao? Vì thế gian, trời, người, a-tố-lạc... đều là tướng. Các cái có tướng đối với cái tướng không tướng không thể an lập, cũng không thể phá hoại. Thiên tử nên biết, Như Lai nói pháp tướng sâu xa không thể lấy tay mà an lập hay**

**phá hoại, cũng không thể lấy các vật khác mà an lập hay phá hoại. Thiên tử nên biết, giả sử có người hỏi: Ai an lập hư không? Ai phá hoại hư không? Hỏi như thế là đúng chăng?**

**Các thiên tử thưa:**

**- Kia hỏi không đúng. Vì sao? Vì hư không không có hình thể, không có tướng mạo nên không thể an lập, cũng không thể phá hoại.**

**Phật bảo:**

**- Đúng thế, đúng thế, như lời các ông nói. Thiên tử nên biết, ta tuyên thuyết pháp tướng sâu xa cũng như thế, không thể an lập, không thể phá hoại Như Lai Ứng Chánh đẳng giác.**

Pháp Phật nói không thuộc về số của năm uẩn và cũng không nương nơi năm

uẩn, bởi pháp đó chỉ thẳng thể không sanh không diệt nơi năm uẩn. Chúng ta có giả tướng sanh diệt, nhưng cũng có thật thể không sanh không diệt. Phật nói thật thể không sanh không diệt không có tướng mạo. Vì nó không tướng mạo nên lấy không làm tướng. Bởi không tướng mạo, cái biết như thật đó không đổi thay. Tướng mạo là duyên hợp đổi thay, lý biết đó không đổi thay. Như con mắt nhìn thấy sự vật bên ngoài, sự vật có hình tướng, con mắt có hình tướng mà cái thấy có hình tướng không? Không. Cái thấy không hình tướng nên cái thấy không bị sanh diệt.

Nói cái thấy không sanh diệt thì người mù có thấy không? Thấy, thấy tối. Người điếc có nghe không? Nghe, nghe ù ù trong lỗ tai. Tóm lại ai cũng nghe, cũng thấy.

Cái nghe cái thấy không đợi có con mắt lỗ tai mới có. Thí dụ người mắt sáng ở trong nhà tối, có thấy sáng không? Không. Đợi có ánh sáng mới thấy sáng. Con mắt là cơ quan để hiển thị cái thấy, trời tối đen thì không thấy sáng được. Như vậy để thấy rằng cái có hình tướng bị sanh diệt, cái không hình tướng không bị sanh diệt.

Phật nói lấy cái không làm tướng, vậy cái không đó có giới hạn không? Có hình tướng mới đặt giới hạn lớn nhỏ, còn không hình tướng làm sao đặt giới hạn được, nên nó không giới hạn, không có chỗ nương tựa. Cái không giới hạn, không nương tựa, không hình tướng do ai lập ra và ai phá hoại được? Không ai lập. Bởi sự thật sẵn có nơi mọi sự vật, không đợi ai an lập. Nó không tướng mạo nên cũng không thể phá hoại được. Cái gì có lập ra, có tướng trạng,

có phá hoại thì thuộc về sanh diệt. Không lập ra, không phá hoại làm sao sanh diệt, nên nó không thuộc về sanh diệt. Đó là nói rõ ý nghĩa về cái Không, vô tướng, vô tác. Thấy được tánh không đó, chúng ta mới yên lặng tịch tịnh đi tới Niết-bàn. Khi chư thiên nói như vậy, Phật xác nhận là đúng. Chỗ đó Phật thấy biết rõ ràng nên mới gọi là Phật.

**Các thiên tử bạch Phật:**

**- Như Lai giác ngộ các tướng như thế rất là sâu xa khó thấy, khó hiểu. Vì Như Lai hiện giác ngộ tướng như thế, nên đối với tất cả pháp chuyển trí vô ngại. Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác trụ tướng như thế phân biệt chỉ bày Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, vì các hữu tình họp các pháp tướng phương tiện chỉ bày**

**khiến đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa được vô ngại trí. Bát-nhã ba-la-mật-đa là chỗ thường hành của chư Như Lai. Vì tất cả Như Lai hành chỗ này nên chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vì các hữu tình phân biệt chỉ bày.**

**Phật bảo:**

**- Đúng thế, đúng thế, như lời các ông nói. Thiên tử nên biết, tất cả pháp tướng Như Lai giác ngộ như thật là vô tướng. Do nhân duyên này ta nói chư Phật được vô ngại trí không ai sánh bằng.**

Đức Phật do giác ngộ các tướng sâu xa khó hiểu, khó thấy nên đối với các pháp được chuyển trí vô ngại. Sau khi được chuyển trí vô ngại rồi, ngài vì các loài hữu tình mà chỉ bày các pháp đó, tức là Bát-

nhã cho chúng hữu tình. Đoạn trên là đoạn của chư thiên nói, Phật xác nhận đúng như vậy. *Các thiên tử nên biết, tất cả pháp tướng Như Lai giác ngộ như thật là vô tướng. Do nhân duyên này ta nói chư Phật được vô ngại trí không ai sánh bằng.* Bởi không tướng nên trí giác ngộ được không tướng, đó là trí vô ngại, không ai bì kịp.

**Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa là mẹ chư Phật, hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian. Thế nên, Như Lai Ứng Chánh đẳng giác y pháp mà trụ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, nhiếp thọ, hộ trì pháp bị y trụ, pháp này tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm. Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác y chỉ Bát-nhã ba-la-mật-đa**

**sâu thẳm, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, nhiếp thọ, hộ trì. Vì cớ sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa hay sanh chư Phật, hay làm chỗ y chỉ cho chư Phật, hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian. Thiện Hiện nên biết, tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác là người biết ơn và hay đền ơn. Nếu có người hỏi: "Ai là người biết ơn và hay đền ơn?" Nên đáp rằng: "Phật là người biết ơn và hay đền ơn." Vì cớ sao? Vì tất cả thế gian người biết ơn và hay đền ơn không ai qua Phật.**

Phật y nơi Bát-nhã mà được giác ngộ nên *Bát-nhã là mẹ của Phật, hay chỉ bày pháp thế gian*. Phật biết cung kính tôn trọng Bát-nhã bởi vì Phật là do Bát-nhã mà được sanh ra. Như con từ mẹ nên sanh ra, nên kính trọng lại mẹ. Chư Phật cũng vậy, do ngộ lý Bát-nhã mà các ngài thành

Phật. Khi thành Phật rồi các ngài đều tôn trọng, cung kính, thọ trì, chỉ dạy, ủng hộ mọi người đều được hiểu Bát-nhã, đó gọi là biết ơn và đền ơn. Hai chữ *biết ơn* và *đền ơn*, nếu chúng ta hiểu rõ mới thấy tinh thần Đại thừa ở chỗ này.

Như mẹ sanh ra con, khó khổ nuôi nấng cho con lớn khôn, con nhớ tới công cực khổ của mẹ gọi là biết ơn. Bây giờ muốn đền ơn phải làm sao? Phải tìm đủ mọi cách giúp mẹ được khỏe mạnh, sống lâu. Chư Phật chư Bồ-tát do Bát-nhã mà thấy được tướng chân thật của các pháp thế gian, vì vậy các ngài thành Phật. Sau khi giác ngộ rồi biết ơn Bát-nhã nên phải đền ơn, làm sao cho Bát-nhã sống mãi trên thế gian.

Cũng vậy, do Bát-nhã chúng ta được thấy chân lý các pháp thế gian nên giác ngộ. Khi giác ngộ rồi, chúng ta phải làm

sao cho Bát-nhã được bền lâu, đó là đền ơn.

Tinh thần của nhà Phật là biết ơn phải đền ơn. Cho nên chư tổ lúc nào cũng dạy *truyền đăng tục diệm*, tức là nối đèn tiếp lửa, làm sao cho ngọn đèn Bát-nhã mãi mãi tròn sáng, gọi là biết ơn và đền ơn.

Những vị chứng A-la-hán rồi nhập Niết-bàn, đó là chỉ biết ơn mà chưa đền ơn. Biết ơn là đứng về tinh thần tự giác, còn đền ơn là giác tha. Tự giác, giác tha viên mãn mới gọi là Phật. Chúng ta học ở đây thấy tinh thần Phật nêu ra rất rõ, phải thực hiện tự giác rồi giác tha, hai việc tròn đủ mới gọi là Phật. Ai thiếu một trong hai thứ thì chỉ biết ơn mà không đền ơn.

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Thế nào Như Lai Ứng Chánh đẳng giác biết ơn và đền ơn?**

**Phật dạy:**

**- Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác nương cái thừa như thế, hành cái đạo như thế đi đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, được Bồ-đề rồi, ở trong tất cả thời cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, nhiếp thọ, hộ trì thừa ấy, đạo ấy, chưa từng tạm quên. Nên biết thừa này, đạo này tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đó gọi là Như Lai Ứng Chánh đẳng giác biết ơn và đền ơn.**

Đức Phật nương thừa như thế, đạo như thế đến được Bồ-đề. Đạo như thế là Bát-nhã. Nương Bát-nhã được giác ngộ, khi được giác ngộ rồi *cúng dường, cung*

*kính, tôn trọng, tán thán, nhiếp thọ, hộ trì Bát-nhã.* Như vậy là biết ơn đền ơn.

**Lại, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa hiểu tất cả pháp không có tác dụng thật vì không có người năng tác. Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa hiểu tất cả pháp không có thành biện, vì các hình chất không thể được. Thiện Hiện nên biết, do chư Như Lai Ứng Chánh đẳng giác biết nương Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế, biết tất cả pháp đều không tác dụng, không thành biện, nên đối với tất cả thời cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, nhiếp thọ, hộ trì chưa từng gián đoạn, nên gọi là chân thật biết ơn đền ơn.**

Phật thấy *tất cả pháp không có tác dụng thật vì không có người năng tác.* Thường tất cả sự vật trên thế gian thành hình là do tạo tác, tại sao ở đây nói không tạo không tác? Vì không có người năng tác. Thử hỏi người năng tác có thật hay không? Không. Người năng tác không thật thì sở tác làm sao có thật. Bởi vậy nên nói không có người năng tác, sở tác cũng không thật. Nói không tạo không tác là đứng về mặt con người mà nói, vì con người không thật.

Đứng về mặt thế gian, nhìn bằng trí Bát-nhã thì thấy tất cả thế gian từ quả đất cho tới cây cỏ núi sông v.v... do ai tạo ai tác? Đã do duyên thì không ai tạo ai tác. Ngày xưa mình nói do tạo hóa hay Thượng đế tạo tác, sanh ra con người, thế giới... nên có tạo có tác. Bây giờ thấy tất cả đều do nhân duyên sanh thì làm sao có tạo có tác, ai làm chủ mà có tạo tác. Như vậy nếu

biết rõ lý nhân duyên thì không nói tạo tác. Đủ duyên nó hợp, thiếu duyên nó tan, không tạo tác thì có gì mà ước nguyện. Vì vậy nói vô tướng, vô tác, vô nguyện v.v... Nói thế để thấy rõ tinh thần ở đây không có tác dụng thật, không có người năng tác thật.

Hiểu được lý nhân duyên, chúng ta thấy trong vũ trụ này, muôn sự muôn vật trên thế gian, không có ai tạo tác ra nó. Đủ duyên thì thành, thiếu duyên thì hoại, nên nói không tạo không tác. Con người cũng do nhân duyên, không chủ, vô ngã. Không chủ nên không tạo, không tác. Các pháp từ duyên sanh, không tự tánh nên không cố định, không chủ thể.

Các sự vật *không có thành biện*, thành tựu. Tại sao? Vì bản chất của nó không thể được. Như cái đồng hồ có thành biện không? Con mắt phàm tục thì thấy cái

đồng hồ là thành, mai mốt hư rã thì hoại. Nhưng xét tột lý của nó, đồng hồ không có cái "thành" thật vì do từng bộ phận ráp lại, không có cái nào nguyên là đồng hồ. Thành đồng hồ là giả tướng tạm do nhiều thứ hợp lại, không có gì thật để mà thành. Hiểu được lý đó mới thấy *các hình chất không thể được*, tức là không có gì thật.

Như vậy nhìn cho tới cuối cùng mọi sự vật, có cái gì hình chất cố định không? Từ cái lớn cho tới cái nhỏ, xét kỹ càng không có gì là nguyên vẹn cố định hết. Không nguyên vẹn cố định nên cuối cùng nó thành bụi bặm, thành hư không. Vậy nhìn ở hai mặt thấy rõ ràng không có năng tác và sở tác. Không có hình chất cố định thì không có thành tựu cố định. Hiểu được lý này là từ Bát-nhã. Vì vậy đức Phật tôn trọng, biết ơn và đền ơn Bát-nhã.

**Lại, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa được chuyển trí không tác, không thành, không sanh, lại hay biết nhân duyên không chuyển này. Vì thế, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm hay sanh Như Lai Ứng Chánh đẳng giác, cũng hay chỉ đúng thật tướng của thế gian.**

Đức Phật nói *nương Bát-nhã mà được chuyển trí, không tác, không thành, không sanh.* Vì có tác thì có chủ, trí này thấy các pháp không tự thể thì làm gì có chủ, làm gì có thành, nên nói không tác, không thành, không sanh. *Lại hay biết nhân duyên không chuyển này*, thấy nhân duyên không chuyển này nghĩa là thấy rõ người nào thấu đạt được lý pháp không có tự tánh thì được chuyển trí không tác,

không thành. Không biết như thế thì người đó không được chuyển trí này.

Người giác ngộ lúc nào cũng thấy cả hai mặt, sanh diệt và không sanh diệt. Phật thấy do mười hai nhân duyên mà chúng sanh luân hồi trong lục đạo, rồi thấy do dứt mười hai nhân duyên mà chúng sanh ra khỏi lục đạo. Thấy chiều lưu chuyển và thấy luôn chiều hoàn diệt. Thấy cả hai mặt như thế là thấy viên mãn. Chư Phật do trí tuệ Bát-nhã chuyển được thành trí không tác, không thành, không sanh.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Như Lai thường nói tánh của tất cả pháp không sanh, không khởi, không biết, không thấy, tại sao lại nói Bát-nhã ba-la-mật-đa hay sanh Như**

**Lai Ứng Chánh đẳng giác, cũng hay chỉ đúng thật tướng của thế gian?**

Phật nói không sanh, không khởi, không biết, không thấy, rồi lại nói sanh nói chỉ, vậy là mâu thuẫn rồi, nên Phật trả lời:

**- Lành thay! Lành thay! Ông hay hỏi Như Lai nghĩa sâu như thế. Đúng thế, đúng thế, như lời ông nói. Tánh tất cả pháp không sanh, không khởi, không biết, không thấy, y thế tục mà nói thì Bát-nhã ba-la-mật-đa hay sanh Như Lai Ứng Chánh đẳng giác, cũng hay chỉ đúng thật tướng của thế gian.**

**Thiện Hiện! Tại sao tánh của tất cả pháp không sanh, không khởi, không biết, không thấy? Vì tất cả pháp là không, không có, không y chỉ,**

**không hệ thuộc. Do nhân duyên này không sanh, không khởi, không biết, không thấy. Thiện Hiện nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm tuy hay sanh Phật, chỉ bày tướng thế gian, mà không sanh, không chỉ. Thiện Hiện nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa không thấy sắc, nên nói chỉ tướng sắc, không thấy thọ, tưởng, hành, thức nên nói chỉ tướng thọ, tưởng, hành, thức. Do nghĩa như thế, Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Tại sao chỗ khác nói các pháp không có tự tánh, ở đây lại nói *tánh của tất cả pháp*, vậy tánh của các pháp là gì? Chỗ này nếu không khéo sẽ lúng túng vô cùng. Nói các pháp không tự tánh vì không có pháp nào sẵn có, cố định, nên các pháp lấy không tánh làm tự tánh. Cái không tánh

đó *không sanh, không khởi, không biết, không thấy*. Sở dĩ nói *sanh ra chư Phật, hay chỉ bày thật tướng của thế gian* là đứng về mặt thế tục mà nói, chứ không phải đứng về tánh của các pháp mà nói. Nói tánh của các pháp là chỉ cho đệ nhất nghĩa đế, chứ không phải thế tục đế. Hiểu vậy mới thấy những câu này không mâu thuẫn.

Bởi không tự tánh nên nói là không. Vì không hình tướng nên *không y chỉ, không hệ thuộc* vào cái gì hết. Vì vậy nói y theo đó mà chỉ tướng chân thật của thế gian.

**Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:**

**- Thế nào Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế không thấy sắc, nên nói chỉ tướng sắc, không thấy thọ, tưởng,**

**hành, thức nên nói chỉ bày tướng thọ, tưởng, hành, thức?**

**Phật dạy:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa do không duyên sắc mà khởi thức, đó là không thấy sắc, nên gọi chỉ tướng sắc; không duyên thọ, tưởng, hành, thức mà khởi thức, đó là không thấy thọ, tưởng, hành, thức, nên gọi chỉ tướng thọ, tưởng, hành, thức. Do nghĩa này, Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày thật tướng các pháp thế gian.**

Những gì mình thấy mới chỉ được, không thấy mà chỉ là chuyện vô lý. Thành ra những gì chúng ta nghi, ngài hỏi thế cho mình. Nói vì không thấy sắc cho nên chỉ tướng sắc, không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức, nên chỉ bày tướng thọ, tưởng, hành, thức. Bây giờ hỏi lại, không

thấy sao chỉ được? Như hỏi cái bàn ở đâu, mình thấy nó mới chỉ được, không thấy cái bàn làm sao chỉ. Ở đây không thấy mà chỉ mới mâu thuẫn.

*Bát-nhã ba-la-mật-đa do không duyên sắc mà khởi thức, đó là không thấy sắc nên gọi chỉ tướng sắc.* Phần nhiều người ta khởi phân biệt là do duyên hình tướng mà khởi. Bây giờ chúng ta nhìn sự vật biết nó không cố định, như vậy là căn cứ vào sự vật hay căn cứ vào bản tánh mà biết? Mỗi sự vật bản tánh đều không cố định. Nếu nhìn sự vật nói cái bàn này lớn, bàn kia nhỏ, đó là nhìn trên hình tướng. Ở đây nhìn cái bàn không trên hình tướng mà nhìn trên tánh không cố định của nó. Nhìn cái gì cũng không cố định, như vậy là không duyên theo hình tướng của nó. Đó là chỉ tướng thật của nó mà không

duyên tướng của nó. Dễ hiểu hay khó? Khó.

Không duyên tướng là nhìn sắc, thọ, tưởng, hành, thức trên bản chất không cố định của nó. Như vậy nên nói chỉ tướng thật của sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Như tôi không thấy cái bàn ở đâu, mà có người bảo hãy chỉ tướng thật của cái bàn, như vậy tôi cần thấy hay không cần thấy cái bàn mà vẫn nói được tướng thật của nó? Đâu đợi thấy cái bàn mà vẫn biết nó không cố định.

Như vậy là không đợi duyên tướng mà khởi thức. Hiểu thế mới thấy lý không duyên sắc mà chỉ sắc, không mâu thuẫn gì hết.

**Lại, Thiện Hiện! Bát-nhã ba-la-mật-đa hay chỉ bày Như Lai Ứng Chánh đẳng giác, vì thế gian không, vì thế gian lìa, vì thế gian thanh tịnh,**

**vì thế gian tịch tịnh, nên gọi hay chỉ bày thật tướng thế gian. Vì cớ sao? Vì không, xa lìa, thanh tịnh, tịch tịnh là tướng như thật của thế gian.**

Bát-nhã ba-la-mật-đa chỉ bày Phật, chỉ bày Như Lai Ứng Chánh đẳng Chánh giác. Tại sao chỉ bày được Phật? Vì *thế gian tánh không*. Chữ *không* là không có tự tánh, vì *thế gian xa lìa*, năm uẩn xa lìa. Nếu nó không xa lìa thì chúng ta không cần uống thuốc hay ăn uống. Nó đã tự đủ tự còn, nhưng sự thật nó muốn hoại luôn. Nếu không thêm các duyên bên ngoài là nó hoại liền, vì bản chất xa lìa. Cái gì đem vô là nó tống ra không giữ được, đó là xa lìa. Như cái bờ đắp ngang qua con rạch, dòng suối. Nếu bờ đó là đá không bể nứt, thì mình có cần bồi thêm không? Không. Nhưng nếu nó là bờ cát, chảy tuột hoài thì người ta cứ bồi hoài. Thân năm uẩn này

cũng vậy, chực rã rời, nên chúng ta kiếm thuốc men bồi vào, bồi một lúc rồi cũng rã. Bản chất nó không phải xa lìa là gì?

Nếu biết bản chất thế gian là xa lìa, thì cái biết đó là thanh tịnh. Nó yên lặng không đổi. Nếu thấy đúng với tinh thần Bát-nhã thì ngay trong sanh tử mà thấy Niết-bàn. Thấy thân năm uẩn rõ ràng không bền, không thật thì ngay cái sanh biết nó là vô sanh. Vì thân năm uẩn không thật sanh tức là vô sanh, không thật diệt tức là vô tử. Vậy sanh tử là gì? Là Niết-bàn. Ngay trong sanh tử là Niết-bàn. Người không khéo thấy thân này bại hoại thì sanh buồn chán.

Học xong phẩm này, chúng ta thấy cái hay của tinh thần Bát-nhã. Nó là gốc của Đại thừa. Do thấy các pháp không cố định nên chúng ta hăng hái xông pha, tạo điều kiện để chuyển các pháp như sở nguyện

của mình. Hiểu vậy, mình cũng tích cực đối với bản thân, không còn sợ tu không được. Chỉ sợ mình tạo điều kiện không tốt chứ không sợ tu không được. Kế nữa là không sợ giáo hóa người không được. Chỉ sợ mình không đủ tài tạo điều kiện giao hóa mọi người, chứ không phải người ta không giáo hóa được. Đó là tinh thần Đại thừa nằm sẵn trong Bát-nhã.

Chúng ta thử so sánh xem, ban đầu đức Phật nói về *lý nhân duyên* trong A-hàm, cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh, cái này diệt nên cái kia diệt. Nói cái này cái kia là nói trong tương đối, do duyên hợp lại thành, chứ không nói tánh không của sự vật. Như nói cái nhà tại sao có? Do gạch, xi-măng, cát, cây, sắt, công thợ v.v... hợp lại thành cái nhà. Đó là giai đoạn đầu.

Đến giai đoạn Bát-nhã không nói như vậy nữa, mà nói phàm cái gì thành hình do duyên hợp lại thì không cố định. Tức các pháp *không tự tánh*, không sẵn có, không cố định.

Tới bước thứ ba nói các pháp *đương thể tức không*.

Tới giai đoạn thứ tư thì phàm cái gì duyên hợp, cái đó không chỉ đơn giản một mình nó, *trùng trùng muôn lớp duyên khởi*, đó là lý Hoa Nghiêm.

Bây giờ nói đơn giản từ một cái đồng hồ. Giả tỷ đồng hồ này có hai mươi bộ phận ráp lại mới thành, nó không cố định. Tánh không của các pháp là chân thật. Từ tánh không, do duyên hợp liền có muôn thứ, nên nói chân không mà diệu hữu. Duyên hợp thành đồng hồ không phải từ hai mươi duyên, mà từ trăm ngàn muôn thứ duyên hợp thành. Nghe càng xa hơn,

nhưng có lý không? Chỉ cái đồng hồ mà có bao nhiêu duyên làm thành. Rất nhiều duyên. Người ta nói ông thợ làm ra đồng hồ, chứ thật ra đâu phải một ông thợ. Bây giờ theo lối sản xuất từng khâu thì cái đồng hồ trải qua mấy khâu? Mấy khâu là mấy người, mà mấy người đó có làm thành cái đồng hồ được không? Phải có sắt, có dụng cụ, có vật liệu, rồi liên hệ tới người lấy mỏ sắt, lọc sắt, luyện sắt, người làm nhựa, liên hệ đến bao nhiêu hãng xưởng... đó là liên hệ trực tiếp. Đến liên hệ gián tiếp, anh làm đồng hồ phải có cơm ăn, nếu đói anh có làm được không? Anh ăn no, đủ chưa? Còn phải mặc áo. Vậy thì cơm áo mà anh ăn mặc do ai làm ra? Rồi bà con, cha mẹ sanh ra anh nữa v.v... Như vậy liên hệ không biết bao nhiêu. Vô số. Vì vậy mà nói trùng trùng duyên khởi. Nói vi tế gần rồi lần lần tới xa, rất phức tạp chứ không đơn

giản, để thấy sự liên hệ chằng chịt như vậy.

Khi thấy sự liên hệ chằng chịt ấy rồi, chúng ta mới nghiệm ra sự có mặt của mình trong cõi đời này liên hệ tới bao nhiêu chúng sanh. Vì vậy tất cả chúng sanh khổ là mình khổ, chúng sanh vui thì mình vui, vì mình với họ có liên hệ nhau. Thế nên Bồ-tát thấy chúng sanh khổ là Bồ-tát khổ, thấy chúng sanh vui là Bồ-tát vui, không bao giờ tách rời mình với nhân loại. Từ đó chúng ta mới thấy sự tinh tế của kinh điển Đại thừa.

Tóm lại Phật nói:

- Chặng một, cái này có thì cái kia có.

- Chặng hai, tất cả cái có đều không cố định.

- Chặng ba, cái không cố định là chân thật, theo duyên nó có đủ thứ (chân không diệu hữu).

- Chặng bốn, cuộc sống này là chuỗi nhân duyên liên hệ chằng chịt, không tách rời nhau.

Nguyên tắc đầu đơn sơ nhưng tất cả những vi tế sau này đều có liên hệ với cái ban đầu. Cái ban đầu là chân lý, cái sau là phi lý được không? Như vậy để thấy giáo lý Phật dạy từ Nguyên thủy cho đến Phát triển liên hệ chằng chịt không tách rời. Từ căn bản ban đầu các ngài khai triển vi tế lần lần như thế. Đó là điều hay chứ đâu có dở. Hiểu thế rồi mới thấy chúng ta học kinh điển Đại thừa phải biết gốc ban đầu, thấy rõ nền tảng vững vàng.

Giáo lý Đại thừa không phải vô lý, không phải tự ý các ngài khai triển, mà dựa vào gốc ban đầu. Chư tổ khai triển có

hệ thống, rất hợp lý. Như Tết ngày xưa, người ta đốt pháo thăng thiên chơi, đốt nhiên liệu rực cháy đẩy viên pháo bay tuốt lên không, nổ bùng ra thành pháo bông. Sau này nguyên tắc đó được ứng dụng chế ra phản lực, hỏa tiễn, phi thuyền... Từ nguyên tắc đơn sơ làm trò chơi mà sau này khai triển thành những hữu ích lớn.

Sự vi diệu, hữu dụng đó là đáng chê hay đáng khen, tiến bộ hay thoái hóa? Tiến bộ. Như vậy mới thấy tinh thần Đại thừa là tốt, nếu không khai triển thì giáo lý Phật trở nên khô khan, giới hạn. Hiểu vậy mình mới không hoang mang, nghĩ điều này Phật nói, điều kia không phải Phật nói. Đức Phật chỉ nói pháp ban đầu thôi, người sau có quyền từ căn bản mà khai triển đúng lý thì không sai. Chúng ta mới thấy giáo lý phát triển và nguyên

thủy không hai. Người không hiểu, chê pháp này khen pháp kia thì hết sức cục bộ.

# PHẨM KHÔNG TƯỚNG

Tinh thần Bát-nhã chỉ dạy chúng ta thấy tất cả các pháp không có tướng cố định. Bởi không tướng cố định nên không có gì gọi là thật. Như nhà cửa, cây cối... cho đến thân thể chúng ta đều không cố định, không tướng cố định thì gọi là gì? Là Không Tướng. Nhìn tột cùng bằng trí tuệ Bát-nhã thì muôn pháp trên thế gian đều là không tướng. Không phải không tướng là không ngơ, nếu hiểu tướng không ngơ là hiểu sai tinh thần Bát-nhã. Bát-nhã nói không là không tính cách cố định, không phải là không ngơ, trống không.

Đầu tiên ngài Thiện Hiện hỏi Phật.

**Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:**

**- Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát không thối chuyển, thành tựu công đức quảng đại hy hữu như thế. Thế Tôn**

**hay tuyên thuyết các tướng trạng hành động của Bồ-tát ma-ha-tát không thối chuyển trải qua kiếp số như cát sông Hằng. Do Phật nói các tướng trạng hành động hiển bày Bồ-tát ma-ha-tát không thối chuyển thành tựu vô lượng công đức thù thắng. Cúi mong Như Lai Ứng Chánh đẳng giác lại vì tuyên thuyết nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, khiến chư Bồ-tát an trụ trong đó, tu các công đức chóng được viên mãn.**

Ngài Thiện Hiện nói, đức Phật tán thán ca ngợi công đức của chư vị Bồ-tát rộng lớn vô lượng vô số như hằng hà sa, công đức thù thắng như vậy là y nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu. Cúi mong Phật nói nghĩa xứ tương ưng với Bát-nhã sâu thẳm, để chư Bồ-tát an trụ trong đó được

viên mãn công đức vô lượng vô biên. *Nghĩa xứ*, nghĩa là nghĩa thú, xứ là chỗ, tức là chỗ nghĩa thú tương ưng thích hợp với Bát-nhã. Nhờ an trụ nơi nghĩa xứ thích hợp với Bát-nhã, chư Bồ-tát tu hành được công đức viên mãn. Đó là lời thưa thỉnh của ngài Thiện Hiện.

**Phật bảo:**

**- Thiện Hiện! Lành thay! Lành thay! Nay ông hay vì chúng các Bồ-tát ma-ha-tát thưa hỏi Như Lai Ứng Chánh đẳng giác nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, khiến chư Bồ-tát an trụ trong đó, tu các công đức chóng được viên mãn. Thiện Hiện nên biết, nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa, nghĩa là không, vô tướng, vô nguyện, vô tác,**

**vô sanh, vô diệt, không có, tịch tịnh, lìa nhiễm, Niết-bàn.**

Trước, Phật khen ngợi lời thưa hỏi của Thiện Hiện. Sau, đáp nghĩa thú của Bát-nhã ba-la-mật-đa là *Không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, vô sanh, vô diệt, không có, tịch tịnh, lìa nhiễm, Niết-bàn.* Nghĩa xứ của Bát-nhã khiến chư Bồ-tát được thành tựu công đức viên mãn đó là: Không, vô tướng... Niết-bàn. Chỗ này chúng ta phải thấy rõ từng giai đoạn.

Giai đoạn đầu là nói về Không, tức là không tướng. Chỗ thích hợp với Bát-nhã, chỗ thâm thúy của Bát-nhã là lý không của tất cả các pháp. Các pháp không có tự tánh tức là không một pháp nào sẵn có cố định, bởi không tự tánh nên nói các pháp là *không.* Lý không tự tánh đó không có tướng mạo nên nói là *vô tướng.* Trên lý không tự tánh đó không có tướng ngã

tướng nhân. Có người thật mới có nguyện ước, có tác động; với con mắt Bát-nhã, người không cố định là người, vật không cố định là vật, tất cả đều là duyên hợp hư dối. Người không thật thì làm sao có nguyện ước của người, nên nói *vô nguyện.* Người không thật thì làm gì có tác động, nên nói *vô tác.* Chúng ta thấy Không, vô tướng, vô nguyện, vô tác trùm cả hai mặt ngã và pháp. Ngã và pháp đều không thật, sanh diệt có thật được không? Không. Thấy có mình thật mới thấy thật có sanh diệt đến đi. Mình không thật nên sanh và diệt không thật, vì thế nói *vô sanh, vô diệt.* Như một đám mây khi tụ lại thì gọi là sanh, lát sau đám mây tan ra thì gọi là diệt. Nó là mây tạm bợ giả dối, đủ duyên hợp hết duyên tan, không có thật sanh thật diệt. Nếu thật sanh thì nó ở đâu sanh ra? Nếu thật diệt thì khi tan nó đi về đâu? Không tìm được chỗ nơi, nếu nó có thật thì

có chỗ sanh ra và chỗ mất đi. Vì bắt đầu từ không tướng nên đưa đến một chuỗi liên hệ từ Không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, rồi đến vô sanh vô diệt.

Phàm cái gì có sanh có diệt tạm cho là thật có, khi sanh ra gọi là có, khi diệt gọi là không. Không thật sanh, không thật diệt thì làm sao nói có được, nên nói nó là *không có.* Không có mà có hay không? Có mà không thật có. Ngôn ngữ nhà Phật rất khó hiểu, chúng ta phải thấy thứ tự như vậy mới giải nổi. Đã là không có thì động hay tịch tịnh? Tịch tịnh. Đã là *tịch tịnh* thì không ô nhiễm, nên nói nó *lìa nhiễm.* Chỗ lìa nhiễm tịch tịnh đó là *Niết-bàn*.

Hệ thống đi từ từ như vậy, nắm vững điều này mới hiểu được nghĩa xứ của Bát-nhã. Đó là lý thú mà Bát-nhã đưa mình tới, đó là chỗ áp dụng trí tuệ Bát-nhã đưa đến rốt ráo là Niết-bàn. Không phải nói

Bát-nhã để chúng ta hiểu khơi khơi rồi chấp trước cái này là không, cái kia là có. Đây là chỉ chỗ tu để đi đến Niết-bàn bất sanh bất diệt. Chúng ta tu ngay nơi đó, ngay trên hiện tượng sự vật và con người, dùng trí tuệ Bát-nhã soi rọi một cách thấu đáo; tu Bát-nhã là như vậy. Nếu tu chỉ lo diệt cái này, diệt cái kia, diệt phiền não, chờ chừng nào hết tập đế mới được Niết-bàn, xa quá. Ngay đây, trên tướng nhân, tướng pháp thấy tột cùng lẽ thật, tất cả chấp đều không còn, tâm lìa nhiễm là Niết-bàn. Như vậy là đi thẳng tắt. Đoạn này nói về nghĩa thú, là chỗ ý nghĩa quy tụ thích hợp với trí tuệ Bát-nhã.

**Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:**

**- Chỉ có pháp này gọi nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa, hay**

**tất cả pháp đều được gọi là nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa?**

Như vậy chỉ có hạn cuộc trong phạm vi Không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, vô sanh, vô diệt, không có, tịch tịnh, lìa nhiễm, Niết-bàn là *nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã*, hay tất cả pháp thế gian là nghĩa xứ? Câu hỏi này đi từ phạm vi hẹp đến phạm vi rộng.

**Phật bảo:**

**- Thiện Hiện! Tất cả các pháp cũng được gọi là nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm. Vì cớ sao? Nghĩa là tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng được gọi là nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

*Tất cả pháp cũng được gọi là nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa*. Như nói Không, vô tướng... không phải chỉ hạn

cuộc trên một pháp nào, mà nhìn luôn tất cả sự vật là không tự tánh nên gọi là Không, không tướng mạo cố định nên gọi là vô tướng. Như vậy, trùm cả muôn vật đều tương ưng với Bát-nhã. Ở đây Phật nhắm thẳng vào năm uẩn. Đó là năm pháp căn bản của thế gian. Năm uẩn này cũng là nghĩa thú của Bát-nhã.

**Thiện Hiện! Thế nào nói tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng được gọi là nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa? Thiện Hiện nên biết, như chân như thậm thâm nên sắc thọ tưởng hành thức cũng thậm thâm. Thế nên, tất cả sắc thọ tưởng hành thức cũng được gọi là nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

**Lại nữa, Thiện Hiện! Như sắc chân như thậm thâm nên sắc cũng**

**thậm thâm. Như thọ tưởng hành thức chân như thậm thâm nên thọ tưởng hành thức cũng thậm thâm. Thế nên, tất cả sắc thọ tưởng hành thức cũng được gọi là nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

**Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu ở chỗ không có sắc gọi là sắc thậm thâm. Nếu ở chỗ không thọ tưởng hành thức, gọi là thọ tưởng hành thức thậm thâm. Thế nên tất cả sắc thọ tưởng hành thức cũng được gọi là nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

Sắc thọ tưởng hành thức, năm thứ đó như chân như. Trên nói nghĩa xứ tương ưng tịch tịnh lìa nhiễm, Niết-bàn. Niết-bàn không còn sanh diệt, không còn đổi thay, không chân như là gì? Các pháp đều đi đến chỗ cứu cánh là chân như, chân

như không rời các pháp nên nói *như chân như.* Chân như thậm thâm, năm uẩn cũng thậm thâm. Như vậy năm uẩn là nghĩa xứ tương ưng với Niết-bàn, tức tương ưng với Bát-nhã.

Đức Phật chỉ dạy điều gì cũng trở lại trọng điểm là con người. Nói con người thì nói về năm uẩn là yếu tố hợp thành con người, cứu cánh của nó là chân như. Cứu cánh của năm uẩn là chân như, nơi con người có năm uẩn, vậy nơi con người có chân như hay không? Có. Dùng trí tuệ Bát-nhã soi thấu bản chất con người để không kẹt tướng hư dối, để lần lần đạt tới chân như, đến Niết-bàn bất sanh bất diệt. Chúng ta tụng Bát-nhã thường nghe câu *chiếu kiến ngũ uẩn giai không.* Không đó không phải là không ngơ, không trơn, mà là không có tướng cố định, không thật là năm uẩn. Quán chiếu như vậy sẽ qua hết

mọi khổ nạn. Không phải dùng trí Bát-nhã để soi xét quán chiếu những gì xa xôi bên ngoài, mà chính soi ngay nơi năm uẩn của mình, thấy rõ năm uẩn của mình. Từ năm uẩn đó đạt được nghĩa chân như, năm uẩn tức là nghĩa xứ tương ưng với Bát-nhã.

Đoạn trên nói *như chân như thậm thâm, sắc cũng thậm thâm* là đứng về mặt chân như để nhìn qua sắc. Đoạn dưới nói *như sắc chân như thậm thâm nên sắc cũng thậm thâm* là đứng về mặt sắc để nhìn lại chân như. Chẳng khác nào từ cái bàn chúng ta phân tích để tìm ra lý không tướng của nó, rồi từ lý không tướng nhìn ra tướng duyên hợp. Đó là ở hai góc cạnh để nhìn sự vật. Như vậy nơi chúng ta có cái thậm thâm vi diệu, bây giờ sống với cái thậm thâm vi diệu, hay sống với cái thô thiển vô thường sanh diệt? Nếu sống với

vô thường sanh diệt thì không nhận ra thậm thâm vi diệu ở trong.

Tóm lại, ý đoạn này ngài Thiện Hiện hỏi về nghĩa xứ tương ưng với Bát-nhã mà chư Bồ-tát ứng dụng tu chứng được viên mãn công đức. Đức Phật chỉ nghĩa xứ đó là Không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, vô sanh, vô diệt, không có, tịch tịnh, lìa nhiễm, Niết-bàn. Chẳng phải Bát-nhã chỉ có những danh từ đó, phải nhận ra ngay nơi năm uẩn là nghĩa xứ tương ưng với Bát-nhã. Tất cả pháp đều là chân như, chân như tức là tất cả pháp, hai cái không rời nhau.

**Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Thế Tôn! Phương tiện rất đặc biệt vi diệu ngăn dẹp các sắc hiển bày Niết-bàn, ngăn dẹp thọ tưởng hành thức hiển bày Niết-bàn.**

**Phật bảo:**

**- Thiện Hiện! Đúng thế! Đúng thế! Như lời ông nói. Thiện Hiện nên biết, chư Bồ-tát ma-ha-tát nên đối với nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế suy xét kỹ càng, nên nghĩ thế này: Ta nay nên như lời dạy Bát-nhã ba-la-mật-đa mà học. Ta nay nên như Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm đã nói mà học.**

**Thiện Hiện nên biết, nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay đối nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế suy xét kỹ càng, như lời dạy Bát-nhã ba-la-mật-đa mà trụ, như lời dạy Bát-nhã ba-la-mật-đa mà học. Bồ-tát ma-ha-tát này do y Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế suy xét kỹ càng, tinh tấn tu học cho đến một ngày, được**

**phước vô lượng vô biên. Như người nhiều tham dục lại hay xét nét, cùng người nữ đẹp hẹn giờ gặp gỡ. Người nữ kia bị việc trở ngại không thể đến được, người này bị dục tâm thiêu đốt liên tục. Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Người này dục tâm do chỗ nào khởi?**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Thế Tôn! Người này dục tâm do người nữ khởi động. Nghĩa là họ nghĩ thế này: Sao người đẹp không đến cùng ta vui vẻ khoái lạc?**

**Phật bảo:**

**- Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Người kia trông không được một ngày một đêm chừng bao nhiêu niệm dục sanh?**

**Thiện Hiện Thưa:**

**- Bạch Thế Tôn! Người này một ngày một đêm dục niệm rất nhiều.**

**Phật bảo:**

**- Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát y Bát-nhã ba-la-mật-đa suy xét kỹ càng, tinh tấn tu học, cho đến một ngày, sẽ vượt khỏi kiếp số sanh tử lưu chuyển, cùng đồng số niệm khởi dục của người tham dục kia chờ đợi người đẹp một ngày một đêm.**

Đây nói về người biết học, biết trụ Bát-nhã, y theo đó tu hành thì công đức hơn tất cả những người làm công đức khác. Tôi đi từ từ theo ý của đoạn kinh này. Trước tiên, chủ yếu phải trụ, phải học Bát-nhã, nhờ *y theo Bát-nhã mà trụ, mà học, tinh tấn tu hành* nên được phước đức vô lượng vô biên.

Phật dùng thí dụ người nhiều tham dục hẹn hò với cô gái đẹp. Khi người kia không tới, trong một ngày một đêm tâm niệm của người này sanh khởi bao nhiêu dục? Không nói đến tham dục, giả sử người thân của mình đi đâu mà hẹn ngày đó về, đúng ngày hẹn không về, mình ngồi nhà trông một ngày một đêm, khởi niệm nghĩ về người đó, chuyện này chuyện nọ, chừng bao nhiêu lần? Nhiều lắm. Như vậy để thấy rằng niệm khởi không biết bao nhiêu mà tính. Phật kết luận, nếu người y theo Bát-nhã tu hành tinh tấn chỉ trong một ngày, sẽ tiêu diệt kiếp số sanh tử lưu chuyển đồng như số niệm khởi của người tham dục kia. Diệu dụng biết dường nào!

Chỉ một ngày thôi, một ngày đối với chúng ta không phải là nhiều, từ sớm cho tới chiều y theo nghĩa xứ tương ưng Bát-nhã, trụ trong đó tu học nghiền ngẫm, sẽ

vượt qua kiếp số sanh diệt nhiều hơn số niệm khởi của anh chàng trông đợi người đẹp kia. Hôm nào mấy chú thử làm trọn một ngày, đừng có niệm thứ hai nào chen vô hết. Toàn là niệm Bát-nhã, không phải niệm kinh, mà nhìn tất cả pháp cái gì cũng thấy là Không, vô tướng, vô nguyện, vô tác... Niết-bàn. Thấy thấu đáo tột cùng không chút nghi ngờ, lúc đó tâm lóng lặng, tự nhiên những vọng niệm lăng xăng như kiếp số sanh tử tiêu diệt. Đó gọi là siêng tu học Bát-nhã, *vượt khỏi kiếp số* nhiều hơn niệm khởi của người tham dục.

**Thiện Hiện nên biết, Bồ-tát ma-ha-tát này nương theo Bát-nhã ba-la-mật-đa suy xét kỹ càng, tinh tấn tu học, hay giải thoát tất cả lỗi lầm ngăn ngại Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thế nên, Bồ-tát ma-ha-tát y Bát-nhã ba-la-mật-đa suy xét kỹ càng, tinh tấn**

**tu học, chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.**

Bồ-tát nương Bát-nhã tinh tấn tu học hay giải thoát tất cả lỗi lầm làm ngăn ngại Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì tất cả lỗi lầm đều từ si mê, tu học Bát-nhã hay phá dẹp si mê, không còn vọng chấp lỗi lầm.

**Thiện Hiện nên biết, nếu Bồ-tát ma-ha-tát y Bát-nhã ba-la-mật-đa suy xét kỹ càng, siêng năng tu học trải một ngày một đêm, được công đức hơn chư Bồ-tát lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa trải số kiếp như cát sông Hằng, hành bố thí công đức vô lượng vô biên.**

Đoạn trên nói tu Bát-nhã một ngày mười hai tiếng đồng hồ, đây nói tu Bát-nhã một ngày một đêm hai mươi bốn tiếng. So sánh công đức bố thí vô lượng vô biên trải qua số kiếp như cát sông Hằng, không

bằng người y theo Bát-nhã một ngày một đêm tinh tấn tu hành. Đoạn thí dụ này thời gian còn rút ngắn hơn nữa. Bố thí trải nhiều đời như thế thì công đức bao nhiêu? Bây giờ chỉ cần một ngày một đêm tu Bát-nhã, công đức còn hơn công đức đó nữa. Bố thí có giới hạn còn khó làm trọn đời, huống nữa là bố thí trải qua số kiếp như cát sông Hằng, vậy mà công đức không bằng người một ngày một đêm thực hành Bát-nhã không lay chuyển, không bị xen tạp. Chúng ta hy sinh một ngày một đêm cũng dễ, như mấy chú nhỏ ca nhạc kịch thức một đêm cũng được. Tu như vậy so sánh với người lìa Bát-nhã bố thí, công đức hơn rất nhiều. Vì sao? Chú ý chỗ quan trọng là một bên y Bát-nhã tu, một bên lìa Bát-nhã thực hành bố thí. Hơn kém nhau vì có Bát-nhã hay không có Bát-nhã.

**Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát y Bát-nhã ba-la-mật-đa suy xét kỹ càng, siêng năng tu học trải qua một ngày một đêm, chỗ được công đức hơn chư Bồ-tát ma-ha-tát lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa trải số kiếp như cát sông Hằng lấy đồ cúng dường những vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai, công đức bố thí vô lượng vô biên.**

Chúng ta được vinh hạnh cúng dường những vị thánh như Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Phật, đã là một việc hy hữu, ở đây nói chỉ cần tu Bát-nhã một ngày một đêm còn hơn công đức cúng dường kia.

Nên nhớ cúng dường như vậy mà lìa Bát-nhã chứ không phải y Bát-nhã. Đoạn trước là so sánh công đức bố thí ở thế gian,

đoạn này so sánh công đức bố thí cho bậc thánh, số kiếp nhiều như cát sông Hằng, cũng không bì được tu Bát-nhã một ngày một đêm.

**Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát y Bát-nhã ba-la-mật-đa mà trụ, trải một ngày một đêm siêng năng tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát-nhã, chỗ được công đức hơn chư Bồ-tát ma-ha-tát lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa trải số đại kiếp như cát sông Hằng, siêng năng tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát-nhã được công đức vô lượng vô biên.**

**Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát y Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói mà trụ, trải một ngày một đêm lấy pháp vi diệu thí các hữu tình, chỗ**

**được công đức hơn chư Bồ-tát ma-ha-tát lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa trải số đại kiếp như cát sông Hằng lấy pháp vi diệu thí các hữu tình được công đức vô lượng vô biên.**

Tu lục độ tương ưng với Bát-nhã và tu lục độ lìa Bát-nhã, hai việc đó hành động như nhau, nhưng kết quả khác nhau. Một bên chỉ tu *một ngày một đêm*, công đức vượt hơn bên trải qua *số đại kiếp như cát sông Hằng*. Nếu học đạo mà không khéo nhận định thì đời tu của mình tốn công mà kết quả không có bao nhiêu. Bởi vì y Bát-nhã mà tu, bất cứ tu pháp nào cũng đi tới chỗ cứu cánh Niết-bàn, còn tất cả pháp tu nào lìa Bát-nhã cũng đều nằm trong sanh tử. Còn nằm trong sanh tử thì chừng nào ra khỏi? Đến Niết-bàn tất nhiên là thoát ly sanh tử bao nhiêu kiếp rồi.

Dùng những thí dụ này để thấy hiệu nghiệm của Bát-nhã cao sâu vượt các pháp tu bình thường. Thí dụ một người đêm nào cũng sám hối một muôn lạy tức một vạn Phật, và một người ngồi rất là bình tĩnh, thấy các pháp duyên hợp như huyễn. Nhận xét công phu hai người đó ai nặng nhọc? Người lạy Phật toát mồ hôi, nếu một vạn lạy thì rủn chân khuỵu gối, công phu hết sức nhiều, đôi khi vẫn còn phiền não. Còn người kia ngồi nhìn sự vật, nhìn thấy các pháp như huyễn, rồi cười thôi, nhẹ nhàng làm sao! Rõ ràng tác dụng ở trí tuệ thấy không có gì thật, không chấp cái gì để sanh phiền não. Đó là chỗ tôi nói hết sức gần. Lạy Phật mà không quán chiếu chỉ có phước chứ trí tuệ không tăng trưởng.

Đạo Phật là đạo giác ngộ, có giác ngộ mới giải thoát; không tăng trưởng trí tuệ

làm sao giác ngộ. Nỗ lực dồn tâm trí quán chiếu, đó là trí tuệ sáng suốt. Trí tuệ sáng suốt là bước tiến vào chỗ giác ngộ, chúng ta từ từ dẹp sạch phiền não. Lạy sám hối trọn đời, phước nhiều như quả núi mà hưởng hết rồi cũng bị đọa, không đưa đến giải thoát. Như vậy mới thấy hiệu nghiệm riêng của mỗi lối tu. Nếu học Phật không hiểu được cội gốc đó, thấy ai nhọc sức dụng công mình phục, lạy một vạn lạy mình làm sao nổi! Phục cái công nhưng biết đó không phải mở sáng trí tuệ, trí tuệ không mở sáng thì không bao giờ có giải thoát.

Như một người làm ăn cần kiệm, chắt mót từng đồng từng cắc, trở thành giàu to; còn một người thì chăm chỉ học hành cho trí tuệ mở mang thông suốt. Hai người này, người làm ăn ra tiền giữ tiền cực khổ biết mấy, còn người học kia thấy nhàn hơn. Thời gian của người ăn học bằng thời gian

người lập nghiệp, tuy không có tiền của, nhưng khi thành tài biết ứng dụng tạo sự nghiệp. Người chỉ lo làm không mở mang tri thức, tiền của không chắc chắn giữ được, khó nhọc rất nhiều. Còn người có vốn liếng học hành không ai cướp được của họ. Một bên nuôi dưỡng trí tuệ để thành tài, một bên tạo vật chất để thành sự nghiệp, hai bên đều thành công hết. Nhưng khi được rồi, một bên mất, một bên không mất, cùng trong một đời. Đó là nói chuyện thế gian.

Nếu chúng ta tu bằng trí tuệ, hướng đến con đường giác ngộ thì giải thoát bền lâu, còn chỉ dồn công để tu các hạnh lành thì được phước đức, nhưng phước không có trí thì chẳng bền lâu. Sự khác biệt hai bên rõ ràng. Phật so sánh để thấy rõ, nếu lìa Bát-nhã mà tu học thì dù dụng công tới

đâu cũng chỉ được phước báo, không được giải thoát.

**Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát y Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói mà trụ, trải một ngày một đêm tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần và các thiện căn khác, chỗ được công đức hơn chư Bồ-tát ma-ha-tát lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa trải số đại kiếp như cát sông Hằng, tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần và các căn lành khác được công đức vô lượng vô biên.**

Nếu có người một ngày một đêm y theo Bát-nhã *tu tập ba mươi bảy phẩm Bồ-đề và các thiện căn khác,* công đức còn hơn người lìa Bát-nhã mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo trải qua số kiếp như cát sông Hằng. Ở đây nói chung các pháp tu của hàng Thanh văn, Bồ-tát, nếu cộng với

Bát-nhã, chỉ một ngày một đêm, công đức hơn các pháp tu không có Bát-nhã trải qua số đại kiếp như cát sông Hằng.

Chỗ đức Phật nói, mới nghe thấy quá sức tưởng tượng. Hồi xưa giảng kinh Kim Cang, tôi có dùng thí dụ như sáng sớm mặt trời lên, sương còn đọng trên lá cây, có ánh nắng rọi qua lóng lánh như những hạt kim cương. Đem cả trăm ngàn muôn ức hạt kim cương trong lá cây đổi lấy một hạt kim cương thật, chúng ta chịu đổi không? Mới nhìn thấy cũng lóng lánh giống nhau, nhưng mà bao nhiêu đem đổi cũng không đổi hết. Cũng vậy, đem bao nhiêu công đức sanh diệt đổi với công đức giác ngộ giải thoát đều không bì kịp. Phật dùng những thí dụ rõ ràng để chúng ta thấy tu chân thật bằng trí tuệ và tu không có trí tuệ khác nhau như thế.

**Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát y Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói mà trụ, trải một ngày một đêm tu hành các thứ tài thí pháp thí, ở chỗ vắng vẻ buộc niệm suy xét trước tu hành các thứ phước nghiệp, cùng các hữu tình bình đẳng đồng có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, chỗ được công đức hơn chư Bồ-tát ma-ha-tát lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa trải số đại kiếp như cát sông Hằng tu hành các thứ tài thí pháp thí, ở chỗ vắng vẻ buộc niệm suy xét trước tu hành các thứ phước nghiệp, cùng các hữu tình bình đẳng đồng có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề được công đức vô lượng vô biên.**

Đây nói về *công đức hồi hướng*. Bồ-tát tu các phước lành, y theo Bát-nhã mà trụ

một ngày một đêm, đem công đức tu của mình hồi hướng cho chúng sanh, hơn hẳn người tu hạnh đó vô số kiếp hồi hướng như vậy mà ly Bát-nhã.

**Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát y Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói mà trụ, trải qua một ngày đêm duyên khắp ba đời chư Phật Thế Tôn và các đệ tử có những công đức thiện căn, hòa hợp xứng lượng hiện tiền tùy hỷ, cùng các hữu tình bình đẳng đồng có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, chỗ được công đức hơn chư Bồ-tát ma-ha-tát lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa trải số đại kiếp như cát sông Hằng khắp duyên ba đời chư Phật Thế Tôn và các đệ tử có những công đức thiện căn, hòa hợp xứng lượng hiện tiền tùy hỷ, cùng các hữu tình đồng có, hồi**

**hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề được công đức vô lượng vô biên.**

Đoạn trước nói hồi hướng công tu của mình, bây giờ hồi hướng khắp hết ba đời chư Phật, các ngài có bao nhiêu công đức mình đều phát tâm tùy hỷ tán thán, và tất cả đệ tử Phật có bao nhiêu công đức cũng tùy hỷ tán thán, hồi hướng công đức tùy hỷ tán thán đó cùng các hữu tình đồng có với mình. Hồi hướng như vậy trong một ngày một đêm ứng hợp với Bát-nhã hơn hẳn những người tu như vậy hồi hướng như vậy trong vô số kiếp mà lìa Bát-nhã.

Ở đây chúng ta tu rất đơn sơ, tối tụng Bát-nhã có ba biến, thì công đức hồi hướng của ba biến Bát-nhã sánh với công đức những người tụng nhiều bộ kinh có nhằm vào đâu? Nhưng khi tụng như vậy khế hợp với Bát-nhã, thời gian nửa giờ cũng bằng mấy tiếng đồng hồ của người ta.

Nếu không khế hợp thì không hơn người bao nhiêu. Tụng Bát-nhã mà không khế hợp với Bát-nhã nghĩa là sao? Tụng Bát-nhã mà niệm khởi liên miên, thấy các pháp đều thật có, ngã thật, pháp thật, người thật, tụng hay thật, tụng giỏi thật, đánh mõ đều thật, đánh mõ hay thật v.v... tất cả đều thấy thật, như vậy công đức nhiều ít? Nếu tụng Bát-nhã chỉ cứ tụng, trí quán thấy ngũ uẩn giai không, trong nửa tiếng đồng hồ công đức không biết bao nhiêu. Nên ráng ứng dụng tu hành làm ít mà ích lợi nhiều; nếu cứ chạy theo hình thức, làm nhiều mà kết quả không bao nhiêu.

Chúng ta phải biết cách tu chân thật khác với cách tu chưa chân thật. Tôi thí dụ như mấy chú ở trong phòng nói chuyện ồn, tôi bước đến, người nào thấy tôi trước liền im, người đó có chân thật không? Im

lặng là vì có người lớn tới, nếu người lớn ra rồi thì ồn trở lại.

Như vậy được tịch tịnh khi có người lớn, không có người lớn thì không tịch tịnh. Ngồi thiền cũng vậy, khi có người thì ngồi chăm chăm, khi không có người thì gục lên gục xuống. Đó là tu trên hình tướng để thiên hạ thấy cho vui thôi chứ không thật. Nên ráng thật tu, dù tôi không có mặt mấy chú cũng như vậy, cũng vẫn tịch tịnh, vẫn ngôn ngữ nhẹ nhàng êm ái, vậy đó là hay. Còn đợi thấy tôi mới nhẹ nhàng êm ái thì muộn quá!

**Thiện Hiện lại bạch Phật:**

**- Như Thế Tôn nói: "Các hạnh đều do phân biệt mà có, từ vọng tưởng sanh, trọn không thật có." Bởi nhân duyên gì chư Bồ-tát này được công đức vô lượng vô biên?**

Ngài Thiện Hiện bạch Phật, Thế Tôn nói các hạnh đều do phân biệt mà có, từ vọng tưởng sanh trọn không thật có. Các hạnh là không thật, tại sao Phật nói được công đức vô lượng vô biên? Như vậy là Phật xác nhận công đức thật có? Đó là ý vấn nạn cho rõ vấn đề.

**Phật bảo:**

**- Thiện Hiện! Đúng thế, đúng thế, như lời ông nói. Song chư Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm cũng nói các hạnh do phân biệt làm ra, không, vô sở hữu, hư dối chẳng thật. Vì sao? Vì chư Bồ-tát này khéo học nơi không cho đến vô tánh tự tánh không, đã quán sát các hạnh thảy đều do phân biệt mà có, không, chẳng thật có, hư vọng không thật.**

**Bồ-tát hằng như như quán sát các hạnh đều do phân biệt mà có, không, chẳng thật có, hư vọng không thật, như thế, như thế, bèn không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa; như như không lìa Bát-nhã ba-la- mật-đa, như thế, như thế, được công đức vô lượng vô biên.**

Những chữ này dùng rất chính xác nhưng rắc rối. Đầu tiên Phật xác nhận Thiện Hiện vấn nạn rất đúng. Các Bồ-tát khi tu Bát-nhã cũng thấy như vậy, thấy là các hạnh do phân biệt mà có, đều không, chẳng thật có. Vì các ngài khéo quán nội không, là chỉ cái không bên trong của năm uẩn, sáu căn, còn ngoại không là cái không của sáu trần. Năm uẩn không cố định, sáu trần không cố định, cả năm uẩn và sáu trần trong và ngoài đều không cố định. Cho đến các pháp không tự tánh tức là không một pháp nào cố định. Thấy rõ

ràng như vậy, mới biết tất cả đều do phân biệt mà có.

Thí dụ chúng ta gọi đây là đồng hồ, đây là cái khăn, sự thật trên lý không cố định thì không có cái gì là đồng hồ, gì là cái khăn. Mọi sự vật do vọng tưởng phân biệt đặt tên. Chính cái làm thành sự vật đã không thật thì cái tên có thật không? Xét kỹ mọi vật, trăm ngàn thứ tên đều do mình phân biệt mà đặt ra. Khi đặt tên rồi cho mỗi cái tên là thật, nếu dùng trí Bát-nhã mà nhìn thì thấy tất cả là giả danh, tất cả đều duyên hợp hư dối. Đó là cái nhìn chung tất cả thấu đáo tận gốc nguồn. Chúng ta tranh cãi với nhau chỉ trên vọng tưởng phân biệt. Mà đã là vọng tưởng phân biệt thì cãi làm chi? Ngôn ngữ đặt ra tùy địa phương tùy vùng, tạm đặt với nhau không có gì là thật. Buổi đầu con người do ông bà cha mẹ tập quen một thứ

tiếng, trở thành ngôn ngữ đặt ra cho mỗi vật. Mỗi người kêu mỗi cách, phải hiểu nhau tiếng đó là cái này, tiếng kia cũng là cái này, một sự vật có cả trăm ngàn thứ tiếng để gọi, không có cái gì là thật, do vọng tưởng phân biệt đặt ra thôi. Giả sử mấy chú học sinh ngữ, học hết tiếng của thế gian, chừng bao nhiêu năm cho xong? Cả đời cũng không hết, dù học được một ngàn thứ tiếng cũng là vọng tưởng chơi thôi. Chỗ chân thật là thấu tột nguồn gốc của các thứ tiếng do vọng tưởng phân biệt đặt ra.

Phật biết tất cả là biết bản chất của mọi sự vật không thật. Như tôi nói tôi biết tâm mấy chú, tất cả tâm dấy lên đều là vọng tưởng. Nghĩ thiện nghĩ ác chỉ là một lớp giả ở trên, bản chất của nó không thật. Người tu thấy tột bản chất của sự vật nên không chấp giả danh giả tướng, trên danh

tướng không chấp là cơ hội để tiến tới chỗ chân thật. Chúng ta chấp danh tướng nên cả ngày sống trong điên đảo sanh diệt. Nhìn thấy người này đẹp, người kia xấu, rồi đặt ra tướng này sống dai, tướng kia chết yểu, tướng này có cái này hay, tướng kia có cái nọ dở. Cứ nhìn theo giả tướng mà khen chê chuyện này sang chuyện khác, rối rắm thêm rối rắm. Phải thấy rõ đó chỉ là ngũ uẩn hư dối, thân nào cũng vậy, dù tướng đẹp, xấu cũng là ngũ uẩn duyên hợp, không có gì khác. Biết như vậy thì mọi phân biệt giảm, phân biệt giảm thì tình thương ghét giảm. Như vậy dễ tu hay khó?

Ở đây Phật dạy tất cả các hạnh đều do phân biệt mà có, không tự tánh, không có thật. *Bồ-tát hằng như như quán sát các hạnh đều do phân biệt mà có, không, chẳng thật có, hư vọng không thật.* Quán

sát tức là động, là biến dời tại sao nói như như? Như như nghĩa là nhìn sự vật muôn hình vạn trạng bằng trí tuệ bất biến, thấy tất cả pháp không tự tánh. Khi thấy một trăm vật, vật nào cũng duyên hợp hư dối, lúc đó có phân biệt gì không? Thấy như nhau đâu có khác gì nên nói như như. Như như không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu ứng dụng đúng tinh thần Bát-nhã thấy mọi vật đều là như như, vật nào cũng đều như thế. Nhìn trăm ngàn muôn thứ mà tâm không xao xuyến, không loạn động. Chỗ không xao xuyến không loạn động gọi là công đức vô lượng vô biên. Còn nhìn mọi vật trên giả tướng chấp trước phân biệt hơn thua, lúc đó tạo ra nghiệp sai biệt, không có công đức.

**Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:**

**- Vô lượng vô biên có sai biệt gì?**

**Phật dạy:**

**- Nói vô lượng ấy là đối chỗ này lượng nó dứt hẳn. Nói vô biên ấy là đối trong đây đếm chẳng thể hết.**

Đo không được, đếm không hết nên gọi là vô lượng vô biên. Vô lượng là chỉ cho thể đo lường không được, vô biên là chỉ cho số không biết bao nhiêu mà kể.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Vả có nhân duyên gì sắc nói vô lượng vô biên, thọ tưởng hành thức cũng nói vô lượng vô biên?**

**Phật dạy:**

**- Có nhân duyên nên sắc nói vô lượng vô biên, thọ tưởng hành thức cũng nói vô lượng vô biên.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Do nhân duyên gì nên sắc nói vô lượng vô biên, thọ tưởng hành thức cũng nói vô lượng vô biên?**

**Phật dạy:**

**- Vì sắc tánh không, nên nói vô lượng vô biên. Thọ tưởng hành thức tánh không, nên nói là vô lượng vô biên.**

Đoạn này phân tích để thấy rõ tính chất của năm uẩn vô lượng vô biên. Vì sao có thể nói như thế? *Vì sắc tánh không, nên nói vô lượng vô biên. Thọ tưởng hành thức tánh không, nên nói vô lượng vô biên.* Chúng ta tu được công đức vô lượng vô biên là vì thấy bản thân năm uẩn vô lượng vô biên. Nếu sự vật có tánh cố định thì không vô lượng vô biên vì có thể đếm được, đo được. Tất cả sự vật không có thể cố định, lấy gì mà đo lường? Năm uẩn cho đến các

pháp vô lượng vô biên là như vậy. Công đức lạy Phật muôn lạy thì công đức đo lường được là một muôn lạy công đức. Trí tuệ hằng quán vô biên không ngằn mé, nên công đức không tính đếm được.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Vì chỉ sắc thọ tưởng hành thức là không, hay tất cả pháp cũng đều không?**

**Phật bảo:**

**- Ta trước đâu chẳng nói tất cả các pháp đều không?**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Phật tuy thường nói các pháp đều không, mà các hữu tình không thể thấy biết giác, nên nay con lại hỏi.**

Phật tuy nói các pháp đều không nhưng các chúng sanh không thấy, không

biết, không giác, nên con phải hỏi. Nếu thấy, biết, giác thì ngang đây không còn cãi, ai nói gì cũng cười vui cả ngày. Có gì thật, có gì cố định để bám? Cũng như những đám mây trên trời khi tụ khi tan, khi có hình vật này khi có hình vật nọ... Đổi tới đổi lui, khi đẹp khi xấu, khi xanh khi trắng... Thấy mây như vậy chúng ta có hồi hộp, có buồn vui theo nó hay không? Không. Nó không dính gì với mình nên hợp tan không bận lòng. Nếu thấy cuộc đời như vậy thì có gì phải trách móc phiền giận người này người kia. Công dụng của Bát-nhã là phá tan cố chấp. Thấy đúng như thật không có gì cố định, sanh không thật, diệt không thật thì chấp cái gì? Hiểu như vậy thì phước đức vô lượng vô biên.

**Phật dạy:**

**- Chẳng những sắc thọ tưởng hành thức là không, mà ta nói các pháp thảy đều không.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Vô lượng vô biên là tăng ngữ cho cái gì?**

**Phật dạy:**

**- Vô lượng vô biên là tăng ngữ cho Không, vô tướng, vô nguyện.**

Tăng ngữ là lời thêm lên. *Vô lượng vô biên là tăng ngữ cho Không, vô tướng, vô nguyện.* Nguyên từ Không, vô tướng, vô nguyện mà nói thêm lên là vô lượng là vô biên, đó là tăng ngữ.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Vô lượng vô biên chỉ là Không, vô tướng, vô nguyện hay lại có nghĩa nào khác?**

**Phật dạy:**

**- Ý ông nghĩ sao? Ta đâu chẳng nói tất cả pháp môn thảy đều là không?**

Không riêng vô tướng, vô nguyện là vô lượng vô biên, mà tất cả pháp đều như vậy.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Như Lai thường nói tất cả pháp môn thảy đều là không.**

**Phật dạy:**

**- Không tức là vô tận, không tức là vô lượng, không tức là vô biên, không tức là các nghĩa khác.**

*Không tức là vô tận, không tức là vô lượng, không tức là vô biên, không tức là các nghĩa khác.* Chính vì các pháp không có tự tánh, nên các pháp là không, đã là không thì không có giới hạn để đo lường, cho nên nói là vô lượng, đã là không thì còn số nào để xác định nên nói là vô biên, chẳng những như vậy, không lại còn bao gồm tất cả nghĩa khác.

**Thế nên, Thiện Hiện! Tất cả pháp môn tuy có các thứ ngôn thuyết sai biệt mà nghĩa không khác.**

**Thiện Hiện nên biết, các pháp về lý không, đều không thể nói. Như Lai phương tiện nói là vô tận, nói vô lượng, nói vô biên, nói là không, nói vô tướng, nói vô nguyện, nói vô tác, nói vô sanh, vô diệt, nói phi hữu, nói tịch tịnh, nói ly nhiễm, nói Niết-bàn.**

Nói tất cả tên nhưng đều nằm trong *lý không*, lý không thì tất cả pháp đều không có cố định.

**Các thứ nói như thế, pháp môn vô lượng mà nghĩa thật không khác, đều là Như Lai Ứng Chánh đẳng giác vì các hữu tình phương tiện diễn nói.**

Tất cả lời nói đều là phương tiện. Như nói vô nguyện, vô tác, thật ra không có người thật thì nguyện cũng không thật, tác cũng không thật, nói vô tác được rồi cần gì nói vô nguyện? Nhưng có nhiều mặt, về mặt ước mơ thì nói vô nguyện, về mặt tạo tác thì nói vô tác, chia chẻ từng mặt cho rõ.

**Thiện Hiện lại bạch Phật:**

**- Thế Tôn rất kỳ lạ, phương tiện khéo léo, thật tánh các pháp không thể tuyên thuyết mà vì hữu tình**

**phương tiện hiển bày. Như con hiểu nghĩa Phật nói, thật tánh các pháp đều không thể nói.**

Tánh thật của các pháp không thể nói. Tại sao? Vì thật tánh các pháp không lập danh tướng, khi có nói năng là lập danh tướng không phải thật tánh. Nếu nói cái này là duyên hợp không cố định thì có thành pháp gì không? Nhưng khi nói đây là đồng hồ, đây là cái khăn thì thành pháp. Đồng hồ, cái khăn có công dụng riêng của nó. Lập thành pháp mới nói được, không có tính cách cố định thì nói sao đây? Như vậy để thấy rằng trên thật tánh thì không có nói năng, có gọi có nói là trên giả tướng giả danh gượng nói để hiểu vậy thôi.

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Đúng thế, đúng thế, thật tánh các pháp đều không thể nói. Vì cớ sao?**

**Vì tánh tất cả các pháp đều cứu cánh không, không có người hay tuyên thuyết, nên cứu cánh không.**

*Tất cả các pháp cứu cánh không*, người nói không thật thì nói cái gì? Khi mình là chủ phân biệt khen chê cái này cái kia, đó là chủ phân biệt khách. Bây giờ chủ không thật thì nói cái gì với ai, có gì để nói? Rõ ràng không có người tuyên thuyết nên không có pháp để thuyết. Nên nói rốt ráo không.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Nghĩa không thể nói có tăng giảm chăng?**

**Phật dạy:**

**- Nghĩa không thể nói không tăng không giảm.**

**Thiện Hiện thưa:**

**- Nếu nghĩa không thể nói không tăng không giảm, thì bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không tăng không giảm. Nếu sáu thứ ba-la-mật-đa này cũng không tăng không giảm thì tại sao Bồ-tát ma-ha-tát tu hành bố thí cho đen Bát-nhã ba-la-mật-đa cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, hay gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề?**

Thiện Hiện hỏi lại, đã không tăng không giảm thì không cần cầu, không có chứng. Vì sao có Bồ-tát y Bát-nhã ba-la-mật-đa *cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, hay gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề?* Phật trả lời:

**- Như thế! Như thế! Bố thí v.v... sáu thứ ba-la-mật-đa này không tăng không giảm cũng không thật có. Song**

**chư Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện khéo léo không nghĩ thế này: "Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế có tăng có giảm." Chỉ nghĩ thế này: "Duy có danh tướng gọi là bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa." Bồ-tát ma-ha-tát này khi tu hành bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa tác ý đồng hành, cùng y đó khởi tâm và thiện căn, cùng các hữu tình bình đẳng đồng có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, như Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của Phật vi diệu thậm thâm mà khởi hồi hướng, do hồi hướng phương tiện khéo léo này thế lực tăng thượng hay chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.**

*Tác ý đồng hành* nghĩa là gì? Như chúng ta khởi quán các pháp như huyễn,

đó là tác ý theo tinh thần Bát-nhã. Nếu nghe nói tướng đẹp tướng xấu, mình tác ý khen chê, đó là tác ý nhơ nhiễm. Đồng hành tức là cùng làm, cùng y theo Bát-nhã khởi tâm tu, cùng với hữu tình *hồi hướng đạo Bồ-đề*. Đây là chỗ không tu mà tu, hiểu cho thấu đáo mới thấy cái hay của nó. Các pháp không thật không tăng không giảm, không có gì để tu tiến tới giác ngộ viên mãn.

Trên lý thì như thế, nhưng phương tiện khéo léo, trên giả danh giả tướng tạo các điều kiện, dùng trí tuệ khởi quán là tác ý, thực hành những điều thiện là đồng hành. Nhờ đó hồi hướng tất cả chúng hữu tình đồng được Chánh đẳng Bồ-đề như Bồ-đề của Phật. Đây là *thế lực tăng thượng*, có sức mạnh đưa chúng ta mau đến đạo quả vô thượng.

Nếu thấy tất cả pháp như huyễn rồi ngồi ngó chơi, như vậy là vô tình đi tới chỗ tiêu cực. Phải đạt lý mà không chấp lý, tích cực ở chỗ không tu mà khởi tu, chỗ không làm mà khởi làm. Biết tất cả pháp không thật, ngôn ngữ không thật, nhưng ông A chửi ông B, ông B buồn khóc. Với người tỉnh thì ngôn ngữ là giả tướng không thật, nhưng người kia thấy nó thật nên đau khổ, mình phải khởi tâm lành khuyên ông này đừng chửi cho ông kia bớt buồn. Không phải thấy vậy rồi để mặc ai làm gì làm, thằng nhỏ té là huyễn đỡ làm chi, không thấy gì cần phải làm hết! Tuy là tướng giả, nhưng khi người đang mê thấy là thật thì phải giúp đỡ bằng cách đánh thức họ, là khởi tác ý quán các pháp đồng thời khởi tâm hòa hợp thiện căn, mới có sức mạnh đưa mình tới Bồ-đề. Sức mạnh tác ý thiện căn đồng hành là từ bi,

nhìn đúng lý là trí tuệ, có trí tuệ mà thiếu từ bi thì không thành Phật.

Học Bát-nhã mà không thấy mấy chỗ này, rất dễ bị chấp lầm: Cái gì cũng không, tu chi cho phiền! Nói lý suông rất dễ, nhưng gặp việc cực khổ không làm được, hiểu và làm không theo kịp nhau. Phật khuyến khích chư Bồ-tát quán các pháp không, vô sở hữu nhưng luôn tu tập sáu pháp ba-la-mật, hòa hợp giữa trí quán và thiện căn mới đưa chúng hữu tình đến Niết-bàn. Hiểu như vậy mới thông tinh thần Đại thừa, nếu không hiểu như vậy thì không thong tinh thần Đại thừa.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Sao gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề?**

**Phật dạy:**

**- Chân như các pháp, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.**

Khi sống với thể chân như đó là Vô thượng Bồ-đề. Chúng ta sống với giả tướng giả danh, đó là mê bị nghiệp dẫn trầm luân. Đạt được bản tánh các pháp đó là giác, trở về với lý tánh chân thật không còn bị nghiệp dẫn, tức là như như giải thoát. Mê và giác không hai, trên giả danh giả tướng lầm chấp là mê, thấy thật tánh các pháp không chỗ được là giác.

**Thiện Hiện nên biết, vì chân như các pháp không tăng không giảm, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề cũng không tăng không giảm. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nhiều phần an trụ tác ý tương ưng chân như như thế, thì gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.**

Tại sao phải *tác ý tương ưng với chân như?* Vì chúng ta quên chân như của các pháp nên mê, bây giờ phải khởi quán để thấy rõ, gọi là tác ý tương ưng chân như. Cũng như lâu nay chúng ta tưởng năm uẩn là thật, bây giờ thấy rõ năm uẩn này không thật, đó là khởi tác ý. Công phu tu tập nằm chỗ tác ý ứng dụng tu hành.

**Như thế, Thiện Hiện! Nghĩa không thể nói, tuy không tăng không giảm mà không thối thất chân như tác ý ba-la-mật, tuy không tăng không giảm mà không thối thất Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề là cái sở cầu. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát an trụ tác ý chân như như thế, tu hành bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa liền gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.**

Bát-nhã nói không mà không phải không. Nói *không tăng không giảm mà không thối thất chân như.* Về lý thì ba-la-mật cũng là giả danh, nhưng nếu không ứng dụng Bát-nhã thì không tới Bồ-đề được. Tuy giả danh mà bố thí vẫn làm, trì giới cũng vẫn giữ, không phải nói giả danh rồi bỏ hết. Nhiều khi không biết, đi ra đường không cần ăn mặc trang nghiêm, cho rằng tu Bát-nhã là phá tướng, mấy thầy ăn mặc trang nghiêm là chấp tướng, như vậy không đúng. Trí tuệ thấy tột cùng mà hình thức vẫn thuận hợp với ba-la-mật, đó mới gọi là tu Bát-nhã.

Bát-nhã ba-la-mật-đa không dùng trí tuệ ứng dụng thì không đi đến đâu. Nội dung phẩm này nói về các pháp không tướng, không tướng là chân như. Người thực hành Bát-nhã đạt đến chân như không tướng là đạt đến Vô thượng Chánh

đẳng Bồ-đề. Muốn đạt được thì phải tác ý quán chiếu Bát-nhã, đồng thời thực hành lục độ ba-la-mật, mới tới chỗ viên mãn Bồ-đề.

# PHẨM KIÊN CỐ

Kiên cố là bền chắc, cứng rắn không gì phá vỡ được. Đầu tiên ngài Xá-lợi Tử hỏi.

**Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát khi hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa là hành pháp kiên cố hay hành pháp không kiên cố?**

**Thiện Hiện đáp:**

**- Chư Bồ-tát ma-ha-tát khi hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa là hành pháp không kiên cố, chẳng phải hành pháp kiên cố. Vì sao? Tôn giả Xá-lợi Tử! Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm và tất cả pháp cứu cánh đều là tánh không kiên cố. Vì cớ sao? Vì chư Bồ-tát ma-ha-tát khi hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Bát-nhã ba-la-**

**mật-đa và tất cả pháp còn không thấy có pháp không kiên cố có thể được, huống thấy có pháp kiên cố có thể được.**

Tại sao các đại Bồ-tát *khi hành thâm Bát-nhã là hành pháp không kiên cố?* Vì các ngài dùng mắt trí tuệ Bát-nhã thấy các pháp không có tánh kiên cố, bản chất không bền chắc. Tánh các pháp hư giả, thay đổi luôn, Bồ-tát thấy biết chúng không cố định nên tâm không chấp trước, không quyết đoán một bên. Đó gọi là hành pháp không kiên cố, chẳng phải tâm các ngài bị lay chuyển mà gọi là không kiên cố.

Câu trên vừa trả lời dứt khoát như vậy, câu dưới tiếp theo nói, các Bồ-tát đối với pháp Bát-nhã và tất cả pháp *còn không thấy có pháp không kiên cố có thể được, huống thấy có pháp kiên cố có thể*

*được.* Cả kiên cố và không kiên cố đều bác luôn. Tại sao? Nói kiên cố hay không kiên cố là ngôn ngữ đối đãi, mỗi pháp đều không có tướng quyết định, không thể dùng danh tự ngữ ngôn để chấp chặt một bên. Vì thế ngài Thiện Hiện trả lời vừa khẳng định vừa phủ định.

**Lúc đó có vô lượng vị thiên tử ở cõi Dục, cõi Sắc đều khởi nghĩ: Nếu thiện nam tử Bồ-tát thừa hay phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, tuy thực hành nghĩa thú sâu thẳm của Bát-nhã ba-la-mật-đa mà đối với thật tế khéo không tác chứng, không sa vào bậc Thanh văn, Độc giác. Do nhân duyên này, những vị ấy rất là ít có, hay làm việc khó làm, thế nên phải cung kính. Vì cớ sao? Vì các thiện nam tử Bồ-tát thừa này tuy**

**thực hành pháp tánh mà ở trong đó khéo không tác chứng.**

Đây nói các thiện nam thiện nữ theo *Bồ-tát thừa tuy thực hành nghĩa thú Bát-nhã sâu thẳm, nhưng đối với thật tế không tác chứng*, nghĩa là sao? Nghĩa là khi các vị ấy thực hành sâu Bát-nhã đến chỗ đã tỉnh giác, mà không an trụ chỗ tỉnh giác đó, nguyện độ tất cả chúng hữu tình, lăn vô thế gian để cứu chúng sanh. Như vậy gọi là không tác chứng. Những vị tu khi giác ngộ, thấy mình thoát khỏi vòng phàm tục, ngay đó các ngài an trụ rồi tác chứng, vì vậy rơi vào hàng Thanh văn, Độc giác. Các Bồ-tát này thì không như vậy, nên nói *những vị ấy làm việc khó làm, ít có*. Tâm niệm của các thiên tử cõi Dục, cõi Sắc đều khởi nghĩ cung kính đối với các Bồ-tát thực hành Bát-nhã mà không tác chứng.

**Thiện Hiện biết tâm niệm của các thiên tử, bèn bảo rằng:**

**- Các thiện nam tử Bồ-tát thừa này không chứng thật tế, không sa vào bậc Thanh văn, Độc giác, không phải là điều rất ít có, cũng chưa lấy làm khó. Nếu chư Bồ-tát ma-ha-tát biết tất cả pháp và các hữu tình cứu cánh không phải có, đều không thể được, mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, mặc giáp tinh tấn, thệ độ vô lượng vô biên hữu tình khiến vào Vô dư Niết-bàn. Bồ-tát ma-ha-tát này mới rất ít có, hay làm việc khó làm.**

*Ít có, khó làm* tại chỗ nào? Thấy tất cả hữu tình là không thể được, không thật có, mà vẫn phát tâm vô thượng, mặc giáp tinh tấn độ hữu tình vào Vô dư Niết-bàn. Câu này giống câu trong kinh Kim Cang,

*độ tất cả chúng sanh vào Vô dư Niết-bàn mà không thấy có chúng sanh được độ.* Câu hỏi của ngài Tu-bồ-đề trong kinh Kim Cang là phương pháp hàng phục tâm. Phật dạy độ tất cả chúng hữu tình là hữu tình trong tâm, còn ở đây là thấy chúng hữu tình ở ngoài không thật, như huyễn như hóa mà vẫn phát tâm nguyện độ tất cả. Đó là việc rất khó làm.

Ở thế gian, khi làm việc gì mà biết đó là giả dối có ai chịu làm không? Không ai can đảm, vì làm uổng công. Có hai hạng người biết giả dối vẫn làm, một là nghệ sĩ, hai là Bồ-tát. Nghệ sĩ biết tuồng tích không thật nhưng vẫn hăng hái biểu diễn. Bồ-tát biết tất cả chúng sanh duyên hợp hư dối không thật, vẫn xông pha độ tất cả chúng hữu tình. Hai bên khác nhau chỗ nào? Nghệ sĩ biết giả vẫn hăng hái làm vì được trả lương. Sân khấu tuy giả nhưng

đồng lương thì thật. Khi lên sân khấu, được người hoan nghênh thì phấn khởi, bị người chê thì buồn bã, thấy khen chê là thật. Khi ra khỏi sân khấu thấy mình là thật. Bồ-tát không như vậy, biết tất cả chúng sanh không thật, nhưng không phải không có chúng sanh. Biết đời sống chúng sanh tạm bợ ngắn ngủi, các ngài vẫn hăng hái độ sanh, biết giả mà vẫn làm, để mong cầu cái gì? Không vì mình mà chỉ vì lợi lạc tất cả chúng sanh. Chỗ khác nhau giữa Bồ-tát và nghệ sĩ là như vậy. Bồ-tát mặc giáp tinh tấn thệ độ vô lượng chúng sanh, không cầu quyền lợi mà cũng không thấy có mình thật.

Bồ-tát mặc giáp tinh tấn điều phục tất cả hữu tình, chẳng khác nào mặc giáp điều phục hư không. Như có người mặc giáp cầm cung tên chiến đấu với hư không, mình nghĩ người đó là điên. Hư không mà,

đánh với nó làm chi, tốn công vô ích. Các Bồ-tát này có điên không? Có hai điểm chúng ta cần hiểu rõ. Thứ nhất, Bồ-tát dùng trí tuệ thấy chúng hữu tình tạm bợ hư dối, nhưng chúng sanh luôn thấy mình thật, cảnh thật. Vì thấy thật nên luôn luôn khổ đau. Bồ-tát giáo hóa điều phục họ, giúp tỉnh thức hết khổ đau. Thứ hai, biết chúng hữu tình không thật, Bồ-tát vẫn xông pha cứu độ như xông vào hư không. Chúng sanh hư dối, điều phục cũng hư dối, biết vậy vẫn hăng hái làm, vì tất cả việc làm cũng không thật. Đây nói *chư Bồ-tát ma-ha-tát biết tất cả pháp và các hữu tình cứu cánh không phải có, đều không thể được, mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác...* để chỉ rõ ý này.

**Thiên tử nên biết! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tuy biết hữu tình cứu cánh không phải có, trọn không thể được,**

**mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, mặc giáp tinh tấn, vì muốn điều phục các loài hữu tình, như có người vì muốn điều phục hư không. Vì sao? Chư thiên tử! Vì hư không ly nên biết tất cả hữu tình cũng ly, vì hư không không nên biết tất cả hữu tình cũng không, vì hư không không chắc chắn nên biết tất cả hữu tình cũng không chắc chắn, vì hư không không thể có nên biết tất cả hữu tình cũng không thể có, do nhân duyên này... nên Bồ-tát ma-ha-tát ấy mới rất ít có, hay làm việc khó làm.**

Đoạn trên khen ngợi chư Bồ-tát là các bậc ít có ở thế gian, hay làm việc khó làm. Đoạn này nói thí dụ *Bồ-tát điều phục hữu tình như điều phục hư không.* Vì sao? Vì *hư không tánh ly*, hư không luôn lìa bỏ không dính mắc.

Người ta không thể nắm hư không, hữu tình cũng như thế, không có tánh cố định, không thể nắm bắt. *Vì hư không không nên biết tất cả hữu tình cũng không, vì hư không không chắc chắn nên biết tất cả hữu tình cũng không chắc chắn...* Ý nghĩa này xác định rõ ràng việc làm của Bồ tát. Biết hữu tình như hư không, dùng thí dụ điều phục hư không, luôn làm việc cứu độ mà tâm không dính mắc.

**Thiên tử nên biết! Bồ-tát ma-ha-tát này mặc giáp đại nguyện, vì muốn điều phục tất cả hữu tình, mà các hữu tình cứu cánh không phải có, trọn chẳng thể được, như có người mặc giáp chiến đấu với hư không. Thiên tử! Bồ-tát ma-ha-tát này mặc giáp đại nguyện, vì muốn làm lợi ích tất cả hữu tình, mà các hữu tình và giáp đại**

**nguyện cứu cánh chẳng có, đều không thể được. Vì sao? Chư thiên tử! Vì hữu tình ly, nên giáp đại nguyện này cũng ly. Vì hữu tình không, nên giáp đại nguyện cũng không. Vì hữu tình không chắc thật, nên giáp đại nguyện cũng không chắc thật. Vì hữu tình không thể có, nên giáp đại nguyện này cũng không thể có.**

**Thiên tử! Bồ-tát ma-ha-tát này làm việc điều phục và lợi ích các hữu tình cũng không thể được. Vì sao? Chư thiên tử! Vì hữu tình ly, nên việc điều phục, lợi ích cũng ly. Vì hữu tình không, nên việc điều phục, lợi ích cũng không. Vì hữu tình không chắc thật, nên việc điều phục, lợi ích cũng không chắc thật. Vì hữu tình không**

**thể có, nên việc điều phục, lợi ích cũng không thể có.**

**Thiên tử! Chư Bồ-tát ma-ha-tát cũng không thể có. Vì sao? Chư thiên tử! Vì hữu tình ly, nên chư Bồ-tát ma-ha-tát cũng ly. Vì hữu tình không, nên chư Bồ-tát ma-ha-tát cũng không. Vì hữu tình không chắc thật, nên chư Bồ-tát ma-ha-tát cũng không chắc thật. Vì hữu tình không thể có, nên chư Bồ-tát ma-ha-tát cũng không thể có.**

Nối tiếp ý trước, Bồ-tát muốn làm lợi ích hữu tình nên *mặc giáp đại nguyện*. Hữu tình không thật, *giáp đại nguyện cứu cánh chẳng có*. Bồ-tát thấy đối tượng không thật, phương tiện cứu giúp cũng không thật, đó là thấu tột lý Bát-nhã, người và pháp đều không.

*Vì hữu tình ly, nên giáp đại nguyện này cũng ly. Vì hữu tình không, nên giáp đại nguyện cũng không. Vì hữu tình không chắc thật, nên giáp đại nguyện cũng không chắc thật. Vì hữu tình không thể có, nên giáp đại nguyện này cũng không thể có.* Mấy câu này lặp đi lặp lại để nhấn mạnh về tánh không của các pháp. Chúng ta có phải hữu tình không? Phật nói hữu tình duyên hợp như huyễn, tại sao đây nói hữu tình ly? Vì có ly nên mới có hợp, nếu nó nguyên vẹn chắc thật cố định thì không có ly hợp.

Hiện tại mỗi ngày chúng ta ăn uống bồi bổ thân thể, vì bản chất nó là lủng bể không chắc thật nên cứ phải thêm vào, tìm chất này chất kia giữ gìn cho nó đừng tan hoại. Bồi bổ nhưng thân này có còn hoài không? Rốt cùng cũng phải lìa, bản chất nó là ly là tan hoại. Đó là nói hình

thức thô, hình thức tế thì trong từng giây phút các tế bào của chúng ta sanh diệt luôn luôn. Cái này vừa bị loại, phải có tế bào mới khác để thế chỗ. Sanh diệt nhỏ nhiệm không ngừng của tế bào dẫn tới sanh diệt của từng bộ phận, đến sanh diệt của khối thân thể này, chúng luôn luôn tụ rồi tan, ly rồi hợp.

Xét kỹ từng tâm niệm vọng tưởng của chúng ta cũng là ly. Có người nào giữ được một vọng tưởng từ sáng đến chiều không? Nó thay đổi biến thiên từng sát-na. Tình cảm cũng vui buồn không thường, cười đó khóc đó. Bản chất của hữu tình là không chắc thật, nhìn ra hoàn cảnh xã hội cũng không có gì bền chắc. Kinh nói hữu tình là không, là ly, là không chắc thật, điều này rất đúng.

Chỉ vì chúng ta si mê, sống trong vay mượn mà cứ tưởng là thật của mình. Thân

này do đất nước gió lửa tạo thành, nó luôn đòi hỏi tứ đại bên ngoài phải bồi bổ, tứ đại trong thân mới tồn tại. Hơi thở là mượn không khí đem vô rồi trả ra, ăn cơm uống nước là mượn đất, mượn nước, bù đắp cái thân ghẻ đói. Cả ngày làm chuyện mượn trả, nếu êm xuôi thì thấy hạnh phúc, đem vô không trả ra được hay trả ra rồi không mượn vô được đều đau khổ. Khi trả ra hết không mượn lại được thì sao? Chết. Cuộc sống này sống bằng vay mượn, chỉ là trả gần trả xa, trả sớm trả muộn vậy thôi. Vay mượn mà cho là thật của mình, vay mượn tạm bợ mà chấp là bền lâu chắc thật, đó là si mê. Từ si mê sanh tham sân. Nếu rõ gốc ngu si lầm chấp, chúng ta buông bỏ tham sân, nhìn bản thân mình và các pháp bên ngoài đều là tánh ly thì đâu còn gì phiền não đau khổ.

Tinh thần Bát-nhã chỉ cho chúng ta thấy rõ lẽ thật. Hữu tình không thật, giáp đại nguyện cứu giúp hữu tình không thật, điều phục chúng sanh cũng không thật. Bồ-tát có thấy mình thật không? Bồ-tát chỉ là một hữu tình giác ngộ, từ cội gốc giác ngộ căn bản này làm tất cả việc, tinh tấn mặc giáp đại nguyện lăn xả vào cuộc đời như huyễn, như chiến đấu với hư không. Đó mới thật là lợi ích. Danh từ trong kinh thường nói *tam luân không tịch*, thấy chúng sanh hư dối, việc làm lợi ích hư dối, và người làm cũng hư dối. Cả ba đều vắng lặng, thấu suốt triệt để lý Bát-nhã đến chỗ này mới hoàn toàn rốt ráo.

**Chư thiên tử! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói như thế tâm không chìm lặng, cũng không lo buồn, không kinh sợ, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát này**

**hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Chư thiên tử! Vì hữu tình ly, nên biết sắc uẩn cũng ly. Vì hữu tình ly, nên thọ, tưởng, hành, thức uẩn cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết nhãn xứ cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý xứ cũng ly. Vì hữu tình ly, nên sắc xứ cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết nhãn giới cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý giới cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết nhãn thức giới cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý thức giới cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết nhãn xúc làm duyên sanh các thọ cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý, xúc làm duyên sanh các thọ**

**cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết địa giới cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết nhân duyên cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên cũng ly.**

Bồ-tát nghe nói hữu tình không chắc thật, chư Bồ-tát cũng không chắc thật, điều phục lợi ích hữu tình cũng không thật, tâm không lo buồn, không kinh sợ, như vậy mới thật là *hành thâm Bát-nhã*. Tâm Bồ-tát đã kiên cố, thấu rõ các pháp tánh không, nên không bận tâm, không sợ hãi, luôn làm việc lợi ích mà luôn xả ly.

Giải thích tiếp về chữ ly, có thể chia làm ba phần. Phần một nói về các pháp thế gian ly, năm uẩn ly, sáu xứ từ sắc xứ đến pháp xứ ly, sáu giới, sáu thức, sáu thọ cũng đều ly. Đây là quán sát phân tích

từng phần trong thân, cho đến hợp chung lại thập nhị xứ, thập bát giới hoàn toàn lìa, không có gì cố định chắc chắn. Kể cả sáu đại: địa, thủy, hỏa, phong, không, thức cũng mang tính chất ly; các yếu tố nhân duyên để thành lập bản thân và ngoại cảnh đều ly. Luôn nắm chắc tánh ly để không vướng kẹt các pháp thế gian.

**Vì hữu tình ly, nên biết vô minh cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết nội không cho đến vô tánh tự tánh không cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết chân như cho đến bất tư nghì giới cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết khổ thánh đế cho đến đạo thánh đế cũng ly. Vì hữu tình ly,**

**nên biết tứ niệm trụ cho đến bát thánh đạo cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết tứ tĩnh lự, tứ vô lượng, tứ vô sắc định cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết ba môn giải thoát Không, vô tướng, vô nguyện cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết bát giải thoát cho đến thập biến xứ cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa cũng ly.**

Phần hai, nói về các pháp xuất thế, thuộc pháp tu của hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát. Các bậc thánh xa lìa hữu tình thế gian, đạt được chỗ an trụ trong tứ đế, thập nhị nhân duyên, lục ba-la-mật. Các pháp hành thâm sâu này rốt cuộc cũng xa lìa. Để thấy rằng dù còn ở quả vị Thanh văn, Duyên giác hay Bồ-tát cũng phải rời bỏ. Các pháp quán chỉ là

phương tiện như chiếc bè đưa qua sông, không nên ôm giữ.

*Vì hữu tình ly, nên biết nội không cho đến vô tánh tự tánh không cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết chân như cho đến bất tư nghì giới cũng ly.* Còn đặt ra danh từ, dù là danh từ giải thoát cũng phải buông bỏ. Trong đây có tên *tứ tĩnh lự* tức là tứ thiền, tứ vô lượng là tứ vô lượng tâm. *Thập biến xứ* là pháp quán dùng mười đối tượng: địa, thủy, hỏa, phong, không, thức, thanh, huỳnh, xích, bạch làm đề mục. Thí như quán địa đại, thấy địa đại trùm khắp là thành công. Áp dụng một trong mười đề mục này, chuyên chú vào đó, tâm được định trùm khắp nên gọi thập biến xứ. Lối quán này rất công phu, nhưng dù thành tựu cũng phải ly. *Tịnh quán địa,* là pháp quán một cõi Phật thanh tịnh, như quán cõi Cực lạc của Phật A-di-đà, quán cõi

Phật Dược Sư... Tâm luôn ở trong cõi Phật thanh tịnh, chuyên nhất không tạp loạn. *Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa cũng ly.* Dù quán được đến đất Phật cũng ly, còn trụ là còn thấy có thật. *Cực hỷ địa* là sơ Hoan hỷ địa của Bồ tát. Từ đây cho đến địa vị thứ mười là Pháp vân địa cũng xả ly.

**Vì hữu tình ly, nên biết Nhất thiết trí, Đà-la-ni môn, Tam-ma-địa môn cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết ngũ nhãn, lục thông cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp bất cộng của Phật cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết pháp không quên mất, tánh hằng trụ xả cũng ly. Vì hữu tình**

**ly, nên biết Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết tất cả hạnh Bồ-tát ma-ha-tát, Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết Nhất thiết trí trí cũng ly. Vì hữu tình ly, nên biết tất cả pháp cũng ly. Thiên tử nên biết! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi nghe nói tất cả pháp đều ly, tâm kia không kinh sợ, không chìm lặng, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát này đã hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa.**

Phần ba, nói về các kết quả thần thông, tam-muội của chư Phật, chư Bồ-tát như Nhất thiết trí, *Đà-la-ni* môn tức môn Tổng trì, *Tam-ma-địa* là chánh

định... cũng đều ly. *Vì hữu tình ly, nên biết mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp bất cộng của Phật cũng ly.* Đi dần từ pháp phàm phu cho đến pháp của thánh nhân, không một pháp nào có thể được. *Ngay cả ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp cũng ly*. Kinh Kim Cang nói, nếu còn dùng hình sắc hay âm thanh cầu Phật, cũng là hành tà đạo.

Thiền sư Thiệu Tu (Tu Sơn Chủ) có câu:

*Đầy đủ pháp phàm phu, phàm phu chẳng biết;*

*Đầy đủ pháp thánh nhân, thánh nhân chẳng hay.*

*Thánh nhân nếu hội tức là phàm phu.*

*Phàm phu nếu biết tức là thánh nhân.*

Chỗ này cũng một ý với đoạn kinh trên. Tất cả pháp từ phàm phu đến thánh

đều không có một pháp thật, chỉ mượn phương tiện ngôn ngữ diễn tả có năm uẩn, sáu giới... có quả vị Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Phật. Phàm phu không thật là phàm phu, hiền thánh không thật là hiền thánh. Phàm phu nếu biết tu, biết xả ly liền là hiền thánh. Ngược lại, hiền thánh còn chấp pháp hiền thánh, tức là phàm phu. Học Bát-nhã cốt phá chấp, gỡ sạch những vướng kẹt trên đường tu chứng. Ngài Thiện Hiện dẫn dắt chúng ta lìa bỏ từ thấp lên cao đến cuối cùng lìa bỏ rốt ráo. *Vì hữu tình ly, nên biết tất cả hạnh Bồ-tát ma-ha-tát, Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật cũng ly.*

Biết rõ từ phàm phu đến thánh không có một pháp thật mà tâm không kinh sợ, nên biết người đó *hành thâm Bát-nhã.* Chúng ta tu là để cầu thành Phật, nghe nói Phật không thật thì không sợ sao được?

Cầu pháp để tu mà nói pháp tứ đế, thập nhị nhân duyên đều không thật thì không sợ sao được? Lục độ cũng là pháp quan trọng của Bồ-tát mà cũng không thật thì sao? Chỗ đâu mà tu, chỗ đâu mà chứng? Nếu không hiểu sâu Bát-nhã thì phải sợ. nếu hiểu sâu Bát-nhã thì không sợ.

**Thế Tôn bảo Thiện Hiện:**

**- Do nhân duyên gì chư Bồ-tát ma-ha-tát khi nghe nói tất cả pháp đều ly, tâm không kinh sợ, không chìm lặng?**

**Cụ Thọ Thiện Hiện bạch:**

**- Thế Tôn! Do tất cả pháp đều viễn ly nên chư Bồ-tát ma-ha-tát khi nghe nói tất cả pháp đều ly, tâm không kinh sợ không chìm lặng. Vì cớ sao? Vì chư Bồ-tát ma-ha-tát đối tất cả pháp hoặc hay kinh sợ, hoặc bị kinh sợ, hoặc chỗ kinh sợ, hoặc thời gian**

**kinh sợ, hoặc người kinh sợ, do những kinh sợ này, đều không thể được, vì tất cả pháp đều không thể được. Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói việc này tâm không kinh sợ, không lo buồn, không chìm lặng, nên biết Bồ-tát ma-ha-tát này đã hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát này quán tất cả pháp đều không thể được, không thể thi thiết là hay chìm lặng là bị chìm lặng, là chỗ chìm lặng, là thời gian chìm lặng, là người chìm lặng, lý do chìm lặng, do nhân duyên này nên Bồ-tát ma-ha-tát nghe việc như thế tâm không chìm lặng, cũng không kinh sợ, không lo buồn. Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế thì chư thiên, Đế-thích,**

**vua trời Đại Phạm... đều kính lễ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.**

Vì sao khi nghe nói tất cả đều ly mà tâm không kinh sợ? Vì bản thể các pháp là viễn ly, biết tất cả pháp không gì cố định lâu bền, biết đúng như thật thì tâm vững vàng không kinh sợ. Như tôi nói với đại chúng, thân chúng ta rồi sẽ tan hoại, biết rõ như thật không nghi ngờ. Ngày mai, ngày kia mình bệnh, người ta nói mình sẽ chết, lúc đó có sợ không? Biết thân hư giả, có hợp phải có tan, mai kia bệnh chết cũng là chuyện thường, không có gì náo động. Chỉ nghĩ thân ta sống lâu nên khi nghe chết giật mình, đó là vì không biết đúng như thật. Biết tất cả pháp nguyên nó là ly, bây giờ nói chuyện ly cũng là thường, không có gì lạ lùng đến sợ hãi.

Ngài Thiện Hiện nói thêm, *chư Bồ-tát ma-ha-tát đối tất cả pháp hoặc hay kinh sợ, hoặc bị kinh sợ, hoặc chỗ kinh sợ, hoặc thời gian kinh sợ, hoặc người kinh sợ, hoặc do đây sanh kinh sợ đều không thể được, vì tất cả pháp đều không thể được.* Rõ ràng pháp kinh sợ đứng về mặt năng sở, thời gian, nơi chốn, lý do kinh sợ đều không có thật, không thể được. Ngay cả pháp kinh sợ cũng không thật nên Bồ-tát không thấy gì đáng kinh sợ.

Tiếp theo, đại Bồ-tát quán sát *các pháp đều không thể được, không thể thi thiết là hay chìm lặng, là bị chìm lặng, là chỗ chìm lặng...* Chìm lặng là mất đi, các pháp không thể tạo ra hay làm cho mất, không thể bị kinh sợ hay làm cho kinh sợ... Biết rõ nhân duyên của các pháp như thế, Bồ-tát biết rằng kinh sợ, lo buồn, sanh diệt đều không thật, quán sát đến chỗ tột

cùng không một pháp nào thật. Đây gọi là *hành Bát-nhã sâu thẳm*, được tất cả chư thiên, Đế-thích, vua trời Đại Phạm... kính lễ cúng dường.

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế, chẳng những hằng được chư thiên, Đế-thích, vua trời Đại Phạm... đều kính lễ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, mà chư Bồ-tát ma-ha-tát này còn được các cõi trời Cực Quang Tịnh, Biến Tịnh, Quảng Quả, Tịnh Cư và các vị thiên, long, a-tố-lạc... đều kính lễ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Bồ-tát ma-ha-tát hay hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế cũng được tất cả Như Lai ở thế giới khắp mười phương**

**vô lượng vô biên và chúng Bồ-tát ma-ha-tát thường cùng hộ niệm.**

**Thiện Hiện nên biết, Bồ-tát ma-ha-tát này hay hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, tức khiến tất cả công đức thiện căn chóng được viên mãn. Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thường được chư Phật, chư Bồ-tát và thiên, long, a-tố-lạc... nhớ tưởng giữ gìn, nên biết Bồ-tát này sẽ hành chỗ Phật đã hành, cũng chân chánh tu hành hạnh Phật đã hành, chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.**

Đây là lời khen ngợi vị Bồ-tát hành Bát-nhã thâm sâu sẽ được chư thiên, Đế-thích, vua trời Đại Phạm cúng dường cung kính. Chẳng những thế, chư thiên các cõi trời Cực Quang Tịnh, Biến Tịnh, Quảng

Quả, Tịnh Cư, tất cả thiên long bát bộ đều kính lễ, tôn trọng tán thán. Vì Bồ-tát này được chư Phật, chư Bồ-tát mười phương thường hộ niệm. Chỉ cần sống với trí Bát-nhã, luôn quán các pháp đúng như thật tánh của nó, không sanh không diệt, không đến không đi, tâm thường kiên định không lay chuyển. Tu tập như thế gọi là thành tựu căn lành, đi con đường chư Phật đã đi, rốt cuộc mau chóng chứng quả Bồ-đề.

**Thiện Hiện nên biết, Bồ-tát ma-ha-tát này đã đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề được không thối chuyển, tất cả quân ma ngoại đạo, ác tri thức... không thể làm lưu nạn. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát này tâm kiên cố như kim cang. Giả sử các loài hữu tình ở trong thế giới tam thiên đại thiên đều biến làm ma, mỗi con**

**ma đó lại biến thành chừng ấy ác ma, các thứ ác ma này đều có vô lượng vô số thần lực. Các ác ma này đều dốc hết thần lực mà cũng không thể làm lưu nạn được Bồ-tát ma-ha-tát này, khiến không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm và đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề hoặc có thối chuyển. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát này đã được Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện thiện xảo, biết tất cả pháp không thể được.**

Bồ-tát thực hành được như vậy, tất cả quân ma, ngoại đạo, ác tri thức không thể ngăn trở, làm chướng nạn.

Vì sao? *Vì Bồ-tát này tâm kiên cố như kim cương.* Trong bài Văn Phát Nguyện chúng ta đọc mỗi tối có câu *Lập chí vững chắc như kim cương,* có trí Bát-nhã thì

tâm vững chắc, không có chướng nạn nào làm trở ngại.

Phật nói thêm, giả sử loài hữu tình trong tam thiên đại thiên thế giới đều làm ma hết, đi đến phá phách người tu này, cũng không ngăn trở được. Tôi thí dụ rất nhỏ, chỉ quả địa cầu này có năm tỷ người, năm tỷ người hóa làm ma. Rồi mỗi người như vậy lại hóa thành năm tỷ con ma khác, hằng hà sa số ma đến làm chướng ngại Bồ-tát, cũng không chướng ngại được. Nghe nói có ngán không? Chúng ta tu mà bị chừng hai con ma phá chịu còn không nổi, huống chi tất cả ma trong thế giới đến phá! Nhưng nếu có người đem cả một bầu trời ma quỷ bằng giấy thả xuống ngay chỗ mình ngồi tu, có sợ không? Không sợ mà còn cười. Biết nó là giả thì bao nhiêu cũng không sợ.

Bồ-tát dùng trí Bát-nhã thấy tất cả hữu tình không thật, ma không thật, chính thân mình cũng không thật, còn gì để sợ. Đức Phật ngồi dưới cội Bồ-đề, trước khi thành đạo có bao nhiêu quân ma kéo đến làm chướng nạn, ngài chỉ dùng kiếm trí tuệ, cung thiền định mà thắng nó. Ngài thấy nó giả dối không thật nên tâm an định, tự nhiên ma quân tan hết. Thấy giả dối là dùng kiếm trí tuệ, tâm an định không sợ là cung thiền định, chỉ hai cách đó, không dùng bùa chú gì khác. Nếu trị ma bằng bùa chú là còn thấy mình thật, ma thật, bùa chú mạnh thì thắng ma, bùa chú yếu thì ma thắng mình. Người tu Phật không áp dụng cách này, không vẽ bùa chú, không trấn áp quỷ thần, chỉ dùng kiếm trí tuệ Bát-nhã và cung thiền định để đối trị ma. Khi tu thiền, ngồi tỉnh giác vững chãi, trí tuệ sáng suốt, thấy mọi cảnh giới kéo đến đều hư huyễn thì không

ma nào phá được. Đây là chỗ thiết yếu cần phải lưu tâm kỹ.

Tất cả sợ hãi đều từ chỗ thấy thật mà ra. Như có người vẽ hình cọp trên miếng vải, chiều tối núp trong bụi cây, đợi có ai đi ngang thì mang lốt cọp nhảy ra chụp. Nếu biết là cọp giả, người bị dọa không bỏ chạy mà còn đánh lại. Bồ-tát thấy tất cả pháp không thật là người lớn khôn, chúng sanh thấy cái gì cũng thật, thấy cái gì cũng sợ là trẻ con. Chỉ vì ngu si, cái giả mà tưởng là thật rồi mọi sợ hãi theo đó sanh ra. Nếu có trí tuệ thì không lầm, bao nhiêu cái giả đến với mình cũng như trò chơi, đâu còn gì để sợ. Trên đường tu chúng ta phải thấy bằng trí tuệ Bát-nhã, chỉ có Bát-nhã mới cứu mình ra khỏi kinh hoàng.

**Lại, Thiện Hiện! Gác việc các loài hữu tình ở thế giới tam thiên đại thiên biến làm ma, giả sử tất cả loài**

**hữu tình ở thế giới chư Phật nhiều như cát sông Hằng đều biến làm ma, chúng ma này mỗi mỗi hóa làm chừng ấy ác ma, các ác ma này đều có vô lượng vô số thần lực. Các ác ma này dốc hết thần lực cũng không thể làm lưu nạn được Bồ-tát ma-ha-tát ấy, khiến không thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm và đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề hoặc có thối chuyển. Vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát này đã được Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện thiện xảo, vì biết tất cả pháp không thể được.**

**Thiện Hiện nên biết, nếu Bồ-tát ma-ha-tát thành tựu hai pháp thì tất cả ác ma không thể làm lưu nạn khiến không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa và đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-**

**đề hoặc có thối chuyển. Thế nào là hai pháp? Một là không bỏ tất cả hữu tình. Hai là quán sát tất cả pháp đều không.**

Tiếp theo đoạn trước, Phật nói không kể việc các loài hữu tình ở tam thiên đại thiên thế giới đều biến làm ma, *giả sử tất cả hữu tình ở thế giới chư Phật đều biến làm ma, mỗi mỗi ma hóa thành chừng ấy ác ma đều có vô lượng thần lực*. Ma ở cấp độ này nhiều hơn và mạnh mẽ hơn, dù dốc hết sức cũng không làm chướng ngại Bồ-tát. Chúng ta sống bình thường thì thấy mọi người đều thân thiện tốt đẹp, khi gặp việc tham sân nổi lên thì người chung quanh đều biến thành ma gây khổ nạn cho mình. Cho nên nói *hữu tình hóa thành ma* cũng không gì lạ. Nhưng đối với Bồ-tát hành Bát-nhã sâu thẳm, trí tuệ biết tất cả các pháp không thể được, không

thật có thì dù cho ma nhiều đến đâu cũng không làm các ngài thối tâm. Thí dụ này chứng tỏ sức mạnh kiên cố của trí Bát-nhã.

*Bồ-tát thành tựu hai pháp thì tất cả ác ma không thể làm chướng nạn*, khiến không thể tu pháp Bát-nhã và thối chuyển đạo quả Bồ-đề. *Một là không bỏ tất cả hữu tình, hai là quán sát tất cả pháp đều không*; tức là từ bi và trí tuệ. Từ bi và trí tuệ là nền tảng của người tu Phật, thiếu một trong hai thì không thể trọn vẹn thành Phật. Vì vậy khi phát tâm tu, muốn khỏi bị chướng nạn phải có đủ hai yếu tố này. Từ bi là điều kiện trước tiên, thiếu từ bi là thiếu đạo đức. Nói gì cũng đúng lý mà không làm gì lợi ích chúng sanh, người ta phê bình là đạo đức giả. Thiếu từ bi thì trí tuệ chỉ là thiên chấp một bên, nhưng từ bi quá độ mà không có trí tuệ thì trở

nên yếu đuối ủy mỵ. Phải khéo léo dung hòa.

Khi chúng ta xuất gia, có người hỏi mình xuất gia để làm gì, trả lời: Tôi tu vì thương xót chúng sanh, tu để cầu giác ngộ như Phật. Đó là đầy đủ từ bi và trí tuệ. Thương tất cả chúng sanh, bắt đầu từ những huynh đệ ở gần, cùng lý tưởng tu hành, cùng tâm niệm giải thoát, ai cần thì mình giúp, từ người gần rồi đến ở ngoài. Nếu người gần nhất trong nhà không thương không giúp đỡ, thương những người ở xa nhiều hơn thì không đúng đạo lý. Như Phật tử nói, có số người ở Thành phố khoảng tháng hai tháng ba xuống Châu Đốc, đến miếu Bà Chúa Xứ vay tiền về làm ăn cho khá... hỏi tôi: như vậy đúng hay không? Tôi không nói đúng hay sai, chỉ nói từ Thành phố xuống Châu Đốc vay tiền để làm ăn khá giả thì chắc rằng tại

Châu Đốc không có người nghèo. Ở gần một bên núi Bà, vô vay tiền chút xíu không tốn công. Nơi nào có quyền lợi thì địa phương ở đó hưởng trước rồi mới đến người phương xa. Tại chỗ vẫn còn người nghèo, người ở xa nghe nói huyền bí rồi khởi lòng tham, không thấy được lẽ thật.

Tu phải có trí tuệ ở chỗ này, từ trí tuệ thấy lý đúng sai, khởi tâm thương xót mọi người, hướng dẫn họ sống đúng lời Phật dạy. Tinh thần Bồ-tát không bỏ sót một chúng hữu tình nào, tất cả đều là quyến thuộc, tất cả đều đáng thương đáng cứu giúp. Đó là thành tựu pháp thứ nhất.

Thứ hai là quán các pháp đều không, các pháp duyên sanh như huyễn không thật. Biết rõ như vậy để không chấp trước đắm mến. Nhiều khi chúng ta khởi lòng thương đem hết khả năng giúp người, mai sau mình gặp việc khó khăn mà không ai

giúp lại thì sanh tâm buồn giận. Đã hết lòng với họ mà họ không nghĩ đến mình!... Vì còn thấy mình thật, người thật, việc làm thật nên mới hờn trách. Còn nghĩ đến việc làm ơn để người trả ơn mình, đó chỉ là đổi chác, không có từ bi cũng không có trí tuệ. Làm việc mà không chấp, không đòi hỏi người phải trả ơn xứng đáng, mới thật sự buông xả, thật sự thấy các pháp không thật.

Hai đức tính từ bi và trí tuệ luôn hỗ trợ cho nhau, giúp chúng ta thành tựu trọn vẹn hạnh Bồ-tát, cũng là điều kiện giúp chúng ta thoát khỏi ma nạn. Không bị ma nạn thì không bị chướng duyên ngăn trở, đường tu tập sẽ dễ dàng hơn.

**Lại, Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát thành tựu hai pháp thì tất cả ác ma không thể làm chướng ngại khiến không thể tu hành Bát-nhã ba-**

**la-mật-đa và đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề hoặc có thối chuyển. Những gì là hai? Một, như lời nói thảy đều hay làm. Hai, thường được chư Phật hộ niệm.**

**Thiện Hiện nên biết, nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế, chư thiên thần thường thường đến lễ kỉnh, gần gũi cúng dường, thưa hỏi, khuyến khích, nói thế này: "Lành thay, Đại sĩ! Ngài hay hành Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện thiện xảo như thế, chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tất cả hữu tình không có chỗ nương tựa hay làm chỗ nương tựa, không có chỗ quy y hay làm chỗ quy y, không có người cứu hộ hay làm người cứu hộ, không chỗ thú hướng làm chỗ thú**

**hướng, không nhà cửa làm nhà cửa, không cồn đảo làm cồn đảo, người tối tăm cho ánh sáng, người mù điếc cho tai mắt." Vì sao? Thiện nam tử! Nếu người hay an ổn trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện thiện xảo thì chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tất cả ác ma không thể làm lưu nạn.**

Phật nói thêm hai điều thành tựu khiến ác ma không thể ngăn ngại Bồ-tát hành Bát-nhã. Một là như lời nói thảy đều hay làm, hai là thường được chư Phật hộ niệm.

*Như lời nói thảy đều hay làm*, nghĩa là nói được phải làm được. Chúng ta tu học Phật pháp, những điều Phật dạy về giới luật, về kinh nghiệm tu chứng, đều phải thực hành đầy đủ. Được đầy đủ rồi, nói dạy cho người sau mới có kết quả. Chúng

ta không tham không sân, tu tập thiền được tỉnh giác, buông bỏ vọng tưởng lầm chấp, trí tuệ tăng trưởng, làm được như vậy rồi nói dạy mọi người mới thêm niềm tin và sức mạnh.

Nói được làm được là hạng người gì? *Ngôn hạnh tương ưng danh vi viết Tổ,* người mà hành động và lời nói hợp nhau, gọi là Tổ. Chúng ta tu cốt thành Phật thành tổ, phải thực hành cho được điều này. Nếu nói một đường làm một nẻo thì trái với đạo lý. Như vậy, làm được những gì mình nói, hoặc nói được những gì mình làm, đó là phần tự lực.

Thứ hai, *thường được chư Phật hộ niệm* là phần tha lực. Muốn được chư Phật hộ niệm, trước phải thực hành điều Phật dạy. Muốn hết phiền não phải buông bỏ vọng tưởng, muốn mau chóng được đạo quả phải siêng năng tinh tấn. Không phải

cứ cầu Phật gia hộ mà tự bản thân mình lười biếng, cầu giải thoát mà thấy gì cũng chấp cho là thật không buông. Tự mình không nỗ lực tu thì chư Phật không thể gia hộ.

Những điều kiện này cho thấy giá trị của người tu rất cụ thể, rất quan trọng, đầy đủ đức tính tự lực tha lực thì ác ma không thể ngăn trở. Bốn điều Phật dạy là từ bi trí tuệ không thiếu, tự lực tha lực không thiếu. Không bao giờ trông vào tha lực mà không có tự lực. Gốc của sự tu là cố gắng thực hành những điều này. Người thực hành Bát-nhã đủ bốn điều như trên, được chư thiên thường đến lễ kính cúng dường, ngợi khen. Người như thế xứng đáng làm chỗ nương tựa, làm người cứu hộ, làm chỗ thú hướng, làm cồn đảo cho chúng hữu tình. Đem ánh sáng cho người tối tăm, đem tai mắt cho người mù điếc.

Khi chưa học Bát-nhã, chúng ta như người mù điếc. Những điều chưa từng nghe thì cũng như điếc, những điều chưa hiểu thấu thì cũng như mù. Nhờ Phật chỉ dạy mới sáng tỏ thông hiểu chỗ tối tăm trước đây. Tinh thần của đạo Phật là đầy đủ từ bi trí tuệ, có trí tuệ thấy rõ chân lý để dẫn đường chúng sanh, làm nơi nương tựa cho chúng sanh, từ bi hóa độ không bỏ sót ai.

Kinh Pháp Hoa, phẩm Pháp Sư, có đoạn Phật dạy người nào muốn nói kinh Pháp Hoa phải *vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai.* Nhà Như Lai là tâm từ bi lớn, y Như Lai là lòng nhu hòa nhẫn nhục không bỏ hữu tình, tòa Như Lai là nhất thiết pháp không, là trí tuệ. Các kinh điển nhà Phật đều chỉ dạy giống nhau. Chúng sanh rất khó điều phục, phải có lòng từ bi rộng lớn, phải đủ nhẫn nhục

để cảm hóa họ. Đây là đức tính *không bỏ tất cả hữu tình* của Bồ-tát. *Quán sát tất cả pháp đều không* là trí tuệ Bát-nhã, là ngồi tòa Như Lai theo ý kinh Pháp Hoa. Chủ yếu tu tập của chúng ta không ngoài các điều kiện này, tu chân thật như thế không ác ma nào ngăn trở được.

**Thiện Hiện nên biết, nếu Bồ-tát ma-ha-tát hay trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế sẽ được Như Lai Ứng Chánh đẳng giác ở mười phương vô lượng vô số vô biên thế giới, với chúng Tỳ-kheo hiện tại vây quanh trước sau, tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Ở trong đại chúng tự nhiên vui vẻ khen ngợi, tán dương tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức của Bồ-tát ma-ha-tát này. Nghĩa là công đức chân tịnh an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm.**

**Thiện Hiện nên biết, như ngày nay, ta nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, ở trong đại chúng, tự nhiên vui vẻ, tán dương, khen ngợi tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức của Bồ-tát Bảo Tràng, các Bồ-tát ma-ha-tát và những vị khác đang ở chỗ đức Phật Bất Động tu Phạm hạnh thanh tịnh. Nghĩa là công đức chân tịnh an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm. Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác hiện ở khắp mười phương vô lượng vô số vô biên thế giới vì chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, nơi ấy cũng có chư Bồ-tát ma-ha-tát tu Phạm hạnh thanh tịnh không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chư Như Lai Ứng Chánh đẳng giác kia, mỗi vị ở trong chúng vui vẻ, tán**

**dương, khen ngợi tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức của Bồ-tát ma-ha-tát kia. Nghĩa là công đức chân tịnh không lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm.**

Nói về tán dương và khen ngợi những vị tu Bát-nhã. Nếu có vị Bồ-tát trụ Bát-nhã như thế sẽ được các đức Phật ở mười phương cùng chúng Tỳ-kheo vây quanh, tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, khen ngợi tán thán công đức của vị đó. Ví như khen ngợi công đức của Bồ-tát Bảo Tràng cùng chư Bồ-tát khác đang ở chỗ Phật Bất Động tu Phạm hạnh thanh tịnh. Tại sao tán dương khen ngợi? Vì Bồ-tát đó có *công đức chân tịnh, an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm*. Chân là chân thật, tịnh là trong sạch. Tất cả Bồ-tát khi tu Bát-nhã, hiểu rằng các pháp thế gian không có thật thể, đều là duyên hợp hư dối.

Hiểu như vậy là thấy đúng lẽ thật, không cố chấp một pháp nào nên được trong sạch, chân thật. Tất cả chư Phật mười phương đều tuyên thuyết Bát-nhã như thế, tất cả chư đại Bồ-tát đều *tu Phạm hạnh thanh tịnh không lìa Bát-nhã* như thế. Chư Bồ-tát tu Bát-nhã đúng như lời chư Phật dạy, nên được tán dương khen ngợi *công đức chân tịnh không lìa Bát-nhã.*

**Thiện Hiện lại bạch Phật:**

**- Tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác khi vì chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, đều ở trong chúng tự nhiên vui vẻ, tán dương, khen ngợi tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức của tất cả chúng Bồ-tát ma-ha-tát chăng?**

**Phật bảo:**

**- Không. Không phải chư Như Lai Ứng Chánh đẳng giác khi vì chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, đều ở trong chúng tự nhiên vui vẻ, tán dương, khen ngợi tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức của tất cả chúng Bồ-tát ma-ha-tát. Thiện Hiện nên biết, có Bồ-tát ma-ha-tát đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề đã được không thối chuyển, hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện khéo léo, Bồ-tát ma-ha-tát này khi cầu Như Lai Ứng Chánh đẳng giác vì chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, ở trong đại chúng Như Lai tự nhiên vui vẻ, tán dương, khen ngợi tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức của Bồ-tát này.**

**Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:**

**- Vả có chúng Bồ-tát ma-ha-tát đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chưa được không thối chuyển mà tu Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện khéo léo, Bồ-tát này khi cầu Như Lai Ứng Chánh đẳng giác vì chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, ở trong chúng Như Lai tự nhiên vui vẻ, tán dương, khen ngợi tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức Bồ-tát kia chăng?**

**Phật bảo:**

**- Cũng có. Nghĩa là có chúng Bồ-tát ma-ha-tát tuy đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chưa được không thối chuyển mà tu Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện khéo léo, Bồ-tát ma-ha-tát này khi mong cầu Như Lai Ứng Chánh đẳng giác vì chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, ở trong**

**đại chúng Như Lai tự nhiên vui vẻ, tán dương, khen ngợi tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức của Bồ-tát kia.**

Ngài Thiện Hiện hỏi Phật, tất cả chư Phật khi tuyên thuyết Bát-nhã đều ở trong chúng tự nhiên tán thán khen ngợi các đại Bồ-tát, vị nào Phật cũng khen ngợi hết chăng? Phật trả lời, không. Chỉ có những vị Bồ-tát đối với Bát-nhã tu hành thâm sâu không thối chuyển, thực hành phương tiện khéo léo, vị này cầu Phật vì chúng sanh tuyên nói Bát-nhã sâu thẳm. Lúc đó Phật mới ở trong chúng, tán dương khen ngợi tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức của những vị này.

Ngài Thiện Hiện lại hỏi, những vị Bồ-tát chưa được bất thối chuyển, khi cầu Phật vì chúng thuyết Bát-nhã, đối với các vị này Phật có khen ngợi hay không? Phật trả lời, cũng có.

Như vậy qua đoạn kinh trên, chúng ta thấy có hai trường hợp chư Bồ-tát được Phật khen ngợi tán thán. Một là các Bồ-tát bất thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thực hành Bát-nhã phương tiện khéo léo. Hai là các Bồ-tát tuy chưa được bất thối chuyển, nhưng có tu Bát-nhã phương tiện khéo léo, các vị này khi cầu Phật vì chúng nói Bát-nhã, Phật cũng khen ngợi tán thán. Đây là khuyến khích đại chúng phát tâm tu Bát-nhã, tuy chưa được vững vàng bất thối, cũng cần cầu nghe pháp Bát-nhã để được lợi ích.

**Thiện Hiện thưa:**

**- Theo đức Như Lai nói, đó là Bồ-tát ma-ha-tát nào?**

**Phật dạy:**

**- Có các Bồ-tát ma-ha-tát theo Phật Bất Động, khi làm Bồ-tát tu học khế hợp, hành, trụ tương ưng, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện khéo léo, Bồ-tát ma-ha-tát này tuy đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chưa được không thối chuyển, mà khi cầu Như Lai Ứng Chánh đẳng giác vì chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, ở trong đại chúng Như Lai tự nhiên vui vẻ, tán dương, khen ngợi tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức của Bồ-tát kia.**

**Lại, có chúng Bồ-tát ma-ha-tát theo Bồ-tát Bảo Tràng tu học khế hợp, hành, trụ tương ưng, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện khéo léo, Bồ-tát ma-ha-tát này tuy đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chưa được**

**không thối chuyển, mà khi cầu Như Lai Ứng Chánh đẳng giác vì chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, ở trong đại chúng Như Lai tự nhiên vui vẻ, tán dương, khen ngợi tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức của kia.**

Ngài Thiện Hiện muốn Phật xác nhận có những vị Bồ-tát nào được khen ngợi. Phật nêu lên các Bồ-tát như sau:

Thứ nhất là các Bồ-tát *theo Phật Bất Động tu học Bát-nhã*, tuy chưa được bất thối chuyển đối với đạo quả Vô thượng, nhưng khi cầu Phật vì đại chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, tự nhiên được Phật khen ngợi.

Thứ hai là các Bồ-tát *theo Bồ-tát Bảo Tràng tu học khế hợp Bát-nhã*. Các vị này tuy chưa được bất thối chuyển, nhưng khi

cầu Phật nói pháp Bát-nhã, Phật vẫn tán dương khen ngợi.

Đây là trường hợp các Bồ-tát chưa được bất thối chuyển, nhưng vì muốn làm lợi ích rộng lớn cho đại chúng, cầu Phật nói pháp Bát-nhã, gọi là *Thỉnh chuyển pháp luân*, công đức này rất đáng khen ngợi.

**Lại nữa, Thiện Hiện! Có Bồ-tát ma-ha-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa đối trong tánh vô sanh của tất cả pháp, tuy tín giải sâu mà chưa chứng được pháp nhãn vô sanh; đối với tánh của tất cả pháp đều tịch tịnh, tuy tín giải sâu mà chưa được vào bậc không thối chuyển. Bồ-tát ma-ha-tát này đã trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện thiện xảo, cũng mong Như Lai Ứng Chánh đẳng giác khi vì**

**chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, ở trong đại chúng tự nhiên vui vẻ, tán dương, khen ngợi tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức. Thiện Hiện nên biết, nếu Bồ-tát ma-ha-tát mong chư Như Lai Ứng Chánh đẳng giác khi vì chúng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, ở trong đại chúng tự nhiên vui vẻ, tán dương, khen ngợi tên tộc, dòng họ, tướng mạo, công đức, Bồ-tát ma-ha-tát này vượt hơn các bậc Thanh văn, Độc giác, gần được thọ ký không thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện thiện xảo, ắt sẽ an trụ bậc không thối chuyển, chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.**

Trường hợp thứ ba, có các Bồ-tát *hành thâm Bát-nhã, đối với tánh vô sanh của các pháp tuy tín giải sâu mà chưa chứng vô sanh, đối với tánh tịch tịnh của các pháp tuy tin sâu mà chưa được bất thối chuyển*. Nghĩa là đã tin sâu pháp tánh mà chưa chứng nhập, chưa sống được. Những vị này vì đại chúng cầu Phật nói pháp Bát-nhã, Phật cũng khen ngợi tán thán. Công đức các Bồ-tát này vượt hơn các bậc Thanh văn, Độc giác. Các Bồ-tát này gần được thọ ký bất thối chuyển, vì các ngài tin sâu và ủng hộ pháp Bát-nhã, cầu nghe pháp Bát-nhã để lợi ích cho mình, cho người.

**Lại, Thiện Hiện! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát nghe nói nghĩa thú của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế, tâm sâu tín giải không nghi ngờ, không mê muội, chỉ nghĩ thế này:**

**“Như Phật đã nói lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, chắc hẳn quyết định không điên đảo.” Bồ-tát ma-ha-tát này nên nghĩ thế này: “Ta đối với nghĩa thú sâu thẳm của Bát-nhã ba-la-mật-đa sanh tin hiểu sâu xa chắc chắn rồi, hoặc lại ở chỗ đức Phật Bất Động và chư Bồ-tát ma-ha-tát, nghe rộng Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với nghĩa thú sâu xa sanh lòng tin hiểu, tin hiểu rồi siêng năng tu Phạm hạnh, sẽ được trụ bậc không thối chuyển, trụ bậc này rồi chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.” Thiện Hiện nên biết, nếu Bồ-tát ma-ha-tát chỉ nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế còn được công đức thắng lợi vô biên, huống là tin hiểu sâu, tu hành đúng như lời dạy, buộc**

**tâm suy nghĩ nghĩa thú sâu thẳm, Bồ-tát ma-ha-tát này an trụ chân như gần Nhất thiết trí, chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vì các hữu tình tuyên thuyết pháp yếu.**

Trường hợp thứ tư, các Bồ-tát này thấp hơn, *nghe nói nghĩa thú Bát-nhã được tâm không nghi ngờ*, chỉ dừng ở tâm không mê, không nghi, chưa chứng ngộ pháp tánh. Bồ-tát này nghĩ rằng, Phật đã nói nghĩa lý Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, chắc chắn là đúng không sai. Do tin lời Phật, phát tâm tu tập nơi chỗ đức Phật Bất Động, nghe rộng thêm về nghĩa thú Bát-nhã, tin hiểu sâu thêm, siêng năng tu tập, rồi sẽ trụ được bất thối chuyển.

Trong các hạng Bồ-tát kể trên, nếu chúng ta được ở vào hạng thứ tư này thì cũng được dự phần khen ngợi. Trước tiên là tin hiểu, dù chưa chứng quả vị gì,

nhưng tâm tin sâu lời Phật dạy, từ đó học hỏi hiểu rõ Bát-nhã, càng hiểu rõ tin sâu càng hăng hái tu tập dần dần sẽ được lợi ích thù thắng. Phật dạy, *nếu Bồ-tát ma-ha-tát chỉ nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm như thế, còn được công đức thắng lợi vô biên.* Nên biết, nhân duyên nghe Bát-nhã dẫn dắt chúng ta đến trí tuệ thấy rõ các pháp không thật, buông bỏ lầm chấp si mê, được gần an trú đạo Vô thượng Bồ-đề. Đó là lý do Phật khen ngợi bốn hạng Bồ-tát trên đây.

**Khi ấy, Thiện Hiện lại bạch Phật:**

**- Các pháp rời chân như không riêng pháp nào có thể được, như vậy vì nói pháp nào để an trụ chân như? Lại nói ai hay gần Nhất thiết trí, chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề? Ai lại vì ai nói pháp yếu gì?**

**Phật bảo Thiện Hiện:**

**- Theo lời ông hỏi, các pháp rời chân như không riêng pháp nào có thể được, như vậy vì nói pháp yếu nào an trụ chân như? Lại nói ai gần Nhất thiết trí, chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề? Ai vì ai nói pháp yếu nào? Đúng thế, đúng thế, như lời ông nói. Các pháp rời chân như trọn không thể được, như thế làm sao có thể nói pháp trụ chân như? Thiện Hiện! Chân như còn không thể được, huống là riêng có pháp hay trụ chân như. Đâu lại có người gần Nhất thiết trí, chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Làm gì có người hay vì kẻ khác nói pháp yếu. Thiện Hiện nên biết, chân như không thể tự trụ chân như, vì trong đây trọn không có năng**

**trụ sở trụ. Chân như không thể gần Nhất thiết trí vì trong đây trọn không có hay gần và bị gần. Chân như không thể chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vì trong đây trọn không có tánh năng đắc, sở đắc sai biệt. Chân như không thể vì người khác nói pháp, vì trong đây trọn không có năng thuyết sở thuyết. Vì tùy thế tục nói có Bồ-tát hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ chân như, gần Nhất thiết trí, chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vì các hữu tình tuyên thuyết pháp yếu.**

Ngài Thiện Hiện đặt nghi vấn, các pháp đều bất khả đắc vậy nói pháp nào an trụ chân như? Ai là người chóng chứng Vô thượng Bồ-đề? Ai vì ai nói pháp yếu gì? Cả ba câu hỏi đều nhắm mục đích làm sáng tỏ vấn đề các pháp không tánh.

Câu thứ nhất, *pháp nào an trụ chân như?* Chân như là thể chân thật không đổi dời, tất cả hữu tình đều có chân như. Nói tu để an trụ chân như là có người hay an trụ và chân như bị an trụ. Như nói "tôi ở nhà", thì có "tôi" và "nhà", nhà không phải tôi mà là cái để tôi ở, tôi là người hay ở, chia ra hai bên rõ ràng. Chân như là thể bất sanh bất diệt, không thể nói tôi tu để an trụ chân như, nói như vậy là có ngã có pháp, không đúng tinh thần Bát-nhã.

Câu thứ hai, *ai là người gần Nhất thiết trí, chóng chứng Vô thượng Bồ-đề?* Nhất thiết trí hay Bồ-đề là tánh giác, hết mê thì giác, không phải là mục tiêu bên ngoài, làm sao nói có người gần tánh giác? Thí dụ tôi đi đến gần cây dương thì cây dương ở ngoài kia tôi ở đây, từ xa đến gần có hai việc. Bồ-đề là tánh giác của chính mình, không có khoảng cách gần xa,

không có người gần Bồ-đề hay không gần. Vì thế nói chóng chứng Bồ-đề là không hợp lý.

Câu thứ ba, *ai lại vì ai nói pháp yếu gì?* Đã biết hữu tình không thật, pháp yếu không thật, mình người đều không thật, không thể có người nói người nghe, cũng không có pháp yếu để nói.

Phật xác nhận các câu hỏi của Thiện Hiện là đúng. *Chân như còn không thể được, huống là riêng có pháp hay trụ chân như.* Đó là trả lời câu thứ nhất, Bồ-tát không thấy có chân như để an trụ. *Đâu lại có người gần Nhất thiết trí chóng chứng Bồ-đề,* trả lời câu hỏi thứ hai, không thấy có người thật để chứng pháp thật. Lục Tổ nói:

*Bồ đề vốn không cây,*

*Gương sáng chẳng phải đài,*

*Xưa nay không một vật,*

*Chỗ nào dính bụi trần?*

*Làm gì có người hay vì kẻ khác nói pháp yếu,* trả lời câu hỏi thứ ba, thấy tất cả pháp tánh không, không thật có, trong cái rỗng rang tự tại đó không thành lập ngã và pháp.

Tuy vậy, trong kinh vẫn nói *Bồ-tát hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ chân như, gần Nhất thiết trí, chứng đạo quả vô thượng, vì các hữu tình tuyên thuyết pháp yếu.* Giáo lý của đức Phật chia ra hai mặt. Đứng về chân đế thì không có ngôn ngữ, không năng sở đối đãi, dứt bặt tất cả động tác thi vi. Trên thế tục đế thì tùy căn cơ chúng sanh, chúng sanh nói thế nào Phật Bồ-tát cũng nói như vậy để dẫn dắt họ lìa mê lầm. Nếu cho là thật tánh chân như không dùng ngôn ngữ, ai cũng làm thinh hết, chúng sanh không

biết pháp yếu để tu, làm sao có người chứng ngộ? Vì thế muốn dẫn đạo chúng sanh, phải mượn phương tiện ngôn ngữ, chỉ bày tội phước thiện ác để dẫn dắt họ trở về, tùy căn cơ nói từ cạn đến sâu, ban đầu nói nhân quả ba cõi sáu đường, sau mới nói đến lý tánh tuyệt đối, phá ngã chấp pháp chấp.

Đây là ý chính của đoạn này, mượn các câu hỏi của ngài Thiện Hiện để Phật chỉ dạy rõ ràng. *Chân như không thể vì người nói pháp... Vì tùy thế tục nói có Bồ-tát an trụ chân như... vì các hữu tình tuyên thuyết pháp yếu.*

**Đế-thích liền bạch Phật:**

**- Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, lý thú sâu xa rất là khó tin khó hiểu, chư Bồ-tát ma-ha-tát hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, tuy biết các pháp**

**không thể được mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, muốn vì hữu tình tuyên thuyết pháp yếu thật là việc rất khó. Vì sao? Vì quyết định không có pháp hay an trụ chân như, cũng không có người hay gần Nhất thiết trí, chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng không có người hay nói pháp yếu, nhưng chư Bồ-tát ma-ha-tát nghe việc như thế tâm không chìm lặng, không nghi ngờ, không kinh sợ, không mê muội, những việc như thế rất là ít có!**

**Thiện Hiện bảo Đế-thích:**

**- Kiều-thi-ca! Đúng như lời ông nói, chúng Bồ-tát nghe pháp sâu xa này tâm không chìm lặng, không nghi ngờ, không kinh sợ, không mê muội, mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề,**

**muốn vì hữu tình tuyên thuyết pháp yếu thật là việc khó, rất ít có vậy. Kiều-thi-ca! Chư Bồ-tát ma-ha-tát hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán các pháp đều không, trọn không thể có, thì ai chìm lặng, ai nghi ngờ, ai kinh sợ, ai mê muội? Thế nên việc này chưa phải là ít có. Nhưng, vì hữu tình ngu si điên đảo, không thể thông đạt các pháp đều không, nên cầu Bồ-đề muốn vì kia tuyên thuyết phương tiện thiện xảo, chẳng phải là việc rất khó.**

**Đế-thích thưa:**

**- Tôn giả Thiện Hiện, phàm nói ra pháp nào đều y cứ nơi không, thế nên chỗ nói thường không bị nghi ngờ, ngưng trệ, như có người lấy cung tên ngước mặt lên trời bắn hư không,**

**hoặc xa hoặc gần đều không bị ngưng trệ. Tôn giả thuyết pháp cũng như thế, hoặc sâu hoặc cạn tất cả đều y cứ nơi không, ai có thể ở trong đó làm lưu nạn?**

Đế-thích nhận được lý thú sâu xa của Bát-nhã, khen ngợi các Bồ-tát tuy biết các pháp không thể được mà vẫn cần cầu đạo Vô thượng, muốn vì hữu tình làm việc lợi ích. Đây là việc rất khó làm. Nghe nói không có pháp an trụ chân như, không có người chứng đạo, không có pháp yếu, nhưng tâm không kinh sợ, không nghi ngờ. Hiện tại nếu chúng ta không có tâm sợ hãi chìm lặng, được nghe Bát-nhã cũng là việc ít có, cố gắng nghe và giữ gìn tâm vững chắc.

Ngài Thiện Hiện bảo Đế-thích, sở dĩ Bồ-tát nghe pháp sâu xa này mà tâm không chìm lặng, không nghi ngờ, vì các

ngài quán tất cả pháp tánh không, trọn không chỗ có. Vì không chỗ có nên không có người nghi ngờ, kinh sợ, mê muội. Đối với chư Bồ-tát hành sâu Bát-nhã, việc này không có gì đặc biệt, không phải là khó làm. Nhưng với các hữu tình ngu si điên đảo, thấy tất cả pháp đều thật, không thông đạt tánh không mà cầu đạo Vô thượng Bồ-đề, với những hạng người ấy mà tuyên thuyết Bát-nhã, họ rất khó tin hiểu. Việc khó ấy, Bồ-tát cũng vẫn làm được, cũng sử dụng phương tiện khéo léo dẫn dắt hữu tình, không phải thấy khó mà không làm.

Đế-thích xác định việc này là đúng, vì các Bồ-tát *nói pháp đều y cứ nơi không*, như người ngước mặt lên trời bắn tên, mũi tên bay trong hư không, không gì ngăn trở, vì hư không hoàn toàn trống rỗng. Các Bồ-tát cũng thế, thấy tất cả pháp như

huyễn không thật, thấy không có người nói người nghe, thì dù nói sâu nói cạn cũng không mắc kẹt, không ai làm trở ngại. Các ngài được tự tại đối với người nghe pháp, tự tại đối với pháp được nói, nên luôn luôn vì hữu tình thuyết pháp không e sợ.

**Đế-thích lại bạch Phật:**

**- Con với tôn giả Thiện Hiện nói pháp là thuận với Như Lai thật ngữ, pháp ngữ, đúng pháp, tùy pháp là chánh thuyết chăng?**

**Thế Tôn bảo Đế-thích:**

**- Ông cùng Thiện Hiện nói pháp đều thuận với Như Lai thật ngữ, pháp ngữ, đúng pháp, tùy pháp, không có nói điên đảo. Vì sao? Kiều-thi-ca! Vì Cụ thọ Thiện Hiện đã được biện tài, đều y cứ nơi không mà lập bày. Vì cớ**

**sao? Vì Cụ thọ Thiện Hiện quán tất cả pháp đều cứu cánh không, còn không có Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, huống là có người hay hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, còn không có Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật, huống là có người hay chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật, còn không có Nhất thiết trí, huống là có người hay được Nhất thiết trí, còn không có chân như, huống là có người hay chứng chân như thành Như Lai, còn không có tánh vô sanh, huống là có người hay chứng tánh vô sanh, còn không có Bồ-đề huống là có người hay chứng Phật Bồ-đề, còn không có thập lực huống là có người hay thành thập lực, còn không có tứ vô sở úy huống là có**

**người được tứ vô sở úy, còn không có các pháp huống là có người hay nói các pháp. Vì sao? Kiều-thi-ca! Cụ thọ Thiện Hiện đối với tất cả pháp trụ chỗ xa lìa, đối với tất cả pháp trụ chỗ không thể được, quán tất cả pháp cứu cánh đều không, vì năng hành, sở hành đều không thể được.**

Sau khi đối đáp với ngài Thiện Hiện, trời Đế-thích bạch Phật, những lời nói ấy có hợp với chánh pháp chăng? Phật khen ngợi những lời ấy là đúng với *thật ngữ, đúng pháp, tùy pháp, không điên đảo.*

Phật dạy thêm, Cụ thọ Thiện Hiện được biện tài như vậy vì khi thuyết pháp đều y cứ nơi không, tức y cứ các pháp không có tự tánh, nên không có gì làm chướng ngại. Thiện Hiện luôn quán sát các pháp cứu cánh không, không thấy có quả vị Bồ-đề. Rốt ráo không có người năng

trụ và pháp sở trụ, năng sở đều quên, cho đến không có Nhất thiết trí và người được Nhất thiết trí, thập lực, tứ vô sở úy đều không thật. Các pháp đều không thật huống là có người hay nói pháp.

Như vậy chúng ta tu có thành Phật không? Không có mình thật và quả Phật thật, làm sao thành? Bởi thấy không thật nên mới thành, còn thấy có thật là còn vướng kẹt trở ngại, không đúng với trí Bát-nhã, không được giải thoát. Nói có thành Phật là nói theo ngôn ngữ thế gian; về thể chân như vô trụ thì đến bậc đó là tự giác, không nói quả chứng, không nói Bồ-đề Niết-bàn.

**Kiều-thi-ca! Cụ thọ Thiện Hiện đối tất cả pháp trụ chỗ xa lìa, chỗ không thể được, so với chư Bồ-tát ma-ha-tát trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa hành trụ vi diệu, trăm phần không bằng**

**một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một cho đến ức triệu phần không bằng một. Vì cớ sao? Kiều-thi-ca, vì chư Bồ-tát ma-ha-tát này trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa hành trụ vi diệu, trừ Như Lai trụ, đối với các Bồ-tát khác trụ và Thanh văn, Độc giác trụ là tối thắng, là tôn cao, là diệu là vi diệu, là thượng là vô thượng. Vì sao? Kiều-thi-ca! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát ở trong tất cả chúng hữu tình làm bậc tối thắng, tôn cao, diệu, vi diệu, thượng, vô thượng, thì phải trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa hành trụ vi diệu không được tạm quên.**

Phật so sánh khả năng an trụ của Thiện Hiện với chư đại Bồ-tát trụ Bát-nhã hành trụ vi diệu, trăm phần, ngàn phần cho đến ức triệu phần không bằng

một phần. Các đại Bồ-tát này đối với các Bồ-tát khác và các Thanh văn, Độc giác, chỗ trụ là tối thắng cao siêu không ai hơn, chỉ không sánh bằng Phật thôi.

Nói như vậy để kết luận, nếu đại Bồ-tát ở trong chúng hữu tình là tối thắng tối cao, vi diệu vô thượng thì *phải trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa không được tạm quên.* Chúng ta ở đây có phải là Bồ-tát chưa? Chưa phải Bồ-tát lớn nhưng là Bồ-tát con, vì thọ giới Bồ-tát rồi. Dù là Bồ-tát mới một năm hai năm, đối với Bát-nhã đi đứng nằm ngồi không được tạm quên. Luôn luôn quán sát các pháp không thật, không tự tánh, khi gặp việc bất như ý tâm không loạn động đó là nhớ Bát-nhã. Còn khi nghe nói câu gì không vừa ý thì nổi giận đỏ mặt lên, lúc đó thế nào? Thấy lời nói là thật, người thật mình thật, quên trí Bát-nhã. Chúng ta là người tu trí tuệ nên

nhớ rõ điều này, không bao giờ tạm quên Bát-nhã.

**Bấy giờ, trong chúng hội vô lượng vô số trời Tam thập tam vui mừng nhảy nhót, đều lấy hương hoa nhiệm mầu của trời dâng rải lên Như Lai và các Bồ-tát.**

**Lúc ấy, trong chúng có sáu ngàn Tỳ-kheo đều từ tòa dậy đảnh lễ chân Phật, trịch vai áo bên hữu, gối hữu chấm đất, cúi đầu cung kính chắp tay hướng Phật, nhìn ngắm tôn nhan mắt chẳng tạm rời. Do thần lực Phật nên trong mỗi lòng bàn tay của chúng Tỳ-kheo hương hoa mầu nhiệm tự nhiên đầy dẫy. Chúng Tỳ-kheo này vui mừng nhảy nhót được điều chưa từng có, đều đem hoa này dâng rải lên Phật và các Bồ-tát. Đã rải hoa rồi,**

**đồng phát nguyện rằng: "Chúng tôi dùng sức căn lành thù thắng đây, nguyện thường an trụ hạnh nhiệm mầu Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu thẳm, mau tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề."**

Phật bảo Kiều-thi-ca tức vua trời Đế-thích, Bồ-tát nào trụ hạnh thâm diệu Bát-nhã ba-la-mật-đa này, sẽ vượt hơn các quả vị Thanh văn, Độc giác, mau chóng viên mãn tất cả Phật pháp, tất cả tập khí đều dứt, được chóng thành quả Phật rốt ráo lợi ích trời người. Nghe Phật dạy như thế các vị trời đều vui mừng, thấy được chỗ tu hành thâm diệu, thấy lợi ích lớn lao giải thoát vô lượng hữu tình, đó là chỗ mong cầu của tất cả chúng sanh. Các Tỳ-kheo trong chúng hội cũng phát nguyện thường an trụ diệu hạnh Bát-nhã, mau chóng chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Đây là phẩm Kiên Cố, chủ yếu nói việc gì? Bồ-tát hành sâu Bát-nhã là hành pháp không kiên cố, vậy cái gì là kiên cố? Bồ-tát luôn quán sát các pháp không có tánh cố định, bản chất không bền chắc, luôn luôn như huyễn như hóa. Vì thấy rõ như thế nên tâm không chấp trước, không sợ hãi, đi đứng nằm ngồi đều hành sâu Bát-nhã, quán triệt để Bát-nhã, an trụ Bát-nhã chắc chắn như vậy là kiên cố. Bồ-tát này, dù có triệu triệu thứ ma đến phá cũng không lay chuyển, vì tâm kiên cố bất thối chuyển. Đây là trọng tâm để chúng ta hiểu rõ, tu hành không thối chuyển là nhờ thấy các pháp không thật, chỉ tạm có trên giả danh, tâm không dính, không bị pháp làm trở ngại, không có gì làm mình kinh sợ lui sụt. Như vậy, người biết tất cả pháp không kiên cố, người đó mới thật kiên cố./